

HT: THÍCH THIỀN TÂM



mây điêu  
**SEN THANH**

QUYEN 2

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

PHƯƠNG LIÊN TỊNH XỨ MẬT TỊNH ĐẠO TRÀNG

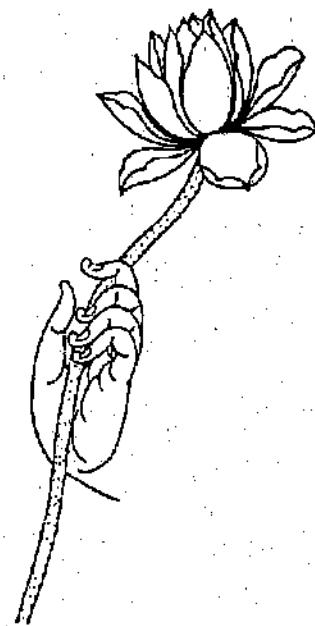
*Viết dịch: Hòa thượng Thích thượng Thiên hạ Tâm*

*M้าย Điệu  
Sen Chanh*

TẬP II



NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC



HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM  
NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC  
65 Tràng Thi - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội  
Email: nhaxuatbanhongduc65@gmail.com;  
Điện thoại: 024.39260024 Fax: 024.39260031

### MÃY ĐIỆU SEN THANH - TẬP 2

Tác giả: Phương liên tịnh xứ mặt tịnh đạo tráng –  
HT. Thích thượng Thiên hạ Tâm

Chủ trách nhiệm xuất bản  
Giám đốc BÙI VIỆT BẮC  
Chủ trách nhiệm nội dung  
*Tổng biên tập* LÝ BÁ TOÀN  
Biên tập: PHAN THỊ NGỌC MINH  
Sửa bản in: Hoàng Chuyên  
Trình bày: Thanh Duy

#### ĐỐI TÁC LIÊN KẾT

Phòng phát hành Kinh Sách & Văn hóa phẩm  
Phật Giáo Thanh Duy  
ĐC: 484 Tô Ngọc Vân, Tam Phú, Q.Thủ Đức, Tp.HCM  
ĐT: 028.37290620, Website: nhasachthanduy.com

In 3.000 cuốn, khổ 14.5 x 20.5 cm, tại Công ty TNHH cơ khí  
in Tuệ Mẫn 327 Đất Mới, khu phố 4, P.Bình Bình Trị Đông  
A, Quận Bình Tân, TP.HCM.

Số XNKKH: 1323 - 2018/CXBIPH/19 - 24/HĐ. Số QĐXB của  
NXB: 271/QĐ-NXBHD cấp ngày 21/4/2018. In xong và nộp  
trú chiêu năm 2018. Mã số sách tiêu chuẩn quốc tế (ISBN):  
978-604-89-3732-4.

*Mãy điệu sen thanh đài đất trời*

*Vang thành ánh ngọc nổi lên phượng*

PHẦN BA  
**TÚ CHÚNG VĂNG SANH**  
(Tiếp Theo)



## DIỆU HIỆP

**D**iệu Hiệp đại sư, người ở huyện Cầm tại Minh Châu. Ngài xuất gia khoảng cuối đời nhà Nguyên sang đầu triều Minh, nghiên cứu tinh tường về Thiên Thai giáo quán, chuyên tu môn Niệm Phật tam muội. Đại sư có soạn thuật hai quyển Niệm Phật Trực Chi, trong đó thiên Trực Chi Tâm Yêu phá vong hiền chán, biện giải đến chỗ tinh vi. Văn rằng:

“... Đức Thế Tôn thấy cõi Ta Bà có các sự khổ: sanh, già, bệnh, chết, nghiệp phiền não thiêu đốt buộc ràng, nên khuyên chúng hữu tình niệm Phật A Di Đà cầu sanh về Cực Lạc. Nhưng cách Phật lâu xa, con đường thánh đạo càng bị cò tranh khuất lấp. Nhiều người nghe nói: “Các pháp đều ở nơi tâm”, liền lầm nhận nghiệp vọng tưởng thuộc bóng duyên sáu trần trong thân là tâm mình. Do đó nên bảo: “Phật ở nơi đây, cõi Cực Lạc cũng ở trong ấy, không cần tìm cầu đâu xa!” Họ không biết thế huyền bóng duyên sáu

trần đó, thuộc về vọng tâm, vốn không bền chắc. Nếu tiền tràn tiêu tan, vọng tâm ấy liền diệt. Như thế, làm sao có cõi Cực Lạc ở trong đó được?

Có kè lại miến cưỡng bảo: "Các bậc ngộ đạo thấy tánh đều nói cõi Phật ở nơi tâm. Đã thấy tánh, lẽ đâu còn chấp bóng duyên của sáu trần nữa!" Các người ấy đâu biết rằng sự ngộ đạo thấy tánh đó, là ngộ được bản tâm chân thật, chứ không phải là vọng tâm như họ tưởng. Muốn ngộ được chân tâm ấy, phải thấu suốt tâm vọng thuộc bóng duyên sáu trần vốn ở trong huyền thân, huyền thân lại ở trong thế giới, và tất cả thế giới thật lành hoặc nhơ ác đều ở trong hư không. Thế hư không ấy tuy bao gồm tất cả y báo chánh báo của mười phương, rộng lớn không ngần me, nhưng lại ở trong chân tâm sáng suốt bất động vô cùng vô tận của ta, ví như một cụm mây nhò điểm lơ lửng giữa khoáng thái thanh bao la lặng lẽ. Chân tâm đã rộng lớn như thế, làm sao tất cả mười phương thế giới hoặc nhơ hoặc sạch lại không ở trong tâm? Thế thì đức Phật hoặc các bậc ngộ đạo nói các pháp ở nơi tâm, là chỉ cho chân tâm đó, chứ không phải vọng tâm thuộc bóng duyên sáu trần trong huyền thân này đâu! Chân tâm ấy vượt niêm hiểu biết, lìa sự thấy nghe, dứt hẳn các tướng sanh, diệt, thêm, bớt. Tất cả thế giới gồm thân chư Phật và chúng sanh đã ở trong chân tâm đó, thì cảnh Ta Bà cùng Cực Lạc đều là tâm của ta. Cho nên các hữu tình ở trong đó tùy ý bỏ đông cầu tây, chán cõi nhơ thích cảnh sạch, dù có trước tướng, vẫn không lìa ngoài chân tâm.

Bởi thế, khi cảnh tướng đẹp của cõi Cực Lạc và đức A Di Đà hiện ra, tức từ tâm ta hiển lộ. Và khi tâm ta hiển lộ thì đức A Di Đà hiện ra. Tâm ta là tâm đức Phật kia, đức

Phật kia là Phật của tâm ta, đồng một thể không khác, nên gọi "duy tâm Tịnh độ, bản tánh Di Đà". Cho nên khi nói duy tâm hay bản tánh, chẳng phải chỉ cho cái vọng tâm sanh diệt thuộc bóng duyên sáu trần trong huyền thân. Và ở phương Tây chẳng phải không có cõi Cực Lạc cùng đức A Di Đà, mà nói không cần tìm cầu. Cầu đức Phật kia chính là cầu tâm mình, muốn sớm ngộ chân tâm mình, phải cầu đức Phật kia. Thế thì tại sao đời nay các nhà thức giả vừa mới biết chút ít lý thiền, những tăng sĩ nông cạn phá rối Phật pháp, không nghiên tâm sâu chân lý để ngộ cảnh túc là tâm? Mà trở lại ở trong môn Bất nhị, họ chia trong chia ngoài, phân tâm phân cảnh, dạy người tìm trong bỏ ngoài, lìa cảnh để cầu tâm, khiến lòng thương ghét thêm rộng nhiều, niệm phân biệt càng sâu đậm? Khi phân chia cảnh, thì cho cõi Cực Lạc ở ngoài, dạy người chẳng nên cầu vãng sanh ... Và khi phân chia tâm, lại làm nhận vọng thức là tâm, bảo cõi Cực Lạc ở trong đó. Càng sai lầm hơn nữa, họ cho chân tâm là rỗng không, lìa tất cả cảnh tướng nhân quả lành dữ tội phước, nên từ đó muốn tỏ ra mình là vô ngại, lại buông lung theo duyên đời, dạy người không cần lễ Phật. Tụng kinh, sám nguyện, tu phước bảo là trước tướng. Đối với cảnh Thiên cung, Địa ngục và các cõi Tịnh độ, tuy nghe trong kinh nói đến, nhưng vì mắt phàm không thấy, họ bác hẳn nói không có, cho lời kinh là quyền thuyết. Họ lại bảo cảnh vui hiện tại, hay một niệm vui troi là Thiên đường, cảnh khổ trước mắt, hoặc một niệm phiền não là Địa ngục. Sự hiểu biết cạn nông nổi như trên, thật đáng thương xót!

Phải biết tâm ta cùng tâm Phật đồng một chân thể. Đức A Di Đà chứng ngộ đầy đủ tâm ấy, nên phóng ánh sáng oai

đức soi khắp mười phương, dùng súc nguyện thương xót rộng sâu nhiếp lấy những chúng sanh niệm Phật. Ta tuy đồng một tâm thế với Phật, nhưng bởi bị súc nghiệp vô minh phiền não che lấp buộc ràng, chưa chứng ngộ được bản tâm, nên cần phải tu tất cả hạnh lành, và niệm Phật để cầu sanh Cực Lạc. Vì tất cả pháp chẳng phải khác, nên muôn hạnh đều hướng về chân tâm, đều trôi về biển Phật. Bởi tất cả pháp chẳng phải đồng, nên tuy cùng một tâm thế, vẫn có thiện có ác, có uế có tịnh, thì ở địa vị phàm phu phải bỏ ác cầu thiện, bỏ uế cầu tịnh, phát nguyện cầu sanh để mau chứng quả chân tâm. Khi tu hành như thế, ví như một giọt nước gieo vào biển, tất cả sẽ đồng một vị một thể với biển cả. Lúc được chứng ngộ toàn thể chân tâm, thì trong ánh đại quang minh sẽ thấy tất cả cảnh tướng thiện ác nhơ sạch ở mười phương thế giới đều như bóng như huyền, sanh diệt không dừng. Sự thiện ác nhơ sạch sanh diệt như huyền áy, cũng tức là tâm, nhưng không làm ngại đến tâm thế đại quang minh, như một cụm mây nhỏ không làm ngại đến hư không bao la rộng rãi. Chứng ngộ được như thế mới có thể nói là vô ngại.

Đa số hàng thiện tín nơi thôn ấp quê mùa, tuy không thông hiểu Phật lý, nhưng vì tin có Phật và cõi Cực Lạc, chuyên tâm làm lành phát nguyện niệm Phật, nên khi lâm chung được sự lợi ích vãng sanh, lên ngôi Bất thối chuyển, mau chứng quả Đại bồ đề. Trái lại người có chút ít học thức thông minh, bởi chưa thấu suốt lý tánh, bác sự tướng, trệ vào thiên không, dù tu đạo hạnh, kết cuộc lại lạc vào vòng ngoại đạo, chìm trong nẻo luân hồi. Cho nên hàng Phật tử chân chánh, về chư Tín phải tin có tội phước nhân quả, có Địa ngục Thiên đường, có mười phương Tịnh độ. Về chư

Nguyện, nên phát tâm cầu sanh Cực Lạc, để sớm thoát ly nỗi khổ ở Ta Bà, mau chứng ngộ bản tâm, khởi sự luân hồi sống chét, rồi độ tất cả chúng sanh đồng thành Phật quả. Về chư Hạnh, phải hiếu dưỡng cha mẹ, kính thờ sư trưởng, tu các nghiệp lành, thọ trì tam quy, giữ gìn giới phàm, phát lòng Bồ đề, tụng kinh niệm Phật, khuyên người tu hành, đem tất cả công đức ấy hồi hướng về Tây phương. Phải nghĩ mạng người vô thường, chỉ mong mạnh trong hơi thở, việc thế tục quanh quẩn buộc ràng, móc nối nhau không dứt. Nếu chẳng phát tâm mạnh mẽ, cắt một dao cho đứt đoạn, nhảy hết súc để vượt qua, thì biết chừng nào mới được an nhàn giải thoát? Nay tôi thiết tha đánh lě, kính khuyên các Phật tử, nên một lòng thật ngộ thật tu, nguyện ngày kia đồng làm bạn lành nơi cõi Liên hoa thế giới ...”

Về sau khi lâm chung, đại sự biết ngày giờ trước, an tường niệm Phật mà vãng sanh.



## MINH CHỨNG

 hích Minh Chứng tự Vô Trần, họ Ngụy, quê ở Cối Khê. Tánh ông thuần giản ít nói, thuở bé không thích mùi tanh của thịt cá, thường muôn xuất gia. Đến mười lăm tuổi nhân sang viếng cảnh chùa làng gần bên, ông gặp một vị lão tăng mày lớn lông mi thưa dài, mới diện kiến có cảm giác như đã quen biết nhau từ

trước. Hồi ra thì lão tăng ở non Ngũ Đài vừa đến, ông liền nương theo xin làm đệ tử. Lão tăng bảo: “Ba năm sau người mới có thể xuống tóc. Hiện thời phải gắng khổ hạnh làm công quả trong chùa, và học tập các kinh điển trước”.

Từ đó Minh Chứng đến tòng lâm, làm các việc nặng nhọc, học chú Lăng Nghiêm, mỗi ngày học thuộc lòng một chữ. Ban đêm thì lễ đức Quán Thế Âm, có khi lạy luôn tới sáng không nằm nghỉ. Trải ba năm như thế, việc tụng chú vừa xong, bỗng bị bệnh bảy ngày, cả mình đau nhức dường như thay đổi gân cốt. Khi bình lành trí huệ chợt mở sáng thì lão tăng ở non Ngũ Đài cũng vừa đến, vì xuống tóc, hội chúng lại, truyền cho giới Cụ túc, lại dạy trọn đời phải tụng kinh Pháp Hoa. Minh Chứng liền giờ kinh ra tụng, thấy thông suốt không trệ, dường như đã có học tập từ lâu. Kế tiếp tụng sang các kinh như: Hoa Nghiêm, Niết Bàn, cũng đều thông thuộc. Sư liền đến đánh lễ lão tăng và bạch rằng: “Con nguyễn suốt đời đi khất thực cúng dường thầy để báo ân đức!” Nhưng ngay đêm ấy lão tăng bỗng đi đâu mất. Vâng theo lời thầy, mỗi ngày Minh Chứng đều tụng một bộ Pháp Hoa, ngoài y bát ra không chứa đê món chi, có người cúng dường liền tùy duyên thí xả. Sư vốn ít nói, ai hỏi đến chỉ mím cười mà thôi.

Nắng lại mưa qua, tu hành một mục như thế trải đúng ba chục năm. Một hôm sau khi tụng kinh xong, sư có vẻ ủ dột không vui, đệ tử hỏi duyên cớ, đáp rằng: “Ta trì tụng một đời mục đích cầu sanh Tịnh độ, nay sao còn đọa vào vòng phuрук báo hồng trần?” Do đó lại tinh tấn tụng niệm thêm ba năm nữa. Ngày nọ sư bỗng vỗ bàn cười lớn bảo: “Ta đã được đến thế giới hoa sen, thoát ly cõi bụi hồng, từ nay không còn bị nghiệp duyên ràng buộc!” Hôm sau Minh

Chứng liền đến chùa Vân Thê yết kiến Liên Trì đại sư. Khi trở về đến một bờ suối, sư gọi thị giả dặn: “Con hãy đi thông tin trước cho hàng đệ tử biết, ngày mai thầy sẽ vãng sanh”. Hôm sau khi các đồ đệ đã tập họp, Minh Chứng hỏi: “Hiện tại là mấy giờ?” Một vị đáp: “Vừa đến giờ ngọ!” Sư liền bão nấu nước cho mình tắm gội, xong liền đáp y ngồi niêm Phật, rồi tụng sang danh hiệu Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, bỗng chợt nhắm mắt nín lặng. Lúc ấy mọi người lại nghe giữa hư không có tiếng niệm: Nam mô Thanh Tịnh Đại Hài Chứng Bồ Tát, rất rành rẽ rõ ràng. Hàng đệ tử xem lại thì sư đã chấp tay viên tịch như vào thiền định, mùi hương lạ bay thơm bát ngát.

Bảy hôm sau, các đệ tử mở bao khám ra thấy dung nghi của sư còn tươi như sống. Bấy giờ nhằm năm Vạn Lịch thứ 21 đời Minh, sư hưởng dương được năm mươi tuổi. Một đệ tử của Minh Chứng là Chơn Định, tự Tịnh Minh, cũng theo lời thầy dạy siêng năng niệm Phật, cầu sanh Tịnh độ. Ngoài ra còn kiêm lễ bái các kinh Pháp Hoa, Hoa Nghiêm, tạo tượng trai tăng, tu các khổ hạnh. Đến bảy mươi hai tuổi, sư cũng biết ngày giờ trước, ngồi day mặt về Tây niệm Phật mà hóa.



## KHÔNG CỐC



hông Cốc thiền sư, pháp danh Cảnh Long, tự Tô Đình, con nhà họ Trần ở Tô Châu. Lúc thơ áu ngài đã không chịu ăn thịt cá, ua ngồi xếp vế ngay thẳng trạng như thiền định. Lớn lên theo Lại Vân hòa thượng ở Biển Sơn, tham khấu về đại pháp. Năm hai mươi tám tuổi, xuất gia ở chùa Hồ Khâu.

Trong niên hiệu Hồng Hi đời Minh, thiền sư được cấp đieder làm tăng, y chỉ với Thạch Am hòa thượng ở chùa Linh Ân tại Hàng Châu. Kế đó ngài lên núi Thiên Mục khắc khổ tham cùu, một hôm bỗng nhiên thức tỉnh, đem chõ tò ngộ về cầu chứng với Hòa thượng Lại Vân, được mong án khả. Thiền sư đã đề xướng tông Trực Chi, lại kiêm hoằng dương môn Niệm Phật, từng làm thi Tịnh độ một trăm lẻ tám bài. Có người hỏi ý kiến về Tứ liệu giản của Tô Vĩnh Minh. Ngài đáp: "Người tham thiền nắm giữ một câu thoại đầu, tự cho ngoài công phu thủ tịnh ra, không còn việc chi khác. Sự niệm Phật vãng sanh cho đến hai thời khóa tụng, họ đều chẳng thật hành. Đây gọi là: Có Thiền không Tịnh độ vậy. Lối tham thiền như thế cũng chưa phải là chánh khí, vì chỉ giữ chết câu thoại đầu chẳng khác gì ngồi gõ, đát đá. Vướng mắc vào chứng bình này, trong mười người đã hết tám chín, không làm sao cùu vân được! Bậc chân thật ngộ thiền cơ, thì ứng dụng không ngại, như trái bần trên mặt nước đựng đến liền lăn tròn, chẳng dính mắc vào đâu cả. Tham thiền như thế, không khinh sự niệm Phật vãng sanh, cũng không bỏ hai thời khóa tụng, xây qua day lại chõ nào cũng là đạo. Đây gọi là: Có Thiền có Tịnh độ vậy!"

Thiền sư lại bảo: "Pháp môn Tịnh độ là đường lối tu hành thẳng tắt. Hành giả nên xét thân người chẳng bền, cuộc đời như huyền, duy câu niệm Phật có thể nhở cậy, coi Cực Lạc là đáng nương về. Vì thế phải giữ chắc câu hồng danh như bồn mạng, hoặc niệm mau niệm chậm, cao tiếng thấp tiếng, thân tâm nhàn đậm thầm niệm chẳng quên, động tĩnh hướn gấp thường hăng không khác. Hành trì như thế ngày kia chạm cảnh gặp duyên bỗng ngộ tánh bản lai, mới biết Tịch quang Tịnh độ không lìa cảnh, A Di Đà Phật chẳng ngoài tâm mình. Nếu khởi tâm cầu tò ngộ lại trở thành chướng ngại. Chỉ dùng lòng tin làm căn bản, tất cả tạp niệm đều chẳng tùy theo. Niệm như thế dù không tò ngộ, khi mạng chung cũng được vãng sanh, theo gai cấp tiến tu, không còn bị thối chuyển".

Về sau, vì không có duyên tham khảo, chẳng biết ngày lâm chung của thiền sư như thế nào?



## ĐỨC THANH

Đức Thanh đại sư, tự Trừng Ân, lúc lớn tuổi lấy hiệu là Hám Sơn lão nhơn, con nhà họ Thái ở Kim Lăng. Bà mẹ nằm mộng thấy Quán Thế Âm Bồ Tát bỗng đứa đồng tử trao cho mà mang thai ngài. Đến khi sanh ra, có hai lớp bọc trắng. Năm mươi chín tuổi ngài xuất gia, chuyên tâm niệm Phật. Một đêm đại s

mộng thấy đức A Di Đà hiện thân đứng giữa hư không, về phía mặt trời lặn. Tướng Phật mày mắt rõ ràng, sáng suốt trang nghiêm, từ đó thường hiển hiện trước mặt. Kế tiếp ngài đến non Ngũ Đài tu thiền ngộ được bàn tâm, phát nguyện chích máu tả kinh Hoa Nghiêm, mỗi nét bút niêm Phật một câu. Lâu ngày động tĩnh đều như một.

Năm Vạn Lịch thứ mười đời nhà Minh, đại sư trụ tích tại Lao Sơn. Lý Thái hậu nghe danh mến đức, xuất tiền của cho người đến cất chùa, từ bảng hiệu là Hải Ân Tự. Bấy giờ Thái hậu thường sai quan Trung sứ đi tu tạo chùa tháp các nơi. Trong hàng quyền quý có kẻ hiềm khích với quan Trung sứ, lập mưu xúi nhóm đạo sĩ phái Đông Xưởng đánh trống đưa đòn đầu cáo, nói ông xâm chiếm đạo viện sửa làm cảnh chùa. Việc ấy gây liên lụy đến đại sư, ngài bị truất bỏ tăng phục, đày tới Lôi Châu. Khi từ giã đại chúng ra đi, Ngài vẫn an nhiên, viết lời kệ tò ý chí rằng:

*Cà sa cõi lớp đổi nhung trang  
Tùy tiện nơi đâu cũng đạo tràng!  
Đâu gặp cảnh duyên đường lừa đỏ  
Tâm lòng băng tuyết để chi tan?*

Tùy chỗ đi đến, đại sư vẫn mang lớp tục trang thuyết pháp, lại phát nguyện hoằng dương kinh đại thừa, sớ luận các bộ như: Lăng Nghiêm, Lăng Già, Viên Giác. Năm Vạn Lịch thứ bốn mươi hai, ngài được ân chiêu xá tội và cho hoàn tăng phục. Trên đường về qua Lô Sơn, đại sư thích cảnh thanh u, kết am ở dưới ngọn Ngũ Nhũ Phong, noi theo gương Viễn Công, đào hòi trồng sen, phân định thời khắc tu Tịnh độ rất tinh tấn.

Bấy giờ có vị tu thiền ở Hải Dương, trong khi cầu thọ giới pháp, nhân hỏi về yếu chỉ Tịnh độ. Đại sư bảo: "Đức Thế Tôn chỉ dạy nhiều phương tiện tu hành để ra khỏi vòng sống chết luân hồi, tiến lên Phật quả. Tự trung duy có môn Niệm Phật cầu sanh Tịnh độ, là rất thiết yếu mau lẹ. Pháp môn này không ai thừa hỏi mà đức Phật tự nói, dù thấy tầm mức quan trọng đến đường nào! Môn ấy trùm khắp ba căn, thâu cả bốn chúng, không phải quyền tiện vì bậc hạ căn mà lập ra. Kinh nói: "*Muốn thanh tịnh cõi Phật, trước thanh tịnh tâm mình!*" Cho nên người tu Tịnh độ phải lấy tịnh tâm làm căn bản. Muốn tâm được thanh tịnh, điều cần nhứt là giữ giới căn cho trong sạch. Các giới tuy nhiều, nhưng yêu ước lại không ngoài ba nghiệp của thân, bốn nghiệp của miệng và ba nghiệp của ý. Giữ mười nghiệp này sạch lành, là chánh nhân của Thiên cung. Tịnh độ, trái lại là nhân của nோ khô tam đồ. Dùng tâm giữ giới thanh tịnh như thế, khởi lòng bi cảm nhảm chán nỗi khô nhơ ác ở Ta Bà, phát nguyện cầu sanh Cực Lạc để mau thành đạo quả độ mình độ loài hữu tình, mà lập chánh hạnh niêm Phật. Cách thức niêm Phật lại tùy tiện theo căn cảnh của mỗi người, nhưng cần phải thật tâm thật hạnh mới đem đến hiệu quả thiết thật!"

Lại có cư sĩ Tịnh Tâm đến xin chỉ dạy, hỏi: "Tại sao có nhiều người niệm Phật không tinh tấn và khó thành một khôi?" Đại sư khai thi: "Điểm quan yếu bậc nhất của sự tu hành là: tha thiết vì thoát ly nỗi khô sống chết luân hồi. Nếu không tha thiết nghĩ đến điều này, thì làm sao có thể niệm Phật tinh tấn và thành một khôi được? Chúng sanh từ vô lượng kiếp đến nay, mỗi niệm buông theo vọng tưởng, gốc tình ái bám sâu, ngay ở cõi người vui ít khổ nhiều, còn

trong nேo luân hồi thì sanh lேn cõi nhơn thiên như đât noi móng tay, đọa xuống ba đường ác như đât miền đại địa! Cô nhơn đã bảo: "Tam đồ một đọa ngàn muôn kiếp. Tái phục nhơn thân biết lúc nào?" Nếu trong đời này không thống thiết vì sự khổ sống chét luân hồi, mỗi niệm vẫn theo tình nhiễm, muốn đem lòng tin hời hột niệm Phật để cầu thoát ly, thì khác nào mong dùng một gáo nước để cứu muôn xe lửa đó? Tu hành như thế chỉ e khi mất thân người khó bê lại được, một phen bê trễ tiếc hận lâu dài! Vậy phải phát lòng tinh tấn, dùng hạnh niệm Phật vượt phá muôn ngàn vọng tưởng, tùy thời tùy chỗ đều giữ cho câu Phật hiệu được hiện tiền. Quyết tâm hạ công phu khổ thiết như thế, lâu ngày sẽ được thuần thực tương ứng, và câu niệm Phật tự thành một khói. Việc này toàn do noi mình suy gẫm và hết lòng gắng sức. Nếu đem câu niệm Phật làm hình thức bên ngoài, chắc chắn khó mong có ngày được vãng sanh giải thoát!"

Đại sư ở Lô Sơn được mấy năm rồi sang trụ tích tại Tào Khê. Tháng mười niên hiệu Thiên Khải thứ ba, ngài cảm biến nhẹ, bảo người rằng: "Lão Tăng duyên đời đã sắp hết!" Rồi tặc gội đốt hương, ngồi ngay thẳng mà viên tịch. Lúc ấy có ánh sáng chói hùng trời. Đại sư hưởng thọ được bảy mươi tám tuổi.



## VÔ DANH TĂNG



Ô Danh Tăng người đời Thanh, thường ở huyện Hồ Quảng tại Hoàng Châu, chưa được rõ danh tánh. Sư chuyên niệm Phật ngày đêm không dứt, gặp ai cũng đều xưng A Di Đà Phật.

Niên hiệu Sùng Trinh thứ mười sáu, lúc quan Tổng binh Huỳnh Đanh trấn thủ Hoàng Châu, sư lớn tiếng niệm Phật xông ra ngăn đường, bị quân lính bắt đem vào thành. Vừa đâu giặc Trương Hiến Trung đánh phá Hoàng Châu, nửa đêm sư ngồi trên tường thành cao tiếng niệm Phật. Quân sĩ ngủ không được, giận lầm trói liệng xuống thành. Giây phút nghe tiếng sư ngồi trên thành niệm Phật y như cũ. Như thế tất cả bốn lần, hễ liệng xuống thành đồng lại lên thành tây, liệng xuống thành nam lại lên thành bắc. Quân sĩ đều kinh ngạc không dám xem thường, quan Tổng binh nghe biết liền mời đến kính lễ.

Ở vùng ấy năm đó thất mùa lúa, người ăn thịt lẫn nhau. Sư ra ngoài thành bị dân đói cầm dao rượt theo xin xá mạng. Sư cởi áo ra, bảo chúng rằng: "Xin hãy đợi tôi niệm Phật đủ một ngàn câu, rồi sẽ ăn thịt!" Nhưng khi vừa niệm được ba trăm câu, chúng gấp muôn chém, bỗng thấy thần binh từ hư không bay xuống. Dân đói đang kinh hãi chạy tứ tán, thì quân sĩ đã thấy sư ở trong thành rồi.

Thợ săn ở núi gần đó bẫy được một con hổ rất to. Sư tìm đến muôn xin chuộc mạng phóng sanh. Họ đòi ba mươi lượng vàng, sư nói mình chỉ có bốn lượng. Thợ săn bảo: "Nếu ông nói tất cả chúng sanh đều có Phật tính, thì hãy

năm tai con hổ này xoay ba vòng, chúng tôi sẽ giao nó cho, không lấy tiền". Sư thợ ký cho con hổ, rồi năm tai nó xoay ba vòng. Thợ săn phải ý theo lời hứa, giao cho rồi bỏ đi. Sư tháo cùi ra, con hổ quanh quẩn theo một bên, không chịu đi. Sư bèn dẫn nó vào hang động Kim Cang ở núi Hoàng Ma, cùng nhau nương ở. Tuần phủ Lư Tượng Thăng cùng quan Đốc binh đi qua Hoàng Châu, tìm đến núi thăm viếng và muốn thấy con hổ. Sư gọi, nó thò đầu ra ngoài cửa song. Hai vị muốn thấy toàn thân, hổ liền rống to một tiếng nhảy ra. Quan Tuần phủ cũng nạp lỗ xin làm đệ tử, rồi từ giã ra về. Một ngày nọ sư đi khất thực giữa đường, thấy con gà, liền cao tiếng niệm Phật, gà cũng tùy tiếng mà niệm theo.

Năm Thuận Trị thứ bảy, sư sang Võ Lâm, đường đi trải qua cửa Bạch Môn, ngủ ở một gian phòng bên sông Tân Hoài. Lúc ấy nhầm tiết Đoan Dương, du thuyền qua lại tấp nập, tiếng ca nhạc vang lừng. Sư thấy trong một du thuyền có Tiên Sinh nguyên là đệ tử quy y của mình, liền lớn tiếng gọi: "Tiền A Di Đà Phật!" Tiên Sinh nghe thấy liền ghé thuyền lên bờ chấp tay kính chào. Sư hỏi những bạn đồng du, sau khi biết tên họ, liền cất tiếng khóc lớn nói: "Chúng sanh lấy khổ làm vui, đến như thế ư?" Tiên Sanh khẩn cầu chỉ dạy đường yếu tu hành. Sư bảo: "Chi nên nhứt tâm niệm A Di Đà Phật cầu sanh Cực Lạc!" Lại dặn: "Khi ta đi rồi, nếu người có chỗ nghiêng nên đến hỏi đại sư Giác Lãng. Đó là bậc người đạo nhân sáng suốt!" Về sau, không biết chung cuộc của sư như thế nào.

Giác Lãng đại sư pháp danh Đạo Thành, từng chủ trì đạo tràng Thiên Giới ở Kim Lăng, chùa Sùng Quang ở Hàng Châu, tông phong rất hưng vượng.

## ĐẠI KÌNH



hích Đại Kinh tự Xung Phù, họ Biên, người ở Thiệu Hưng, huyện Gia Khái. Lúc thơ áu, ông xuất gia tại chùa Đại Hùng ở bản ấp. Lớn lên, nghe sự truyền giáo của ngài Liên Trì, sư vượt suối non tìm đến chùa Vân Thế đảnh lễ cầu pháp. Cơ duyên hợp nhau, Đại Kinh nguyện trọn đời quy tâm Tịnh độ.

Tuổi về già, sư trụ tích ở Thiên đường Đại Thiện. Tánh ưa thích kinh Hoa Nghiêm, hàng ngày mỗi thời đều tụng vài quyển rồi mới niệm Phật. Sư có làm một trăm lẻ tám bài thi Hoài Tịnh Độ, nay xin trích lục bốn bài như sau:

### I

*Giồng Phật tùy duyên vượt đất mê  
Cài thêm câu niệm mãi đơn đè.  
Luyện thân nhẹ được đồng tiên hạc  
Cực Lạc bay ngang thẳng lỗi về!*

### II

*Cười phận sơn tăng cũng thật thà  
Nặng lòng lắm cảm tháng năm qua.  
Gặp người duy nói đường tu tĩnh  
Chi bảo đành rành một sát na.*

### III

*Rặng luối suối tuôn tiếng Phật hoài  
Tuổi già khổ tận đến cam lai.*

*Đài vàng lì thấy điềm hòe cỏ  
Lại gắng chuyên cần oán trách ai?*

IV

*Tâm yên bỗng khởi niệm Di Đà  
Nước lặng đều đều gợn bích ba.  
Muôn niệm tan về nơi chẳng niệm  
Mà trong vô niệm, niệm hằng sa!*

Tháng mười một năm Thuận Trị thứ sáu, sư nhiễm bệnh, dự biết giờ lâm chung, cầm bút ghi lại dặn dò hậu sự. Đến thời, tắm gội thay y phục, ngồi hướng về Tây niệm Phật mà hóa.



## KIẾN NGUYỆT

**K**iến Nguyệt luật sư, pháp hiệu Độc Thể, họ Hứa. Tô phụ ông quê ở Cú Dung miền Giang Nam, tòng quân tại Điện Sầm, do công trạng được làm Chi huy sứ, mới di cư về Sò Hùng. Ông không muốn tập âm theo quan chức của cha, bỏ nhà đến Xích Đảng Nham tại Kiếm Châu tu chân ba năm.

Một hôm ông gặp lại vị lão tăng trao tặng cho bộ

kinh Hoa Nghiêm. Sau khi đọc xong, ông đại ngộ, liền xuất gia, thọ giới Cụ túc nơi Tam Muội Quang luật sư. Ngài Tam Muội Quang là vị Sơ tổ về Luật tông chùa núi Bảo Hoa. Khi sắp viên tịch, ngài truyền y bát cho Kiến Nguyệt Luật sư làm vị Tổ đời thứ hai. Luật sư từng tu môn Bát Chu Tam Muội, trong vòng chín mươi ngày đêm chuyên tâm niệm Phật, không ngồi, không nằm, không nương tựa vào vách. Hàng tăng tục bốn phương đều cảm phục nương về. Các nơi đền lê thỉnh cầu mở đàn truyền giới, không tháng nào trống sót.

Ngày nọ luật sư cảm bệnh nhẹ, gọi đồ chúng bảo: “Chớ lo việc thuốc thang. Sau bảy ngày ta sẽ đi xa!” Đến kỳ hạn, ngồi yên lặng mà tịch, thọ bảy mươi chín tuổi. Khi trà tỳ, đại chúng thấy hoa sen và tướng Phật từ trong ngọn lửa bay lên liên tiếp. Hôm sau, bối tro kiềm được hơn một thăng xá lợi năm sắc.



## MINH HOÀNG

 hích Minh Hoàng tự Mai Phương, người đời Thanh, quê ở Hàng Châu. Lúc niên thiếu cha mẹ cưới vợ cho, ông bò nhả chốn đi. Bà mẹ thương khóc đến mù cả đôi mắt. Sau cha mẹ nối tiếp nhau qua đời, ông mới vào am Di Đà ở Kha Kiều mà xuống tóc xuất gia.

Từ đó sư đi tha phương hỏi đạo, học tập về Thiên Thai Giáo Quán. Kế tiếp chuyên tu thiền mấy năm, có chỗ tò ngộ. Sau sư duyệt xem tặng kinh tại chùa Vạn Niên ở núi Thiên Thai. Lâu ngày đôi mắt đều lao tồn, lần lần bị mù. Sư nói với đồng bạn: "Đây là quả báo do tôi trái với lòng từ ái của thân mẫu xui nên!" Từ đó Minh Hoàng một lòng chuyên niệm Phật, dù trái tiết lạnh nóng cũng không biếng trễ gián đoạn. Sư từng bảo: "Tôi nhân bị mù, mới càng tinh ngộ và được sự lợi ích rất lớn của môn Niệm Phật!" Bình thời, sư chỉ một bát một tích trượng, không ở chỗ nào lâu, được của cúng dường liền tùy duyên bố thí cho kẻ nghèo thiêu. Tự Tề thương hơn quen biết sư nhiều, từng khen ngợi rằng: "Đại đức Minh Hoàng quyết định được sanh về Tịnh độ, vì ông có ba điểm chân thật. Đó là: thật giải thoát, không quyến niêm vào đâu; thật sạch sẽ, không chứa gút tiền của vật dụng; và thật tinh tấn, niệm Phật không hề gián đoạn trễ thời".

Tháng chín niên hiệu Ung Chánh thứ năm, Tự Tề đại sư tổ chức kỳ Niệm Phật Thất tại chùa Phạm Thiên, có mời Minh Hoàng tham dự. Trong kỳ thất sư bị bệnh kiết ly, nhưng vẫn trì danh không một chút biếng trễ. Mãn kỳ thất,

đến Trai Tăng Quán ở Vô Tích, bình càng thêm nặng. Một hôm sư cho khắp hàng thiện tín biết: ngày mai mình sẽ vãng sanh. Đúng thời, đại chúng các nơi tề tự đến. Sư liền ngồi dậy chắp tay niệm Phật mà hóa.



## VĂN NGÔN

 hích Văn Ngôn tự Siêu Nhiên, họ Phí, quê ở thôn Đông, huyện Gia Hưng. Thuở bé, ông không thích mùi vị thức ăn huyết nhục, thường ưa ngồi kiết già. Lên 7 tuổi, vào am Kỳ Viên non Linh Ân xin xuất gia.

Sư tánh người thuần hậu chất phác, họ giới Cụ túc noi Vân Lâm thiền sư. Ngài Vân Lâm khuyên tham câu thoại đầu, sư thưa: "Con căm tính tối chậm, không thể tham cứu, chỉ biết niệm Phật mà thôi!" Thiền sư bảo: "Như thế cũng được, niệm Phật có thể mau thoát vòng sanh tử!" Từ đó Văn Ngôn y theo lời dạy mà thật hành. Sư giữ giới hạnh tinh nghiêm, ngày đêm sáu thời chi trì danh hiệu Phật, không hỏi đến việc chi khác.

Ngày mùng hai tháng sáu năm Càn Long thứ hai, sư bỗng gọi đồ chúng đến bảo: "Ta sắp vãng sanh, phiền các ông niệm Phật để hộ tống". Liền nói kệ rằng:

*Bảy mươi bảy tuổi mãn duyên trần  
Tin tức quê xưa được thật chân.  
Đứt cả hai đầu duyên đổi đãi  
Liên Hoa thế giới gởi tinh thần!*

Thuyết kệ xong, lại bảo: "Thế nào là tin tức chân thật?"  
Rồi mím cười, chắp tay niệm Phật mà hóa.



## **ĐẠO TRIỆT**

T hích Đạo Triệt, người ở Tiền Đường, xuất gia nơi chùa An Ân tại đinh Bán Sơn. Ban sơ, sư phỏng đạo với các bậc thiền lão ở chùa Cao Môn và Sùng Phước. Sau thời gian tham cứu, Đạo Triệt phát ngộ được tánh bản lai. Ké đó lại chuyên hướng chuyên tu về Tịnh độ.

Thời gian sau, sư đến ở am Văn Thủ gần cầu Đã Phạn ngoài cửa bắc thành Hàng Châu bốn mươi dặm. Nơi đây, Đạo Triệt đóng cửa định kỳ hạn nhập thất. Trong thất không để vật chi bè bộn, ngoài bàn Phật chỉ có một ghế, một giường nằm mà thôi. Kiết thất được vài hôm, bỗng vướng bệnh càng lúc càng khốn đốn. Sư phần chán tự bảo: "Tu hành chính vì giải thoát sự khổ sống chết luân hồi, tại sao lại nhân chút bệnh mà ngưng bò?" Rồi quyết liều mình buông xả thân tâm, niệm Phật rất chí thiết. May mắn sau

bỗng có kim quang chiếu sáng cả thất. Trong quang minh đức A Di Đà hiện thân, đưa tay vàng xoa đầu, con bịnh liền tiêu tan, thân thể thêm khỏe mạnh. Từ đó sư được Niệm Phật tam muội, đi đứng nằm ngồi đều không khởi vọng niệm. Sau ba năm như thế, vào ngày rằm tháng ba, sư ra thất. Đại chúng thỉnh lên tòa thuyết pháp. Khai thị xong, sư bảo chúng rằng: "Sau ngày rằm tháng bảy tới, tôi sẽ về Tây phương. Vào thời gian đó, xin đại chúng đến niệm Phật để trợ duyên!"

Thời kỳ hạn chúng tề tụ về, thấy Đạo Triệt đang thiết lễ Vu Lan Bồn. Trong chúng có vài vị thay mặt đến nhắc lại lời nói khi trước. Sư bảo: "Việc ấy quá có, nhưng xin hãy đồng dự hội Vu Lan, nán đợi vài hôm nữa". Rạng ngày, Đạo Triệt cho mời vị Tăng quen ở chùa Sùng Phước đến, xin thay làm Trụ trì am Văn Thủ. Ngày kế, thiết tiệc chay từ giã đại chúng. Đến giờ ngọ, vào bảo khám ngồi nhắm mắt mà thoát hóa. Giây phút bỗng tỉnh lại, gọi chúng bảo rằng: "Nay tôi cùng chư vị vĩnh biệt, chẳng thể không có một đôi lời để niệm tình: Nỗi khổ ở Ta Bà vô cùng không thể nói hết, sự vui miên Cực Lạc cũng vô ngàn không thể diễn tả! Nếu các vị ghi khắc điều này, xin hãy gánh niệm A Di Đà Phật, tất ngày kia sẽ có cơ duyên gặp nhau. Như làm lạc đê lỡ qua kiếp này, thì phải sống trong đêm dài luân hồi sáu nẻo, thống khổ không cùng không tận! Hãy nhớ lấy! Nhớ lấy!" Nói xong liền viên tịch, hướng dương bốn mươi tám tuổi.

Lúc bấy giờ nhằm đời Thanh, niên hiệu Càn Long thứ mươi chín.



## THÀNH CHÚ

**T**hành Chú pháp sư tự Kiều Triệt, họ Quách, quê ở Đồng Sơn tại Từ Châu. Ngài xuất gia từ lúc ấu niên, đến hai mươi tuổi thọ giới Cụ túc nơi chùa núi Bảo Hoa. Sau khi đắc giới, pháp sư đi phỏng đạo các phuơng cao đức. Kế đó nôii dõi pháp tự cho Thạch Hầu thiền sư ở chùa Thiên Đồng. Không bao lâu lại phát tâm chuyên tu Tịnh độ.

Niên hiệu Càn Long thứ mươi hai, ngài trụ trì chùa Sư Lâm ở Tô Châu. Vua đi tuần du phuơng Nam có ghé lại chùa, sau khi đàm đạo, sắc phong cho ngài hiệu là Họa Thiền. Mỗi ngày đêm pháp sư xuất lãnh đại chúng niệm Phật bốn thời. Thường khi nén tắt hương tàn chúng đều lui đi, riêng ngài vẫn còn ngồi niệm Phật không dứt tiếng. Lắm lúc pháp sư lại ứng lời cầu thỉnh đi ngồi đàn Du già thí thực khắp nơi. Khi được của cúng dường, đều giao tất cả cho sư Giám viên lo việc tu tạo ngôi chùa. Chẳng bao lâu cảnh tự viện trong ngoài đều trở nên nguy nga trang hoàng rực rỡ, khôi phục lại phong thái hưng thạnh khi xưa.

Pháp sư không từng đặt lóng nằm nghỉ, mỗi nửa đêm đều tu Đại Bi sám pháp. Một hôm ngài đang kinh hành niệm Phật, chiếc mõ cầm tay chợt rơi xuống đất, bỗng rỗng rang đại ngộ. Từ đó mỗi khi ứng khẩu nói ra đều thành lời kệ tụng, như đã có học tập từ lâu. Pháp sư từng khai thị rằng: “Đẹp chắc néo vô sanh. Bốn bề mặt trời quanh. Lộ ra trước mọi người. Tỏ rõ chẳng bày phoi. Bán lai chân diện mục. Muôn việc đều Cụ túc. Mắt chạm đến các chỗ. Nơi nơi siêu Phật, Tổ. Lại có niêm Phật gần. Phuơng Tây cảnh

đẹp chân. Chỗ thai sen bảo dưỡng. Không cách điểm vi trần. Nếu thâu ý chi này. Nhọc chi tìm bên ngoài. Nghiệp thức tiêu tan hết. Vãng sanh tức tâm đây. Hoa khai được thấy. Phật. Muôn tượng vẽ xuân bày!” Khi cư sĩ đến hỏi pháp, ngài đều bảo: “Cõi Ta Bà nhớ khổ, ông nên niệm Phật theo bần tăng về Tây phuơng chăng?”

Tháng tư niênn hiệu Càn Long thứ 34, pháp sư bị bệnh hạ ly nằm luôn mấy ngày. Một hôm ngài gọi thị giả đến bảo: “Hãy đỡ ta ngồi dậy!” Lại sai đem nước vò quít cho mình uống. Xong ngồi ngay thăng niêm Phật một lúc mà vãng sanh, hưởng thọ được bảy mươi ba tuổi.



## PHÁP CHÂN

**P**háp Chân thiền sư tự Lăng Như, người ở Cao An tại Thoại Châu. Ngài đắc độ nơi Nguyên Văn hòa thượng ở Quán Khê, lúc còn trẻ tuổi. Sau khi thọ đại giới, thiền sư du phuơng đến miền Lãnh Nam và trú tích tại chùa Đơn Hà rất lâu.

Bình thời Pháp Chân tuy tham cứu thoại đâu, song vẫn mật tu Tịnh độ. Ngày nọ ngẫu nhiên cùng một thiền giả luận đến công án chữ Vô, bỗng khởi mối nghi trong thời gian lâu, rồi rỗng rang tinh ngộ. Thiền sư liền đến chùa Hải Tràng lễ bạch với Chánh Mục lão nhơn, cơ ngữ họp nhau,

được sự ân chung. Năm Càn Long thứ hai mươi, ngài nhận lời chúng cầu thỉnh, làm tọa chủ chùa Hải Tràng, vừa đề xướng Thiên tông kiêm hoằng dương Tịnh độ. Lúc lớn tuổi, thiền sư từ tạ mọi việc, đóng cửa nhập thất bên phía đông chùa, chuyên tâm niệm Phật. Dù gặp tiết lạnh nóng, ngài vẫn tu hành không trễ thời, tinh tấn như thế trải qua tám năm. Sau khi ra thất, đại chúng họp lại cầu xin khai thị. Thiền sư chỉ nói kệ rằng:

*Tiếng Phật tràng chau chuyển tháng ngày  
Vượt bùn sen mọc tốt tươi cây.  
Chuỗi tràng buông xuống hoa sen nở  
Cỗ Phật nguyên lai chặng ở Tây.*

Vào đầu tháng chín năm Càn Long thứ 38, thiền sư cảm bình nhẹ, gọi đệ tử đến dặn dò hậu sự. Đến giờ ngọ hôm sau, tập họp chúng niệm danh hiệu Phật. Khi cây hương cháy vừa hơn hai tấc, ngài ngồi yên lặng mà vãng sanh.



## HẰNG NHỨT

**T**ên húch Hằng Nhứt tự Thánh Học, họ Trầm, quê ở Vũ Tân tại Thường Châu. Sư xuất gia ở am Mâu Bồng nơi đình Khung Lung. Ban sơ Hằng Nhứt phỏng đạo với các bậc thiền lão chùa Cao Môn tại

Dương Châu. Kế đó lại nghiên tập Thiên Thai tông, thông suốt được tất cả giáo nghĩa.

Sư từng tĩnh tu ở Văn Tinh Các tại Tô Châu. Sau mang bệnh lạc huyết, đến tĩnh dưỡng nơi viện Hiền Nghĩa tại Bán Sơn thuộc Hàng Châu. Bệnh không thuyền giảm, sư dự biết giờ lâm chung, mở tiệc chay từ biệt các liên hữu, rồi niệm Phật mà qua đời. Lúc còn sanh tiền, Hàng Nhứt từng thuật với các đồng bạn rằng:

Có vị Tăng ở am nọ buông lung không giữ giới. Một sư bạn đồng giới khuyên nhắc mãi, song ông cũng không nghe. Sau ông bình nặng, cho mời bạn đến sám hối nói: "Bởi tôi không nghe lời khuyên ngăn nên mới đến nỗi này! Bây giờ biết làm sao?" Tăng hữu bảo: "Đức A Di Đà ở phương Tây có sức bàn thê. Nếu chúng sanh nào tạo nghiệp, xưng danh hiệu Ngài mười niệm, tất sẽ được tiếp dẫn. Vậy thầy có thể tin chặng?" Bình nhơn đáp: "Tin, nhưng ý chí năng lực suy bại, biết làm sao?" Tăng hữu nói: "Không ngại chi, tôi tự có phương tiện!" Rồi tràn thiết tượng Phật nơi đầu giường phía Tây, bảo bạn chăm chú nhìn chờ di động. Còn mình thì đốt hương cao tiếng niệm Phật, cầm tay bình nhơn dặn lắng nghe theo. Như thế trải qua ba ngày đêm. Bỗng người bình ngồi dậy tạ ơn bảo bạn rằng: "Mong ân đức Phật tiếp dẫn, tôi được sanh về Trung phẩm!" Nói xong chắp tay giã biệt, rồi nhắm mắt mà vãng sanh.



## PHẬT AN

 hích Phật An, tự Thệ Nguyên, người đời Thanh ở Tô Châu. Năm ông hơn ba mươi tuổi, nhà gần bên nhân đám cúng giết heo, khi mổ bụng ra, trên lá phổi con vật có hai chữ Tào Tháo. Thấy thế, ông kinh hãi tinh ngô, tin sâu thuyết nhân quả luân hồi, phát tâm vào am Thiên Trúc ở Tân Kiều, xuống tóc làm tăng.

Sau thời gian xuất gia không bao lâu, Phật An đến chùa Đại Vương ở Bắc Hào, chuyên tâm niệm Phật. Khi được tiền cúng dường, sư liền mua hương hoa dâng Phật, hoặc phóng sanh các loài chim cá. Năm Càn Long thứ 41, vào tháng ba, Phật An vương bình, sai đệ tử đến chùa Sư Lâm thỉnh chu Tăng lễ Tịnh độ. Sám ba ngày và lập một đàn Du già thí thực. Công việc hoàn mãn, sư thiết tiệc chay mời các tân khách đến giã biệt. Ngọ trai xong, sư cao tiếng niệm Phật, đệ tử hòa theo. Khi cây hương vừa tàn, Phật An nói: "Tôi đi đây!" Liền ngồi ngay thẳng mà hóa. Bình sanh com rau áo vải, mỗi ngày niệm Di Đà một muôn câu, dù thời tiết lạnh nóng cũng không trễ bò.

### I

*Tây phương màu đẹp bảo liên dài  
Trong tịnh sáng tươi một đóa khai  
Xanh đỏ trắng vàng phô sắc diệu  
Tâm tâm chỉ nguyện thấy Như Lai.*

### II

*Khảy ngón kim kiều bước đến mau  
Ai rằng Cực Lạc cách xa nào?  
Di Đà cười mỉm tay vàng đón  
Khen ở Ta Bà giới hạnh cao!*



## TÁNH TU



hích Tánh Tu, chùa tường được nguyên quán. Trong năm Thuận Trị nhà Thanh, sư trụ ở am Viên Chiếu phủ Thường Đức. Bình sanh com rau áo vải, mỗi ngày niệm Di Đà một muôn câu, dù thời tiết lạnh nóng cũng không trễ bò.

Những năm mát mùa, Tánh Tu đem tiền gạo vải lụa trong am bố thí tất cả cho người đói lạnh cô khổ. Đồ chúng thi nhau hờn trách, sư chỉ ứa nước mắt niệm Phật mà thôi. Năm bảy mươi tuổi, sư dự biết ngày giờ lâm chung trước một tháng. Đến kỳ hạn, giã từ đồ chúng, mỉm cười mà vãng sanh. Lúc ấy nhạc trời đón rước giữa hư không, tiếng thanh tao dịu dặt nghe khắp xa gần. Trong tịnh thất mùi hương la bay ngào ngạt, hơn một tháng vẫn chưa tan.

## LỜI BÌNH:

Bố thí không sỉ tiếc, là nghiệp tham đã hết. Ước lè niêm Phật là nghiệp sân đã hết. Tự sống kiêm ước là nghiệp si đã hết. Ba nghiệp hết thì vãng sanh phẩm vị rất cao. Nhạc trời, hương lạt, hả không phải là cái nhân phạm hạnh thơm tho, tiếng lòng thanh thoát đó ư?



## HÀNH TU

 Hịch Hành Tu họ Trần, con nhà nông ở thôn Sa tại Thái Châu. Ông nhà nghèo, dốt nát không biết một chữ, hoàn cảnh cùng quẫn khó bề sanh sống.

Một hôm ông đến mé sông nhảy xuống tự trầm, được một người áo trắng vớt đem lên, khéo lời khuyên bảo, nên có chỗ tĩnh ngộ. Năm ba mươi một tuổi, ông vào chùa xuống tóc làm tăng.

Sau khi xuất gia, Hành Tu khổ hạnh mấy năm, tiết đông và hạ chỉ một manh áo. Sư từng hành cước đến non Phồ Đà triều lễ, giữa chừng lạc đường, gặp một lão nhon dẫn về nhà đai đăng và mời ngồi nghỉ. Sáng ra nhìn quanh, thấy nơi đó chỉ là một gò đất hoang vu mà thôi. Khi trở về, sư đóng cái khán bằng gỗ đem vào vùng mà hoang ở ngoài cửa thành nam hôm sớm ngồi tham thiền. Nhiều lúc sư tĩnh tu đến năm bảy ngày không ăn. Một đêm vào canh ba, bỗng nghe có người gõ vào khán nói: “Nếu có thể thọ pháp, phải

cách khám thấy nơi sông có chiếc thuyền to, đèn đuốc sáng rõ, nhạc thổi rền vang đi ngang qua dưới cầu!” Nghe lời ấy, Hành Tu bỗng đại ngộ.

Sau sư dời về chùa Giác Án, chuyên tu Tịnh độ sáu năm. Mùa xuân niên hiệu Khang Hy thứ tư, Hành Tu bảo người rằng: “Ngày mùng hai tháng sáu sang năm, tôi sẽ về Tây phương!” Đầu mùa hạ năm sau, ai nấy đều tới dò la thăm hỏi. Quan Tri Châu e sư mê hoặc quần chúng, sai binh sĩ canh giữ và bảo: “Nếu đến kỳ hạn mà không ứng nghiệm, thì sẽ bắt tội khép vào luật pháp!” Mùng một tháng sáu, Hành Tu vẫn an nhiên như thường. Nhiều người vì lo lắng sợ hãi. Rạng ngày mùng hai, sáng sớm sư thức dậy viết kệ lưu lại rằng:

*Ánh huệ sáng soi khắp đại thiên  
Ngày cần lễ niệm, tối tham thiền.  
Ngang mày treo sẵn Xuy mao kiếm  
Địa ngục, Thiên đường mặc xuống lên!*

Viết xong, vào ngồi trong khán gỗ, bảo người khiêng đến một cây cầu. Sư nhìn xung quanh đoạn bảo: “Không được! Chỗ này con người đều hình dáng súc sanh!” Rồi dạy khiêng tới cầu Đông Bá. Quần chúng và binh sĩ lũ lượt theo sau. Đến nơi sư bảo hướng mặt khám về phương nam, tay gỗ mõ, miệng niệm Phật. Giây lát một làn khói nhẹ từ chót mũi sư bốc lên, phút chốc biến thành khói lửa đỏ bao trùm. Trong lửa tiếng mõ câu Phật vẫn rành rẽ vang tới mây. Bỗng nghe nổ bụt một tiếng, nóc khán văng ra xa ngoài trăm bộ rớt xuống đất. Khi lửa tàn, còn sót lại một vật hình như hoa sen màu trắng, cứng rắn đậm không vỡ.

## LỜI BÌNH:

Tự phát lửa đốt thân, không phải hạng tầm thường  
trang sức bè ngoài có thể làm được. Kẻ chưa đắc đạo, dè  
dặt chờ mong sanh vọng tưởng ấy, để khỏi bị ma dựa phát  
cuồng mà đọa vào ác đạo.



## THẬT VỊNH

**T**hật Vịnh đại sư tự Trần Huy, họ Trần, người huyện Hoát Khâu, phủ Phụng Dương. Khi ngài mới sanh ra, mùi hương lạ bay đầy nhà, ánh tường quang chiếu sáng cả xóm. Từ thuở bé trong thân đã có tướng lạ, da không bao giờ chịu dính bụi. Tánh ngài hay xót thương tha thứ, ua nghe chư Tăng tụng kinh. Vào trường học hành văn từ một phen qua mắt liền nhớ lâu không suýt. Thầy dạy rất quý mến, bảo cha mẹ ngài rằng: “Đứa bé này không phải là hạng người trong dòng trần tục, mà chính là bậc pháp khí của Phật môn. Chớ nên đê lạc lầm, e rất uổng!” Cha mẹ nghe nói đều chấp thuận, cho ngài xuống tóc xuất gia với Tâm Khai hòa thượng ở am Đại Bi trong ấp.

Sau khi thọ giới Cụ túc, đại sư nghiên cứu những bộ kinh lớn như Hoa Nghiêm, Niết Bàn thầy đều thông thuộc như đã có học tập từ trước. Sau ngài dời về ở viện Long

Đàm, một lòng chuyên tu Tịnh độ, luôn luôn tinh tấn trải ba mươi năm như một ngày. Mùa xuân niên hiệu Khang Hy thứ 61 đời nhà Thanh, đại sư cảm bệnh nhẹ, tự biết tròn duyên sắp mãn, dặn dò mọi việc trong viện xong, chi chú tâm về Tịnh độ. Đến sáng sớm ngày mùng bốn tháng ba, đại sư dạy nấu nước nóng cho mình tắm gội, họp chúng đồng xung Phật hiệu vài trăm câu rồi lặng lẽ mà hóa.

Lúc làm lễ trà tỳ, ánh lửa xông lên thành ráng mây năm sắc lan ra che trùm bốn bên núi. Đại sư hướng dương bốn mươi tám xuân thu, tăng lạp được ba mươi mốt.



## THƯỞNG TRÍ

**T**hưởng Trí Pháp sư tự Văn Huệ, người ở huyện Thuật Dương, phủ Hoài An. Lúc bé ngài rất thích lễ bái đức Quán Thế Âm. Lớn lên vào chùa Văn Tư xuất gia, không bao lâu được thọ đại giới.

Một hôm pháp sư tùy chúng tụng kinh, đến câu: “*Y bát nhã ba la mật đa cố tâm vô quái ngại*”, sự kết đọng nơi lòng bỗng nhiên tiêu tan, tâm lặng lẽ trong sáng. Từ đó ngài vượt suối trèo non đi tham phỏng bậc tri thức khắp các nơi danh sá: Sau pháp sư trở về chuyên tu tịnh nghiệp, giữ giới hạnh rất tinh nghiêm. Gặp người có lỗi, ngài ôn tồn khuyên dạy, nếu kẻ nào tỏ vẻ bất kính, cũng uyển chuyển chiết trừ, không hề có sắc giận. Pháp sư từng cùng các bạn đồng chí

kết liên xã sám hối niệm Phật. Tự biết ngày giờ lâm chung trước vài tháng, pháp sư dự báo khắp các liên hữu hay tin.

Đến kỳ hạn, ngài dạy nấu nước cho mình tắm gội, xong họp chúng lễ Phật, rồi ngồi kiết già mà hóa sanh. Lúc trà tỳ, một đóa hoa sen sắc tím lớn như cái đầu, từ trong ánh lửa bay lên. Trên hoa sen, ẩn trong vòng ánh sáng rực rỡ, có một vị ngồi kiết già trạng mạo như pháp sư. Hình tướng này trụ trên ngọn lửa rất lâu mới tan, mọi người đều trông thấy.

## LỜI BÌNH:

Người xưa từng nói: "Thầy lành không chỉ hơn đức Di Đà, bạn tốt có ai bằng hàng Bồ xứ?" Hàng Sa môn đời sau không biết ý tú này, thường xem rẻ Tịnh độ, cho là trước tướng Bồ đề. Nếu chẳng phải bậc kiếp trước đã gieo sẵn tuệ căn, suốt thông đại đạo, tất khó tránh khỏi bị họ làm cho chuyền lay lầm lạc. Thường Trí pháp sư đi tham phỏng bậc tri thức khắp các danh lam, rồi kết cuộc cũng trở về với môn Niệm Phật, dù chứng minh lời nói và kinh nghiệm cỏn non là đúng.



## BẢN ĂN

T<sup>ỳ</sup> kheo ni Bản Ăn, tự Tòng Kỳ, người ở Ngô huyện. Thuở bé cô hay đau bệnh, nhân phát nguyện xuất gia. Đến năm hai mươi lăm tuổi, cha mẹ đưa vào am Viên Thông ở trong thành cho xuống tóc, không bao lâu được thọ giới Cụ túc.

Sau khi ấy, Sư cô mua vài căn nhà sửa lại làm am, đặt tên là Quán Huyền, để tiện bề niệm Phật tịnh tu. Bản Ăn giữ giới hạnh trong sạch, thích tu phước nghiệp, thường đến các danh lam cúng Phật trai tăng, đem công đức hồi hướng về Tịnh độ. Tháng tám năm Càn Long thứ 45, Sư cô từ núi Cửu Hoa trở về, kiết kỷ lễ Đại Bi Sám. Được hơn vài thất, bỗng cảm bệnh nhẹ, gọi đồ đệ bảo: "Sanh duyên của ta sắp mãn chẳng?" Rồi dứt sám hối chuyên niệm Phật. Đến so tuần tháng mười, Sư cô nằm bệnh bày ngày, nghiêng mình hướng về Tây, niệm Phật không xen hở. Ké đó gọi hàng đệ tử lại dặn dò hậu sự, bảo đồng thanh tụng kinh A Di Đà. Khi tụng đến lần thứ ba, Sư cô lặng lẽ mà vãng sanh.



## TOẠI KHÂM

 Tỳ kheo ni Toại Khâm tự Việt Thành, người ở Vô Tích, xuất gia hồi chín tuổi. Lớn lên, cô gặp một Ni sư khuyên khích, mới trì niệm danh hiệu Phật. Cô chuyên giữ hạnh này, khi đi đứng nằm ngồi thường mặt niệm không xen hờ.

Tuổi trung niên, cô đến chủ trì am Bạch Y ở Nam Viên thành Tô Châu. Từ đó cô niệm Phật càng tha thiết. Cảnh chùa điện cũng lần lần được trùng tu trang nghiêm tốt đẹp. Đến tuổi năm mươi, Sư cô mới thọ giới Cụ túc. Sang tuổi năm mươi lăm, vào tháng ba, một đêm lúc gà gáy sáng, Sư cô gọi đồ đệ đến bảo: "Thầy sắp về Tây phương!" Hàng đệ tử thưa: "Thầy không đau bệnh chi, tại sao lại thốt ra lời ấy?" Rồi sa nước mắt thương khóc. Toại Khâm bảo: "Các con sao còn mê muội, khóc ta nào có ích chi? Hãy cố gắng nhận chon mà tu hành!" Nói xong ngồi ngay thẳng hướng về Tây, cùng hàng đệ tử đồng thanh xưng hiệu Phật. Khi cây hương vừa tàn, Sư cô cũng vừa thoát hóa.

Việc này ở vào niên hiệu Càn Long thứ năm mươi ba.



## PHẬT KỲ

 Tỳ kheo ni Phật Kỳ tự Kiến Lâm, người ở huyện Trường Châu. Từ thuở nhỏ cô đã không muôn lập gia đình. Đến tuổi thành niên, bà mẹ đem cô đến am Vũ Hoa, ở ngoài cửa Viên Môn, cho xuống tóc xuất gia.

Thợ Cụ túc không bao lâu, cô được Ni sư Đạo Kiên mời kế vị làm tọa chủ am Sùng Phật. Sư cô từng quyên mộ được một ngàn lượng vàng, tạo tượng Tây phương Tam Thánh bằng gỗ chiên đàn, cao tám thước. Mỗi năm tại am đều có kiết kỷ bảy ngày hợp chúng nữ tu tổ chức hội Niệm Phật. Sư cô thường đi khắp các danh sơn cúng Phật trai tăng, lại quyên tiền gạo cho chùa Thiên Ninh ở Thường Châu ba mươi mẫu ruộng. Lúc lớn tuổi, Phật Kỳ chuyên tu tĩnh nghiệp. Trước ba ngày sắp lâm chung, Sư cô thấy Bồ Tát hiện thân có hai đồng tử theo hầu. Chúng trong am đều nghe mùi thơm bát ngát, bảo là hương hoa cúc. Sư cô nói: "Không phải, đó là hương hoa sen xanh!" Vào ngày rằm tháng tám niên hiệu Càn Long thứ 56, Phật kỳ bảo cô thị giả đỡ mình ngồi dậy, rồi họp chúng đốt hương đồng xung danh hiệu Phật. Khi niệm độ hai ngàn câu, liền ngồi im lặng mà thoát hóa.

Lúc ấy có Tỳ kheo ni Liên Phương ở tại bàn am, mục kích việc vãng sanh của Phật Kỳ cũng ân cần chuyên niệm Phật. Hơn ba mươi tuổi, cô thường đau yếu, nhưng giữ niệm lực càng bền chắc không thôi nghỉ. Vào năm Gia Khánh thứ mươi ba, Sư cô ngồi day mặt về Tây, an lành chấp tay niệm Phật mà vãng sanh.

## LÃNG NHIÊN

 Tỳ kheo ni Lãng Nhiên họ Trầm, quê ở Gia Thiện. Năm mươi tám tuổi, thấy chị dâu bị khổ vì sán nan, cô tự thệ không lập gia đình. Ké đó ít lâu, cô xin cha mẹ vào xuất gia ở am Tịnh Trì tại Đào trang.

Sau khi thọ đại giới, Sư cô chuyên tu Tịnh độ. Từ đó ngày đêm niệm Phật không biếng trễ, dù trải cảnh thuận nghịch khổ vui, đạo tâm chẳng hề lui sụt. Lúc tuổi già, vào đầu năm Gia Khánh thứ mươi ba, Sư bà Lãng Nhiên bảo đệ tử là Phước Duyên rằng: “Trong ba tháng thầy đã ba lần mộng thấy mình đến ao báu ở Tây phương, ngồi kiết già nơi hoa sen. Như thế tất sự vãng sanh đã có duyên phần. Các con nên gắng chí niệm Phật, ngày kia ao thành trăng hiện, chẳng uống công phu. Dè dặt chờ để một đời luống qua vô ích!” Đến tháng ba, Sư bà niệm Phật liên tiếp năm ngày, rồi không bình ngồi an lành thoát hóa, thọ được bảy mươi mốt tuổi.



## DIỆU THÀNH

 Tỳ kheo ni Diệu Thành, con nhà họ Hà ở Cô Thành tại Hồ Châu. Cô sanh ra đã có huệ tính, lúc bé dung mạo cứ chi đều doan trang, lời nói cũng khác với trẻ em cùng lứa tuổi. Gia thế vốn tin thờ Tam Bảo, mỗi khi cô thấy mẹ niệm Phật, liền chắp tay hòa xướng niệm theo.

Năm hai mươi mốt tuổi, cha mẹ gả cho Vương Sanh, nhà cũng đồng xóm. Nhưng chưa được nửa năm, chồng mẫn phẫn, lại phải cam cảnh góa bụa. Cha chồng cũng tin thờ Tam Bảo, hằng niệm Phật tụng kinh. Cô thấy gia cảnh nghèo, nên chuyên lo may dệt để phụng dưỡng cha mẹ chồng. Mỗi hôm sớm cô đều Khóa tụng kinh Hoa Nghiêm và niệm Phật. Như thế trai hơn mươi năm, cha chồng xuất gia, kế tiếp mẹ chồng cũng qua đời. Lúc đó cô mới vào am Quảng Nghiêm ở cửa bắc thành Hồ Châu xuất gia làm ni.

Không bao lâu cô thọ giới Cụ túc, giữ luật hạnh rất nghiêm trang, càng chuyên chí tụng kinh niệm Phật. Cam phàn đậm bạc, tuyệt ý lợi danh. Diệu Thành tu hành tinh tấn không thối chuyển. Niên hiệu Gia Khánh thứ mươi chín, Sư cô cảm bệnh nhẹ, bảo thị giả rằng: “Duyên trần đã mãn, ba hôm nữa ta sẽ về cõi Cực Lạc ở phương Tây. Các con nên gắng sức tu trì, mai sau hoặc có ngày hội ngộ. Nên tinh tấn, chớ quên lời ta!” Đến kỳ hạn, Sư cô đang ngồi ngay thẳng niệm Phật, bỗng ngước mắt nhìn lên rồi bảo: “Đức A Di Đà Thê Tôn đã quang lâm tiếp dẫn, ta đi đây!” Nói xong nhắm mắt mà hóa, hưởng dương bốn muoi bảy tuổi.

## ĐẠO CÀN

**T**ỷ kheo ni Đạo Càn, tự Thê Thiên, con nhà họ Trần ở Song Khê tại Gia Hòa. Năm mươi bảy tuổi cô xuất gia vào La Hán ở Tú Châu. Tánh cô ua thanh vắng, thích tĩnh cư một mình. Duyệt xem có duyên của cổ đức, cô phát chí hướng thượng, hôm sớm chuyên cần tham cứu câu thoại đầu.

Sau khi thọ giới Cụ túc, Sư cô đến chùa Quốc Thanh ở non Thiên Thai, tham phỏng với ngài Bảo Lâm Trần. Lúc vào bái yết xong, liền hỏi: “Bạch tôn đức! Thế nào là tướng đại nhơn?” Trần Công đáp: “Đợi chúng nào người trừ hết ngũ chướng, tới đây ta sẽ nói cho!” Đạo Càn thưa: “Phải đến như thế sao? Vậy thì đã che lầm Hòa thượng rồi đây!” Bảo Lâm Trần hỏi: “Người học ở đâu được cái hưu đầu thiền như thế?” Sư cô nghe nói, bất giác xuất hận đầm mình, liền cúi xuống đảnh lễ. Trần Công lại hỏi: “Thế nào là tướng đại nhơn?” Đạo Càn liền đứng giăng tay ra. Ngài Bảo Lâm Trần gật đầu án khả, kế đó truyền cho y pháp.

Khi đắc tâm án rồi, Ni sư về ở nơi thảo am tại Nam Hồ. Ngôi am đã hư mục, song Đạo Càn vẫn thản nhiên, cứ giữ một mục chân thật tu hành, gặp cảnh thuận nghịch lòng không dao động. Ni sư lễ toàn bộ kinh Hoa Nghiêm trải qua ba lượt, cứ mỗi chữ một lạy. Ngoài ra còn khóa tụng kinh Đại Bát Nhã gồm sáu trăm quyển đến vài mươi bộ. Do đó

đạo phong vang xa, cửa cúng thí hội vè, ngôi am được kiến thiết lại thành cảnh điện lâu tráng lệ. Ni sư thường có bài kê an cư rằng:

*Năm tháng ân cần học đạo chuyên  
Có, không chẳng chấp, vượt trung, biên<sup>(1)</sup>  
Về nhà chi nữa ngồi yên nghỉ  
Vì chúng cày gieo kiếp ngoại diền<sup>(2)</sup>.*

Trong am, Ni sư lại lập ra Niệm Phật Đường, ngày đêm dẫn chúng tu hành, câu Phật tiếng mõ không dứt tuyệt. Gần bốn mươi năm hóa độ như thế, vào mùa đông niên hiệu Gia Khánh thứ 25, Ni sư cảm bệnh nhẹ. Đến ngày mười một tháng mười một, gọi đồ chúng tới bảo: “Rạng mai vào giờ Dần, ta sẽ về Tây phương!” Đến thời, lưu kệ rằng:

*Tám mươi tám năm  
Không tham không luyến  
Nay trở về nhà  
Nước trong trăng hiện!*

Rồi dạy chúng đồng thanh niệm Phật. Được một lát, ngôi an lành mà hóa.

<sup>1</sup> Trung, biên: tức là trung đạo và nhị biên. Ý nói thể nhập môn bất nhị, không lạc vào hai bên cho đến chính giữa.

<sup>2</sup> Kiếp ngoại diền: Ruộng công đức vượt ngoài thời gian, tức chỉ cho chân tâm. Ý nói vì người mở lối vào chân tâm.

## LỜI BÌNH:

Từ xưa đến nay, bậc cô thiền có tịnh trong hàng nữ chúng rất ít người. Như Ni sư Đạo Càn, ở không cầu an, siêng cần tu tập, nghiêm nhiên đã đầy đủ tướng đại nhơn rồi. Nếu chẳng phải bậc chân thật thấu suốt muôn pháp như huyền, làm sao có thể thanh tịnh như thế ư?



## NI CÔ AM LAN NHÃ

**D**ời Thanh, có Ni cô ở am Lan Nhã họ Trần, khuyết danh, nguyên là con gái của một nhà thế tộc ở quận Ninh Quốc. Một vị Tăng ở chùa Tây

Thiền, khi chưa xuất gia, cha mẹ đã hỏi cô gái ấy cho làm vợ. Nhưng sau ông bỏ nhà trốn vào tu ở chùa, cô họ Trần cũng xuất gia làm ni noi am Tam Thừa, sau mới dời về Lan Nhã.

Trần thị sau khi xuất gia, ban ngày theo chúng làm công việc nặng nhọc, ban đêm thì ngồi một mình niệm Phật. Tánh cô nhẫn nại, cam phẫn đam bạc chuyên tu. Người anh đôi khi đem y phục và thức ăn tới cho, trước sau cô đều từ khước nói: "Em đã xuất gia, nếu theo tình đời

thường cùng quyền thuộc quan thiệp qua lại, thì có khác chi người thế tục?" Sau Ni cô ngồi niệm Phật thoát hóa. Bấy giờ nhằm thời tiết nóng nực, nhưng trong bảy ngày nhục thân của cô vẫn thoảng bay hơi thơm không có mùi chi khác lạ.



## ĐẠO NGỘ

**T**ỳ kheo ni Đạo Ngộ tự Huệ Tâm, họ Uông, người ở thôn Hoa Đình tại Tòng Giang. Cô mất cha sớm, ít anh em, nương ở với mẹ và bà nội. Nhà nghèo, cô làm việc vất vả để phụ việc sanh sống trong gia đình, giữ chí nguyện độc thân trinh khiết.

Không bao lâu gặp duyên lành, cô xuất gia noi am Kiết Tường, kế dời đến ở viện Địa Tạng, và được thọ giới Cụ túc. Sư cô giữ phận thanh tu, niệm Phật rất tinh tấn. Năm Đạo Quang thứ mười ba, mẹ cô niệm Phật được vãng sanh, kế bà nội cũng tiếp tục qua đời. Vào ngày mùng năm tháng tám năm ấy, Sư cô đến thưa với thầy truyền giới là Đạo Sanh hòa thượng rằng: "Việc bảo dưỡng cho bà nội và mẹ con đã xong, nay con muốn về Tây phương. Xin nhờ ân sư

cho con một cái bảo khám, và xin nương đức đại chúng niệm Phật một ngày để trợ duyên". Chiều hôm ấy, Đạo Ngộ nâu nước thơm tắm gội, sáng ra theo ni chúng niệm Phật suốt một ngày. Tôi lại cô chắp tay nói: "Tây phương Tam Thánh đã đến tiếp dẫn!" Rồi ngồi kiết già mà vãng sanh.

### LỜI BÌNH:

Có người bảo: "Thân nữ bị nhiều điều chướng ngại, làm sao có thể tiến tu để sanh về Tịnh độ?" Đó là họ không biết thân chúng sanh đều do nghiệp tạo, cứ theo nghiệp nặng nhẹ mà phân ra nam nữ. Nếu thân nữ mà quyết chí tu hành, hoặc xuất gia thoát tục, thì nhứt định túc nghiệp sẽ tiêu trừ. Như thế làm sao lại không được về cõi Thanh Thái an vui, thành quả Bồ đề giải thoát? Các pháp đều do tâm, quay về tịnh tâm tìm hướng nam nữ còn không thể được, lại có chi là chướng ngại ư?



## TRƯƠNG SƯ THÀNH

 ư sĩ Trương Sư Thành, tự Tâm Hữu, hiệu Lan Chữ, quê ở thôn Quy An tại Hồ Châu. Cha mộng thấy vàng nhụt chiếu sáng vào cửa song, tinh giác thì ông đã sanh ra. Mẹ mất sớm, Sư Thành thờ cha được tiếng là hiếu hạnh.

Ông đỗ tiến sĩ lúc còn trẻ, làm quan trải qua các miền biên cương, kế đó được thuyên chuyển về giữ chức Tuần phủ tại Giang Tô. Thấy dân chúng nơi đây tạo nghiệp sát rất nhiều, ông hăng đưa ra những điều khuyên giới ngăn dứt bớt. Mấy chỗ sông hoặc ao hồ phóng sanh, Sư Thành đều sai quân dựng bảng nghiêm cấm không cho sát hại loài thủy tộc. Trong dinh thự không sát sanh, chẳng bày yến tiệc chiêu đãi khách. Kế đó ông trường trai thờ Phật, chuyên tu Tịnh độ, tự hiệu là Nhứt Tây cư sĩ. Ông từng biên soạn những luận thuyết về Tịnh độ. Cư sĩ từng làm vài mươi bài khuyên hướng niệm Phật, lời lẽ hàm ý cảnh giác rất thiết. Nay xin lược chép ra tám bài như sau:

### I

*Duyên lành may được biết hòng danh*

*Hỏa tốc về Tây một kiếp sanh!*

*Nếu chẳng quyết tâm dùng hết sức*

*Bão thai luân chuyển lạc mê thành!*

II

Vừa đê hiệu Phật các ma xâm  
Hàng phục làm sao được nhứt tâm?  
Miệng niệm, tai nghe, tâm tiếng hợp  
Tràng châm rành rẽ mãi nghiên tầm.

III

Đường tu rất thiết mặc chê khen  
Danh lợi buồn vui cũng kém hèn!  
Dây ái dứt trừ dùng huệ kiêm  
Vân Thủ “Thất bút” vạn lần xem<sup>(3)</sup>.

IV

Thương mình xót chúng phát Bồ đề  
Thuyền nguyện thề dong độ bốn mè.  
Trước mượn cành sen nương cành Phật  
Cánh lông đầy đủ mặc bay về.

V

Chấp trì không hở thê gìn lòng  
Cần lúc lâm chung một niệm thông.  
Tiếc bấy Đông Pha công cứ đó  
Chưa năng gắng sức những hoài công<sup>(4)</sup>.

<sup>(3)</sup> Thất bút: tức bảy bài mệnh danh “Thất bút câu” của Vân Thủ đại sư lúc còn tại tục, đã có phỏng dịch ở tập trước

VI

Rất sợ ngày quy nghiệp thiếc mê  
Hơi mòn khó niệm lưỡi hầu tê.  
Nếu như bình nhạt không chuyên thiết  
Đâu được tư lương giúp trở về.

VII

Tự tánh duy tâm lẽ khó tin  
Trời in nước lặng dụ này minh.  
Một lòng niệm đến tâm hòa Phật  
Giờ tới, từ nhiên Phật tiếp nghinh<sup>(5)</sup>.

VIII

Chút còn niệm ái dứt chưa rồi  
E lúc lìa trần bị nghiệp lôi.  
Muốn dứt Ta Bà trừ phải sạch

<sup>(4)</sup> Tôi Đông Pha đi đâu cũng thường mang bức tượng A Di Đà, gọi là Tây phương công cứ của mình. Đến khi lâm chung bình trú nặng, thân hữu khuyên niệm Phật, ông thêu thảo bảo: “Cõi Cực Lạc và sự tiếp dẫn có thật, nhưng chỉ khó lúc này tài gắng sức không nổi!”

<sup>(5)</sup> Nguyên văn dẫn thí dụ mặt gương dù tánh nước và lửa, nhưng e đọc giả khó hiểu, bút giả đổi lại chỉ dùng thí dụ nước. Nước dù tánh trong lặng chiếu soi, ví cho chúng sanh sẵn dù tánh Phật thường lặng thường chiếu. Khi nước lặng, áng sáng nhạt nguyệt và hiện tượng trời mây đều thâu suýt in vào, dụ cho tâm chúng sanh nếu thanh tịnh thì sẽ được từ quang của Phật dung hòa nhiếp lấy. Như thế lúc lâm chung sự tiếp dẫn của Phật là điều tự nhiên dễ hiểu, không có chi là mờ昧 khó tin.

### *Thứ công danh luận rõ mười thôi<sup>(6)</sup>!*

Năm Đạo Quang thứ tám, cư sĩ tuổi đã hơn lục tuần, xin hưu dưỡng về quê. Hàng ngày ông ở nơi gian tĩnh thẩn, một lòng chuyên niệm Phật. Hơn năm sau, cư sĩ qua đời. Lúc lâm chung, ông tụng kinh A Di Đà vừa xong tiếp sang niệm Phật. Đến câu thứ năm bỗng ngồi lặng lẽ mà hóa.



## **NGÔ NHU AM**

Cư sĩ Ngô Nhu Am, người đời Thanh, nguyên quán ở Huy Châu, sau nhập tịch về huyện Nghi Hưng tại Thường Châu. Bình sanh ông tín hướng Phật thừa, được duyên tham phỏng Hòa thượng Phát Trung, từ đó chuyên tu tịnh nghiệp. Mùa hạ năm Khang Hy

(6) Dương Thứ Công có lời nói mà tác giả khen là danh luận: "Nghiệp ái chẳng nặng, chẳng sanh Ta Bà. Niệm Phật không chuyên không về Cực Lạc!" Tuy nhiên, nếu tâm chúng sanh còn chút niệm ái trước, tức đã bị dính mắc và ràng buộc, làm sao có thể niệm Phật chuyên nhứt và được vãng sanh? Cho nên ý tác giả muốn đổi lại là "Nghiệp ái chẳng dứt trừ, chẳng ra khỏi Ta Bà. Niệm Phật không nhứt tâm, không sanh về Cực Lạc!" Như thế ta hò lại càng tinh đáo hơn.

thứ mười hai, cư sĩ cảm bình nhẹ, gọi con cái đến đưa cho mỗi người một tràng chuỗi, ân cần dặn bảo niệm Phật tu hành. Lúc ấy có hàng thân thích là Du Hữu Quang đến viếng thăm, nhận cùng bàn đèn pháp môn Tịnh độ. Như Am bảo: "Phép niệm Phật, cần phải lúc huân gấp cũng niệm, thức ngủ cũng niệm, cho dù khi qui khóc thần gào cũng niệm. Như thế mới đích thật là người chân niệm Phật. Muốn đạt đến trình độ chân niệm đó, chỉ ở nơi một chữ Tín. Vậy cần phải tin cho sâu thiết, tin được thấu đáo!" Liên nói kệ rằng:

*Tham thiền, niệm Phật chẳng hai đường  
Tam Thánh tiếp nghinh nguyện xót thương!  
Phụng khuyên đồng nhơn cần niệm Phật  
Sen lành cùng lại cảnh Tây phương!*

Rồi bảo người nhà cao tiếng niệm Phật. Cư sĩ ngồi chắp tay mím cười mà vãng sanh.



## DU HỮU QUANG

**D**u sĩ Du Hữu Quang, người xứ Tân An, lúc nhỏ ở huyện Nghi Hưng, cùng với Ngô Như Âm đồng tu tịnh nghiệp. Mỗi ngày ông tụng ba quyển kinh Kim Cang, niệm Phật năm ngàn câu, phát nguyện vãng sanh về Cực Lạc.

Sau cư sĩ mục kích việc Như Âm vãng sanh, lại càng tinh tấn, viết bốn chữ: "Niệm Phật Khẩn Yếu" dán nơi bên mặt giường nằm để tự răn nhắc. Ngày mùng ba tháng ba năm Khang Hy thứ 23, ông đi từ biệt khắp các thân hữu, rồi về nhà viết kệ rằng:

*Tháng năm lần lữa niệm Di Đà  
Cõi tịnh phương Tây vốn thật nhà  
Vài tiếng khánh thanh, trăng sáng mọc  
Thân này ngồi vững bạch liên hoa.*

Đến ngày mùng tám, cư sĩ cảm bịnh nhẹ, bảo người nhà rằng: "Lúc ta đi chớ nên lộ vẻ bi sầu khóc lóc, phải cùng niệm Phật để giúp sự vãng sanh!" Ngày mười hai, ông nhắm mắt ngồi yên lặng, quyến thuộc xâay quanh, bỗng lại mở mắt ra bảo: "Niệm Phật khẩn yếu". Nói xong liền qua đời, thọ bảy mươi tám tuổi.

## TÔ KHƠI PHỤNG

**T**ô Khởi Phụng, tự Kỳ Sơn, người đời Thanh, quê ở Côn Sơn. Lúc tuổi trẻ, ông chí hướng về Thiền tông, đi tham phỏng khắp các bậc tri thức, có chỗ ngộ nhập. Cư sĩ giữ giới sát rất nghiêm, không dám làm thương tổn đến loài trùng kiến.

Khi lớn tuổi ông chuyển sang tu Tịnh độ, trong bốn oai nghi hằng thầm trì Phật hiệu. Năm Khang Hy thứ 38, cư sĩ tuổi đã tám mươi, gắp tiết nghiêm hàn, quần chăn ngồi niệm Phật. Buổi trưa ngày 26 tháng 11, ông gọi cháu là Điện Phương bảo: "Duyên Tịnh độ của ta đã thuần thực. Ba hôm trước ta thấy Phật đến, nhưng không muốn vội nói ra. Vào giờ tí đêm nay, ta sẽ vãng sanh về Cực Lạc!" Hơn canh một, cư sĩ mặc áo tràng đốt hương nến, ngồi hướng về Tây dạy người nhà đồng niệm Phật, mình cũng niệm theo. Lúc sắp sang canh ba, tiếng ông thấp nhở dần, rồi ngồi lặng mà hóa.

Có cư sĩ Ngô Kính Sơn ở đồng xóm với Tô Khởi Phụng, cùng là bạn tu trong Liên xã, ông đã hơn bảy mươi mà còn phát nguyện đi tham học, Điện Phương cho là tuổi suy già, khuyên ông nên chuyên tu Tịnh độ, có thể một đời được thành tựu. Kính Sơn tin tưởng nghe lời, ngày đêm niệm Phật không dứt. Chưa đầy một năm, người bạn chí thân của ông đến bảo Điện Phương rằng: "Sáng sớm hôm

nay, thấy thần Hộ Pháp hiện thân tiếp dẫn vãng sanh. Lúc sắp qua đời, ông dặn tôi đến đây chuyên lời xin tạ ân, rồi ngồi an lành thoát hóa”.



## VƯƠNG TRINH SANH

 Vua Trinh Sanh, người ở Côn Sơn, cha là Ngạn Phu rất sùng kính Tam bảo. Riêng Trinh Sanh nghiệp còn nặng không mấy tin tưởng Phật pháp, hăng phỏng đênh chơi bời.

Một hôm ông mang bệnh, thấy có con quỉ đen cao lớn bảo là oan cùu đòi trước, đến tìm đòi mạng báo thù. Trinh Sanh cả sợ, phần chấn niệm Phật cầu sanh Tây phương, qui liền ẩn mất. Nhưng khi niệm Phật hơi lợi thì quỉ lại hiện hình làm dữ. Do đó ông càng tinh tấn cầu sanh Cực Lạc, không dám buông bỏ câu Hồng danh. Niệm luôn đến mấy hôm sau, quỉ không còn hiện hình nữa. Khi sắp mãn phân, Trinh Sanh niệm Phật đến lúc hơi mòn sức hết, tiếng lầm lìa thấp nhô ẩn ẩn bay về phương Tây.

## LÒI BÌNH:

Bạn lành khi lâm chung rất khó gặp. Trinh Sanh thấy ác quỉ tuy là oan cùu nhưng vì một niệm biết hướng về Phật, nó lại trở thành thiện hữu. Và lại ông đã vãng sanh, thì quỉ cũng tất sẽ được độ thoát. Chỉ một duyên niệm Phật mà được toàn vẹn cả hai, đáng gọi là hân hạnh vậy.



## THÁI BẰNG CỬU

 Ông Thái Bằng Cửu tự là Tư Văn, người ở Đông Dinh Sơn thuộc Tô Châu. Gia thế nhiều đời từng làm nghề buôn bán. Riêng Bằng Cửu thì ưa học thuyết Lão Trang, thường cùng bậc cao僧 dát sĩ kết giao đi du ngoạn nơi danh sơn thắng cảnh, như quên hัก tháng ngày.

Sau ông gặp Duy Nghiêm hòa thượng khuyên tu Tịnh độ mới tụng kinh niệm Phật, lập hội phóng sanh. Ké đó lại quy y Tam Bảo, trường chay tu hành, tự hiệu là Hu Bạch cư sĩ. Không bao lâu ông mang bệnh, vào ngày mùng tám tháng tám năm Càn Long thứ 45, thọ chung nơi nhà. Trước đó một đêm, cư sĩ bảo nấu nước cho mình tắm gội. Đến gần

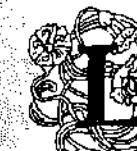
sáng, tập hợp người nhà lại quyết biệt, nói rằng: "Quyền thuộc ở đời khi báo duyên mãn tất phải chia ly. Muốn tính sự bền lâu phải kết Pháp duyên niệm Phật cầu sanh Cực Lạc. Vậy tất cả đều nên phát tâm cõ găng!" Mọi người nghe nói thương khóc. Ông bảo: "Chớ nên khóc, hãy vì ta đồng thanh niệm Phật!" Lại dạy con rằng: "Cha trưởng trai đã được một năm. Trong đám tang khi đai khách chớ nên dùng đồ mặn. Nếu con thương cha, phải thường giới sát phóng sanh. Được như thế mới là con thảo. Hãy cõ găng!" Nói xong dạy mặt về Tây niệm Phật mà qua đời. Khi sắp liệm, đem dời thi thể nơi trang đường, mặt vẫn quay hướng về Tây như cũ. Người con quì khấn vái, mới dạy ngừa trở lại. Cử sĩ hướng dương được năm mươi tuổi.

### LỜI BÌNH:

Muốn được vãng sanh, trước tiên phải giữ lòng từ không giết hại, trong kinh đã có văn nói rõ ràng. Những điều Bằng Cửu trối dặn con, thật là xem thân mình như thân chúng sanh, hóa tâm mình thành tâm Bồ Tát. Bi cảm thay lời nói ấy.



## LỤC SĨ THUYỀN



Lục Sĩ Thuyền, tự Cận Đường, quê ở Nguyên Hòa tại Tô Châu. Ban sơ ông làm đệ tử của Ngọc Đàn thuộc nhóm phò cơ theo thần tiên. Sau vì một đàn hữu cầu trị bệnh, thần dạy phải lễ Lương Hoàng Sám. Sĩ Tuyền nhân lễ sám phát tâm, đến am Thiên Ninh thọ giới Bồ Tát.

Vừa may gặp duyên lành, có Tịnh Căn Bồ Tát từ cõi Cực Lạc đến, phương tiện giáng nơi Ngọc Đàn, mở bài pháp môn Tịnh độ. Bồ Tát thuyết pháp gồm mười một hội, khuyên mọi người thông thiết vì vấn đề sống chết luân hồi, dứt bỏ đường lối quanh co, có một lòng niệm Phật. Do đó những người dự hội mới biết hồi hướng về Cực Lạc, nhưng phần đông tập quán cũ còn chưa quên, khi hướng về Phật, lúc ngà theo thần tiên. Riêng có Lục Sĩ Thuyền một lòng trì danh tu quán tụng kinh Pháp Hoa. Ông trưởng trai được hai năm, nhân đau yếu lại khai giới tạm dùng đồ mặn. Nhưng bệnh càng trở nặng, Sĩ Thuyền tự biết sắp mãn phần, ăn năn sám hối rất tha thiết. Bảy ngày trước khi chết, ông dứt tuyệt đồ huyết nhục, một lòng chuyên niệm Phật. Sĩ Thuyền lại răn dạy đứa con gái mới mươi tuổi, bảo phải ăn chay niệm Phật, và khi mình lâm chung đừng nén than khóc. Lúc bình ngặt, mắt ông nhìn thăng lên hư không như thấy cảnh giới chi, miệng nói: "Có hoa sen trắng, bạch hạc và các bậc

thượng thiện nhơn!" Rồi nằm nghiêng bên mặt, liên tiếp xung danh hiệu Phật mà mẫn phẫn. Bấy giờ nhằm ngày mười tám tháng năm, niên hiệu Càn Long thứ 52, ông hướng dương được ba mươi chín tuổi.

Ít lâu sau, các thân hữu đến Ngọc Đàn phò cơ hời về chô sanh của ông. Một vị tự xung là Vương Thiên Quân giáng đàn đáp rằng: "Sĩ Thuyên cơ hời sắp bị đọa lạc, nhưng rất may, mẫn nhờ khi lâm chung giữ vững chánh niệm. Hiện thời ông đã được sanh về miền biên cảnh cõi Cực Lạc ở Tây phương!" Năm sau, vào ngày mùng một tháng năm, Sĩ Thuyên lại giáng đàn, hiểu dụ rằng: "Có một việc rất thiết yếu không thể tránh khỏi, mà phần đông mọi người đều quên, các vị có biết chăng? Hiện thời các vị tú đại nhẹ nhàng, tinh thần cường tráng, đâu từng nghĩ rằng mai kia mình nằm bình nơi giường, không phân biệt đông tây nam bắc, thân tâm mê mệt phách tán hồn ly! Chừng ấy đường trước mịt mờ, không chút chi cầm vững, theo nghiệp luân chuyển, thọ khổ vô cùng! Duy có những người bình sanh tu tịnh nghiệp, khi lâm chung tự thấy Phật đến tiếp dẫn, sanh trong hoa sen, hưởng các điều vui, sống lâu vô lượng. Nếu các vị thiết thật hồi tâm suy nghĩ, chí hướng về đường lối này, tôi sẽ xin cùng luận bàn về ba điều: Tín, Hạnh, Nguyện:

**Về điểm Tín:** là tin phuong Tây có cõi Cực Lạc báu đep trang nghiêm, cũng như phía tây thành này có dinh thự và công viên nguy nga tươi tốt. Cõi Ta Bà thuộc về phuong

đông, cũng như xóm ấp lụp xụp phía đông thành này. Cõi Ta Bà đã hiện hữu thì cõi Cực Lạc cũng như thế, thật sự hiện hữu. Cá hai thế giới đều ở trong giác tánh sáng lạng bao la, khởi niệm thanh tịnh thì liền đến, cũng như đồng ở trong một thành cắt bước có thể đi tới. Đã tin cõi Cực Lạc quyết định đến được, lại phải tin pháp môn Niệm Phật cần thiết như ăn cơm mặc áo. Ăn cơm khỏi đói, mặc áo khỏi rét, niệm Phật sẽ thoát khỏi sự khổ sống chết luân hồi. Trong niềm tin, nếu nay tin mai không tin, chưa gọi là thật tin. Trọn đời tin, một niệm bỗng không tin cũng chưa gọi là thật tin. Từ ngày nay cho đến lúc mẫn phẫn, giữ một lòng tin chắc chắn thấu đáo, không mảy may nghi hoặc mới gọi là thật tin.

**Về phần Hạnh:** đã tin có cõi Tây phương phải thiết thật bước vào hành môn Niệm Phật. Cho nên cần phải theo lời Phật dạy mà thật hành, nếu chỉ khen nói suông thì đâu có lợi ích gì cho đường giải thoát? Hôm nay tin hôm nay liền thật hành, ngày mai tin ngày mai liền niệm Phật. Rất không nên lẩn lụa bảo: "Hiện thời tôi còn trẻ, đợi đến khi hơi lớn tuổi tu cũng chưa muộn!" Há chẳng nghe nói: "Đất vàng vùi lấp trang mày biếc. Mồ quạnh chôn nhiều kè tóc xanh" hay sao? Cái chết xảy đến bất ngờ không hẹn, làm sao bảo đảm mà đợi cho tới lúc tuổi già? Lại cũng chẳng nên nói: "Việc cha mẹ chưa tròn, nợ con cái chưa xong, đợi đến lúc rảnh các duyên đó rồi sẽ tính!" Phải biết mạng người mong manh trong hơi thở, giả sử khi qui vô thường

đến cửa, có thể đối với nó mà khát xin chờ hẹn như thế được hay chăng? Có nhiều kẻ tu hành, lúc thì siêng năng khi lại biếng trễ, đó gọi là tánh không thường hằng. Ví như gà áp trứng thường không lia ô, khiến cho hơi nóng ám nồng tiếp nhau, thì mới có sự sanh nở. Nếu hôm nay ấp, ngày mai bò đi, làm sao thành tựu được? Việc hâm dưỡng thai sen, cũng tương tự như thế.

Đến như chữ *Nguyễn*, lại rất là khẩn yếu. Trong đời kẻ tin Phật niệm Phật, xét lại chẳng thiếu chi người. Nhưng có những vị cầu sự lợi lạc trong hiện tại, hoặc cầu phú quý ở đời sau, hoặc nguyện sanh lên cõi trời hưởng sự vui nhiệm màu, hoặc mong chuyên kiếp làm người phước huệ đầy đủ, xuất gia tu hành, tráng niên ngộ đạo. Những tâm nguyện đó đều trái với bản ý của Như Lai. Đức Phật muốn cho chúng sanh thoát vòng sống chết, các vị lại mong vào nẻo luân hồi. Phật muốn cho chúng sanh thoát cõi Ta Bà, các vị lại không cầu về Cực Lạc. Như thế lòng tin và sự tu hành một đời đều buông trôi theo dòng nước! Ví như cày xong khoảnh ruộng tốt lại gieo xuống hột cỏ, mà mong cho sanh ra mạ lúa, việc áy có lý chăng? Cho nên đã phát lòng tin, phải tu thật hạnh, đã tu thật hạnh, phải phát chân nguyên. Nguyên hết kiếp này không sanh trở lại cõi người hoặc lên cõi trời, chỉ quyết định được về Tây phương Cực Lạc. Phát Tín, Hạnh, Nguyên như thế mới thuận với lời Phật dạy, không đến nỗi uổng phí ngày tháng công phu. Mong các vị nên cố gắng!"

Bốn năm sau, Sĩ Thuyên lại giáng cơ nơi nhà Hoàng Kính Phu một lần nữa. Lời giáo huấn kỳ này của ông phần nhiều chí thiết, khuyên các đàn hữu cố gắng niệm Phật tu hành.



## **MÃ VINH TỔ**

 u sĩ Mã Vinh Tổ, tự Trử Luong, quê ở Tú Thủy tỉnh Triết Giang. Lúc bé ông tò ra có văn tài, lên mười lăm tuổi được bố vào hàng chư sanh. Cha mẹ mất sớm, Vinh Tổ thờ kế mẫu rất hiếu cảm. Đến ba mươi tuổi, ông mang bệnh lạc huyết. Trái năm năm bệnh càng thêm nặng, ăn vào liền mửa ra.

Có Tăng sĩ Tường Phong, khi chưa xuất gia là bạn quen với Vinh Tổ ghé viếng thăm. Lúc ấy sư vừa đi tham học trở về, túc huệ mở sáng, tín giải thông suốt. Vinh Tổ nghe lời sư luận giảng lấy làm lạ, nhân hỏi đến phương pháp trừ bệnh. Tường Phong đáp: "Bệnh của đạo hữu là do túc nghiệp, không phải thuộc thang chữa trị được. Nếu đạo hữu có thể buông bỏ muôn duyên chuyên lòng niệm Phật, lâu ngày công sâu, thì vô minh nghiệp chướng từ vô lượng kiếp đến nay lần lần dứt sạch. Chừng ấy căn bệnh luân hồi sống chết còn giải thoát được, huống nữa là thân bệnh nào đáng lo gì!" Vinh Tổ nghe nói giật mình tinh ngộ, bèn

thường trai tu tịnh nghiệp. Từ đó bịnh cũng lần lần thuyên giảm.

Trước thời gian ấy, Mã Vinh Tồ nằm mộng thấy giữa hư không nỗi lên vô số chữ Thọ phóng ánh sáng rực rỡ. Ông duyệt xem sách Phật thấy nói: A Di Đà dịch là Vô Lượng Thọ, cũng gọi là Vô Lượng Quang. Bây giờ nghĩ lại thấy điềm mộng ứng hợp, càng tự mừng thầm, cho là mình có túc duyên với môn Tịnh độ. Kế tiếp ông đọc qua kinh Pháp Bảo Đàn, khê hội được nguồn tâm, càng thêm nỗi vui mừng cảm hối. Sau Vinh Tồ tới chùa Đại Giác Lâm ở Sơn Âm thọ tam quy ngũ giới, mỗi ngày đều tụng kinh Kim Cang, Di Đà, niệm Phật ba muôn câu, lại kiêm tu tịnh quán. Lúc rảnh rỗi, cư sĩ lại mời các liên hữu tập họp tại nhà, tổ chức niệm Phật suốt ngày đêm.

Niên hiệu Càn Long thứ 56, vào hạ tuần tháng giêng, Vinh Tồ từ Tô Châu trở về vừa đúng một tháng thì cảm bịnh. Đến đầu tháng ba cư sĩ đau nằm nơi giường không chối dậy được, bảo bạn thân rằng: "Tôi từ ba mươi lăm tuổi phát lòng Bồ đề, chỉ cầu nghiêm tịnh cõi Phật, lợi ích chúng sanh, sự vinh hoa của ngôi khanh tướng xem đồng như đôi dép rách. Nay thân tuy mang chứng trầm kha, song một tâm niệm an vui chưa từng biến cải. Hiện tại chỉ chuyên giữ chánh niệm, chờ khi mạng chung sanh thăng về Tây phương mà thôi!" Một ông bạn hỏi: "Anh mất đi rồi, trong nhà nheo nhóc vài miếng ăn, lấy ai giúp đỡ?" Cư sĩ đáp: "Đó đều thuộc về duyên phước của mỗi người, sức tôi không thể kham được!" Tới chiều ngày mười tám, ông bảo: "Ngày mai phải đại sám hối!" Sáng hôm sau, cư sĩ gắng gượng chối dậy mặc áo tràng lê Phật sám hối, rồi ngồi hướng về phương Tây niệm Phật vài trăm câu, kế quì đọc

bài văn phát nguyện của ngài Liên Trì, mới trở về giường nằm. Ba hôm nữa, lại nói: "Tây phương Tam Thánh hiện thân ở trước, vì tôi nói pháp. Tôi thường ở trong ánh sáng chói suốt rực rỡ!" Qua ngày sau lại bảo: "Bồ Tát dùng tịnh thủy rưới nơi thân gội rửa túc khiên, khiến cho tôi được mát mẻ, sự an vui không thể tả!" Tới chiều, một liên hữu là Trần Hồng Điều viếng thăm, hỏi có niệm Phật không, và nhắc bảo đừng nên trước tướng. Cư sĩ đáp: "Vẫn niệm, tức tâm túc Phật có chi là trước tướng!" Kế đó lại tuyệt thực, mỗi ngày chỉ uống vài chén nước trà, hai hôm sau rốt duy uống nước trong mát mà thôi. Ngày hai mươi chín tháng ba, vào giờ Ngọ, cư sĩ bảo người nhà rằng: "Đức Phật đã đến tiếp dẫn!" Nói xong liền tiếp niệm Hồng danh, rồi nằm nghiêng bên hữu mà vãng sanh, hướng dương được bốn mươi tám tuổi. Ông không con, di chúc cho lập hậu.

Bấy giờ Hòa thượng Tường Phong bé quan tại Văn Tinh Các ở Tô châu, đang tu môn Niệm Phật tam muội. Mùa đông năm ấy, một đêm Ngài nằm mộng thấy ba vị vào thất, ngồi ở hướng nam day mặt lại. Trong đó, chính giữa một vị xuất gia, hai bên là cư sĩ, phong nghỉ thân thái trang nghiêm, nơi đâu đều có viên quang bao phủ. Tường Phong đánh lễ rồi hỏi: "Ba tôn đức ở đâu lại đây? Vì mặc tăng phục nói: "Chúng ta từ cõi Tây phương đến!" Hòa thượng lại hỏi: "Có phải chư vị là người ở thế giới Cực Lạc của Phật A Di Đà chăng?" Vị Tăng đáp: "Phải!" Tường Phong thưa hỏi danh tánh, ba vị không đáp chỉ hỏi lại: "Người pháp danh là chi?" Hòa thượng đáp: "Đệ tử pháp danh Đạt Văn". Vị Tăng bảo: "Sao lại vọng ngữ?" Tường Phong thưa: "Quả đúng như thế không phải vọng!" Vị Tăng hỏi lại như trước. Hòa thượng cũng đáp y như vậy. Tăng sĩ cũng

bảo: "Vẫn còn vọng ngữ!" Tường Phong thưa: "Đệ tử nói thật chẳng phải già dối, tại sao tôn đức lại bảo rằng vọng ngữ?" Vị Tăng nói: "Tất cả chúng sanh lấy vọng làm chân, chấp già làm thật, nên mới bị luân hồi. Nếu bậc có trí, biết muôn pháp đều là hư vọng già danh, thì không còn luân chuyển. Người chờ tự mê muội để lạc mất chân tâm. Nên hiểu chân tâm không tâm, chân tri không biết, có hiểu biết tức là ma. Đức Phật là đáng kính tri vô tri, người nên tin nhận chứ đem lòng nghi hoặc!" Sau lời ấy, Tường Phong bỗng khai ngộ liền thưa: "Lời của tôn đức dạy, chính thật là pháp Phật không thể nghĩ bàn! Tôn đức từ cõi Cực lạc đến, dám xin hỏi: đã tường thấy Phật A Di Đà chăng?" Vị bên tả đáp: "Nếu ta nói với ngươi, chưa chắc ngươi đã tin. Phải tự mình trông thấy mới được!" Kế đó cả ba đồng đứng dậy, mỗi vị đều vỗ nõi đầu Tường Phong một cái, và lần lượt nói kệ rằng:

*Gắng siêng năn tinh tấn  
Tu tịnh nghiệp không nhơ.  
Nhân sâu thì quả thật  
Dễ đặt chờ nghỉ ngơi!*



*Các pháp từ tâm sanh  
Lại hoàn từ tâm diệt  
Chân tánh nguyên vẫn không  
Lấy, bỏ chẳng thể được!*



*Ngươi đã đổi phần thông  
Phật, chúng sanh tam đồng  
Như huyền tam ma đê  
Ví như cảnh trong mộng.*

Thuyết kệ vừa xong, bỗng thấy Mã Vinh Tồ nghiêm chỉnh oai nghi, đánh lễ ba vị. Cả ba liền vượt lên hư không hướng về Tây bay đi. Lúc ấy không trung nổi lên âm nhạc rền vang, tiếng niệm Phật bỗng trầm thanh thoát. Vinh Tồ lại hướng về Tường Phong lễ ba lạy rồi thưa: "Nhờ đại đức khuyên tôi tu tịnh nghiệp, quy y Tam bảo, nên đã hân hạnh được sanh về Tây phương, thọ sự an vui lợi ích lớn. Vì thế tôi thỉnh cầu Bồ Tát đến đây diễn nói diệu pháp, để đền đáp thâm ân!" Nói xong đánh lễ giã từ ba lạy nữa, rồi chắp tay niệm Phật bay về Tây phương. Vừa khi ấy tiếng chuông khuya nổi lên, Tường Phong giật mình thức giấc. Hòa thượng vội lấy giấy bút ghi lại điềm ấy, gọi là Kỳ Mộng Thiên.

Về sau Tường Phong hòa thượng ẩn tu nơi viện Phước Thành tại Lữ Giang. Khi lâm chung dự biết trước ngày giờ, ngồi niệm Phật mà thoát hóa.

### LỜI BÌNH:

Trước Cận Đường mượn duyên giáng đàn để khuyên đồng bạn. Nay Trù Lương lấy việc ứng mộng mà đáp thâm ân. Như thế, ai gọi khi sanh về An dưỡng là vắng bặt không tin tức đâu! Tuy nhiên, với kẻ cơ duyên chưa thuần, thì chẳng thể nhất khái đều đồng lệ được!

## LAN ĐÀI

 Lan臺 là biệt hiệu của cư sĩ Bành Hy Tốc, tự Lạc Viên. Ông ở huyện Nguyên Hòa tại Tô Châu, vốn là cháu họ của Bành Nhị Lâm cư sĩ. Năm hai mươi sáu tuổi, ông đỗ Hương thí. Từ bé Lan臺 đã thích ăn chay, đến tuổi thành đồng liền trường trai được năm năm. Ké đó bị bệnh lạc huyết, mới trở lại dùng mặn. Nhưng do nhân duyên đau bệnh, Lan臺 phát tâm tín hướng Phật thừa, giữ lục trai, hằng tụng kinh Hoa Nghiêm. Mỗi ngày ông đều niệm Phật cầu vãng sanh, dù trong cảnh xe thuyền đi xa cũng chưa từng quên bỏ. Cư sĩ từng làm mươi bài thi Hồi hướng như sau:

### I

Lên xuống luân hồi mãi khổ đau  
Kiếp trần giải thoát biết chừng nào?  
Ân cần sám lỗi dài sen ngọc  
Bất giác thương tâm lệ rạt rào!

### II

Gió nghiệp đưa người khó tự do  
Huyền duyên vẫn khởi mối buồn lo!  
Nạn tai ma binh thay đổi lớp  
Gần chót hương mình chẳng sớm tu!

### III

Đã hay sắc tướng vẫn hư không  
Muôn kiếp tham si chưa dễ trừ!  
Xét kỹ chi bằng chuyên niệm Phật  
Sáu căn thâu nhập chẳng cò dư.

### IV

Ruồi dong khéo tính vẫn thua nhàn  
Hơi thở mạng người sớm liệu toàn!  
Còn ngại tu hành sai đạo chánh  
Đường mê vạn nẻo tối mênh mang.

### V

Tịnh quán ngồi lâu bông nhật tà  
Cảm thông Cực Lạc lộ không xa  
Mười năm lặng từ lìa quê cũ  
Một niệm hồi quang thấy cảnh nhà.

### VI

Rừng thưa gió lọt nỗi tiêu cảm  
Chim hót đâu cảnh điệu nhã âm.  
Trăm tâm Bồ đề ngày tháng niệm  
Giống sen mười trượng chẳng cẩn thâm.

## VII

*Tâm niệm nối tiếp niệm Di Đà  
Muôn việc phù vân mặc chảy qua.  
Đâu đợi mãn phần về tịnh cảnh  
Hiện tiền thân đã thoát Ta Bà.*

## VIII

*Trần chướng khi tan hiện pháp thân  
Hồ thu nguyệt lặng sáng trong ngàn!  
Bể âm thanh rộn ba ngàn cõi  
Một niệm nghe vào dứt biệt phân.*

## IX

*Sáu chữ trừ mê, giác cũng không  
Niệm tâm niệm Phật, Phật tâm đồng.  
Ngàn đời phiền não tiêu tan sạch  
Tô Lạc, dương chi thắm mát lòng!*

## X

*Trời người phước tạm sẽ không còn  
Xin phát Bồ đề thệ sắt son.  
Nguyện lớn Phổ Hiền đầy pháp giới  
Chưa sanh Cực Lạc để chi tròn!*

Nhị Lâm cư sĩ thấy quyền Vãng Sanh Tập của ngài Văn Thê, sự và lời đều quá giàn lược, muốn gom tìm lại những di tích vãng sanh xưa nay viết đầy đủ hơn để in ra. Lan Đài vui vẻ lãnh trách nhiệm phụ giúp, cùng vợ là Cố thị ra công sưu tầm, biên thành chín quyền lấy tên là Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, cho khắc bản để lưu hành. Cư sĩ lại tự tay tả một bộ kinh Pháp Hoa gần trọn năm mới xong. Ngày mùng ba tháng mười niên hiệu Càn Long thứ 58, ông bị bệnh rét thêm kiết ly rất trầm trọng. Biết mình khó thoát qua, cư sĩ từ trong phòng lẩn đi đến giường nằm của thân mẫu, không đè cập đến việc nhà, chỉ khuyên mẹ niệm Phật và nói: "Xin cố gắng tinh tấn, ngày kia sẽ gặp nhau ở Tây phương!" Ba hôm sau, trước khi mãn phần, ông cho mời Trừng Cốc hòa thượng đến nhà, cầu thọ tam quy ngũ giới và khấn thiết phát nguyện sám hối. Cư sĩ tự nói: "Trong vài bữa trở lại đây, tôi được tịnh niệm hiện tiền, cành sen nơi bảo trì đã chắc có phần vin nấm!" Sáng sớm ngày mười ba, Lan Đài bảo người nhà dời giường nằm hướng về phương Tây, trước mặt thiết tượng Phật tiếp dẫn. Cư sĩ lại cho thỉnh Trừng Cốc hòa thượng đến và thưa: "Xin nhờ thầy xưng Hồng danh và trợ niệm cho con!" Rồi nằm nghiêng bên hữu niệm lâm râm niệm Phật theo, đến chiều tối mới qua đời. Lúc ấy mùi hương lạt bay đầy nhà, ông mới vừa ba mươi ba tuổi. Nhị Lâm cư sĩ đến phúng điếu, để tặng bài thi rằng:

*Bát ngát sen thơm khắp một phương  
Buông tay phút chốc lại hoàn hương*

Xương Lê chẳng biết đường tây độ  
Luống phụ năm xưa Thập nhị lang! <sup>(7)</sup>

Cô thị tên Uẩn Ngọc, cũng sớm thông tuệ, giỏi về thi văn. Năm hai mươi chín tuổi cô mang bệnh. Ngồi kiết già niệm Phật mà vãng sanh.



<sup>7</sup> Hàn Tương Tử khi xưa, nguyên là cháu của vua Hàn Xương Lê tức là Hàn Dũ, tu tiên đắc đạo. Tương Tử thứ mươi hai, nên cũng gọi là Hàn thập nhị lang. Biết chủ mình sẽ mắc cạn, muốn cảnh giác trước để khuyên Hàn Dũ tu hành. Tương Tử đến nhà chơi, múa một chùm nho và làm phép. Giây phút nơi chùm mọc lên mươi bốn cánh hoa, mỗi đóa đều có chữ, gộp lại thành hai câu thi: "Văn hoanh Tân lánh gia hà tại? Tuyết úng lam quan mã bất tiền!" Sau Hàn Dũ bị đầy xa đến vùng đất Thực, ngoảnh lại thấy mây giăng ngang đỉnh núi Tân, không nhìn biết quê nhà ở đâu. Trông tới trước thì tuyết phủ mờ biên ải, ngựa bị lạnh cong chân không tiến bước được. Nhớ lại hai câu thi trước, nghiêm nhiên đúng với hoàn cảnh hiện thời, ông bỗng băng hoàng hồi hận!

## BÀNH THIỆU THĂNG



Chữ sỹ Bành Thiệu Thăng, pháp danh Thế Thanh, tự là Doãn Sơ, người đời Thanh, ở huyện Trường Châu, tại Tô Châu. Từ thuở bé ông đã thông tuệ, lên mươi sáu tuổi được bổ làm chư sanh, năm sau đỗ Hương thi. Năm kế đó lại đỗ Tiến sĩ, trọn đời an dưỡng không ra làm quan.

Ban sơ cư sĩ không tin Phật, chỉ ưa văn tự thế gian, có chí muốn giúp đời. Một hôm ông tự cảnh giác nói: "Tâm địa ta chưa sáng tỏ, biết làm sao?" Có kẻ bảo cho phép tu luyện đạo Tiên, ông tập theo ba năm không kiến hiệu. Sau đọc đến sách Phật, chợt tinh ngộ bảo: "Chỗ vắng của đạo là đây!" Từ đó ông mới tin hướng Phật thừa. Cư sĩ mến phong cách của Cao Trung Hiếu ở Lương Khê và Lưu Di Dân ở Lô Sơn, nên lại tự hiệu là Nhị Lâm, vì chỗ tu học của hai ngài trên đều gọi là Đông Lâm. Tế Thanh tánh thuần hiếu, khi cư tang mẹ, ngủ bên nhà tang ba năm. Lúc cha mất, ông lập đạo tràng niệm Phật nguyện đem công đức tụng mười bộ kinh Hoa Nghiêm, một ngàn quyển kinh Di Đà, một ngàn quyển kinh Kim Cang và mười triệu câu Phật hiệu của mình đà tu, hồi hướng cầu cho thân phụ sanh về Cực Lạc.

Ké đó không bao lâu, cư sĩ bỏ hết tập quán theo đời, chuyên tâm tu học Phật pháp. Ông rất thích những tác phẩm của hai ngài Phượng Sơn, Vĩnh Minh, suy tôn ngài Liên Trì

và Hám Sơn làm bậc tiền đạo của tông Tịnh độ. Năm hai mươi chín tuổi, cư sĩ ăn chay trường. Qua năm năm lại thọ giới Bồ Tát nơi ngài Văn Học Định. Từ đó ông không còn gần đàn bà, tự xưng là Tri Quy Tử, từng nói: "Tế Thanh này chí ở Tây phương, hạnh ở kinh Phạm Võng". Cư sĩ có lời văn quì phát thệ trước bàn Phật rằng: "Nếu Tế Thanh con, đã thọ giới rồi mà còn phá giới, tăng trưởng pháp ác, hủy hoại cẩn lành, xin hộ pháp chư thiên chu diệt ngay để làm gương cho thế tục. Như con nghiêm sùa thân tâm, giữ gìn giới phẩm, thì hết kiếp này nguyện được sanh về An Dưỡng. Xin mười phương Tam Bảo chứng minh, khiến con mau đắc Niệm Phật tam muội. Nguyện con khi lâm chung xa lìa trần cầu, thấy đức Di Đà, nhẹ thoát về Tây, không còn chướng ngại. Khi đó nguyện cho kẻ thấy người nghe đều phát tâm như con, cầu về Cực Lạc, chứng Vô sanh nhẫn, rồi cùng trở lại Ta Bà độ khắp loài hữu tình đồng thành Chánh giác!" Sau cư sĩ bế quan ở Văn Tinh Các tu môn Nhất hạnh tam muội, để chỗ ở là Nhất Hạnh Cư. Ông có làm mười thi bế quan như sau:

I

*Lần bần phong trần tự bấy lâu  
Mà chân hạnh phúc những là đâu?  
Ngày nay hồi hướng về An Dưỡng  
Kiếp mong vô minh đã dài đâu!*

II

*Thân Phật bao la khắp thái hư  
Điểm trần lặng lẽ chẳng còn dư!  
Chớ đem tri kiến nhiều phân biệt  
Một niệm hồi quang thấy Đại Từ.*

III

*Chuỗi lần trăm túm chẳng đuôi đầu  
Mỗi niệm tinh minh mỗi hạt chau.  
Sáu chữ mở toang Vô tận tặng  
Như nhú buông thả lại hồi thâu.*

IV

*Cảnh vườn tịch mịch tự thân san  
Ngày vắng kia ai gõ bể quan?  
Nhấn bạn đồng tu nên tự tĩnh  
Đừng theo ngoài cửa mãi mơ màng!*

V

*Dưới đinh Nghiêu phong ngập ráng mây  
Ngon mùi lê hoát dạ vui đầy!  
Gió đông khéo mách niềm tâm sự  
Tiếng Phật thăm trầm quá gác tây.*

VI

Rừng lạnh ngàn mai nở trắng phau  
 Cảnh xuân chim hót giọng thanh thao  
 Hương nguyên vị niêm Quan Âm hiệu  
 Thinh sắc đường kia chờ lạc vào!

VII

Ngốc lên rồi lại cúi đầu trông  
 Liên quốc đâu từng cách điểm lông?  
 Tiếng hát Ca lăng đã nói rõ  
 Đây miền chân tịnh chờ mê lòng!

VIII

Giữa đêm trừ tịch chốn mòn đinh  
 Phá cảnh u trầm xuống kệ kính.  
 Mẫn khóa Pháp Hoa nhàn rỗi việc  
 Chén trà Long Tinh uống với bình.

IX

Lại đổi Ni Sơn hỏi cựu manh? <sup>(8)</sup>

<sup>(8)</sup> Ni Sơn, tức Ni Khâu Sơn, nơi sanh quán của đức Khổng Tử. Cựu manh là lời ước hẹn cũ, có ý thăm trở cho tông chí đạo Nho. Một hôm mòn đê của đức Khổng Tử đánh đàn, đến đoạn cuối khảy lên vài tiếng rèn rang rồi chấm dứt. Ngài gọi thầy Tăng Tử bảo: "Này Tăng Sá! Đạo ta một mà suốt tất cả!" (Sám hồn! Ngõ đạo nhất đĩ

Cung đàn réo rắt điệu vô sanh.

Trong bầu xuân sắc đi thong thả  
 Dưới gốc hoa luân nở một vành.

X

Hương sơn lão tử rất thanh chân  
 Lối rẽ nhiều phen phải hỏi thăm! <sup>(9)</sup>  
 Chờ xót nguồn hoa tin tức vắng  
 Cảnh xưa bên suối vẫn đầy xuân! <sup>(10)</sup>

Cư sĩ lại thuê họa công vẽ bức đồ Cực Lạc Thế Giới, căn cứ theo chánh báo y báo trang nghiêm của ba kinh Tịnh độ. Bức đồ này sửa đi đổi lại tất cả bốn lượt, trải nửa năm mới hoàn thành. Tế Thanh tự đề lời kệ rằng:

Nếu người muốn biết rõ  
 Chư Phật trong ba đời.

quán chi!) Câu này tự nhiên thầm hợp với ý "Một tâm ham muôn pháp" của đạo Phật, nên cư sĩ gọi là cựu manh. Qua câu ấy, cung đàn kia chính là khúc điệu vô sanh vậy.

<sup>9</sup> Tuyết Sơn hay Hương Sơn lão tử đều chỉ cho đức Thích Ca vì cảnh Tuyết Sơn ở Ấn Độ có một vùng xanh tươi gọi là Hương Thủy. Hai câu trên ý nói đường tu nhiều lối rẽ, phải học hỏi Phật pháp mới đi đúng neo chánh.

<sup>10</sup> Nguồn hoa, tức là sự tích Đào Nguyên đã nói ở tập trước. Đây ý bảo: Ngư lang chờ buồn xót vì lạc lối nguồn đào dẫn đến động Tiên, vì các pháp đều là Niết Bàn chân cảnh, nếu tâm thanh tịnh tất sẽ thấy nơi đâu cũng đầy vẻ xuân tươi đẹp cả.

Nên quán tánh pháp giới  
Tất cả do tâm tạo.  
Tôi đọc kệ Hoa Nghiêm  
Tin vào môn Tịnh độ  
Do tịnh nguyện chư Phật  
Thành cảnh diệu trang nghiêm  
Tịnh nguyện như hư không  
Chẳng ngăn các hình tướng  
Nước công đức vô biên  
Nổi hiện hoa sen báu.  
Mỗi hoa một chủng sanh  
Có đủ Như Lai Tạng.  
Bảo trì và bảo thọ  
Câu lọn báu vây quanh.  
Lớp lớp lâu các màu  
Đầy khắp hư không giới.  
Hoặc tắm dòng hương thùy  
Hoặc hương vị diệu trân  
Hoặc ngồi thiền kinh hành  
Hoặc tụng kinh nghe pháp.  
Hoặc giỗ đựng hoa đẹp  
Cúng đường Phật mười phương

Hoặc bạn lành hội họp  
Đồng vào Bồ đề tràng.  
Các chim cùng nhạc trời  
Phát xướng tiếng hòa nhã  
Tử Văn vào Tư, Tu  
Một niệm đều siêu việt  
Hương đức Vô Lượng Thọ  
Ngôi yên dài bảo hoa  
Mây từ che trời người  
Mưa pháp nhuần nhã khắp.  
Nghe rồi được giải thoát  
Tháng đến ngôi nhất sanh  
Việc lợi ích như thế  
Vô cùng, chẳng nghĩ bàn!  
Cũng như họa sư kia  
Một tâm biến các cảnh  
Chẳng là đâu lông nhỏ  
Hiện chô ở Bảo Vương.  
Không phân biệt kia đây  
Một tức khắp tất cả.  
Bức họa cùng người họa  
Kết cuộc chẳng có chi!

*Nguyễn những người nghe thấy  
Như tôi cùng phát tâm  
Nương niệm công đức này  
Lên ngôi Bất thối chuyền.  
Đường vạn ức đầu xa  
Ngày đây đã đầy đủ!*

Cư sĩ thương chúng sanh đời mạt pháp không đủ chánh nhẫn, chống báng lẩn nhau, viết ra quyển Nhứt Thừa Quyết Nghi Luận, dung thông quan điểm hai đạo Nho, Thích. Lại trước tác quyển Hoa Nghiêm Niệm Phật Tam Muội Luận, hóa giải sự tranh chấp giữa Tịnh cùng Thiên. Và soạn thuật quyển Tịnh Độ Tam Kinh Tân Luận, phát huy những ý chỉ từ trước nói chưa hết của Liên Tông. Ngoài ra còn biên soạn các quyển: Cư Sĩ Truyền, Thiện Nữ Nhơn Truyền, Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, tùy cơ tiếp dẫn. Những tác phẩm này được nhiều người truyền tụng và lưu hành rộng trong đời. Ông lại xuất ra muôn lượng vàng, phuơng tiện cho gầy quỹ lấy lợi tức để tu tạo chùa, ấn tống kinh, cúng trai tăng, mở Cận Thủ Đường nuôi kẻ cô quạnh, đặt Nhuận Tộc Điền giúp hàng đói nghèo, dựng Truất Ly Hội trợ cấp người sương cu, lập Phóng Sanh Hội để chầu toàn vật mạng. Những công đức ấy đều có văn phát nguyện hồi hướng cầu cho mình và các loài hữu tình đều sanh về Cực Lạc.

Cư sĩ nương các tăng xá thuộc vùng Tô, Hàng tịnh cư hơn mươi năm, mỗi ngày đều có khóa trình tu niệm. Ông

dự chế các điều khoản khi mình mang chung, và không cho lập hậu. Mùa thu năm Càn Long thứ sáu mươi, cư sĩ bị nhiễm bệnh ở Văn Tinh Các. Sang tiết đông, tinh thần lảm suy kém. Ông gọi cháu là Chúc Hoa giao cho quản lý các hội từ thiện, di chúc bảo duy trì đúng để suy mất. Một vị Tăng là Chơn Thanh hỏi ông có thấy điểm lành chăng? Cư sĩ đáp: "Đâu có điểm chi lạ, việc lớn của tôi ở vào ngày Khai ấn sang năm!" Qua xuân nhằm đầu niên hiệu Gia Khánh, ngày hai mươi tháng giêng, cư sĩ viết kệ từ thế rằng:

*Thân số trầm luân tự điểm trần  
Duyên sao chìm nổi chốn mê tan?  
Ngày nay thăng hương Liên hoa quốc  
Chớp mắt thu về vạn kiếp xuân!*

Viết xong, ngồi kiết già niệm Phật mà thoát. Lúc ấy quả nhiên nhằm ngày Khai ấn trong nhà. Ông hưởng dương năm mươi bảy tuổi.



## LŨ HUẤT NHƯỢC

 **L**ư sĩ Lũ Huất Nhược, người đời Thanh, quê ở Tiền Đường, ưa bồ thí làm lành, siêng tu tịnh nghiệp. Ông trưởng trai hơn hai mươi năm, sớm hôm tụng niệm không lúc nào biếng trễ.

Năm Gia Khánh thứ ba, vào tháng hai, cư sĩ bỗng vuông bình. Có người bạn là Chương Thuyên ở Thiều Khê, nhân việc cần đến Hàng Châu, ở tạm tại nhà. Đêm lại, Chương Thuyên mộng thấy một vị Tăng ngồi kiết già ở trước sân xung Phật hiệu. Thuyên hỏi: "Sư niệm Phật để làm chi?" Vị Tăng đáp: "Lữ Huất Nhược có căn lành, chẳng còn mấy ngày nữa sẽ sanh về cõi Cực Lạc. Nay ta niệm Phật để tiễn đưa, việc ấy người chưa biết hay sao?" Chương Thuyên thức giấc lấy làm lạ, sáng ra đem thuật lại với con của Lữ là Văn Yên. Yên lộ vẻ bí ai thưa: "Cha cháu từ hạ tuần tháng giêng đã trói dặn việc sau, bảo ngày mùng bảy tháng hai sẽ vãng sanh về Tịnh độ. Nay bác đã mộng thấy điểm như thế, tất việc ấy đúng rồi!"

Đến đầu ngày mùng sáu, nơi phòng nằm của Huất Nhược bỗng có hương sen lan tỏa thơm bát ngát, trải qua trọn đêm không tan. Sáng sớm hôm sau, hương càng ngào ngạt. Lữ Huất Nhược gọi người nhà bảo: "Đức A Di Đà cùng chư Bồ Tát đã đến tiếp dẫn!" Nói xong, ngồi chắp tay niệm Phật mà qua đời. Việc này Chương Thuyên có ghi rành rẽ thành thiên Truyện Ký.

## TÀO THÁNH HỮU

 **T**ư sĩ Tào Thánh Hữu, người ở Gia Thiện, thường bị bệnh phong, tay chân co giật. Do bệnh khổ, ông đến dâng hương nơi chùa Thiên Trúc ở thành Hàng Châu, phát thệ trước Tam Bảo, nguyện trọn đời niệm Phật cầu vãng sanh không tối chuyển. Từ đó đi đứng nằm ngồi tiếng Phật không dứt, niệm đến lúc tha thiết, lại rơi lệ khóc thương. Cư sĩ tu hành tinh tấn như thế suốt mười năm.

Niên hiệu Gia Khánh thứ mười sáu, vào ngày mùng một tháng bảy, Thánh Hữu bão con đến am Dịch Thu ở bến Bắc thỉnh sáu vị Tăng về nhà trợ niệm. Ngày mười bốn chư Tăng đến, ông thưa: "Mười sáu tối đây, tôi sẽ về Tây phương. Xin các thầy xung Phật hiệu trợ niệm cho ba ngày. Công đức ấy nguyện vô vàn cảm tạ!" Bắt đầu từ hôm đó, mỗi ngày chư Tăng niệm Phật mười cây hương, mỗi hương chia ra phân nửa ngồi, phân nửa đi kinh hành, Thánh Hữu cũng tùy chúng niệm theo. Tới chiều ngày mùng sáu, khi đang ngồi niệm Phật, hương cháy vừa được vài tắc, cư sĩ liền thoát hóa.

### LỜI BÌNH:

Người xưa niệm Phật hằng cảm kích rơi lệ. Đời nay tu hành thường theo bề ngoài mà cầu danh lợi. Già sử có tinh

tần được nhứt thời, tiếp theo đó lại sanh ra biếng trễ. Cho nên dùng sức nhiều mà thành công ít, chính là bởi nguyên nhân ấy. Vậy hành giả cần phải lưu ý dè dặt!



## TRỊNH TRIỆU VINH

Cư sĩ Trịnh Triệu Vinh tự là Đình Huân, người thôn Thanh Trạch tại Ngô Giang. Ông ăn chay từ thuở bé, tánh ưa thích làm lành. Tới tuổi trung niên, buôn bán tại Hán Khẩu, gia thế lần phát và thiện tâm cũng lần tăng.

Trước đó có vợ của người bạn đồng nghiệp trong khi đau yếu, các âm binh bắt hồn dẫn đến một đèn nợ. Cô này bị thần quở trách là bất hiếu, muốn phạt cho chết để giam cầm xử tội. Cô khẩn thiết van xin thì thần bảo: "Ngươi muốn khỏi tội, thì phải đến bậc thiện nhơn là Từ Đại Quân thương thảo mới được!" Tỉnh lại, cô y theo lời, liền được miễn. Từ Đại Quân ưa làm lành, tu tính nghiệp, trước nay vẫn là hàng chí thíc của Trịnh Triệu Vinh. Nghe được việc này, Triệu Vinh phát lòng tin tưởng niệm Phật, mỗi ngày càng gia công. Ông khảng khái bỏ ra muôn lượng vàng, xây dựng Thiện đường để cứu giúp kẻ cô đơn nghèo khổ, nguyện đem công đức này hồi hướng về Tịnh độ. Khi

khách đến, nếu chẳng phải việc cần, liền ẩn mặt tu niệm, không giao tiếp một lời. Lúc lớn tuổi, ông đem cái thô dưỡng sanh bằng gỗ Sao của mình nhường lại cho người. Cư sĩ thường mang tiền và chuỗi tràng đến các xóm nhà nghèo bô thí, ân cần khuyên người niệm Phật. Vào mùa đông, gấp lúc nghiêm hàn, dù cởi áo giúp cho ai khỏi rét, ông cũng không từ nan sén tiếc.

Vào tháng chạp niên hiệu Gia Khánh thứ 18, cư sĩ cảm bệnh nhẹ. Đứa con có việc xin tạm xa nhà ít hôm, ông bảo: "Nên sớm trở về, ta sẽ vãng mặt trong một ngày gần đây!" Đến kỳ hạn, cư sĩ ngồi dậy về phương Tây, quyến thuộc đứng vây quanh, ông bảo: "Mau xưng Phật hiệu trợ niệm, Bồ Tát đã giáng lâm rồi!" Mọi người vừa chắp tay niệm Phật, bỗng nghe mùi hương lạ bay ngào ngạt. Giây phút cư sĩ liền vãng sanh, thọ được bảy mươi tám tuổi.



## NGÔ LIÊM

Gô Liêm tự Ty Mưu vốn là hàng chư sanh ở huyện Nguyên Hòa, cha ông thờ kính Tam Bảo, có quen một vị Tăng ở chùa Sư Lâm. Lúc thân phụ bình, vị Tăng thường đến thăm viếng và khai

thị pháp môn Niệm Phật. Ngô Liêm ở gần bên nghe được, bỗng chợt tỉnh ngộ, quy hướng về Tây phương.

Cư sĩ tánh đơn giản thầm lặng, tuy niệm Phật không xen hở, nhưng người ngoài không ai biết. Đến hơn ba mươi tuổi, vì nhà nghèo phải làm nghề dạy học. Lúc đi thi được đỗ đầu, ông cũng không lộ sắc vui. Cư sĩ từng bảo thân hữu rằng: "Chí của tôi có chỗ khác lớn hơn, chờ không ở nơi khoa bảng!" Chẳng bao lâu, nơi dạ dưới của ông bỗng nổi một cục bướu chữa trị mãi không lành. Một hôm bướu vỡ ra, máu chảy nhiều, cư sĩ nhân cảm tác hai bài thi rằng:

I

*Thịt thừa theo bám lấy thân thừa  
Mà kiếp tàn sanh đã chán chưa?  
Bốn đại suy ra không ngã tướng  
Huyền thân tươi trẻ được bao mùa?*

II

*Chẳng lựa tìm thầy hỏi thuốc xa  
Bịnh duyên nhân biết chỉ mình ta.  
Từ nay hôm sớm Di Đà Phật  
Chứng đến Kim Cang bất hoại mà!*

Ngô Liêm năm luôn hai tháng, bịnh khô càng tăng, song niêm lực càng bền chắc. Ba hôm trước khi mẫn phẫn, cư sĩ dự biết ngày giờ, dặn người nhà để cho mình thanh

tịnh. Đến kỳ hạn, xin thỉnh vài bậc danh tăng trợ niệm, rồi trong tiếng Phật hiệu, ngồi chắp tay mà vãng sanh. Lúc ấy nhằm ngày 23 tháng hai, niên hiệu Gia Khánh thứ mười chín.



## TRẦM ĐÌNH DU

 Cư sĩ Trầm Đình Du, người đời Thanh, quê ở Gia Hưng. Tánh ông đoan nghiêm cẩn thận, khi hưu sự đều chính tự tay mình làm. Thường ngày cư sĩ niệm Phật không dứt tiếng, cả những lúc làm việc, hoặc đi đứng nằm ngồi. Nhiều người trêu cười, song ông không lý đến. Cư sĩ tu trì như thế vài mươi năm, thường nói: "Niệm Phật càng thuần thực, xử sự càng tường minh!"

Đến bảy mươi ba tuổi, một hôm ông cảm bệnh sờ sài, bảo người nhà rằng: "Đức A Di Đà đã đến, hãy thắp sáng đèn nến nơi bàn thờ!" Rồi đốt hương cầm tay niệm Phật mà vãng sanh. Bấy giờ nhằm ngày mười chín tháng ba năm Gia Khánh thứ mười chín.

### LỜI BÌNH:

"Niệm Phật càng thuần thực, xử sự càng tường minh",

đó mới thật là cảnh động tĩnh nhút nhù, đi sâu vào tam muội. Kẻ theo danh lợi, thường nói: "Tôi bị nhiều việc phân tâm, không rảnh để niệm Phật!" Hoặc bảo: "Nếu chuyên niệm Phật, còn tâm tư đâu mà lo việc khác?" Đó là những lời nói chưa kinh nghiệm, cũng là trạng huống của tâm giải đái. Nếu không tu hành, khi cái chết chợt đến, phải buông bỏ tất cả chỉ có tội tướng theo bên mình, đó là lỗi của ai ư?



## TRƯƠNG HIẾU LÂM

 ư sĩ Trương Hiếu Lâm, hiệu Lộc Tuyền, người đời Thanh, quê ở Hoa Đinh. Ông thờ Phật rất thành kính, ưa bồ thí, ai có việc gấp đều tìm đủ cách giúp đỡ không ngại khó khăn. Mỗi ngày cư sĩ tụng kinh Kim Cang, A Di Đà và niệm Phật một muôn câu.

Niên hiệu Gia Khánh thứ 23, một hôm ông dậy sớm, bảo người nhà rằng: "Ta mong thấy hoa sen đã nở!" Đến tháng giêng năm sau, một đêm cư sĩ đốt hương, ngồi xay mặt về Tây, tụng Di Đà, Tâm kinh qua một lượt rồi đánh lě ba lần. Xong lại ngồi chắp tay niệm Phật thầm đến nửa đêm, mím cười mà vãng sanh. Lúc ấy mùi hương lă bay đầy nhà.

Trước khi ấy, con thứ tư của Hiếu Lâm là Ký Chung tu

tịnh nghiệp, cũng thích bồ thí, giúp kè cáp nạn y như cha. Ông ăn cơm rau mặc áo vải, sống rất đơn giản, hiếu thuận với cha mẹ. Mẫu thân qua đời, Ký Chung thương khóc ốm gầy, thồ huyết vài chén, nói: "Cha còn có ba anh ở lại, con xin đi!" Rồi ngồi bên linh cữu mẹ, niệm Phật lâm râm, trải qua ba ngày, cầm chuỗi mà mãn phần. Gương hiếu thuận chân tu này được ghi chép vào Truyện Ký ở bàn quận.



## PHAN VẠN TÔN

 ư sĩ Phan Vạn Tôn, người ở cửa khẩu Lê Kinh tại Ngô Giang. Tuổi trung niên, dứa con trai duy nhứt mãn phần, ông thương buồn phát tâm xuất thế, đến non Phật Đánh ở Nam Hải cầu Tạng Ngô hòa thượng xuống tóc. Ngô công báo: "Ngươi còn mẹ già, việc ấy chưa thể được. Huống chi sự tu hành không phải ở nơi xuất gia. Được một người bạn lành lúc bất thường nhắc nhở cũng đủ để tiến đạo!" Vạn Tôn nghe nói mới thôi.

Từ đó ông quy y Tam Bảo, tinh tấn tu hành, lúc hơi lớn tuổi lại ăn chay trường. Cư sĩ vốn có bệnh ghê lác nơi hạ thể, đến thời gian đó chúng áy bỗng phát nặng, lan lên khắp đầu mặt. Bị sự đau ngứa nhức nhối chịu không kham, ông tới mé sông muốn tự vẫn. Một bạn đạo là Định Xuyên biết

được, theo ngăn lại bảo rằng: "Bịnh từ nơi nghiệp mà khởi, nghiệp lại do tâm sanh. Nếu đem lòng chán buồn hờn oan tự trách, thì gốc mê càng sâu đời sau thêm khô, điều ấy há không đáng sợ ư? Như anh xét biết nghiệp mình, hồi ngộ tự trách, cố gắng nhẫn chịu, gia công tu hành, thì tai họa chính là cái duyên hay để tăng tiến phước huệ vậy. Thuở xưa có nhiều bậc càng tu nạn tai lại càng lầm, nhưng nhờ biết hồi ngộ giữ chánh niệm, nên khi lâm chung đều có điểm tốt vãng sanh. Cho nên nghiệp lực tuy mạnh, song tâm lực lại càng mạnh hơn, có sự chuyển biến khó nghĩ bàn là như thế ấy!"

Vạn Tôn nghe lời chót sáng suốt tinh ngộ, bỏ ý nghĩ quyên sanh, niêm Phật càng siêng năng tha thiết. Hơn một năm sau, bịnh thuyên giảm dần rồi dứt hẳn. Niên hiệu Gia Khánh thứ tư, vào tiết Trọng hạ, cư sĩ bỗng thấy nơi cửa tịnh thất mây đẹp nỗi hiện xoay vần, trong áy ẩn hiện một chiếc hồ lô phóng ánh sáng. Ngày mùng một tháng mười năm đó, ông cảm bịnh nhẹ. Ba hôm sau, cư sĩ tắm gội thay y phục mới sạch, rồi ngồi ngay thẳng nơi giường, nhở vợ xung Phật hiệu để hộ trợ. Ông cũng lâm tâm niệm theo, giây phút yên lặng mà thoát.

Sau khi cư sĩ vãng sanh, bà vợ đem y phục thiêu hóa. Lúc lửa tắt, nơi tro hiện ra tướng Tây phương Tam Thánh, mày mắt rõ ràng, các nếp áo cũng lộ lò lò đầy đủ. Ngày chiêu hồn, người vợ đem đốt một chiếc áo lót, trong tro lại hiện ra vài mươi chữ sắc đỏ. Nhưng rất tiếc bị kẻ không biết quét

xóa đi. Người xa gần nghe chuyện này đều kinh lạ thở than khen ngợi. Cư sĩ hưởng dương được sáu mươi sáu tuổi.



## TRẦM THƠ HOA

**C**ư sĩ Trầm Thơ Hoa, hiệu Trù Trà, vốn là một vị Hiếu Liêm ở Tiền Đường. Từ thuở bé ông đã biết kính tin Tam Bảo, gắng sức làm lành. Lớn lên thường in kinh Phật và các sách khuyến thiện để án tống. Đến như các việc giới sát phóng sanh, lại càng thiết thật tuân hành.

Tuổi trung niên, cư sĩ thọ ngũ giới, trường trai thờ Phật, chuyên tâm về Tịnh độ. Mỗi ngày ông đều tụnh kinh A Di Đà, niêm Phật năm muôn câu, trải vài mươi năm như thế không hề thiếu sót. Lúc lớn tuổi, được tuyển làm giáo chức ở Ninh quận, song khước từ không nhận. Cư sĩ có tự vẽ một bức họa minh ngài kiết già nơi hoa sen để nêu rõ ý chí. Một đêm vào khoảng cuối canh tý, ông bỗng thấy trong thất sáng tỏ, cho là trời đã rạng, vội trở dậy rửa mặt để lễ niêm. Nhưng được một lúc lại trở tối như cũ. Nửa tháng sau khóa lễ vừa xong, cảm thấy trong người mỏi nhọc, cư sĩ lại giường thầm niệm Phật không dứt. Chiều hôm kế, chắp tay

yên lặng mà qua đời. Lúc ấy nhầm ngày rằm tháng chạp, niên hiệu Gia Khánh thứ hai mươi bốn.

### LỜI BÌNH:

Cô nhọn có vị thấy ánh sáng trong suốt như gương hiện nơi vách, có vị thấy quang minh êm dịu tự ánh trăng hiện trên ngọn tháp. Trong Vãng Sanh Tập cho đó là sự ứng nghiệm do thân tâm yên lặng sáng suốt hiện ra. Ánh sáng trong thất mà Thơ Hoa trông thấy, âu cũng là hiện tượng đó chăng?



### HÚA NHÂN THỰC

**N**hà Nhân Thực, người ở Nam Hương huyện Đan Đò. Cư sĩ tánh thuần hậu thông minh, lại rất hiếu thuận. Do cha là Ngộ Thành chuyên tu tịnh nghiệp, nên Nhân Thực cũng kính tin ngôi Tam Bảo, thường trì tụng chú Chuẩn Đề. Lên mươi lăm tuổi, cư sĩ vào tro ở trong thành học tập nghiệp khoa cử. Khi có tiền dư, lại phóng sanh giúp kẻ nghèo khổ. Thân phụ muốm tìm nơi hỏi vợ cho, ông đều từ chối.

Đến hai mươi hai tuổi, Nhân Thực ứng khoa Viện thí xong, mang binh lắc huyết. Vài năm sau, lần lâm vào cảnh trầm kha, nằm kêu rên nơi giường bệnh. Ngộ Thành hiếu dụ con rằng: “Binh vốn do nghiệp trước chiêu cảm. Đức A Di Đà ở thế giới Cực Lạc là đáng vô thượng y vương. Nếu con phát tâm niệm Phật cầu sanh về cõi đó, thì nghiệp trầm kha vạn kiếp sẽ được thoát hẳn trong một sớm chiều”. Nhân Thực nghe nói tinh ngộ, xin thỉnh Tuyết Cốc hòa thượng ở chùa Trúc Lâm đến nhà, cầu thọ Tam quy Ngũ giới. Ké đó cư sĩ phát lộ sám hối, quyết chí niệm Phật cầu sanh Tây phương. Đến ngày mùng tám tháng tư, lại xin mời chư Tăng đến nhà niêm Phật trong bảy hôm. Mãn kỳ hạn, liền nhổ xuống tóc, rồi mặc đồ tu. Quyền thuộc trong thấy đều sa nước mắt lộ vẻ bi cảm. Nhân Thực nói: “Xin tránh đi nơi khác đừng làm loạn chánh niệm của tôi!” Từ đó cư sĩ càng gắng hết sức niệm Phật. Sang mùng một tháng năm, lại cầu thỉnh chư Tăng niêm Phật thêm một kỳ hạn bảy ngày nữa. Trong khóa niêm, bình chuyền nặng, chỉ còn nằm ngửa nơi giường khó nỗi day trời. Nhân Thực bèn dứt cả ăn uống chuyên lòng niệm Phật chờ vãng sanh. Đến chiều ngày thứ sáu, cư sĩ thưa với cha rằng: “Con sắp đi, đêm nay có thể viên mãn!” Ngộ Thành hiểu ý, thiết bàn Phật trước mặt bình nhọn, đốt hương lên đèn, xin chư Tăng đứng hai bên trợ niệm. Tới nửa đêm, ngoài cửa song bồng có ánh sáng đỏ chói trời, chớp lên vài lượt. Nhân Thực tự gắng sức nằm nghiêng bên hữu, chắp tay mím cười mà qua đời. Lúc ấy cư

sĩ mới vừa được hai mươi lăm tuổi.

Ngô Thành tự là Tâm Tăng, có làm nhiều thi kệ vịnh đạo, được lưu hành nơi đời. Nay xin lục ra bốn bài như sau:

I

*Chẳng trụ có, không, dứt biệt phân  
Một lòng nhàn tản tự phù vân.  
Hoa vàng trúc biếc phô mùi đạo  
Để ý tìm cầu lạc lối chân.*

II

*Cần tu tịnh nghiệp thoát trần duyên  
Đẹp mổi suy tư thấu lẽ huyền.  
Nếu lại ngờ ngờ sanh thức kiến  
Mây mù che khuất cảnh thanh nhiên.*

III

*Dàm tông nói giáo luận tuôn trào  
Tranh tỏ thông minh thấy hiểu cao.  
Sao kịp bền tu, tâm hạnh thật  
Di Đà sáu chữ trảm ma đao.*

IV

*Muôn kiếp chìm mê hối ngộ chầy  
Đường tu lỗi rẽ thấy nhiều đây!  
Trả xong duyên huyền thành vô lậu  
Một đóa sen màu nở cõi Tây.*

## CHÂU QUANG



Châu Quang hiệu Tây Liên cư sĩ, vốn là hàng chư sanh ở Giang Ninh. Ông bẩm tính thuận hậu, lạnh nhạt với lợi danh, tuy gia thế sang giàu, song tuyệt không thói khoang khinh ngạo. Đến tuổi trung niên, cư sĩ thường trai thờ Phật, mỗi ngày tụng kinh Kim Cang, niệm Phật vài muôn câu nguyện sanh về Cực Lạc. Khi gặp bè bạn, sau vài lời hàn huyên liền đề xuóng pháp môn Tịnh độ, khuyên nhắc tu hành. Ông từng xuất của mình và quyên góp tiền in kinh Di Đà Sớ Sao, tự tay kiểm duyệt, cho lưu hành khắp miền Giang, Hoài. Lúc lớn tuổi, thần khí vẫn khỏe mạnh, niêm Phật càng tinh tấn.

Mùa thu năm Gia Khánh thứ 22, cư sĩ mang chứng sán khí rất nặng, song vẫn trì niệm không thôi nghỉ. Chẳng mấy lúc bình được lành, có người hỏi đến việc đó và khen ngợi, ông bảo: "Trong khi bình ngặt, ban sơ tôi cũng đau đớn khổ nhẫn. Kế tướng đến thân cũng là già, thì bình khổ cũng không phải thật. Huống chi thân đối với tâm, sự tinh thô chia cách rõ ràng, cứ để cho thân mặc nó đau đớn, tâm ta đừng nghĩ tới và chuyên niệm Phật. Như thế thân bệnh không làm ngại đến tâm ta được. Tôi theo ý nghĩ đó mà thật hành. Trước tiên dù cố quên thân chuyên niệm Phật, song vẫn còn cảm biết đau đớn. Kế đó lần lần quên đau, nhưng lại thấy có thân cùng tâm đối lập. Sau lần chỉ biết có tâm, chẳng thấy có thân. Do đây không còn bị cơn đau đớn hành

hở chi phối, và bình cũng được lành!" Về sau cư sĩ niệm Phật mà qua đời. Ông từng làm hơn một trăm bài thi Tịnh độ, cho khắc bản lưu hành nơi đời. Xin lược trích vài bài như sau:

I

*Sớm về An Dưỡng mà ngơi nghỉ  
Đừng đổi Ta Bà luận có không.  
Lừa nghiệp khi hùng dùng sức định  
Niệm trần lúc khởi gắng ra công.  
Nén hương siêng lẽ ba ngàn Phật  
Tràng chuỗi cân chuyên một tấc lòng.  
Cám nỗi mẹ hiền trông tựa cửa  
Hùng hổ du tử chạy tây đông.*

II

*Ta Bà cõi nghiệp sự tung hoành  
Nói đến liên bang mộng cũng thanh.  
Hơi thở chẳng vào ngàn kiếp hận  
Tắc dương dám trễ sáu thời danh.  
Như gà ấp trứng liền hơi ấm  
Tợ lửa nung vàng luyện mới tinh.  
Một niệm gốc tình trừ sạch hết  
Tánh chân lò lộ khói viễn minh.*

LỜI BÌNH:

Đức Phật bảo: "Nỗi khổ không chỉ quá hon có thân! Cho nên có thân là có tội nghiệp, có tội nghiệp tức có đau khổ. Nếu biết được thân là giả, khổ không thật, soi trở lại nguồn, thì tội khổ tiêu tan, vọng tâm cũng mất". Biết hướng theo đường lối này, Tây Liên há chẳng phải trí đó ư?



**LỘ KHÔN**

 Cư sĩ Lộ Khôn người đời Thanh, quê ở Giang Ninh. Ông tánh từ thiện, rất tin ngô Tam Bảo. Lộ Khôn có người em làm quan, mỗi khi ông viếng thăm ở lại chơi, thấy trong nhà trù hằng ngày đều sát sanh rất nhiều. Cư sĩ thương xót, thường đem lý nhân quả tội phước ra khuyên dụ em, song nói mãi vẫn vô hiệu. Thấy thế, ông liền phát nguyện trường trại, rồi ở ngay trong dinh thư em, chích máu nơi lưỡi tâ kinh A Di Đà, cầu sanh Tịnh độ.

Sau khi đó, cư sĩ từ giã trở về nhà, mỗi ngày đọc sách dạy con, lấy đạo làm vui. Khi con đã khôn lớn, ông bảo nó dạy học để tự nó nuôi sống. Từ đó cư sĩ chẳng hỏi đến việc nhà, một lòng niệm Phật, dù tiết lạnh nóng, lúc đau bệnh

cũng không thôi bỏ. Ông giao hảo với Châu Quang, thường đem sự tịnh tu để sách tấn lẫn nhau. Lộ Khôn thân thể vốn mập mạp khỏe mạnh, song do tu trì khắc khổ, nên ngày lòn ôm gầy. Lúc lớn tuổi hình tướng khô khan, nhưng khóa tụng càng tăng, tất cả công đức việc lành đều hồi hướng về Tịnh độ. Ông rất thích kinh Kim Cang, mỗi ngày đều trì tụng trước bàn Phật, tuy lúc mệt mỏi khốn đốn, chưa xong quyển quyết không đứng dậy. Có một độ, cư sĩ bị bệnh nguy ngập sắp chết, người nhà đều dự bị săn đồ tân liệm. Trong cơn mê man, ông thấy tám vị Phạm tăng, thân đều cao lớn hơn một trượng, đi vào nhà lập đàn tràng vì mình làm Phật sự. Ông đang theo các vị ấy tụng kinh A Di Đà, bỗng nhiên chợt tỉnh, tiếng trì niệm còn văng vẳng nơi tai. Sau khi đó bình dường như mệt hẳn. Không bao lâu, cư sĩ chẳng đau yếu chi, niệm Phật mà vãng sanh.



## **NGÔ DOÃN THĂNG**

**C**ư sĩ Ngô Doãn Thăng, tự Thường Đạo người huyện Háp ở Huy Châu. Lúc tuổi trẻ ông thường đi lại mua bán nơi vùng Tô, Hàng. Trong cuộc du ngoạn chùa núi Hồ Khâu, một vị Tăng tình cờ gặp mặt ông nhìn kỹ đoán bảo: "Ngươi cũng có căn lành, song

tiếc vì lúc hai mươi chín tuổi bị nạn chét đầm, biết làm sao?" Doãn Thăng nghe nói sợ hãi, cầu thỉnh phương pháp giải cứu. Vị Tăng trầm ngâm giây lát rồi dạy: "Từ nay trở đi, ngươi phải giới sát phóng sanh. Mỗi ngày đều nên chí thành trì chú Đại Bi và niệm Phật, may ra có thể thoát khỏi!" Doãn Thăng tin nhận thật hành, lại thường đem điều này khuyên người.

Đến năm hai mươi chín tuổi, cư sĩ từ Hàng Châu nương thuyền trở lại quê nhà. Bạn đồng hành được tất cả mươi bảy người. Khi thuyền trương buồm ra đi độ vài mươi dặm, ngọn thủy triều chợt ầm ầm xô đến, sóng to nổi dậy thế rất nguy cấp. Doãn Thăng chợt nhớ lời vị Tăng nói khi trước, vội chắp tay niệm Phật. Giây phút thuyền lật úp, ông và tất cả hành khách đều bị cuốn lôi theo sóng nước. Trong cơn hoảng hốt mơ màng, bỗng nghe tiếng nói: "Ngô Doãn Thăng khuyên người niệm Phật có công, được thoát khỏi nạn này!" Cư sĩ vội mở mắt nhìn xung quanh thì thân đã nằm trên bờ, bên mình có những người chài lưới đang vực tinh. Kiểm điểm lại, mũ giày hành lý đều bị nước tuôn mất hết, duy có xâu chuỗi mười tám hạt bình nhật thường trì niệm hay còn nắm chắc nơi tay. Còn mười sáu người kia đều bị trôi chìm không thấy tung tích. Từ đó ông càng tin công đức niệm Phật chẳng thể nghĩ bàn! Cư sĩ không trở về quê, ở lại mở ngôi quán xem tướng, mượn nhân duyên này để nói lý nhân quả, khuyên người tu niệm.

Sau cơn hoạn nạn, Doãn Thăng hành trì càng tinh tấn. Ông đốt liều hương nơi cánh tay thành bốn chữ "Cầu sanh Tây phương" để nêu rõ hạnh nguyện của mình. Người ở Hàng Châu theo di phong của Tô Liên Trì, phần nhiều đều tín hướng pháp môn Niệm Phật. Song những kẻ thật hành,

lại là người già cả, không có hạng thiếu niên. Mỗi tháng họ tập họp lại chùa niệm Phật, gọi là Lão Nhị Hội. Sự tập họp cũng không dám đi đông nhiều, vì sợ bị hiềm nghi là dị giáo mưu đồ chánh trị. Doãn Thăng khảng khái tuyên bố với mọi người: "Môn Niệm Phật không phân biệt nam nữ già trẻ sang hèn. Đạo Phật là chánh giáo được triều đình mến ưa công nhận, tại sao lại phải e sợ?" Lúc ấy Diên Kiểm Điện, một quan chức quyền quý, đang chủ duyệt kiểm tra về thuế muối ở Hàng Châu, cùng cùi sĩ có tình cựu hảo. Nhân cơ hội, ông mở cuộc lạc quyên, trước tiên đến Điện công được ngài góp vào hai trăm lượng vàng để làm thủ xương. Với số tiền quyên được, cùi sĩ đặt thành quỹ phuong tiện thâu lợi tức nhẹ mở mang hội niêm Phật tại chùa Bảo Thành ở núi Tú Dương và làm các việc từ thiện. Mỗi khi gặp ngày hội kỵ, ông vì quản chúng giảng giải Phật pháp, nói lý nhân quả. Kè chưa phát tâm khuyên tinh tấn tu niêm. Cùi sĩ lại mở thêm chi hội noi chùa Tiên Lâm ở trong thành cùng các chỗ khác để khuyến hóa. Kè tin tưởng niệm Phật ngày càng đông có đến số ngàn. Mỗi khi tập họp, tất cả đều nghiêm trang kính cẩn, không buông lung rộn ràng huyên náo. Tượng Tam Thánh cao một trượng sáu nơi điện Tây phuong tại chùa Tiên Lâm, cũng do người trong hội kiến tạo. Một buổi sáng đang lúc tập họp niệm Phật, đại chúng thấy từ trong mũi tượng Đại Thế Chí Bồ Tát phóng ra một đạo bạch quang bay vòng quanh nơi điện đình hơn vài khắc mới tan mất.

Từ đó ở thành Hàng Châu phong thái niêm Phật thanh hành. Các vùng xung quanh cũng được ảnh hưởng cảm hóa, trẻ già trai gái tay cầm tràng, miệng niệm Phật, là chuyện thường không còn xa lạ. Danh hiệu Doãn Thăng đán

bà con trẻ đều biết. Mỗi kỳ hội, các nơi thay phiên nhau thỉnh cùi sĩ đến diễn giảng. Ở Tây Hồ có chùa Linh Phong, nguyên là di tích của Phục Hồ thiền sư, hư phế đã lâu. Trong niên hiệu Đạo Quang năm đầu, Doãn Thăng phát nguyện trùng hưng, tu tạo vài năm mới lạc thành. Cùi sĩ mãn phần lúc sáu mươi sáu tuổi. Khi lâm chung ông giữ chánh niêm phân minh, tự nói: "Tôi thấy vô số Bồ Tát đi kinh hành ở trước mặt!" Rồi ngồi ngay lặng lẽ mà hóa. Bấy giờ nhằm ngày mùng một tháng năm, niên hiệu Đạo Quang thứ chín.

### LỜI BÌNH:

Lộ Khôn niêm Phật vốn cầu vãng sanh, mà kiêm thoát được bệnh khổ trong hiện tại. Doãn Thăng niệm Phật chỉ mong khỏi nạn, nhưng lại cảm điềm lành tốt lúc lâm chung. Thế thì ai bảo: "Công đức niêm Phật duy có lợi ích sau khi mãn phần ư?" Xem gương trên, hai vị đều gắng sức thật tu, tin chắc không đổi. Người đời nay đem công phu chút ít, cầu lợi ích quá phần, đến khi thấy vô hiệu, trở lại cho rằng Phật pháp không linh nghiệm, rồi bỏ hết việc tu hành, há chẳng đáng ngâm ngùi thương tiếc lắm ru!



## TÙ THỊ

**T**ù thị người ở Tòng Giang, gả về nhà chồng là Dương Phát Trai tại bản quận. Năm ba mươi hai tuổi, cô ăn chay trường niệm Phật, kiêm chí thành trì chú Đại Bi cầu sanh Cực Lạc.

Mỗi bữa khuya, cô thức dậy sớm súc miệng rửa mặt, lên hương đèn, lễ bái tụng chú Đại Bi hai mươi mốt biến, niệm Phật một ngàn câu, rồi mới lo đến việc nhà. Cô tu hành một mục không đổi thay thiêu sót như thế, trải vài mươi năm. Mùa hạ niên hiệu Càn Long thứ 35, Tù thị cảm bình nhẹ. Đến ngày mùng tám tháng sáu, cô theo lệ thường tụng niệm. Khi vừa trì chú được hơn một khắc, người nhà cảm nghe âm thanh lần thoát ra ngoài cửa. Tất cả chạy lại xem thì cô ta đã mím cười ngồi thoát hóa. Bấy giờ nhâm thời tiết nóng nực, để quần ba ngày, nhan sắc vẫn tươi như sống. Đến khi thiêu hóa y phục, các ngọn lửa bốc lên, đều hóa thành hình hoa sen năm sắc. Mọi người trông thấy lấy làm lạ thở than khen ngợi.



## TÀO THỊ

**T**ào thị nguyên là mẹ của Bá Thiên Hựu ở Thường Châu. Thiên Hựu bình sanh ua làm điều lành, thờ phượng Lữ Đồng Tân chơn nhơn rất nghiêm cẩn.

Ông thường phò cơ hỏi về cách thức tu tiên, khi thỉnh vấn xong lui ra lén bồ đoàn lặng lòng nhắm mắt ngồi tĩnh.

Sau Thiên Hựu đến Tô Châu, có người trao cho quyển Tây Phương Xác Chỉ, trong ấy bài bác đạo Tiên, chỉ dạy Tịnh độ, ông mới hồi hướng về Phật thừa. Tuy nhiên trong lòng còn chút nghi ngờ, ông đem điều ấy thưa hỏi Lữ Tổ. Chơn nhơn đáp: "Người chó nên nghi ngờ, khi tam tai đại kiếp đến nơi, bọn thiên tiên chúng ta cũng không đường tránh khỏi. Cõi Tịnh độ là nơi vui nhản an ủn, dễ bè tiến đạo, người nên cố gắng niệm Phật cầu vãng sanh!" Nhân lại bảo nên tụng thêm kinh Kim Cang Bát Nhã. Thiên Hựu nghe nói mới tin nguyện vững chắc, dứt hết lòng nghi.

Lúc ấy Tào Thị đã sáu mươi bốn tuổi, cảm bình nhiệt rất nặng. Thiên Hựu nghe tin, từ Tô Châu trở về, thấy mẹ đã tắt thở, chỉ còn hơi ấm nơi ngực, người nhà lo sẵn quan tài và đồ táng liệm. Ông cảm xúc khóc rống, tụng Bạch Y Thần Chú một muôn hai ngàn biến cầu với Quán Âm Đại sĩ, xin giảm thọ số của mình một kỷ để cho mẹ được sống thêm. Hôm sau Tào thị bỗng tỉnh lại đòi uống nước, trải vài

ngày mới hồi phục. Bà cho biết khi mình mới vừa chết, liền bị hai sứ giả dẫn đi, trải qua các ty Thổ địa, Thành hoàng, kế đến phủ ĐÔNG Nhạc. Phủ quan bảo: "Con của người đã vì mẹ chí thành cầu đảo, nguyện nương nơi sức Bạch Y Đại Sĩ xin giảm kỷ để tăng thọ cho mẫu thân. Bởi nguyên do ấy, nên ta cho người được hoàn sanh". Rồi dạy minh quan đưa trở về. Thiên Hựu liền mượn nhân duyên đó khuyên mẹ tu tịnh nghiệp. Tào Thị bèn trường trai, mỗi ngày đêm chia ra ba thời, lần chuỗi niệm Phật hồi hướng về Tịnh độ. Mười hai năm sau, khi đến bảy mươi sáu tuổi, vào ngày rằm tháng chín, bà thức dậy sớm bảo Thiên Hựu rằng: "Mẹ sắp đi, con hãy mời hàng thân thuộc đến để già biệt". Ba hôm sau Tào thị tắm gội thay y phục, rồi nằm nghiêng bên hữu mà qua đời.

Thiên Hựu có người cô là Hứa thị cũng trường trai niệm Phật mà chưa thể chuyên nhứt. Ông rước về nhà, khuyên cô buông bỏ muôn duyên, một lòng niệm Phật. Hứa thị y theo lời. Bấy giờ bà đã sáu mươi lăm tuổi, từ tháng ba đến tháng sáu niệm Phật không xen hở. Một hôm bà đến trước Thiên Hựu cúi xuống lạy. Ông kinh hãi hỏi lý do, bà nói: "Cô hơn sáu mươi năm điên đảo trong vòng mộng tưởng, chưa từng được một ngày an vui. Từ khi được cháu dạy cho niệm Phật đến giờ, sáng niệm thoảng chốc đã đến tối, tối niệm giây phút đã thấy sáng, sự an vui trong đời còn chi hon đây? Nếu chẳng nhờ cháu hướng dẫn thì đâu được như thế, cho nên cô mới đánh lễ tạ ơn!" Thiên Hựu nhân đó

khen ngợi cõi Cực Lạc trang nghiêm và bảo: "Chỉ được nhứt tâm, cảnh Phật tự hiện. Khi thánh cảnh hiện ra, cũng chờ sanh tham trước!" Lại trải qua ba tháng, một đêm Hứa thị đang ngồi niệm Phật, bỗng thấy kim liên hiện ra trước mặt, giây phút hóa thành trăm ngàn muôn ức hoa sen, ánh sáng chiêu rực rõ không cùng tận. Sáng ra bà cũng lạy Thiên Hựu mà thuật rõ việc ấy. Từ đó dung sắc bà sáng nhuần, tươi trẻ lại như người ba mươi tuổi. Trọn ngày Hứa thị không nói chi, ban đêm nằm nghỉ chừng một canh rồi thức dậy ngồi niệm Phật đến sáng. Chưa biết được ngày lâm chung của bà về sau như thế nào?

### LỜI BÌNH:

Xem lời nói của Lữ Đồng Tân chơn nhơn, thì biết tu Tịnh độ là việc cấp thiết. Trong đời có kẻ chuộng Tiên thuật mà chê Phật pháp, kết cuộc chỉ tự khi dối mình mà thôi.



## ĐÀO QUỲNH LÂU

  
**D**ào Quỳnh Lâu tự Khánh Dư, người đời Thanh, quê ở Tô Châu, xứ Trường Châu. Cô là vợ của Bành Hy Lạc, người anh em của Bành Hy Tốc, cả hai đều là cháu của cự sĩ Bành Nhị Lâm.

Quỳnh Lâu từ bé đã thông minh, am tường thi vận, thường cùng em gái là Đào Nhân sờm hôm hòa xướng. Tánh ua thanh vắng, gặp cảnh non sông u nhã, liền có ý thoát tục quên đời, tâm niệm hằng lộ ra lời thi văn. Không bao lâu, Đào Nhân bị bạo bệnh rồi từ trần. Quỳnh Lâu mang đậm mối suy tư, từ đó thôi làm thi văn, chuyển sang nghiên cứu kinh Phật, mong tìm phương giải thoát. Xem đến kinh Đại Báo Ân, cảm nhận duyên khổ hạnh nhiều kiếp của Như Lai, cô liền phát đại nguyện cầu chứng Vô sanh pháp nhẫn. Quỳnh Lâu tự tay thơ ta kinh này, cùng các kinh Kim Cang, Di Đà, bút pháp rất đoan chánh tươi đẹp. Cô tu Tịnh độ, mỗi ngày đều niệm Phật, có làm vài mươi bài Tàn úy ngâm, ý tứ gần với đạo.

Đến khi xuất gia, Quỳnh Lâu thường nói pháp Khổ, Không, Vô thường, Vô ngã cho gia nhơn nghe. Mỗi buổi sáng là thời khóa tịnh nghiệp, rảnh rỗi lại duyệt các kinh đại thừa như Lăng Nghiêm, Viên Giác, Pháp Hoa, Hoa Nghiêm. Sự tìm hiểu về đạo lý của cô rất thâm thúy. Để đáp mươi bài thi bế quan của cự sĩ Bành Nhị Lâm, Quỳnh Lâu có sáng tác mươi bài như sau:

### I

Vô tướng ánh mầu lộ thể chân  
 Gió từ phơi phát bốn mùa xuân.  
 Một niềm vắng lặng thông tin tức  
 Lòng hướng Liên bang lẽ niêm cản.

### II

Xưa nay chẳng thật có đâu hư?  
 Luận đạo bàn thiện chuyện cũng đú!  
 Sáu chữ Di Đà không tự tánh  
 Áy ai ta, Phật đây bấy chừ?

### III

Đàm trong ngắn nước lặng hue huyền  
 In bóng trời mây ánh huệ viên.  
 Hạnh đủ công thành rồi sẽ rõ  
 Hoa thơm chim hót cũng màu thiền.

### IV

Định dựa thanh tuyền, thất dựa non  
 Trong vùng tươi biếc, cửa tùng im.  
 Về nhà sờm nhặt ngay đường lối  
 Chờ để lâm chung trê khố tim.

V

*Thần chơi cõi tịnh tuyệt mù mây  
Nào đợi gây tê ánh sáng bày<sup>(11)</sup>.  
Khéo luận đường xa mười vạn tám<sup>(12)</sup>  
Hư không lâu các giữa trời Tây!*

VI

*Một dãy cây đường thắt bao lâm  
Đầu cảnh nghe thoáng tiếng linh cầm?  
Gió đông thổi lọt màn hoa lá  
Diễn nói trăm ngàn diệu pháp âm!*

<sup>11</sup> Một vị tìm đạo lên núi gặp lão nhơn mặc áo bát quái, chống cây gậy lè dẫn vào động tiên. Khi ấy trời đã hoàng hôn, đường vô hang đá lại càng tối mịt. Hốt nhiên từ đầu gậy lè phóng ra ánh sáng rực rõ soi tỏ lối đi. Đây ý nói cõi Cực Lạc có ánh sáng thật bảo tự nhiên, không cần phải dùng gậy lè phóng quang như cảnh Tiên.

<sup>12</sup> Kinh Pháp Bảo Đàm bản cũ có câu: "Cõi Tây phương cách đây mười muôn tám ngàn dặm". Câu này ám chỉ: Nếu diệt mười tám giới là sáu căn, sáu trần, sáu thức, tức sẽ đi đến cảnh Tây phương của tự tâm. Nhưng về sau chư tôn đức Phật giáo cho câu này là lời hậu nhơn thêm vào, chớ không phải của Lục Tổ nói, nên gạt bỏ. Bởi trong kinh A Di Đà, đức Thích Tôn bảo: Thế giới Cực Lạc ở về phương Tây cách đây mười muôn ức cõi Phật chớ không nói mười muôn tám ngàn dặm.

VII

*Niệm Phật ngày đêm tự phản quang  
Máy hồi sanh diệt thấy vô đoan.  
Trước làng, sau tuyết hoa mai nở  
Lộ vẻ xuân tươi sáng vũ hoàn!*

VIII

*Chín chục xuân quang khó mài gìn  
Đĩa đèn đêm vắng đối riêng mình.  
Pha trà đâu phải vì hương vị  
Khi hưng nào can uống một bình.*

IX

*Cõi trần gieo được giống hoa sen  
Nước ngọc liên trì nhụy nảy sanh.  
Một niêm tinh thần siêu phẩm tục  
Nhẹ nhàng cõi tịnh bước thanh thanh.*

X

*Phá được trùng quan thấy cảnh quê<sup>(13)</sup>*

<sup>13</sup> Người tu thiền từ nơi không mà vào, để tâm rỗng không, nên lần lần vọng niệm chẳng khởi, chỉ thấy một màu vàng lặng. Kế đó không cảnh hiện ra; tường vách non sông đều mất hết. Nhưng đó là cảnh tạm chớ chẳng phải là chơn cảnh của tự tâm, nếu nhận chơn tức bị làm lạc. Khi chơn cảnh hiện ra, sẽ tỏ ngộ nước chảy mây trời, hoa vàng trúc biếc, đều là quê hương xưa của tự tánh.

*Từ nay chẳng lạc bước đường mê.*

*Xoay vẫn sáu chữ không sau trước*

*Nước chảy mây trôi tỏ lối về!*

Qua mùa đông, Quỳnh Lâu cảm bịnh, tự biết khó lành, thường chuyên niệm danh hiệu Phật. Trước khi mẫn phán, cô thỉnh mệ đến từ biệt và nói: “Đại Hòa thượng đã đến rước, con đi đây!” Đứa thị tỳ thưa: “Còn lão thân thì sao?” Đáp: “Cánh Tây phương đẹp, ngày kia cô sẽ về rước bà đi!” Nói xong liền mất. Bấy giờ nhăm ngày 23 tháng giêng, niên hiệu Càn Long thứ 45, cô mới vừa được hai mươi lăm tuổi.

Đến mùa xuân năm Càn Long thứ 49, có Tây Phương Đại sĩ dùng phương tiện giáng cơ nại Ngọc đàm, vì hàng thiện tín tuyên dương pháp môn Tịnh độ. Một hôm, Bành Nhị Lâm cư sĩ đến đàm, thưa hỏi chỗ sanh của các vị sư hữu đã từ trần. Đại sĩ mỗi mỗi đều phúc đáp rành rẽ. Trong ấy, một vị sanh về cung trời Đâu Suất, một vị hưởng phước báu cõi người, có bốn vị được sanh Tịnh độ. Đó là Hương Sơn lão nhơn hiệu Thật Định, Lữ Đình đại sư hiệu Tế Hội, Thệ Nguyên Tỳ kheo pháp danh Phật Ân và một vị cư sĩ là Trầm Bính hiệu Kính Phù. Sau rốt Bành cư sĩ hỏi đến Đào Quỳnh Lâu. Đại sĩ đáp: “Đào thị đã sanh về miền biên cảng ở Tây phương”. Giây lát Quỳnh Lâu giáng đàm để thi rằng:

*Cố đức bảo: “Chớ nhận vô tâm là thật đạo. Vô tâm còn cách một trùng quan!” Phá trùng quan là vượt phá hiện tượng thiên không nói trên.*

*Vũ yết nhàn gai phương thảo đa*

*Ngũ niên tiêu tức đắng phao thoa!*

*Động trung thâm bế yên hèn tích*

*Nhứt niệm huân phong tống khách qua!*

Tạm dịch:

*Mưa tạnh, thèm nhàn rợp cổ thơm*

*Năm thiên thấp thoáng tự thoi dòn!*

*Ráng mây khóa kín người tiên động*

*Để gió nam đưa khách lạc hồn!*

Nhân đàn cơ cô hiểu thị cùng đại chúng rằng: “Muốn sanh về Cực Lạc, các vị cần phải có tâm trường sắt đá, niệm Phật thành một khối, ngoài không bị sáu trần nhiễm vào, trong không bị bảy tình khuấy động, thì nơi chốn bùn nhơ sẽ có hoa sen mọc lên. Khi ấy, niệm một câu Phật hiệu, liền có một đạo hào quang phóng ra: Niệm ngàn muôn câu Phật hiệu thì có ngàn muôn đạo quang minh. Quang minh đó vẫn vô tướng, từ trong phát sanh, chứ chẳng phải từ bên ngoài mà được. Đức Phật A Di Đà luôn luôn ở trước mặt các vị, tùy chỗ xuất hiện. Nếu vừa có một mảy may vọng niệm, thì ánh sáng Phật ẩn mất không lộ bày. Khi niệm Phật, cần yếu phải thường thường soi vào trong, mới phát minh được lý: “Một niệm bất thối”. Tiếng niệm Phật lại cần phải theo tâm mà khẩn thiết, mới phát sanh được nguyện lực và sức niệm mạnh mẽ vô thượng. Tâm và tiếng nên dung hòa nhau, thì

ánh sáng tự tâm sẽ chói suốt bốn bề, không chỗ nào chẳng phải Phật, và không lúc nào chẳng niệm Phật, mới là đặc thù! A Di Đà gọi là Vô Lượng, nên biết đó là trí huệ vô lượng, thần thông vô lượng, từ bi vô lượng, nghiệp thọ vô lượng. Nếu không phát thâm tâm vô lượng, đâu có thể thấy được tướng Vô kiền đảnh của đức Cực Lạc Bồn sư? Thương thay cho chúng sanh! Dục niệm chưa trừ, đạo căn lẩn mất, Phật tuy thương xót, nhưng biết làm sao? Vậy hãy nghe lời tôi khuyên, mau cõ gắng niệm Phật!"

Cách hơn tháng sau, Nhị Lâm cư sĩ lại đến Ngọc đàn, hỏi Quỳnh Lâu về các tình tiết lúc lâm chung, gồm mấy điểm như sau: "Được biết cô đã vãng sanh, rất mừng rất tốt! – Nhưng các ông La Đài Sơn, Châu Trọng Quân, trai giới tinh nghiêm, hoằng thệ rộng lớn, mà còn bị lạc vào vòng báu cõi nhơn thiên. Phần cô, công phu chưa thuần, giới phẩm chưa vẹn, mà lại được vãng sanh là thế nào? – Vậy quang cảnh lúc cô vãng sanh ra sao? – Và sau khi vãng sanh sự hướng thọ như thế nào? – Đã được thấy Phật chưa? – Chừng nào lên bậc Bất thoả? – Xin cô giải bày rành rẽ, để mọi người nghe biết phát tâm tin mến tu hành. Đây tưởng cũng là một việc hợp với bản nguyện độ sanh của cô vậy!"

Ngày ấy, Tịch Căn Bồ Tát giáng đàm thay thế dạy rằng: "Tháng trước ta ở biên cảnh cõi Cực Lạc thuyết pháp rồi mới đến đây, nên Đào thị nương thần lực của ta mà cùng đến. Nay ta không ghé miền ấy, nên Đào thị không đến được. – Bình nhựt tuy công phu của Đào Quỳnh Lâu không

sánh kịp bọn ông La Đài Sơn, nhưng lúc lâm chung chánh niệm của cô hon các vị đó rất xa, nên cảm được đức Quán Thế Âm thân lâm tiếp dẫn. – Khi lâm chung Đào thị thấy kim liên hoa hiện tiền mà vãng sanh. – Nay cô đang ở miền biên địa thế giới thát bảo, sự ăn mặc đều tự nhiên hóa hiện. – Dù cô chưa được thấy Phật, song mỗi ngày chư Đại Bồ Tát ở Cực Lạc sang biên địa thuyết pháp hai thời. Người tinh tấn sẽ lần lần sanh lên chín phẩm, kẻ giải đai cũng hưởng thọ được năm trăm năm. Một ngày ở biên cảnh Tây phương bằng một trăm năm tại miền Diêm Phù Đề này. Từ khi vãng sanh đến nay, Quỳnh Lâu tinh tấn lắm, tương lai có thể ở vào bậc Thượng phẩm hạ sanh, lên hẵn ngôi bất thoả chuyển. Thời gian ấy noi đây là hai ngàn năm nữa".

Cứ theo giáo điển, Tịch Căn Bồ Tát là vị Đại sĩ từng dự pháp hội Duy Ma và Vô Lượng Thọ, lúc đức Thích Ca Thế Tôn ứng thê thuyết pháp.



## BÁ BẤT QUÁN

**B**à Bất Quán người ở Hàng Châu, chưa được rõ danh tánh. Bà từng đến am Hiếu Từ hỏi Đạo Nguyên hòa thượng rằng: “Bạch Ngài! Tu theo pháp môn nào, một đời có thể thoát ly biển khổ?” Hòa thượng đáp: “Muốn được như thế, không chỉ hơn môn Niệm Phật. Nhưng niệm Phật chẳng khó, mà khó ở nhứt tâm. Nếu người có thể buông tất cả không quán đến, chuyên lòng trì danh, thì quyết định khi lâm chung Phật sẽ đến tiếp dẫn, liền được xa lìa biển khổ!” Bà nghe nói vui vẻ lễ tạ, trở về đem việc nhà giao cho con và dâu, rồi mở một gian tịnh thất thờ Phật, trọn ngày tu niệm ở trong đó.

Hơn một năm, bà lại đến hỏi Hòa thượng rằng: “Đệ tử từ khi được nhở ơn chi dạy, đã bỏ việc nhà chuyên lo niệm Phật. Tự xét lại sự tu trì bấy lâu chưa từng thiếu sót biếng trễ, nhưng chi khổ vì khó được nhứt tâm. Xin nhở Ngài xót thương khai thị thêm, cho được như ý nguyện!” Hòa thượng bảo: “Đó là bởi người tuy gác bỏ việc nhà, song còn nhớ nghĩ đến cháu con quyền thuộc. Niệm ái kia chưa dứt, thì làm sao được nhứt tâm? Nay người nên cố gắng gia công, trước tiên nhở trừ gốc ái buông cả muôn duyên, tất ý nguyện sẽ đạt thành!” Bà nghe nói than rằng: “Lời Ngài dạy quá rất đúng. Đệ tử tuy không quán đến thân, nhưng chẳng thể không quán đến tâm. Từ đây nguyện xin trăm

việc đều không quán đến!” Rồi bà trở về niệm Phật thêm chuyên cần. Khi tâm ái thoát khởi động, liền đem mấy chữ “Trăm việc không quán” để dẹp trừ. Lúc có ai hỏi đến việc nhà, cũng dùng mấy chữ đó đối đáp. Bởi thế tên Bá Bất Quán (*trăm việc không quán*) của bà được thành danh và truyền khắp hương thôn.

Tu hành như thế lại hơn một năm, ngày nọ bà đến am Hiếu Từ lễ tạ Hòa thượng, thưa rằng: “Lời của Ngài dạy quả xác thật không hư dối. Đệ tử sắp về Tây phương, nên đến đây lễ tạ ơn và xin giã biệt!” Vài hôm sau bà không bình mà qua đời. Lúc ấy nhầm niên hiệu Gia Khánh năm đầu.

### LỜI BÌNH:

Bá Bất Quán chỉ là danh từ ước lược. Suy ra rộng, thì từ trăm đến ngàn, từ ngàn cho đến muôn, thảy đều không quán. Nói gọn lại, tức một việc hãy còn không quán, huống chi trăm ngàn muôn? Được như thế, duyên trần mới có thể dứt. Làm theo đây, tịnh nghiệp mới có thể thành. Hỡi ôi! Ước chi kẻ tu hành trong đời đều được như bà Bá Bất Quán này ư!



## UÔNG THỊ

 Ông thị người đời Thanh, quê ở Hoa Đinh. Cô được cha mẹ gả cho Châu Văn Vinh năm mươi sáu tuổi. Bên chồng nghèo thiểu, Văn Vinh đi dạy học phương xa, Uông thị ở nhà làm nghề may thuê để sanh sống. Cô rất kính tin ngôi Tam Bảo, ăn chay trường, mỗi ngày đều có tụng kinh niệm Phật.

Sau Văn Vinh đến Hồ Bắc rồi chết nơi miền đất khách. Uông thị ở nhà lâu ngày vắng bặt tin tức, gắng nuôi con trai là Phương Dung cho đến khi thành lập, mới sai tìm cha. Phương Dung vượt ngàn dặm, trải nhiều gian khổ, kết cuộc vác được hài cốt phụ thân đem về. Quan Học Sứ nghe tiếng đồn mẹ tiết hạnh, con hiếu thảo, đem việc ấy trình thưa thượng cấp, nên tại nhà được treo bày biển khen tặng. Phương Dung viết và vẽ đều khéo, thêm được gán xa mến trọng nét hiếu hạnh, nên nhiều người tranh nhau đặt làm những bức tự họa. Nhờ đó sự sanh sống trong nhà cũng tạm rộng rãi yên lành. Lúc lớn tuổi Uông thị niệm Phật càng siêng năng chí thành, nguyện cho cha mẹ mình, cha mẹ chồng và chồng đều sanh về Cực Lạc.

Trong niên hiệu Gia Khánh, bà hay đau yếu, nên thường đóng cửa niệm Phật, không hỏi đến việc nhà. Lúc sắp mãn phần bà gọi Phương Dung đến bảo: "Đêm rồi mẹ mơ thấy ông nội bà nội, ông ngoại bà ngoại và cha con đều ở cảnh Liên Hoa thế giới. Hiện thời có mây lành năm sắc

nâng đỡ một cánh sen to như chiếc thuyền. Có lẽ mẹ sẽ nương theo đó mà sanh về cõi Phật chăng?" Nói xong vui vẻ niệm Phật rồi thoát hóa. Lúc ấy trong nhà có mùi thơm như hoa lan, đến khi tản liệng còn thanh thoảng chưa tan.

### LỜI BÌNH:

Điểm mộng của Uông thị, kết cuộc phù hợp với lời phát nguyện khi trước. Thê thì công đức niệm Phật có thể siêu độ cho người quá cố, nơi đây đã thấy bằng chứng rõ ràng. Hàng tiết phụ trong đời chưa hiểu lẽ ấy, nên nhỏ thì bi thương thành bịnh, lớn đến quyền sinh theo chồng. Họ đâu biết rằng khi mãn báo thân, mỗi người trong quyền thuộc đều theo nghiệp lành dữ của mình mà tản đi các nẻo. Dù cho có gặp nhau nơi chốn huỳnh tuyỀn, cũng chỉ nhìn tạm đồng như khách qua đường. Duy cõi Tịnh độ ở phương Tây, các bậc thượng hiện đều hội về một chỗ, vĩnh viễn làm quyền thuộc liên hoa. Sự hon kém cách nhau vực trời áy, mong người trí nên suy nghĩ mà chọn lối đi về.



## VƯƠNG, TRƯƠNG, TRẦN

 Vương thị người ở Thọ Kiều, thôn Đông, huyện Cần. Khi mới sanh ra, cô đã không chịu ăn thịt cá. Quy y Tam Bảo từ thuở bé, cô được thầy cho pháp danh là Tịnh Long. Lúc về nhà chồng, Vương thị mới bắt đầu tín hướng pháp môn Tịnh độ, chuyên cần niệm Phật. Người chồng tánh thô bạo thường mạ nhục, cô chỉ biết làm thỉnh nhẫn chịu mà thôi.

Hơn sáu mươi tuổi, Vương thị tu hành càng thêm tinh tấn. Một đêm bị người hàng xóm lén đốt nhà, bà hay được dập tắt kịp. Sau nhân đến dự Phật hội chùa Bảo Lâm, một vị Tăng hỏi: "Nếu lúc ấy nhà bị cháy, bà sẽ làm sao?" Vương thị đáp: "Thân này đáng nhảm chán, giả sử lâm hoàn cảnh như thế, tôi sẽ nương theo nhân duyên đó mà vãng sanh!" Hơn một năm sau, người hàng xóm lại lén phóng hỏa, lần này nhà bốc cháy lửa dữ dội. Vương thị không trốn tránh, chỉ điềm nhiên gõ mõ niệm Phật, tiếng nghe rành rẽ rõ ràng. Những người ở cách sông, ban sơ thấy khói lửa bao phủ nhà bà. Bỗng đâu giữa ánh lửa hồng, một đạo kim quang tỏa rộng bay lên xông thẳng đến mây xanh. Trong đó phưởng phát có hình bóng Vương thị đang ngồi kiết già. Khi lửa tắt cho nguội, người nhà tìm thấy di cốt của bà còn ngồi ngay thẳng trên mặt đất.

\* Lại ở ấp Hạ của huyện Cần có Trương thị, cùng với Vương thị đồng sư, pháp danh là Tịnh Âm. Lòng tin hướng

niệm Phật và cảnh ngộ bất đắc ý với chồng của bà cũng tương tự như Vương thị. Tuy bị trăm điều mài bẻ, bà vẫn không lui sụt đạo tâm. Sau Trương thị bị chứng phong co rút, nằm trên giường bệnh vài năm, song niệm Phật không xen hở. Khi lâm chung bà chấp tay chánh niệm mà vãng sanh, mùi hương lạ bay đầy nhà.

\* Và ở Định Kiều thuộc huyện Cần có Trần thị cũng đồng sư với Vương thị, pháp danh là Tịnh Thoại. Bà là người chơn chất thật thà, đối với sự niêm Phật cầu sanh không còn chút nghi ngờ. Bà thường bảo: "Tôi quyết định được sanh về Cực Lạc!" Lúc lâm chung bà ngồi ngay thẳng, mím cười niệm Phật mà vãng sanh.

### LỜI BÌNH:

Vương thị và Trương thị túc nghiệp rất nặng, nên từ khi sống đến lúc chết, trải qua nhiều nỗi tủi đau gian khổ. Tuy nhiên, nhờ lòng tin nguyện bền chắc, nên kết cuộc đều được thoát tướng lúc lâm chung. Thế nên biết nghiệp nhân kiếp trước, không làm lụy được thăng quả trong đời này. Đến như Trần thị, túc chướng nhẹ nhàng, dễ thành đạo nghiệp, sức nhẫn so lại không bền chắc bằng hai bạn kia. Song ý chí quyết cầu sanh như kẻ một đi không quay trở lại, cũng chẳng vì nhiều lối rẽ mà lạc mệ đường khiến cho người nhìn trông gương mà tinh thần sanh phản chấn. Đây có thể gọi là "một nhà ba kiệt khách" vậy.

## CHÂU THỊ

 hâu thị pháp danh Diệu Đức, người ở Gia Hưng. Cô vốn bị chứng đau huyết, gả về nhà họ Hứa, đến hai mươi tám tuổi chồng mẫn phàn, có một đứa con trai lại cũng yếu ớt. Từ đó cô làm nghề thêu may để tự sanh sống. Nhà tuy nghèo, song thấy kẻ đói rách liền trút hết tiền giúp đỡ.

Năm Đạo Quang thứ sáu, Châu thị cùng bà có pháp danh là Diệu Viên, và biểu muội là Lập Tu, đến chùa Tịnh Nghiêm thọ ngũ giới, nguyện trường trai niệm Phật cầu sanh Tây phương. Một đêm cô lên Phật đường của Diệu Viên thêm dầu, thấy hoa đèn kết thành hình lá sen, trên lá có vị Phật đứng. Châu thị vội mời bà cô và Lập Tu lên xem, cả hai cũng đều trông thấy. Tháng giêng năm Đạo Quang thứ chín, nhân vì mẹ chết, cô quá bi ai, chứng đau huyết lại tái phát. Không may thuê được, cô thường thiếu ăn, song bởi tánh trong sạch, nên chẳng muốn van cầu. Người trong xóm biết được, thay nhau thỉnh cô tụng chú Đại Bi cầu an, rồi giúp cho tiền độ nhụt. Đến ngày mười tám tháng bảy năm ấy, bình cô chuyển nặng. Lập Tu đến thăm bảo: "Nhiều người nói chí niệm Phật tinh tấn, song em trộm nghĩ tâm chí chưa chí thiết, nên bình chẳng được lành, cũng không thấy Phật đến tiếp dẫn!" Châu thị nghe nói thương khóc sám hối, càng gắng sức tu hành. Từ đó ai đến thăm

hỏi cô đều không đáp chỉ roi lệ chắp tay niệm Phật. Cách mấy hôm sau, một đêm vào khoảng canh ba, cô bỗng cười bảo: "Tây phương Tam Thánh đã quang lâm đứng giữa hư không!" Nói xong, vội tắm gội thay y phục, đốt hương niệm Phật vài mươi câu rồi vãng sanh. Cô hưởng dương được bốn mươi bốn tuổi.



## THIỆU THỊ

 hiếu Thị không rõ quê quán ở đâu, vì thân thế nghèo, già, thêm cô quạnh, nên đến ăn nhờ ở tro người thân thích. Nghĩ xót cảnh khổ của mình, ngày đêm bà niệm Phật rất siêng năng chí thiết.

Năm Đạo Quang thứ bảy đài Thanh, một đêm mùa thu, bà ngồi trong nhà tối day mặt về Tây thầm niệm Phật. Bỗng tâm nhän chợt mở, Thiếu thị thấy cảnh Cực Lạc đẹp sáng, lầu quỳnh cây ngọc, hoa sen đua nở nơi áo báu, chim lợ bay liệng giữa hư không. Mùa thu năm kế, bà lại thấy thân vàng của chư Bồ Tát, ánh sáng rực rỡ nhiệm màu. Qua mùa hạ sau, và ngày mười bốn tháng năm, bà bỗng cảm bình nhẹ rồi vãng sanh.

Lúc Thiệu thị mẫn phẫn, mọi người không hay biết. Có y sĩ họ Phạm nhân vào thăm mạch, thấy ánh mắt bà tươi như sông, gương mặt còn lộ vẻ mỉm cười, nhưng hơi thở đã tắt. Họ Phạm lui ra than rằng: “Đây là cái chết đẹp lành. Cảnh này trong đời cũng ít thấy!”



## DU THỊ

**D**u thị người đời Thanh, quê ở Thường Thục, nguyên là mẹ của cựu sĩ Vương Hiệu Tăng. Tánh bà rất thuần hậu, hiền hòa. Hiệu Tăng kính thờ ngôi Tam Bảo, khuyên mẹ dứt trừ thức ăn huyệt nhục. Du thị nghe theo lời, trường trai được ba năm.

Mùa xuân niên hiệu Đạo Quang thứ hai mươi, bà đau bịnh nằm liệt nơi giường. Sang tiết hạ, bịnh càng thêm nặng. Hiệu Tăng khuyên mẹ thầm quán cảnh Tây phương. Nhân đó bà phát tâm niệm Phật, song chưa được chuyên nhất. Lần lữa qua vài tháng, thân thức của bà đã mẩy phen vào cảnh U minh. Ban so thì có hai đồng tử gọi quay về, lần kẽ gấp Bồ Tát bảo trở lại. Đến lượt cuối cùng, Du thị trong mộng nghe Phật mách bảo: Kiếp trước mình là một vị

Tăng, bởi mê túc nhân nên đọa làm thân nữ. Từ đó bà ăn uống giảm lần, kế tiếp chỉ còn hơi thở mong manh. Một đêm vào khoảng canh ba, Du thị bỗng niệm Phật lớn ba bốn câu, rồi chắp tay nhìn về phương Tây bảo: “Đức Phật đã quang lâm tiếp dẫn!” Nói xong nằm nghiêng bên hữu mà qua đời. Bấy giờ nhăm ngày hai mươi lăm tháng trọng hạ.

Sau đứa cháu nội lớn mà Du thị hằng yêu mến, mộng đến một cảnh có nhiều cây cao lâu đẹp, không giống cõi nhân gian. Nó muốn đi vào song bị những hàng câu lớn bao bọc quanh co ngăn cản. Bỗng đâu thấy Du thị kinh hành đến, nó liền hỏi đường lối đi vào. Bà bảo: “Nếu cháu muốn vào thì chỉ có cách siêng năng niệm Phật!” Vừa lúc ấy đứa bé chợt tỉnh, liền đem điềm mộng thuật lại cho người nhà biết.



## TIỀN NHỤ NHƠN

**T**iền Nhụ Nhơn, tên là Thoại Vân, người ở Thường Thục. Chồng là Tạ Phụng Ngô đau bịnh, Nhụ Nhơn cầu Phật nguyện trường trai nên bịnh được lành. Trong mấy năm về với Phụng Ngô, cô

sanh được một trai một gái và chưa từng cho chúng nó ăn đồ mặn. Kế đó cô biết pháp môn Tịnh độ, cùng chồng xin thoại tịnh giới, nguyện dứt trừ tình ái trần duyên.

Niên hiệu Đạo Quang thứ hai mươi, anh là Tiên Vạn Đật vãng sanh, cô mục kích rõ điềm lành, nên lòng tin hướng càng bền chắc. Mùa đông năm ấy, đứa con trai chết, cô quá đau buồn thương khóc, bỗng chợt nghĩ lại nói: "Hay là trời muốn dứt duyên ái của ta chăng?" Rồi lần lần nguôi lòng, không để ý đến. Trong phòng vợ chồng đối diện, chỉ sách tần lẫn nhau tu hành mà thôi. Mẹ là họ Ngô có bệnh, bị y sĩ cho thuốc làm chuyển sang chứng trầm kha rồi chết. Trước khi bà mahn phàn, Nhụ Nhơn niệm Phật tông chung mẹ. Tháng sáu năm Đạo Quang thứ 25, cô bị chứng lạc huyết ngày càng gia tăng, đứa con gái cũng đau bệnh. Phụng Ngô lo ngại, cô lại móng khởi niệm ái, sách tần rằng: "Chưa có ai miệng niệm Phật, lòng còn quyến luyến Ta Bà mà được vãng sanh. Vậy nàng phải nén cõ gắng!" Nhụ Nhơn giật mình tinh ngộ, làm lễ rồi thưa: "Nhờ phu quân khai thị, tôi đã biết cảnh giác!" Rồi hướng về Tây rơi lệ sám hối, ý rất khẩn thiết. Trong con đau yếu, nhiều lúc cô bỗng nghe mùi hương lạ ngọt ngào. Đến ngày hai mươi tháng bảy, đứa con gái lại chết. Nhụ Nhơn bảo: "Nay chướng duyên về nghiệp ái đã dứt. Ta trải nhiều nỗi khổ, bây giờ mới được tự tại. Từ đây an ổn để vãng sanh, há chăng là điều vui vẻ lắm ư?" Rồi không dùng cơm cháo, khát chỉ ăn trái dưa.

Bệnh triền miên tới ngày mùng chín tháng tám, trong người cực suy yếu chỉ còn hơi thở mong manh ra vào. Nửa đêm hôm ấy cô bỗng gọi chồng bảo: "Nghiệp chướng nặng, xin vì tôi đốt liều hương sám hối cúng Phật nơi cánh tay". Phụng Ngô y theo lời. Ban sơ cô còn như hôn trầm mê mệt, kế đó ánh mắt lấp lánh, chánh niệm rõ ràng. Người thân hỏi: "Có được một lòng không loạn chăng?" Nhụ Nhơn gật đầu hai lần, rồi nhờ đỡ mình ngồi dậy, đôi mắt nhìn lên hư không, niệm Phật mà qua đời. Lúc ấy cô mới ba mươi một tuổi. Qua hôm sau khi nhập liệm, đánh đầu cô còn ấm, dung mạo tươi nhu còn sống.



## LỤC AN NHƠN

**L**ục An Nhơn, tên là Trúc Mai, người huyện Nguồn Hòa thuộc Tô Châu. Cô về nhà chồng là Ngô Xương Liêm, sanh được một trai, chẵng bao lâu đứa con bị bệnh chết, đến hai mươi tuổi lại lâm cảnh góa bụa. Do đó cô đau buồn thành ra chứng lạc huyết. Một hôm có người bạn đem tập Long Thơ Tịnh Độ Văn trao cho. An Nhơn xem xong rồi phát tâm niệm Phật, hôm sớm tu hành đều có định khóa. Cô khuyên ngăn việc

sát sanh trong nhà, gia nhân chỉ được dùng tam tịnh nhục. Cho đến loài trùng kiến cỏ cây, cô đều đem lòng ái hộ.

Năm Đạo Quang thứ mười bốn, An Nhơn đặc tam quy ngũ giới nơi ngài Định Công, được cho pháp danh là Sư Thọ. Kế tiếp cô đến Mậu Sơn lê tháp A Dục Vương, thấy xá lợi trong tháp hiện ánh quang minh, từ đó lại càng gắng sức làm lành. An Nhơn từng xuất ba muôn lượng vàng sửa chùa tạo tượng và làm các công đức. Đến nhu việc phóng sanh lại càng siêng năng, mỗi năm tốn ngàn lượng vàng cũng không tiếc. Có kè chê cười cho là lãng phí, cô đáp: "Tiền của không bền, thắng duyên khó gấp, tôi muốn đem công đức đó hồi hướng cùng bốn ân ba cõi sớm chứng đạo Vô thượng bồ đề. Như thế có chi là lãng phí và đáng huyền tiếc ư?"

Đến ba mươi bốn tuổi, bệnh cũ tái phát, thuốc thang vô hiệu. Cô phát nguyện phóng sanh mười triệu mạng, cùng lập đàn thủy lục và đại trai tại chùa Sư Lâm, để làm tư lương cho sự vãng sanh. Qua nửa năm, bệnh tự lành, An Nhơn lại đốt liều hương noi cánh tay, phát thệ trường trai dứt tuyệt món ăn huyết nhục, khi cúng tế tiên linh và thần thánh đều dùng thức rau trái. Ngày sanh nhật tuổi tứ tuần, cô thiết lễ cúng Phật trai tăng nơi chùa Sư Lâm. Các thân hữu đến chúc hạ, đều đem các kinh đại thừa và sách Phật ra tổng tặng. Mùa thu năm ấy, An Nhơn mong thấy đến một chõ nước bạc nhẹ trôi, hoa tươi đua nở, cảnh đẹp khác tràn. Tự mình đứng trên một chiếc cầu vàng, hương thanh lơ từ

đâu tỏa thơm bát ngát. Cô thầm nghĩ: "Đây là ao thát bảo chǎng? Tại sao lại không thấy Phật?" Bỗng đâu kim dung tướng đẹp đức A Di Đà hiện nơi xa đầy khắp hư không. Cô cá mừng, vừa cúi xuống đảnh lễ bỗng giật mình thức giấc. Sáng ra, An Nhơn đem điềm ấy thuật lại với người nhà.

Không bao lâu bình lại phát, y sĩ khuyên dùng mặn, cô không nghe theo. Đau yếu dây dưa vài tháng, triệu chứng ngày càng nặng thêm. An Nhơn gọi người thân bảo: "Chí ban sơ của tôi là xuất gia, nay đành không mẫn nguyên. Khi tôi qua đời, xin đắp y ca sa để tân liệm, và đừng than khóc. Việc đãi khách trong đám tang nên dùng toàn đồ chay. Bay giờ xin rước sáu vị Tỳ kheo ni đến niệm Phật để giúp sự vãng sanh cho tôi!" Người nhà y theo lời. Hai ngày trước khi mạng chung, cô nhờ thân nhân thay mình thọ giới Bồ Tát. Kế đó thần thức mê loạn không tự chủ được, An Nhơn cà sờ, xin thiết bàn Phật để trước mặt, rồi chăm chú nhìn quán tượng A Di Đà luôn một ngày đêm. Đến sáng sớm ngày mùng bốn tháng năm, cô gọi vội người đỡ dậy và nói: "Đại Hòa Thượng đã đến, tôi sắp về Tây phương!" Rồi bảo mọi người đồng niệm Hồng danh, còn mình thì tay cầm hương kính Phật. Có kè hỏi: "Đại Hòa Thượng ở đâu?" Cô đáp: "Đang ngồi trên bàn thờ!" Rồi day mặt về Tây ngồi ngay thẳng kiết ấn mà hóa.

Lúc ấy nhằm năm Đạo Quang thứ 28, An Nhơn được bốn mươi một tuổi.

# MỘT TRĂM BÀI KỆ NIỆM PHẬT

(Của TRIỆT NGỘ Thiền Sư)

## Hán 22:

Nhứt cú Di Đà  
Đắc Đại tổng trì  
Chuyển nhứt thiết vật.  
Sử thập nhị thi.

## Lược Giải:

Đại Tông Trì là sự thông suốt nắm giữ tất cả pháp với tầm mức lớn lao rộng rãi. “Muốn được tất cả, phải bỏ tất cả”. Ví như tâm gương sáng lớn mà đem vật gì che áng ở trước, dù là một bình hoa đẹp, tất chỗ đó mất sự chiểu soi tự tại. Chọn tâm của chúng ta là tâm gương Đại viễn cảnh tri, nếu chấp giữ một pháp nào, dù đó là Phật lý cao siêu mầu nhiệm, tất cũng sẽ bị kém mất sức chiểu soi tự tại, sự thông suốt tất cả pháp. Như thế làm sao được Đại tổng trì? Kinh nói: “*Thấy biết mà giữ sự thấy biết là gốc vô minh. Thấy biết không giữ sự thấy biết, đó mới chính Niết Bàn*”. (*Tri kiến lập tri, tức vô minh bản. Tri kiến vô kiến, tư tức Niết Bàn*). Cho nên chuyên nhứt câu niệm Phật, xả bỏ tất cả, hành giả quyết sẽ được Đại tổng trì, Đại tam muội.

Kinh Lăng Nghiêm nói: “*Nếu chuyển được vật, tức đồng với Như Lai*”. (*Nhuoc nang chuyen vat, tuc dong Nhu Lai*). Chúng sanh tâm thường hướng ngoại, không biết các pháp là huyền, cho nên bị cảnh lục trần xoay chuyển, như con trâu lâm cảnh xò vòm đất đì, hằng chịu sự phiền não buộc ràng không được tự tại. Nếu quán xét các pháp là huyền, giữ một câu Phật hiệu xoay chiểu vào trong, thì tâm

## Việt 22:

Một câu A Di Đà  
Khiến được Đại tổng trì  
Chuyển hết tất cả vật.  
Sử dụng mươi hai thi.

lần lần thanh tịnh tự tại, sẽ làm chủ được các pháp, không còn bị các pháp sai sứ làm chủ nữa. Đó gọi là “chuyển vật” là đồng với Như Lai. Trái lại, tức là bị vật chuyển, đồng với chúng sanh vậy.

Án Quang pháp sư bảo: “Một lòng không trụ, muôn cảnh đều nhàn!” (*Nhứt tâm vô trụ, vạn cảnh câu nhàn*). Khi tâm trụ nơi các pháp, thì thấy thời gian có lâu mau, bị cảnh giới làm cho loạn động, sanh niệm ưa, chán, ghét, thương, khổ, vui, cùng vô lượng phiền não. Như trên, khi hành giả giữ câu niệm Phật thanh tịnh, không để cho vật chuyển, thì trong mươi hai thời của ngày đêm, hằng được nhàn nhã tự tại, tùy ý sử dụng mọi sự, việc nào đáng làm trước hoặc làm sau đều theo tuần tự, chẳng khác vị đồng y sĩ tùy nghi sử dụng các hoc thuốc của mình.

Tóm lại, nếu khéo biết tu hành, thì cách tự tại sử dụng trong mươi hai thời, sự làm chủ xoay chuyển các pháp, cho đến chứng đắc cảnh giới Đại tổng trì, then chốt đều do ở nơi câu niệm Phật.

\* \* \*

## Hán 23:

Nhứt cú Di Đà  
Tánh bản tự không  
Tinh day cung Bắc  
Thủy tận triều Đông.

## Lược Giải:

Một tin nő đến thuật lại với bút giả: “Có vị Sư cô bảo con bỏ hết đừng nén niệm Phật nữa, hãy để lòng yên lặng cho tâm không cảnh không, mới mau ngộ đạo!” Bút giả nói:

## Việt 23:

Một câu A Di Đà  
Tánh thể vốn tự không  
Các sao chầu Bắc đầu  
Muôn nước chảy về Đông.

"Các pháp đều như huyền, câu niệm Phật cũng như huyền, tự thể của nó đã là không rồi, cần gì phải bỏ? Nếu muốn chứng được tâm không cảnh không, mà còn ngại câu niệm Phật, còn bắc bối sự tưởng, thì đó chính là thiên không hay ngoan không (*cái không thiên lệch, trống rỗng, cứng chắc*) của ngoại đạo, chứ chẳng phải ý nghĩa chân không của Phật pháp. Ý nghĩa chân không chân chánh của đạo Phật ở ngay nơi tất cả cái có thuộc mọi sự tướng, mà không chấp thấy là có (*Chân không bất không, diệu hữu phi hữu*). Chẳng phải riêng Sư cô ấy lạc lầm, trong hiện tại có rất nhiều vị tu học Phật pháp đã sa vào hầm hố đó. Thật là điều không may và đáng thương cảm!" Nay nhân tiện xin tạm mượn sự việc trên để giải thích về ý nghĩa "Tự không" của câu niệm Phật.

Theo quan niệm địa dư xưa, người Trung Hoa cho rằng vùng đất của loài người ở là một châu lớn, chỗ họ cư trú thuộc Trung Quốc. Phía Đông của châu ấy là biển cả, muôn dòng nước ở lục địa đều chảy ra đó. Người Việt Nam hấp thu văn hóa Trung Hoa, cũng đồng với quan điểm ấy. Bởi thế cụ Nguyễn Bình Khiêm mới có câu: "Hồng Nhật đông thăng tri đại hải. Bạch Vân tây vọng thi thần châu". Và theo thiên văn học xưa, người Trung Hoa bảo rằng các vì sao đều chầu hướng về ngôi Bắc đầu. Để dẫn giải cho Phật pháp, Triết Ngộ đại sư cũng phuong tiện mượn quan niệm thế gian ấy mà làm thí dụ. Bởi tất cả pháp đều từ nơi biển chân không lưu xuất, và đều tan về chân không. Bên tông Tịnh độ gọi thế chân không đó là Tự tánh Di Đà. Bài kệ trên đại ý: Câu niệm Phật tánh vốn tự không, khi hành giả từ khởi điểm này tu tiến chứng thế tánh ấy một cách viên mãn, sẽ thức ngộ muôn pháp từ nơi đó mà lưu xuất, lại cũng qui nhập về nơi đó. Như sao Bắc đầu làm chủ muôn

sao, muôn sao chầu về Bắc đầu, biển Đông dâng nước vào các sông ngòi, nước sông ngòi đều đổ về biển Đông vậy.

\* \* \*

#### Hán 24:

Nhứt cú Di Đà

Pháp giới duyên khởi

Tịnh nghiệp chánh nhân

Bồ đề chủng tử.

#### Việt 24:

Một câu A Di Đà

Là duyên khởi pháp giới.

Chánh nhân của tịnh nghiệp

Và chủng tử Bồ đề.

#### Lược giải:

Phật pháp chia thành hai hệ: Không tông và Hữu tông. Không tông đề ra thuyết Chân như duyên khởi; Hữu tông đề ra thuyết A lại da duyên khởi. Dung nhập vào trung đạo, tức Nhứt chân pháp giới, thì Không và Hữu chẳng khác, Chân như tức A lại da. Đây ý nói câu niệm Phật là huyền hữu, cũng lại là chân không, duyên khởi điểm của nó từ nơi pháp giới mà có. Vậy câu niệm Phật là Pháp giới duyên khởi, gồm Chân như cùng Lại da duyên khởi, dung nghiệp cả Hữu Không. Bởi thế nên niệm Phật là chánh nhân của tịnh nghiệp. Tịnh nghiệp đây gồm bốn Tịnh độ mà tiêu điểm cuối cùng là cõi Thường Tịch Quang. Và niệm Phật cũng là hạt giống Bồ đề đưa đến sự toàn giác, gồm giác ngộ minh, giác ngộ chung sanh, hạnh giác ngộ đầy đủ.

\* \* \*

#### Hán 25:

Nhứt cú Di Đà

Như cảnh chiểu cảnh.

Uyển chuyển hổ hàm.

Trùng điệp giao ánh.

#### Việt 25:

Một câu A Di Đà

Như gương chiểu các gương.

Uyển chuyển ngậm bóng nhau

Điệp trùng giao chói sáng.

### Lược giải:

Đời Đường, Hiền Thủ đại sư khi giảng kinh Hoa Nghiêm đến nghĩa: "Vô tận pháp giới trùng trùng Đề vồng". Ngài phương tiện dùng mười mặt gương tròn lớn, để tám hướng và trên dưới mỗi chỗ một tâm, cách nhau độ hơn trượng và đều cùng đối diện. Chính giữa lại an bài cốt Phật, rồi thắp một ngọn đèn sáng để soi. Lúc ấy học chúng đều thấy trong mỗi mặt gương nổi hiện lớp lớp tượng Phật và ánh sáng. Nhận đó tất cả đều hiểu ý nghĩa: Biển quốc độ giao chiêu xen lẫn nhau lớp lớp điệp trùng, không cùng tận, không ngăn mè. Đây là cảnh tượng trang nghiêm của Hoa Tạng thế giới hải. Bài kệ trên ý nói: Câu niệm Phật sẽ đưa hành giả vào cảnh đại trang nghiêm không cùng tận đó. Cho nên niệm Phật chẳng phải là pháp thấp kém thông thường. Đã có bài kệ khen ngợi.

*Niệm Phật vào tướng thật*

*Chứng biết Phật với Phật.*

*Cảnh vô tận trang nghiêm*

*Môn Đại ba la mật!*



### Hán 26:

*Nhứt cú Di Đà  
Tự không hợp không.  
Liệu vô ngân phùng  
Khước hữu Tây Đông.*

### Việt 26:

*Một câu A Di Đà  
Như không hợp hư không.  
Tuyệt không chút lẩn dấu  
Nhưng vẫn có Tây Đông.*

### Lược giải:

Đem một ly nước đỗ vào chậu nước thì nước cùng nước dung hòa nhau, không làm sao tìm thấy lẩn dấu. Khi trút nước ra, khoảng hư không trong ly hợp với hư không bên ngoài, cũng tuyệt không lẩn dấu. Hành giả niệm Phật, nếu trong quên thân tâm, ngoài quên cảnh giới, chẳng thấy mình là người hay niệm, Phật là vị được niệm, thì tâm rỗng rang hồn nhiên, dung hợp với thể tánh chân không. Tâm cảnh ấy chẳng phải trống rỗng không có chi, vì như thế là lạc vào ngoan không của ngoại đạo. Trái lại, hiện tượng chân không ấy sáng suốt vô tận bao hàm muôn pháp, vẫn có đầy đủ màu sắc của cỏ cây, sông, núi, trời mây, vẫn có các phương hướng, cho đến cõi Ta Bà thuộc phương Đông, cõi Cực Lạc ở phương Tây. Đó mới đích xác tánh không chân chánh, cũng gọi là Như Lai nhứt thật cảnh giới.

Thuở xưa có vị cư sĩ đến hỏi đạo một cao tăng ở chốn sơn lâm. Bậc thượng nhân này không đáp, duy trì mây trên trời cùng cái bình đựng nước của mình. Tuy nhiên tuệ căn đã sẵn, vị cư sĩ liền ngộ vào thể đạo, tức thật tánh chân không, liền làm bài kệ, trình lên rằng:

*Luyện được thân hình tự hạc hình  
Ngàn thông tươi tốt mấy pho kinh.*

*Ta nay hỏi đạo không chi khác  
Mây ở trời xanh, nước ở bình!*

Niệm Phật đến chỗ vô niệm, sẽ dung hợp với tánh không bao la, tìm không thấy mối mang dấu vết, mà vẫn đầy đủ tất cả, không thêm bớt là như thế.



Hán 27:

Nhứt cú Di Đà  
Nhứt Đại tạng kinh  
Tung hoành giao thái  
Tuyệt đối u linh.

Việt 27:

Một câu A Di Đà  
Là một Đại tạng kinh  
Đọc ngang giao chói sáng  
Tuyệt đối, thê u linh.

Lược giải:

Có một độ, bút già vừa tung xong bộ kinh Hoa Nghiêm, tâm niệm bỗng vắng lặng quên hết điều kiền giải, hồn nhiên viết ra bài kệ sau:

*Vì trần phẫu xuất đại thiên kinh  
Nghĩ giải thiên kinh không địch hình!  
Vô lượng nghĩa tâm toàn thế lộ  
Lưu oanh hựu chuyển tịch thường thinh.*

Bài kệ này có ý nghĩa: Chè hạt bụi cực vi để lấy ra tạng kinh rộng nhiều bằng cõi đại thiên thế giới. Tạng kinh ấy đã từ điểm bụi cực vi nơi không tâm diễn ra, thì tìm hiểu nghĩa lý làm chi cho mệt tâm hình? Tốt hơn là nên trở về chân tâm, bởi tâm này đã sẵn đầy đủ vô lượng vô biên diệu nghĩa, lúc nào cũng lò lộ hiện bày. Kìa chim oanh bay chuyền trên cành cây kêu hót, đang nói lên ý nghĩa chân thường vắng lặng ấy!

Câu niệm Phật cũng thế, nó bao hàm vô lượng vô biên nghĩa lý nhiệm màu, đâu phải chỉ một Đại tạng kinh? Gọi một Đại tạng kinh chỉ là lời nói ước lược mà thôi. Khi niệm Phật dứt hết vọng tưởng, đi thẳng vào chân tâm hay vô lượng nghĩa tâm, thì ánh sáng tự tâm phát hiện đọc ngang chói suốt bốn bề. Tâm cảnh ấy dứt hết sự đối đai, u linh nhiệm màu không thể diễn tả!



Hán 28:

Nhứt cú Di Đà  
Nhứt Đại tạng luật.  
Miết nhí tịnh tâm  
Giới ba la mật.

Việt 28:

Một câu A Di Đà  
Là một Đại tạng luật.  
Chớp mắt vào tịnh tâm  
Đủ giới ba la mật.

Lược giải:

Câu niệm Phật đã bao hàm đầy đủ nghĩa lý của một Đại tạng kinh, thì đối với một Đại tạng luật nó cũng như thế. Vì luật chẳng ngoài nghiệp giữ thân, khẩu, ý cho trong sạch. Và thân, khẩu, ý lại không ngoài tâm, nếu tâm thanh tịnh thì ba nghiệp cũng đều trang nghiêm thanh tịnh. Luật nói: “Phật chế tất cả giới, mục đích để trị tất cả vọng tâm. Nếu không có tất cả vọng tâm, thì cần chi dùng tất cả giới?” (*Phật chế nhứt thiết giới, vị trí nhứt thiết tâm. Nhược vô nhứt thiết tâm, hà dung nhứt thiết giới?*)

Cho nên khi niệm Phật, thoảng chốc dứt hết vọng tưởng đi vào tịnh tâm, tức đã đầy đủ giới ba la mật rồi. Ba la mật là “Bờ bên kia”, là nơi giải thoát rốt ráo. Niệm Phật thanh tịnh, tức đã đầy đủ sự giữ giới đến bờ cứu cánh giải thoát vậy.



Hán 29:

Nhứt cú Di Đà  
Nhứt Đại tạng luật.  
Đương niệm tâm khai  
Huệ quang như phùng.

Việt 29:

Một câu A Di Đà  
Là một Đại tạng luật.  
Đương niệm tâm mở thông  
Ánh huệ tuôn vô tận.

Lược giải:

Như trên, câu niêm Phật đã bao hàm Kinh, Luật, tất nhiên đối với Luận cũng như thế. Kinh Viên Giác nói: “*Trí tuệ sáng sạch vô ngại, đều từ nơi thiền định mà sanh*”. Niệm Phật thanh tịnh chính là thiền định, từ định phát sanh trí huệ. Đã có trí huệ thì nguồn biện luận sẽ vô cùng. Từ vô ngại biện cũng từ nơi niêm Phật thanh tịnh, tâm cảnh mở sáng, mà tuôn trào như suối chảy.

\* \* \*

**Hán 30:**

*Nhứt cú Di Đà  
Nhứt tặng bí mật.  
Phát bản thân thông  
Cụ đại uy lực.*

**Lược giải:**

Câu niêm Phật đã gồm ba tạng của Hiền giáo lại cũng đủ thân thông uy lực của bí tạng Mật giáo. “Bản thân thông” là thân thông sẵn có, phát sanh từ nguồn gốc chân tâm, không phải do tập luyện mà được. Niệm Phật công thuần đến mức thanh tịnh, cũng như người có sẵn tiền muôn mua món gì cũng được. Dùng công đức niêm Phật để cầu an, cầu siêu, trừ tai nạn, trị đau bệnh, hàng tà ma, sám tội chướng, cầu phước huệ duyên lành, nguyện sanh lên cung trời hoặc về cõi Phật, cho đến cầu Đại Niết Bàn cũng đều thành tựu. Tất cả uy lực thân thông cũng từ câu niêm Phật mà phát sanh. Như thuở xưa, Thiện Đạo đại sư khi niêm Phật, mỗi câu đều có một luồng ánh sáng phóng ra. Một Đại sư về Tịnh tông bên Nhật Bản, mỗi câu niêm hồng danh, trong miệng bay ra một vị Phật. Liên Trì đại sư lúc

**Việt 30:**

*Một câu A Di Đà  
Là một tặng bí mật.  
Phát nguồn cội thân thông  
Đầy đủ uy lực lớn.*

dân chúng nhờ đảo võ, ngài chỉ ra ngoài đồng gõ mõ niệm Phật, đi tới đâu múa roi đến đó. Niệm Phật tùy ý phát ra thần thông uy lực là như thế.

\* \* \*

**Hán 31:**

*Nhứt cú Di Đà  
Hồn toàn Đại tang  
Giới, định, huệ ánh mầu  
Lưu xuất vô lượng!*

**Lược giải:**

Bài kệ trên nói tổng quát về sự bao hàm các Đại tang của câu niêm Phật. Các Đại tang đây, gồm Kinh tang, Luật tang, Luận tang, Tạp tập tang và Bí mật tang. Tạp tập tang nói về các pháp Đại thừa cũng gọi Bồ Tát tang. Bí mật tang gồm các phuơng thức đàm, ấn, chú, mở một lối tu đặc biệt, gọi là Kim cang thừa.

Đường lối chúng lên thánh đạo không ngoài căn bản giới, định, huệ, nhưng chỉ một câu niêm Phật đã gồm đủ. Niệm Phật nghiệp thân, khẩu, ý trong sạch là Giới. Niệm Phật thanh tịnh lòng không loạn động là Định. Niệm Phật sáng suốt dứt hết vọng tưởng dien đảo là Huệ. Hành trì như thế, công càng dày, niệm càng sâu, thì ánh nhiệm mầu của giới, định, huệ, càng sáng tỏ và chiêu xa đến nơi vô cùng tận!

**Việt 31:**

*Một câu A Di Đà  
Gồm toàn cả Đại tang.  
Giới, định, huệ ánh mầu  
Tuôn ra không hạn lượng!*

## LUẬT TỊNH

 hích Luật Tịnh tự Minh Triết, họ Tiền, người huyện Đức Thanh thuộc Hồ Châu. Ban sơ sư xuất gia nơi am Tú Thánh ở Hàng Châu, kế đó qua am Đức Ninh tại Đông Viên, chuyên tụng kinh Pháp Hoa làm nhựt khóa. Sư hành trì như thế suốt hai mươi năm không gián đoạn.

Một hôm có vị Tăng đồng bạn là Giới Thừa bảo rằng: “Đạo tâm của thầy đã bền chắc như thế, nếu sau khi tụng kinh, thêm niệm Phật hồi hướng lại càng quý hơn. Thuở xưa Trí Giả đại sư đã chứng Pháp Hoa tam muội, còn cầu sanh về Tịnh độ, sao pháp hữu chẳng lấy đó làm gương?” Nhân trao cho quyển Thập Nghi Luận để khuyến tấn. Luật Tịnh xem xong chợt như tinh ngộ, từ đó sau mỗi thời kinh, đều niệm Phật hồi hướng về Tây phương. Tu hành như thế lại hon một năm, vào tháng bảy niên hiệu Gia Khánh thứ mười một, sư bảo đệ tử là Tăng Tú rằng: “Trước tiết Trung thu, thầy sẽ sanh về Cực Lạc”. Đến ngày mùng hai tháng tám, lại bảo: “Vào giờ Mão ngày mùng bảy là thời khắc vãng sanh”. Hàng đệ tử hỏi duyên do đâu mà biết được, Luật Tịnh cười nói: “Ao thành trăng hiện!” Đến kỳ hạn, các môn đồ tập họp, thấy Luật Tịnh đã đắp y mới, ngồi kiết già nơi pháp tọa. Chư Tăng ở gần quanh đều tới muốn trợ niệm, Luật Tịnh ngăn lại bảo: “Sử dụng công toàn do lúc bình

nhụt, đê khát nước mới đào giếng nào có ích lợi gì?” Rồi dời vào ngồi trong khám gỗ, lưu kệ rằng:

*Cõi tạm tùy duyên sáu chín năm*

*Này lời chân thật khắp khuyên răn*

*Buông tay cùng thảng về Tây độ,*

*Trăng thương tuần lên sáng mặt đầm!*

Viết kệ xong chắp tay niệm Phật mà hóa.

## LỜI BÌNH:

Chư tôn đức khi xưa, lúc lâm chung đều bảo đại chúng cao tiếng xưng hồng danh Phật. Như thế đủ thấy rõ duyên trợ niệm rất là khẩn yếu. Lời của Luật Tịnh bảo chò khát mới đào giếng là vô ích, chứng tỏ công hạnh của sư đã đến mức thuần thực, mục đích khuyên người lúc bình nhựt phải gắng tinh tấn mà thôi. Những vị tam muội chưa thành, rất không nên mượn câu nói ấy để phô trương. Dù cho đã đắc tam muội, cũng cần đê xướng sự trợ niệm nên quy củ lợi ích khắp tất cả. Cho nên, lời nói trên tuy cao, nhưng không đủ đê làm pháp tắc.



## HUỆ MINH

 hích Huệ Minh, người đời Thanh, quê ở huyện Càn thuộc Ninh Ba. Sau khi xuất gia, sư thường trú nơi chùa Báo Quốc tại Hàng Châu. Tánh sư ngay thật, duy biết trì câu hồng danh, mỗi khi niệm Phật tiếng liên tiếp tuôn tuôn như suối trào, nên tất hương tàn dường như không hay biết. Được của cúng dường, Huệ Minh liền mua vật mang phóng sanh, tùy xung danh hiệu Phật hồi hướng về Cực Lạc. Gặp người sư chẳng hỏi thăm chuyện bàn huyên, chỉ bảo: "Cái chết sắp đến gần, hãy mau gắng niệm Phật!"

Hàng tăng tục nơi miền đất Việt biết công hạnh của sư, mỗi khi gặp con nguy nạn hoặc yếu đau, thường rước đến niệm Phật để cầu nguyện. Có người hỏi chở sở đặc, sư đáp: "Tôi nhớ lúc trước bị bệnh nhiệt mỗi ngày càng tăng, cơ hồ không tự gắng gượng nổi. Nhưng rất may trong ý căn danh hiệu Phật câu này đội câu kia mà hiện ra". Năm Gia Khánh thứ mười hai, Huệ Minh đau ưng thư phía sau cổ, song tuyệt chẳng rên than. Khi lâm chung nhan sắc hòa vui, tay lèn như lèn chuỗi, niệm Phật giây lâu rồi viên tịch.

Trước lúc ấy, một người ở thành Hàng Châu mộng thấy vị Tăng quen biết đã mẫn phẫn là Huỳnh hòa thượng bảo: "Ta khuyên ngươi quy y sư Huệ Minh, ngươi lần lữa mãi nên không đi đến kết quả. Nay vị sư ấy sẽ sanh về Cực

Lạc nội trong tháng này, nếu chần chờ tắt không còn kịp nữa. Nên mau qua cầu thịnh, pháp danh của ngươi là Đại Thông đã định sẵn rồi". Thức giác người đó lấy làm lạ, sáng ra tới chùa thăm dò, thì chứng ưng thư của Huệ Minh phát hiện rất nguy kịch. Ông ta vội trở về nhà mời năm người đồng bạn đến cầu xin quy y. Sư hứa nhận, đến khi trao cho pháp danh, tự tay biên năm chữ vào năm miếng giấy nhỏ vo tròn để bên đài đựng hương rồi bảo: "Ta bị bệnh nên không thể mỗi mỗi dặn dò. Chữ dưới của pháp danh đều là chữ Thông, còn chữ trên các ngươi tùy duyên mà bắt thăm lấy một". Người đó bắt được chữ Đại, đúng như vị Hòa thượng trong mộng đã cho biết trước.



## KHỎI TÍN

 hích Khởi Tín, tự Hướng Hải, họ Đan, người ở Phú Xuân. Cha là Hoa Tạng, rộng thông về nội điển, tờ suốt việc hướng thượng, khuyến tấn Khởi Tín bảo xuất gia. Sau khi thoát bạch (*bỏ y phục đời*) sư qua Nam Bình cầu giới, thầy dạy tham cứu chữ "Thùy". Khởi Tín dụng công hết sức hành trì, thường suốt

đêm không ngủ, ngồi thăng trên bồ đoàn như hình tượng gõ.

Niên hiệu Gia Khánh năm đầu đời Thanh, vào ngày rằm tháng bảy, sư lên viếng cảnh Ngũ Sơn. Lúc tới nơi vào khoảng đầu hôm, đèn được thắp giăng như hội hoa đăng, ánh sáng rực rõ chói lòa cả mắt. Xúc chạm cảnh ấy, Khởi Tín chợt tò ngô, khi trở về đêm trình lại với cha. Hoa Tạng ân khà, lại bảo đi tham vấn khắp hàng trí thức. Sư vâng lời, đi lần đến Tô Châu, đóng cửa nhập thất nơi am Cố Mai, mỗi ngày niệm mười muôn câu Phật hiệu. Lúc ra thất, ngẫu nhiên làm thi, đều chỉ hướng về Tịnh độ. Sư có bài Niệm Phật Ca như sau:

*Niệm Phật mầu  
Duyên tối hảo!  
Quét sạch trần tâm muôn vọng ảo  
Trốn cha mây lúc ruồi phong trần  
Quán khách nhiều phen hôn mộng não!  
Chẳng tham thiền  
Không nghiên giáo!  
Ngồi tịch lò hương khói vi nhiều  
Hỏi tìm khắp chốn biệt về đâu  
Tham phóng chàng nao ngày kiết liễu?  
Đừng cầu ngoài*

*Trong lặng chiếu!  
Vạt áo Ma-ni vô giá bảo  
Tùy nơi hiện sắc rất phân minh  
Sáu nẻo thần quang đâu chút thiếu!  
Nước lung lờ  
Non cao ráo  
Trong tĩnh nhìn xem đều cảnh diệu  
Cười ai danh lợi luồng bôn ba  
Bỏ sự nhàn vui mê lối đạo!  
Trăng lặng mờ  
Chuông sáng báo  
Cậy mình dung sắc chưa suy衰老  
Xưa nay hiền triết số hằng sa  
Ai chẳng xương tàn vùi bích thảo?  
Chỉ tâm ấy  
Không thọ yêu  
Thoát ly biển khổ vòng điên đảo  
Trăm năm thân thế tự không hoa  
Khám phá không hoa đời cũng hảo!  
Nương gậy bình  
Mang bát áo  
Thanh thản muôn duyên vui với đạo*

Kiếp sanh định số đã an bài  
Tánh Phật thiên chân đâu phải tạo?

Ân ám tranh

Bên tiết thảo

Quan khó khiên sai, vua khó triều.

Trọn ngày ngồi tĩnh dứt tâm cơ

Bích nhãnh hò tăng nhìn chẳng thấu!

Mưa song mai

Trăng rèm liêu

Canh rau cỏ đỏ tùy duyên liêú

Dám rằng đóng cửa mến thanh cao

Cũng chẳng nhìn ai hèm kém thiếu!

Sông út quen

Chết chẳng điều

Hơi tắt dây da quàng mảnh chiếu

Vùi chôn thiêu hóa mặc tình người

Khỏi bận cháu con hiền, bất hiếu!

Vui vắn điêm

Khô chẳng yêu

Cõi mộng phù sanh đà thấu hiểu

Khắp khuyên quảng phứt gánh ưu phiền

Cùng nhau ca khúc hoàn hương diệu!

Có đôi lời

Rất giản yếu

Đời người tự lưới giảng phi diệu.

Lưới giảng muôn thoát phải làm sao?

Niệm Phật về Tây, phương tối diệu!

Năm Gia Khánh thứ mười bảy, ngày mười chín tiết mạnh đông, Khởi Tín viên tịch nơi am Ân Tu ở Đông Viên. Trước khi lâm chung, sư tắm gội thay y phục, rồi ngồi kiết già niệm Phật mà qua đời, hưởng dương ba mươi bảy tuổi. Người thân cận dò xem thấy đành nóng tự lửa. Lúc đem liệm vào bảo khâm, thi thể nhẹ như bông. Hoa Tặng đến thăm, tặng đôi liễn khen ngợi rằng :

Nóng đành quyết sanh An Lạc quốc

Nhé thân hiển rõ Niết Bàn tâm!



## ĐÔNG QUA HÒA THƯỢNG

 Ông Qua hòa thượng, họ Tôn, sót mất tên, người ở Hàng Châu. Tánh ông ưa ăn trái đồng qua (trái bí), nên nhiều người gọi lâu thành tên. Ông xuất gia ở am Hoa Nghiêm, tánh trầm lặng, suốt ngày đi dạo ở chợ phố, dù tiết lạnh nồng cũng không mấy khi

vắng mặt. Trải hơn mươi năm như vậy, không ai lường biết là người thế nào? Hòa thượng thân thiện với vị Tăng ở am gần bên là Huệ Chiếu. Trước khi viên tịch một tháng, ông bảo Huệ Chiếu rằng: "Ngày mùng sáu tháng giêng năm tới, tôi về cõi Cực Lạc, xin thầy niệm tình đến đưa nhau!" Tới kỳ hạn, Hòa thượng đi phó trai nơi am Pháp Huệ trở về thấy Huệ Chiếu đã có mặt ở tịnh thất, liền hỏi: "Thầy đến đây có việc chi?" Chiếu cười đáp: "Ngài nói hôm nay về Tây phương, nên tôi lại đây theo lời ước hẹn!" Hòa thượng bảo: "Thầy không nhắc, cơ hồ tôi quên mất!". Nói đoạn, vội tăm gội thay y phục, lê Phật xong, bảo Huệ Châu rằng: "Đã về Phật, chẳng thể không có lời kệ để lưu niệm. Xin thầy vì tôi mà ghi chép!" Rồi đọc kệ rằng:

*Trọn ngày dạo phố phuường  
Trong lòng niệm Phật luôn  
Thế nhơn đâu biết được?  
Riêng có một thiên đường!*

Thuyết kệ xong, vui vẻ niệm Phật mà hóa.

### LỜI BÌNH:

Tới ngày về Phật mà quên, sự sống chết tự do đến thế? Xét kỹ nguyên nhân, cũng không chi khác, đó là tâm cùng Phật tương ưng mà thôi! Công phu niệm Phật của người thời nay, mỗi ngày chỉ một ít giờ, tâm lại không thường được chuyên nhứt. Như thế mà muốn khi lâm chung cảm thoại ứng, chẳng cũng là chuyện khó hy vọng lắm ư!

### NGỘ LINH

 hích Ngộ Linh, hiệu Huyền Nhu, con nhà họ Kim ở Hải Xương tỉnh Triết Giang. Từ thuở bé, sư đã có chí xuất trần, thấy Phật liền cúi lạy. Đến chín tuổi nhân hay đau yếu, xin với cha mẹ cho mình xuất gia. Được chấp thuận, sư xuống tóc noi chùa An Quốc, lễ Thượng tọa Tượng Lũng làm thầy. Về sau lại thọ giới Cụ túc tại chùa Chiếu Khánh ở Hàng Châu.

Bấy giờ ngài Tất Đàn Thuần đang mở hội Niệm Phật tại Lưu Thùy Cư ở Tô Châu. Ngộ Linh nghe biết đến xin tham dự, sáu thời trì niệm không biếng trễ. Kế tiếp sư tuân tự lễ các kinh: Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Kim Cang, Viên Giác, mỗi chữ một lạy. Thuần công thấy hai lòng bàn chân của sư đầy đặn bằng phẳng, liền truyền cho y phát. Đồi với pháp môn Tịnh độ, Ngộ Linh tin chắc không dời đổi nghi ngờ. Cha mất sớm, sư khuyên mẹ là Châu thị niệm Phật cầu vãng sanh. Sau quả nhiên bà mẹ không bệnh, niệm Phật mà thoát hóa. Người anh của sư là Liên Ân thấy thế, cảm động quyết chí xuất gia.

Sau khi Thuần công thị tịch, Ngộ Linh nối tiếp hoằng hóa ở Nam Thiền ba năm, rồi về quy ân nơi am Vi Đà tại Tòng Giang. Nơi đây sư cùng anh là Liên Ân nương nấu trong vài gian am tranh thanh vắng, lấy niệm Phật làm nhựt khóa. Một đêm khi đang thiền quán, Ngộ Linh thấy các

ngôi sao trên trời từ bốn phương tụ họp lại thành bốn chữ Úc Phật Niệm Phật. Mỗi chữ đều vuông rộng hơn một trượng, ánh sáng rực rỡ chói lòa. Từ đó đôi mắt của sư lấp lánh có thần quang, kè tảng tục cho đến hàng nông mục công thương, trông thấy đều sanh lòng kính mến. Số người cảm hóa niệm Phật theo không dưới vài ngàn.

Ngộ Linh đã chuyên chí nơi tịnh nghiệp, nghĩ đến lúc sau khi bộ Tịnh Độ Thánh Hiền Lục ra đời, từ đó tới giờ bậc cao hạnh niệm Phật cũng nhiều, chẳng nên để cho mai một. Vì thế sư ra công sưu tầm dò hỏi các sự việc vãng sanh, gộp lại viết thành một quyển nhan đề là Nhiễm Hương Tập. Tập này ghi chép từ đầu năm Gia Khánh trở về sau, những vị nhiễm hương niệm Phật được vãng sanh đều không bỏ sót, trải năm năm mới hoàn thành, và khắc bản cho lưu hành nơi đời. Mùa xuân niên hiệu Đạo Quang thứ tam, sư bị bệnh náu hơi, biết mình không sống lâu, liền cho mời các hàng liên hữu đến khuyến tấn và định hạn kỳ giã biệt. Sư lại tự đặt cho mình hai câu đối để nơi Ảnh đài như sau:

*Nê nguru hổng lạc giang tâm nguyệt  
Mộc mã tê quy hải thương vân.  
(Ngựa gỗ hí gom mây mặt bể  
Trâu bùn rồng lợt nguyệt lòng sông)*

Kế đó Ngộ Linh tuyệt thuốc thang, một lòng niệm Phật cầu sanh. Sang tháng năm bình tăng nhiều, có ai đến viếng

thăm, sư chỉ bảo: "Sống chết là việc lớn lao, mỗi người phải tự gắng sức!" Rồi lâm râm niệm Phật, không đề cập đến việc chi khác. Tới ngày mười bảy, sư ngồi ngay thẳng hướng về Tây niệm Phật. Có vị Tăng hỏi: "Một câu sau rốt (mac hậu cũ) khi sắp đi là thế nào?" Sư đáp: "A Di Đà Phật!" Giây lát, tiếng niệm Phật thấp nhở lần hồi lặng lẽ mà hóa, tuổi đời được sáu mươi mốt, tăng lạp ba mươi lăm. Ba ngày sau mới nhập khâm, dung mạo còn tươi như sống.



## VIÊN DUNG

T<sub>h</sub>ích Viên Dung tự Trúc Phong, họ Diêu, người ở huyện Đức Thành thuộc Hồ Châu. Sư xuất gia nơi chùa Yên Hà đình Thạch Óc tại Hàng Châu năm hai mươi tuổi. Kế đó đến chùa Chiêu Khánh học luật, thọ giới Cụ túc, giữ gìn rất nghiêm cẩn. Sư chuyên cần lễ niệm, lấy sự vãng sanh Tịnh độ làm chí nguyện quyết định trong một đời,

Viên Dung không lãnh chùa am, hằng nương theo tăng chúng mà tu, bảo rằng làm thế để cho khỏi sự dụng tâm tạp loạn. Sư cũng chẳng nhất định ở một chỗ, hợp thì ở không

hợp thì đi, ý khí rành rang không cố chấp. Tùy chỗ ở, sư không thích theo chư Tăng làm công việc, cầu xin với đại chúng đóng cửa để tĩnh tu. Hàng ngày Viên Dung nếu không lễ bái thì niệm Phật, không niệm Phật tắt lễ bái, hoặc có khi lễ niệm song hành chẳng lúc nào gián đoạn. Sư cũng chẳng xem thêm pháp tu nào khác, chỉ hành trì theo hai phương thức ấy đến trọn đời. Có nhiều lúc từ giờ ngọ, sư gõ mõ niệm Phật tiếng nghe rành rành trái suốt đêm cho đến xế hôm sau. Chúng tăng thấy tụng niệm mãi không thôi, lớn tiếng nhắc gọi, sư mới nghỉ. Đồng bạn hỏi: "Niệm lâu như thế không mỏi mệt và đói khát hay sao?" Sư đáp: "Đâu có chi lâu, tôi thấy chừng độ nửa ngày. Trong miệng tôi thường tuôn ra chất nước ngọt thơm như mật, thường đầy thường nuốt, thọ dụng không cùng, nên chẳng nghĩ đến sự ăn uống!" Viên Dung niệm Phật luôn ngày đêm, không đặt lung xuống chiếu hơn vài mươi năm, nên ít khi có mộng. Ngẫu nhiên mơ màng, cũng chẳng rời lễ niệm, không có duyên nào khác. Đôi khi mộng, lại thấy Phật, Bồ Tát hoạt động như sống, nhắc nhở khuyên tu! Có lúc sư thấy đức Di Đà tôn thiên hướng dẫn cho niệm Phật. Các điềm mộng của sư đại loại đều như thế cả.

Năm Đạo Quang thứ mười đời Thanh, vào ngày mười chín tháng ba, Viên Dung tịch nơi am Thiên Hoa tại Đông Viên thành Hàng Châu. Trước đó vài ngày, sư cảm bệnh nhẹ, dự biết thời khắc vãng sanh, đến giã biệt vị am chủ nói đôi lời chúc nguyện, rồi thầm trì niệm không đề cập việc

chi khác. Sau khi sư viên tịch, đánh đầu còn nóng ấm rất lâu. Lúc trà tỳ để đem di cốt vào tháp phô đồng ở chùa Long Khánh, thi thể phân hóa rất mau, không tốn cùi nhiều. Sư không thâu nhận đệ tử xuất gia, hưởng tuổi đời được sáu mươi bốn.

### LỜI BÌNH:

Không thường ở một chỗ, là chân giải thoát. Không nuôi dưỡng đồ chúng, là chân thanh tịnh. Lúc trà tỳ thi thể cháy thiêu mau, há chẳng phải là điều minh chứng không luyến nhiễm nơi duyên đời đó ư.



### DIỆU TRẠM

**T**ính Diệu Trạm, họ Hầu, người ở Kim Lăng. Sư bẩm tính trung hậu, lúc còn bé không tranh cãi với người, cũng chẳng ưa nói nhiều. Lớn lên, rất thích làm lành, nhiều người gọi đứa là cự sĩ.

Không bao lâu, sư đến núi Lang Gia, nương theo ngài Trí Nghiêm xuống tóc. Sau khi thọ đại giới, Diệu Trạm tu hành tinh tấn, thông hiểu ý màu của Phật pháp. Có người

khuyên làm trụ trì cùng lãnh chúng, sư bảo: "Lánh mình giữ đạo, muốn ẩn tu hay hiện hóa đều tùy tiện cơ nghi. Khi lãnh chùa lớn có đồ chúng đông nhiều, tất khó tránh khỏi nạn duyên, không biết lúc nào mới xong dứt!" Sau sư lánh nạn binh đao đến Duy Dương, ở nơi viện Tàng kinh, giữ phận sự hướng dẫn người niệm Phật, phóng sanh và khắc kinh điển. Vài năm sau, Diệu Trạm đem công việc giao phó cho chúng, rồi thôi cư gắng sức tu trì. Các chùa khác có việc cần nhờ cậy, đều phuong tiện kết duyên tùy hi. Giới xuất gia đều kính là bậc Thượng tọa, hàng đạo tục quy y rất nhiều.

Trong năm Đồng Trị, Kim Lăng được khắc phục, sư bèn trở về quê cũ. Hàng quen biết đều cảm sâu đức hóa, nương theo tu Tịnh độ rất đông. Khi đoàn thể chư Tăng

### **Gồm Các Y, Dương Chí, Diệu Không, Thành Phạm, Thiện**

Thành, đề xướng việc khắc in Đại tang kinh, Diệu Trạm cũng tán trợ, chẳng nài mưa gió đi khắp bắc nam, quyên mộ được hơn ngàn lượng vàng. Mọi việc hoàn thành, sư quì trước bàn Phật, đốt liều hương nới cánh tay, đem công đức hồi hướng nguyện cùng chúng sanh kết trí huệ nhân, đồng sanh về Tịnh độ. Sư có các đức tính: ôn hậu, bình hòa, chí thành, từ ái, nên đại chúng đều kính trọng nương về. Sanh bình, khi sư nghe thấy người làm một việc tốt, hoặc phát một tâm lành, đều chắp tay khen ngợi. Đối với kẻ ác muốn phá hoại, thì an nhẫn thầm niệm Phật, lâu ngày chúng cũng cảm hóa theo. Sư thường nói: "Làm phận xuất gia, nếu bên

trong chẳng cương quyết nghiêm minh, tất dễ bị phiền não cảnh trần xoay chuyển. Bên ngoài không hòa nhẫn từ ái, thì khó xử thế để hóa độ người".

Năm Quang Chữ thứ chín, vào ngày mùng bảy tiết Quý thu, Diệu Trạm cảm bệnh nhẹ. Các hàng đệ tử không hẹn trước mà hội đến hơn trăm người, cùng nhau xung hòng danh trợ niệm. Khi lâm chung, sư dạy chúng rằng: "Niệm Phật tuy xem dường dễ dàng, song rất khó thành tựu. Cho nên lúc bình thời mỗi người phải đề ý tự gắng sức. Hiện tại đại chúng niệm tức là tôi niệm, đôi bên đều không phân cách nhau!" Nói xong, an nhàn vãng sanh trong tiếng niệm Phật, hướng dương được sáu mươi tuổi. Từ khi nhiễm bệnh cho đến lúc mãn phần, dung sắc của sư vẫn an lành không cải biến. Sư di chúc thiêu hóa sắc thân, đem tro xương hòa với bột làm hoàn liệng xuống sông thí cho loài thủy tộc, để đèn trà nợ đời trước đã ăn thịt chúng.



## THỌ TÂM

 hích Thọ Tâm tự Chuyên Tây, họ Mao, người ở Phương Thành tại Triết Đông. Từ khi mới sanh ra, sư chỉ ăn uống thức thanh đạm, không dùng sữa và thịt cá. Lớn lên, nhảm chán cảnh trần lao, lập chí tu hành lìa thế tục. Năm mươi tám tuổi, sư vào chùa Tiêu Linh Sơn ở Thành Tây, nương theo Giới Am pháp sư xuống tóc xuất gia.

Lúc sắp thọ Cụ túc, ngài Giới Am đau nặng, Thọ Tâm nghĩ: "Sự hoằng dương Phật pháp phải nhờ những bậc túc đức như thầy mình. Tự xét bản thân mong manh tự sương mai, mạng này đâu có chi đáng tiếc!" Do đó sư nấu nước thơm tắm gội, đến trước Tam Bảo đốt hương khấn nguyện, rồi trở về phòng mình tự mở bụng, muốn cắt lá gan hòa với thuốc để trị bệnh cho thầy. Đâu hay vừa mới đưa dao rọc nhẹ vào bụng, bỗng đau đón xâm té xuống đất. Giây lát sư hồi tỉnh, bò lại giường thì phuông đông trời đã rạng sáng. Đại chúng phát giác, cùng nhau lo buộc thuốc băng bó cho sư. Ngài Giới Am hay biết chuyện đó, vời Thọ Tâm đến an ủi rằng: "Lòng hiếu tử của con tuy mạnh mẽ, nhưng trọn không phải là chánh hạnh của người tu. Huống nữa ta tự biết thời tiết nhân duyên, đã rõ sanh vốn vô sanh, thì có chi là diệt? Việc của con làm hoàn toàn do vọng tưởng, nhưng ta nghĩ thương con một niệm hiếu thành, nên tạm lưu

lại ít lâu!" Quả nhiên sau khi sư thọ Cụ túc trở về vừa độ một tháng, thì ngài Giới Am liền quy tịch. Thọ Tâm thiền tánh hiếu thuận, thương khóc quá phần, lo việc tân liệm chôn cất, mỗi mỗi đều chu đáo.

Không bao lâu, sư đem việc chùa giao phó cho pháp đệ là Liên Đường, còn mình thì đi các nơi tham học. Sư nghiêm giữ giới luật, tu hạnh đầu đà, tràn chân lộ đành, mùa đông tiết hạ chỉ một manh áo, thường chuyên lo niệm Phật. Mọi người thấy thế đều xung gọi là Xích Cước đại sư. Mùa thu năm Tân Tỵ trong niên hiệu Quang Chữ, Thọ Tâm trở về chùa Tiêu Linh Sơn. Lúc ấy nắng hạn đã lâu, những làng quanh vùng đều lập đàn đào vồ. Quan huyện là Tôn công lòng lo nhu đốt, ngày đêm khẩn cầu mà chưa thấy ứng nghiệm. Thọ Tâm động lòng thương xót, đi thẳng đến ra mắt Tôn công, an ủi khuyên chờ quá lo, việc cầu mưa để tự mình lãnh trách nhiệm. Hôm sau là ngày Nhâm Tý, sư ôm bát đến vực suối cạn lấy được một vật hình như cái Thủ cung. Đến ngày Ất Mão, Thọ Tâm lập đàn trì chú, lễ bái sáu thời. Sang giờ Dần ngày Bính Thìn, trời xuống con mưa nhưng giây phúy lại tạnh. Tôn công sai các thàn hào do ông Lý Tiêu Nham hướng dẫn, đến xin cầu đảo thêm. Sư bảo: "Các vị chờ lo, ngày mai sẽ có mưa lớn!" Đêm ấy Thọ Tâm chí thành trì chú cầu nguyện, đảnh lễ tối sáng. Quả nhiên vào giờ Ngọ ngày Đinh Ty mưa đổ xuống như trút dồn đến chiều tối, ruộng nương đều đầy dãy nước. Dân chúng trong vùng vui mừng hơn hờ, Tôn công xuất lãnh hàng thàn hào

lên núi tạ ơn. Quan huyện giữ lễ đệ tử, tự tay viết bốn chữ lớn “Bát Long Giáng Trạch” để kỷ niệm. Sư vẫn an tĩnh điềm nhiên, không lộ vẻ chi khác. Tôn công than rằng: “Nay mới biết tăng đức uyên thâm, không thể nghĩ bàn được!”

Mùa thu năm Nhâm Ngọ, Thọ Tâm đóng cửa thất tạ tuyệt các duyên, mỗi ngày trì chú Đại Bi một trăm lẻ tám biển, niệm Phật mười muôn câu. Ngoài ra còn tụng danh hiệu Quán Âm, Thế Chí một ngàn lần, lễ hòng danh đức Thích Tôn và Tây phương Tam Thánh, mỗi vị đều ba mươi lạy. Trong thất sư có nuôi một con chó và mèo, mỗi ngày đều vì chúng quy y chú nguyện. Đo đó nên mèo không bắt chuột, chó chẳng ăn đồ dơ. Sau ba năm, vào ngày mười chín tháng chín, sư ra thất. Đến đầu tháng mười một, Thọ Tâm nhiễm bệnh kiết ly nhẹ vài ngày rồi lành. Nhưng từ đó thân thể lần suy yếu, chư Tăng thay phiên hầu hạ, sư không cho, bảo: “Phận xuất gia, mỗi người đều có công khóa tu hành, đừng nên để làm lỡ nhau. Nếu qua đến thời, sẽ cho người kêu gọi!” Chiều tối ngày hai mươi sáu, Thọ Tâm vời các đồ chúng đến gần giường dạy rằng: “Đêm nay ta sẽ về Tây phương, nên mau nấu nước thơm đem đến!” Sau khi cạo tóc, tắm gội và thay y phục xong, sư ngồi kiết già cù bài tán Phật, bảo chúng hòa theo. Lúc niệm Phật độ hơn trăm câu, tiếng sư thấp nhò lẩn, đầu hơi cúi xuống. Bỗng lại ngược đầu lên ngay thẳng, nói: “Ta đi đây! Đại chúng nên trân trọng!” Rồi cao tiếng niệm Phật một câu mà viên tịch.

Đêm ấy hai con thú chó và mèo nuôi trong thất, cũng đồng ngồi thoát hóa. Mọi người đều bảo nó vãng sanh theo sư.

Bấy giờ nhằm năm Ất Dậu, niên hiệu Quang Chữ.



## TƯ NGẠN

**T**ư hịch Tu Ngạn tự Nguyên Đăng, con nhà họ Tạ ở Tiên Đường tại Hàng Châu. Lúc tuổi trẻ ông theo học Nho vào hàng chư sanh. Không bao lâu cảm thấy việc đời vô thường, nên quy y Tam Bảo, đi tham học khắp các bậc tri thức về Tông và Giáo. Sau ông nghe Ngọc Phong pháp sư khai thị: “Muôn cầu thoát khổ, chỉ có pháp môn Niệm Phật là dễ thành tựu”, liền phát tâm mỗi ngày trì Phật hiệu sáu muôn câu lấy làm định khóa. Bình sanh có làm công đức chi, đều hồi hướng về Tịnh độ. Năm Nhâm Thân niên hiệu Đồng Trị, lại phát tâm tho ngũ giới nơi chùa Hải Triều.

Năm Quang Chữ thứ chín, ông chán cuộc trần lao, muốn sớm cầu giải thoát, nên đem việc nhà giao phó cho hai con, đi thẳng đến chùa Hộ Quốc, lễ Hòa thượng Kính Phong cầu xuống tóc xuất gia. Mùa đông năm ấy, sư được duyên lành tho giới Cụ túc nơi chùa Kỳ Viên ở Túc Sơn. Kế đó lại trở về chùa Hộ Quốc chuyên tu tịnh nghiệp. Do

gắng công lao nhọc đã lâu, Tư Ngạn lần nhiễm bệnh, tuy thuốc thang điều trị nhiều phen, song bệnh lành rồi lại tái phát. Hai con trai nhớ mến, rước sư về dưỡng bệnh nơi nhà, mở một gian tĩnh thất để làm chỗ tĩnh tu. Mùa thu năm Quang Chữ thứ mười lăm, sư bỗng vuông chung hạ ly, thuốc thang không công hiệu. Từ đó sư ăn uống tuy lán kém giảm, song sức niệm Phật lại thêm thành kính thiết tha. Tới ngày mùng mười tháng chín, Tư Ngạn gọi hai con lại bảo rằng: "Thời kỳ vãng sanh của thầy đã đến, hai con hãy đi thỉnh chư Tăng về nhà niêm Phật bảy ngày, để hộ trợ ta về Tây phương!" Sư định sáng sớm ngày mười hai khởi đầu kỵ Phật thất, bảo với vị Tăng là Lãng Phong rằng mình chỉ còn lưu trú bảy hôm nữa thôi. Sang ngày tám, lại cầm tay tăng hữu là Đình Sơn nói: "Chỉ còn ba hôm, tôi sẽ về Cực Lạc!"

Đến tối ngày mười bảy, sang canh tư, sư hỏi mấy giờ, hai con đáp là giờ Sửu. Tư Ngạn nói: "Giờ Sửu tức đã qua ngày mười tám, là kỳ hạn thầy vãng sanh. Vậy nên thỉnh chư Tăng xung hồng danh trợ niệm!" Khi chúng xuống Phật hiệu, sư cũng niệm theo. Ước chừng tàn nửa cây hương, bỗng lặng thính nhắm mắt. Giây lâu chợt mở mắt chắp tay, đôi chúng Tăng xung tạ và nói: "Tôi đã được đến Tây phương lễ cản đức A Di Đà cùng hai vị đại sĩ. Phật rủ lòng thương xót trao tịnh y cho tôi. Còn Quán Âm Bồ Tát thì cầm cành dương rày nước cam lộ nơi đầu. Nhìn ra xa, tôi thấy Liên Trì đại sư đang thuyết pháp cho các bậc thượng thiện nhơn nghe. Bay dạo trên ao thắt bảo rộng lớn mênh mang, nhìn khắp các hoa sen báu, tôi thấy một hoa tòa ghi tên chỗ mình sanh về. Đức Phật dạy tôi hãy tạm trở lại Ta Bà, cáo tri cho mọi người biết rằng mình được sanh

về Tịnh độ. Xin phụng khuyên các vị nên gắng chuyên tinh niệm Phật, để ngày kia cùng gặp nhau nơi cõi Liên bang!" Nói xong bảo đêm nước mát uống ba hộp, rồi lại giường nằm nghiêng bên hữu, niệm Phật vài mươi câu mà thoát hóa.

Hôm sau, khi nhập quan, đánh đầu hấy còn nóng.



## NGỌC PHONG

 goc Phong pháp sư tự Luyến Tây, người ở huyện Quảng Tín, tỉnh Giang Tây. Ông xuất gia nơi chùa Phổ Ninh lúc mới hơn mười tuổi. Thầy thế độ dạy đọc tụng các kinh đại thừa, do linh căn đã gieo sẵn, Pháp sư liền hiểu rõ đại ý. Sau khi thọ giới Cụ túc nơi chùa Quốc Thanh ở Thiên Thai, Ngọc Phong lập trí tuân giữ theo kinh Phạm Võng. Kế đó lại đồng chúng tham thiền, đem hết sức mình dụng công: ngày nọ canh khuya nghe tiếng chuông ngân vang, bỗng hoát nhiên tinh ngộ.

Một hôm xem đèn quyền Viên Trung Sao của ngài U Khê, thấy khé hợp với tâm mình, Pháp sư vui mừng lập thệ nguyện giữ giới luật trang nghiêm và chuyên tâm niệm Phật để cầu sanh Tịnh độ. Ngọc Phong tự tu và khuyên hóa người rất thành khẩn, nên hàng tăng tục hướng ứng ngày

càng đông. Giáng đến sự khổ trong vòng sống chết luân hồi, lời nói của Pháp sư rất thống thiết, khiến cho thính giả phải rơi lệ. Cách thuyết giáo về Tịnh độ, thì dạy bốn chúng phải tùy tâm lực hoàn cảnh, mỗi ngày lập định khóa niệm Phật ghi số, hoặc từ một hai muôn cho tới mươi muôn câu, giữ đến suốt đời đừng gián đoạn. Đó là phương pháp đã kinh nghiệm của tiền nhơn, nếu cứ giữ ý như thế không thôi chuyền, thì khi mạng chung quyết định sẽ được sanh về Cực Lạc, không còn nghi ngờ. Pháp sư lại viết nhiều sách xiển dương môn Tịnh độ, đại khái khen ngợi đó là đường lối dễ tu dễ thành, công năng siêu hơn các hạnh, như tuân hành theo tất được sự lợi ích rộng to nhanh chóng. Ngọc Phong lại mướn thợ khắc bản đá kinh A Di Đà đem án tống, san hành các kinh luận đại thừa, và làm những thang hạnh khác để trợ tu khuyên người, lưu thông Phật pháp, đèn đáp bốn ân.

Năm Quang Chữ thứ mười lăm, trụ trì chùa Tây Phương ở Minh Châu là Hòa thượng Tịnh Quả, gởi thư mời về tịnh tu tại bản tự, vì tên chùa hợp với tâm nguyện mình, nên Pháp sư nhận lời cầu thỉnh. Từ khi phát tâm cho đến lúc lâm chung, mỗi ngày Ngọc Phong niệm Phật sáu muôn câu, hai thời hồi hướng, dù tiết lạnh nóng cũng không trễ bỏ, lấy đó làm định khóa.

Năm Quang Chữ thứ mười tám, vào ngày mùng sáu tháng bảy, sau thời ngọ trai, Pháp sư cảm thấy hơi thở ngắn uất khó khăn. Ngày kế, Hòa thượng Tịnh Quả cho mời danh

y đến chẩn trị. Sau khi xét nghiệm, y sĩ bảo: "Mạch đã hoàn toàn kiệt mát, không còn dùng thuốc chi được nữa!" Nhưng Ngọc Phong vẫn ngồi kiết già hướng về Tây niêm Phật, không nói năng chi, tinh thần xem có vẻ sáng kiện hơn lúc bình thường. Y sư thấy thế than thở ngợi khen cho là điều ít có. Hòa thượng Tịnh Quả hỏi: "Xin thỉnh chư Tăng đến xung hồng danh để trợ niệm có được chăng?" Pháp sư gật đầu. Khi đại chúng đứng hai bên niêm thánh hiệu A Di Đà, ước chừng tàn một cây hương, thì Pháp sư chắp tay gắng sức xung Phật danh độ vài trăm câu, rồi an vui mà thoát hóa. Ngày mùng chín, lúc nhập khâm, mọi người kiểm thấy đánh đầu còn nóng, sắc mặt hiện tướng sáng suốt tươi nhuần.

Rằm tháng hai năm sau, khi thiết lễ trà tỳ, hàng tăng tục hội về hon vài trăm người. Ngọn lửa vừa bốc cháy đều, cửa bào khám sụp xuống trước, đại chúng thấy thi thể Ngọc Phong vẫn còn ngồi kiết già, nghiêm nhiên tươi tinh như sống. Lúc lửa cháy dữ dội, mọi người lại thấy trên đảnh Pháp sư hiện ra mười vị Phật, nơi mỗi bàn tay hiện ra một đức Như Lai tướng tốt trang nghiêm. Đó là lúc sanh tiền, Ngọc Phong từng đốt mười liều hương nơi đầu cúng mười phương Phật. Và mỗi bàn tay lại đốt một ngón, một cúng dường đức Thích Ca, một cúng dường đức A Di Đà. Do Pháp sư có lòng chân thành, nên lúc thiêu hóa mới hiện ra điểm lành hy hữu như thế. Xét công hạnh tự tu và độ người, Pháp sư tất được sanh về thang phẩm.

## CHÍ THIỆN

 hí Thiện thiền sư, người đời Thanh, chưa được rõ xuất xứ. Trong niên hiệu Đồng Trị Quang Chữ, ngài mở pháp hóa nơi chùa Hải Hội ở Lô Sơn.

Thiền sư đạo hạnh cao siêu, bốn chúng ngưỡng mến nương về, là bậc danh đức ở miền Giang Tây trong thời cận đại. Sau khi ngộ suốt tâm tông, ngài chuyển sang niệm Phật, sự tự tu và khuyễn hóa người đều lấy Tịnh độ làm nơi quy hướng. Cho nên trong thời gian đó, cư dân nơi vùng núi ấy, người đều đeo chuỗi, nhà đều thờ Phật. Từ hạng nông công cho đến kẻ tiều phu mục đồng, khi rảnh việc phần nhiều ngồi nơi gốc cây hoặc trên tảng đá nhấm mắt niệm Phật, là điều thường thấy không ai còn lấp lậy. Di phong ấy đến nay vẫn còn tiếp lưu truyền.

Lúc lớn tuổi, thiền sư đem việc chùa giao phó cho hàng cao đồ là Thanh Hư hòa thượng, còn mình thì ở nơi tịnh thất chuyên tu. Học chúng khi vào thất thỉnh ích, ngài đều bảo tự tiện ngồi, rồi tùy cơ mà ứng đối chỉ dạy. Có vị Tăng là Cảm Phong, làm chức Tăng chủ coi kho vật thực trong chùa, mỗi ngày cũng trồng rau bồ cát tham thiền niệm Phật, chúng đều xem như người thường. Một năm vào đầu mùa đông, sư đến phương trượng xin nghỉ việc. Thanh Hư hòa thượng dạy: "Thường trú mới khởi kỳ Phật thất, ông chờ vôi rời bỏ sớm, nên ở lại đây hết năm rồi sẽ đi!" Sư thưa: "Thời kỳ đã đến, không thể chờ đợi!" Hòa thượng bảo: "Ta vì ông mà cầm lại!" Cảm Phong lễ tạ rồi lui ra. Sang xuân vào ngày mùng ba, sư lại đến xin đi. Hòa thượng nói: "Đầu năm mới ông đi chúng sẽ động niệm, nên nán lại đôi ba

hôm nữa!" Cảm Phong lại lui ra.

Qua ngày mùng mười, sư lên phương trượng kiên quyết xin đi và nói: "Tôi cùng các bạn đồng tham sống chung với nhau đã lâu, nên có mối hậu tình. Qua tiết Nguyên Tiêu, phần đông tăng chúng sẽ tan đi du phương các nơi, về sau không còn có cơ duyên gặp gỡ. Vì thế tôi muốn các đồng bạn đưa nhau một đoạn đường!" Hòa thượng nghe nói chấp thuận. Cảm Phong lễ tạ, rồi sang yết kiến ngài Chí Thiện. Thiền sư dụ biết trước, để sẵn một chén nước trong vắt, dặn thị giả rằng: "Nếu Cảm Tàng chủ đến đây, bảo hãy uống chén nước này, không cần phải vào ra mắt". Thị giả đem điều ấy nói lại, Cảm Phong bái lanh mà uống. Đến giờ ngọ, sư vẫn theo chư Tăng thọ trai. Trai cúng xong, Hòa thượng bạch với chúng rằng: "Cảm Tàng chủ sắp đi xa. Vậy sau giờ ngọ hai tiếng báng, xin đại chúng đồng đắp y đem mõ nhỏ và khánh cùng đến liêu phòng tiễn đưa Tàng chủ!" Chúng nghe nói hầu hết đều có vẻ ngơ ngác lấy làm lạ. Đến giờ, Duy na hướng dẫn chư Tăng đến nơi, Cảm Phong đã dọn thất trống trải sạch sẽ, chính giữa để bàn hương án thờ Phật, hai bên sắp chỗ ngồi cho đại chúng. Giây phút Hòa thượng tới, Cảm Phong cúi lạy, rồi hướng về chư Tăng hành lễ. Ngài Thanh Hư ân cần nói kệ phú pháp. Chừng đó đại chúng mới biết là Tàng chủ sắp viên tịch, sanh về Tây phương. Sau khi Hòa thượng lui ra, Duy na cử xướng kinh A Di Đà, Cảm Phong về chỗ ngồi theo chúng mà trì tụng. Khi đến bài kệ tán tiếp sang niệm Phật, cây hương vừa cháy thêm độ một tắc, tiếng của sư thấp nhỏ lần, xâu chuỗi cầm nơi tay rơi xuống chiếu. Vì Tăng ngồi gần bên dò thám, rồi ra đâu Tàng chủ đã tắt hơi. Đại chúng không dám kinh động, vẫn niệm Phật như cũ.

Một lúc, Cảm Phong bỗng mờ mắt, yêu cầu chư Tăng luân phiên trợ niệm luôn một ngày đêm. Nói xong, sư liền nhắm mắt đi thẳng.

Năm Mậu Tuất trong niên hiệu Quang Chữ, triều đình thay đổi chính sách mới. Ngài Chí Thiện than rằng: "Thời kỳ Phật pháp suy tàn đã đến, ta già rồi không làm sao cứu giúp được! Chỉ nguyện sớm sanh về Cực Lạc, sau khi chứng quả Vô sanh, sẽ trở lại cõi này để hộ trì chánh giáo!" Nói xong, viết thơ gởi chư đại đức khắp nơi, ngỏ lời giã biệt. Bấy giờ Thanh Hư hòa thượng đang trụ trì tại chùa Viên Thông ở Nam Xương, được tin thơ vội vã trở về. Khi Hòa thượng vừa bước vào chùa, thì ngài Chí Thiện còn đang ngồi tựa án viết lời phú chúc. Thấy Hòa thượng, thiền sư thu tất công việc rồi cười bảo: "Việc lớn đều giao phó hết cho ông. Ta đi đây!" Nói xong ngồi ngay nơi tòa mà thoát hóa.



## KHẮC CẦN

**T**ính Khắc Cần, họ Tường, người huyện Sương Âm tỉnh Hồ Nam. Lúc bé, ông ngu bướng ngay thẳng, lại có sức khỏe. Lớn lên vào am Hồng Thế ở Thiện Hóa xuống tóc, và sau đắc giới noi chùa Lộc Sơn.

Sư không biết chữ, nhờ chúng bạn dạy hai thời khóa tụng, đến năm năm mới thuộc lòng. Khắc Cần hành cước đi khắp các miền danh thắng, trải năm non bốn núi để tham học suốt mười năm, song kết cuộc không hiểu biết thêm, vẫn còn tánh thẳng bướng như cũ. Đến sáu mươi tuổi, sư gặp ngài Minh Quả làm hộ chủ kỷ Phật thất, nghe lời giảng: "Công đức niệm Phật quý ở nơi một lòng không loạn. Nếu khi tán loạn, phải lắng tai nghe câu Phật hiệu cho rành rõ, thì tạp niệm tự trừ, vọng tưởng tự diệt, tâm liền được thanh tịnh". Do đó sư mới cảm biết pháp môn Tịnh độ là siêu thắng nhiệm màu. Khắc Cần y theo lời dạy chuyên tu sáu năm, dứt trừ được tánh bướng bình, tâm hằng tự tại lặng yên. Lúc rảnh rỗi, sư thường nói với mọi người rằng: "Tu hành quý ở nơi một lòng không loạn. Nghiệp chướng của tôi do công đức niệm Phật, nay đã tiêu trừ. Mấy năm gần đây, chẳng những không phiền não, mà thân tâm còn được khinh an!"

Một ngày nọ bỗng Khắc Cần nhờ người thỉnh sư huynh của mình là Hàm An tới để trao gởi hậu sự. Hôm sau Hàm An tới, sư trông thấy cười bảo: "Đệ xin giã từ sư huynh!" An hỏi: "Pháp đệ dự tính đi đâu?" Đáp: "Vãng sanh về Tây phương Cực Lạc thế giới". An nghiêm nét mặt bảo: "Lại định muôn nỗi khùng phải không?" Sư cũng nghiêm trang đáp: "Sáu năm nay đệ chuyên trì Phật hiệu, nên tâm chẳng còn tạp niệm, mỗi câu Hồng danh rành rẽ rõ ràng. Gần đây đã được thân thấy cõi Tịnh độ, tự biết kỳ hạn

quyết định sẽ vãng sanh, không phải có ý khi dối đâu!" Liên đó, sư đem các thủ tục trong am và hậu sự của mình, mỗi mỗi đều giao phó dặn dò rành rẽ. Lại nói: "Vào giờ Ngọ ngày mai đệ sẽ vĩnh biệt sư huynh. Cùng là anh em bạn đạo tuổi già với nhau, xin sư huynh cố gắng chuẩn bị tư lương Tịnh độ, đồng tu pháp môn Niệm Phật, để chờ đợi giờ phút giải thoát lúc lâm chung!"

Đêm đó, Khắc Cần không nói chuyện với ai cả, chỉ ngồi một mình niệm Phật. Rạng ngày sư tắm gội thay y phục, niệm hương lễ Tam Bảo, xuống Ánh đường lạy giã từ chư Tô xong, rồi trở về tịnh thất ngồi niệm Phật. Vừa đến giờ Ngọ, sư bước đi chậm rãi vào ngồi kiết già trong bao khám, tay cầm chuỗi niệm Phật, rồi lặng lẽ mà vãng sanh. Hơn hai giờ sau, Hàm An cùng chư Tăng như Phổ Âm lại dò thăm thì thấy hơi thở đã dứt, đỉnh đầu còn nóng, lại nghe mùi hương lạ bay thanh thoảng. Tất cả đều kinh hãi, chừng ấy mới tin lời Khắc Cần nói hôm trước. Bấy giờ nhăm ngày mùng năm tháng bảy năm Tân Sửu, niên hiệu Quang Chữ đời Thanh.

Lúc đó khí hậu nóng bức, vì việc nồng của nhà chùa đang gấp rút bện bỉ, nên phải đình khâm bảy ngày mới đem thiêu hóa. Nhưng sắc thân của sư vẫn tươi tắn, phát ra hơi thơm không có chút mùi hôi. Tất cả đều khen ngợi và lấy làm lạ.



## TỊNH HẢI

**T**ính Hải tự Việt Ngạn, họ Châu, quê ở huyện Thái Bình tỉnh Triết Giang. Lúc bé ông mồ côi cha, người bác không con xin đem về làm thura tự, dạy cho coi sóc gia nghiệp. Nhưng Tịnh Hải tuy sống trong cảnh đầy đủ noị thị tú, mà lòng uất không vui. Một hôm, đọc xong bộ Tam Quốc Chí Diễn Nghĩa, ông bỗng có sự cảm ngộ lớn, tự suy nghĩ: "Những vị như Gia Cát, Quan Công, Trương Phi, có thể gọi là hàng nhơn tài bậc nhứt, nhưng tất cả đều thân chết trước mà công nghiệp chưa thành. Ta sánh với người xưa muôn phần chưa được một, mà muốn lập công danh noi đời, chẳng cũng khó khăn lắm ư?" Trong một niệm, ông ngộ được lý: chỉ có tiêu dao ngoài vòng tục lụy mới đích thực là an vui giải thoát.

Năm mươi tám tuổi, ông trốn lên non Thiên Thai, lê Tế Chu đại sư cầu xin xuống tóc xuất gia. Ba năm sau, được thọ đại giới tại chùa Quốc Thanh, rồi trú nơi thiền đường theo chúng tu học. Đến ba mươi ba tuổi, nghe chùa Linh Thủ ở Tô Châu có giảng kinh đại thừa, sư liền mang gậy bắt túi xin dự vào pháp hội. Sau đó lại đóng cửa nhập thất tịnh tu ba năm ở một ngôi chùa tại Mộc Thực Sơn. Khi ra thất, nhân vì Năng Thuyên pháp sư trụ trì chùa Bảo Liên quy tịch, các bậc tôn túc đều khuyên ép phải lên kế nhiệm, bất đắc dĩ sư miễn cưỡng vâng lời. Chùa ấy đã trải qua cảnh

bình lửa chỉ còn nền tảng trống không, ngài Năng Thuyên vừa kiến trúc xong hai ngôi điện Địa Tạng, Quán Âm thì mãn phần. Tịnh Hải nối tiếp theo siêng tu Phật sự, nhò suôt thông đạo lý lại khô hạnh hơn người, nên cảm sức Tam Bảo gia bị, của đàn tín hội về, không bao lâu từ liêu phòng cho đến Phật điện, đều tiếp tục lạc thành. Công việc xong, sư càng cố gắng chuyên tu, mỗi ngày đều tụng một bộ kinh Pháp Hoa và niệm Phật hồi hướng về Tịnh độ, như thế trọn ba mươi năm không chút biếng trễ.

Ngày rằm tháng sáu năm Nhâm Dần, niên hiệu Quang Chữ, sư viên tịch. Trước khi mang chung vài tháng, Tịnh Hải mộng thấy một thế giới báu đẹp trong sạch như lưu ly, ánh sáng rực rỡ không ngăn mé, mình ngồi kiết già trong hoa sen ở nơi cảnh đó. Thức giác, sư tự biết không còn sống lâu giữa cõi trần, đem diêm áy thuật lại với hàng đệ tử. Khi sắp thị tịch, sư nhóm họp bốn chúng, rồi ngồi nơi thiền sàng giảng nói một đoạn trong kinh Niết Bàn. Sau khi áy ngồi lời quyết liệt với đại chúng và bảo: "Đẹp bờ trần vọng, một niệm vượt thẳng vào chân tâm mà chuyên trì Phật hiệu, quyết định sẽ được vãng sanh. Xin đại chúng nêu trân trọng và gắng sức tinh tấn!" Nói xong niệm Phật mà quy tịch, tho được sáu mươi ba tuổi.



## MẶC AM

**M**ặc Am đại sư, pháp danh Thượng Nhân tự Chân Nguyên, họ Châu, người ở Hoành Châu tỉnh Hồ Nam. Cha học Nho, mãn phần sớm, ngài còn bé mà đĩnh ngộ sáng lè, liếc mắt qua đã đọc xong mấy hàng sách. Năm mươi lăm tuổi, văn tài tiến vượt xa các đồng bạn, thầy dạy học nghĩ rằng đường công danh về sau tất sẽ rực rõ. Hai năm kế đó, ngài đến ở trọ chùa Nhạn Phong học tập, nhân chép kinh Kim Cang tới câu: "*Tâm quá khứ, hiện tại, vị lai đều không thể được*", bỗng chợt này sanh tư tưởng xuất trần.

Năm Hàm Phong thứ bảy, mẹ muôn tìm nơi hỏi vợ cho, ngài lén trốn đến chùa Nam Phong, nương theo Phô Chiếu thiền sư xuất gia. Năm sau, lại dắc giới nơi Thúy Đinh thượng nhơn ở chùa Phước Nghiêm. Đại sư nghe Chúc Thánh Lượng thiền sư pháp hóa rất thanh, đến thọ tâm ấn. Qua năm kế, lại yết kiến Pháp Vân thiền sư, đi sâu vào giáo nghĩa, do đó đối với sách Nho cũng được suôn thông. Các bậc danh tài thạc học nghe tiếng đại sư, đều thích tìm đến để giao du. Ngài dũng mãnh về việc hướng thượng nên tới ẩn tích ở Kỷ Cung Nham tại Nam Nhạc, cùng với Thiền Vân pháp sư nương nhau sách tấn để tham cứu tu hành.

Sang niên hiệu Đồng Trị, đại sư đi tham phỏng khắp các bậc tôn túc nam bắc ngộ nhập nguồn tâm, rồi trở về chùa Phước Nghiêm duyệt xem Đại tang. Mùa thu năm Quang Chữ thứ hai, ngài lại cắt tịnh xá bên chùa Chúc Thánh ở Nam Nhạc, khô thiết mật tu, lâu ngày sự tò ngó

càng thêm sâu sắc. Từ đó các sách vở nội ngoại thày đều quán triệt, hàng danh sĩ lại tìm đến giao du như cũ. Chùa Đại Thiện ở Nam Nhạc, nguyên là một danh lam cổ, bị người xâm chiếm, đại sư quyền tiền chuộc lại rồi trùng tu. Ngài phỏng theo quy tắc của Triết Ngộ thiền sư tổ chức sự tu học, nên chư Tăng mười phương vân tập về, đến đỗi không đủ chỗ dung chứa. Tất cả học chúng nơi đó đều suốt thông tánh tướng, giữ luật hạnh trang nghiêm. Đại sư lấy Thiên Thai giáo quán làm tiền đạo cho hàng học giả, lấy Di Đà Tịnh độ làm chỗ cứu cánh nương về. Ban sơ đại sư giữ nhứt khóa niệm Phật sáu muôn câu, lâu ngày đi đến cảnh không niệm tự niệm, nên câu hồng danh chẳng lúc nào gián đoạn.

Mùa xuân năm Nhâm Dần, đại sư đem việc chùa giao phó cho đệ tử thượng thủ và nói: "Ta sắp về Tây phương!" Sang đông, ngài cử hành lễ Phật thất. Được hơn một tuần, trong định đại sư thấy nước bát công đức lóng lánh nơi ao thất bảo trang nghiêm. Không bao lâu ngài cảm bình nhẹ, từ khước thuốc thang một lòng niệm Phật và bảo đồ chúng luân phiên trợ niệm. Kế đó đại sư tuyệt thực rồi tuyệt âm, nằm theo lối kiết tướng nghiêng về bên hữu, giữ pháp Kim cang trì niệm. Hôm sau ngài thấy đức A Di Đà hiện thân, tướng bạch hào quang sáng chói, liền chỗi dậy ngồi kiết già hướng về Tây, bảo xếp dọn chăn gối. Thị giả ngần ngại trình thưa tiết trời quá lạnh, đại sư bảo: "Ta sắp từ bỏ tệ phục đổi lấy trân phục, bỏ huyền thân nhơ nhớp thay thân bảo chất đẹp nghiêm!" Tăng chúng hay tin tụ hội đến, ngài an tường nhìn khắp xung quanh và chầm rãi hỏi: "Thế nào là giải thoát?" Chúng đều nhìn nhau không khé hội. Đại sư mỉm cười bảo: "Đã vậy, chỉ bằng học theo ông già bà cả

quê mùa, ăn chay trường chân thành mà niệm Phật là chắc chắn hơn cả!" Kế đó dạy chúng đánh mõ trợ niệm, giây lát tiếng mõ hơi gấp, ngài bảo dừng lại, chỉ đồng thanh xung Nam mõ A Di Đà Phật. Khi niệm độ hơn một trăm câu, đại sư chấp tay mà thị tịch. Bấy giờ nhăm ngày mười ba tháng chạp, năm Quang Chữ thứ hai mươi tám. Vài giờ sau chúng dò thăm thấy đanh của ngài còn nóng, thân thể đều nhu nhuyễn.

Đại sư hưởng tuổi đời được sáu mươi bốn, Tăng lạp bốn mươi lăm.



## LƯƠNG TU

**L**ịch Lương Tu, người đời Thanh, quê ở Trần Hải tỉnh Triết Giang. Thuở thiếu thời, ông làm chức sự nơi Biu tín cuộc tại vùng đó. Lúc rảnh lại thường đi hành hương đến chùa núi Bảo Hoa tại Kim Lăng, am Mâu Bồng ở ngọn Cửu Liên và có quen biết với Tùng Càn hòa thượng. Một hôm, Lương Tu chán cuộc thế vô thường, mang hành lý lên non cầu ngài Tùng Càn thế độ. Thọ giới Cụ túc xong, sự chuyên tâm niệm Phật quyết chí cầu vãng sanh.

Sau Tùng Càn hòa thượng được thỉnh chủ trì chùa Kim Tiên ở Từ Khê, Lương Tu cũng đi theo. Vùng ấy có cư sĩ Diệp Minh Niên mến đạo hạnh của sư, cất một cái am gần năm gian rồi mời về ở. Tất cả sự nhu cầu đều do Diệp cư sĩ cung cấp. Lương Tu ở đó niệm Phật mấy năm, trong am không có vật chi quý giá. Nơi góc phòng thường thấy lưu một đồng tro, chẳng ai biết là duyên có gì. Người đến viếng thăm, sư ít tiếp chuyện, bên mình chỉ có một ông lão làm công do Diệp cư sĩ mướn để tùy tiện sai bảo.

Vào đầu năm Tuyên Thống, một hôm Lương Tu đến nhà Diệp Minh Niên xin từ biệt và nói: "Tôi có việc sắp đi xa. Nhờ đạo hữu mấy năm chiếu cố, nguyện khi sanh về Tây phương đặc quả rồi sẽ trở lại đền ơn!" Diệp cư sĩ lưu lại nhà dùng ngọ trai. Sư tùy hi theo lời, nhân khuyến tấn cư sĩ thêm về sự niêm Phật, rồi giã từ trở về am. Hôm sau thời tiếu thực sáng xong, Lương Tu gọi lão làm công bảo: "Đến bữa cơm trưa ông cứ nấu rồi tự tiện ăn, tôi không dùng". Ông lão tưởng rằng sư có việc đi đâu, cũng chẳng để ý. Tới trưa ông theo lệ thường nấu cơm xong, lên thăm chừng chỉ thấy cửa am nửa khép, gọi thử vài tiếng không nghe đáp. Ông đẩy cửa bước vào, thấy Lương Tu đang đứng, tay mặt cầm chuỗi đeo ngang ngực, tay trái buông xuôi ống áo tràng rũ xuống. Lão công quát lên tiếng gọi cũng không đáp, lay thử chẳng thấy động, vội chạy trở về thưa với Diệp Minh Niên rằng: "Thầy đã quy Phật rồi!" Diệp cư sĩ đem theo vài người đến am, thấy Lương Tu quả nhiên đã vãng sanh, thân

hình vẫn đứng ngay ngắn giữa thất, thật là điều hy hữu ít nghe thấy. Vén tay áo bên trái lên, thì bàn tay của sư đang nắm một bao gói, đem ra soát lại trong ấy có ba chục đồng bạc. Xem xét kỹ, thấy mấy ngón tay còn dính tro. Chừng đó mọi người mới nghiệm biết đồng tro là chỗ Lương Tu cất dành tiền, để sau khi mãn phần mua quan quách tần liệm, khỏi phiền lụy tới người. Dụng ý của sư thật cũng tế nhị và lành tốt.

Xét ra Lương Tu một đời tín nguyễn, trì niêm siêng nǎng, đến khi lâm chung lại biết trước ngày giờ đúng thăng mà hóa. Như thế ngôi vị vãng sanh của sư chắc chắn phải thuộc phẩm cao.



## TỊNH THIỀN

**T**ính Tịnh Thiền, người huyện Bảo Khánh tỉnh Hồ Nam. Sư tánh cô độc, ít nói cười, cũng không chống trả với ai. Bình thời sư thích ngồi thiền, đối với Tâm địa pháp môn có chỗ tò ngô.

Năm Quang Chữ thứ 34 đời Thanh, Tịnh Thiền trở về Sương Châu trụ nơi chùa Chúc Thánh, mỗi ngày giữ việc

đóng chuồng và quét dọn. Trừ phật sự chánh ra, sư thường ngồi yên nhắm mắt. Mùa thu năm Tuyên Thống thứ ba, Tịnh Thiền bỗng vương bệnh. Có người khuyên đến lương y xem mạch bốc thuốc, sư chỉ mím cười mà không đáp. Đến khi bệnh mỗi ngày tăng thêm, Tịnh Thiền tới vị Tri khách thưa: “Tôi sắp về Phật, xin dự bị cho một chiếc bảo khám để đợi lúc mạng chung”. Tri khách tăng y lời lo liệu chu tất. Nửa tháng sau, sư nấu nước tắm gội thay y phục, rồi bảo bạn đồng tham rằng: “Ngày hôm sau tôi sẽ từ trần, xin xung hồng danh Phật để trợ niệm cho sự vãng sanh!” Vị Tăng đồng tham nói: “Từ trước đến nay thầy vẫn tu thiền, sao đến khi lâm chung lại muốn niệm Phật!” Tịnh Thiền bảo: “Tôi mệt tu Tịnh độ đã lâu, và lại niệm Phật có chướng ngại gì với môn thiền định!” Bạn đồng tham nghe nói, liền mời thêm hơn mươi vị Tăng khác đến trợ niệm. Khi tất cả tới nơi, Tịnh Thiền bước vào bảo khám ngồi kiết già ngay thẳng, cù xuong bài Hương tán xong, đầu bỗng hơi cúi xuống. Bạn đồng tham quở rằng: “Bình sanh dụng công đắc lực cùng không, đều ở giờ phút này! Tại sao đầu lại cúi xuống?” Sư ứng tiếng đáp: “Xin vãng!” Rồi ngược đầu lên ngay thẳng. Lúc tụng kinh A Di Đà tới đoạn: “Vô lượng chư thiên đại chúng câu”, sư lần lần nhắm mắt. Một vị Tăng nói: “Tịnh sư đi rồi!” Sư nghe nói mở mắt ra bảo chưa, và yêu cầu cứ tiếp tục đừng loạn động. Khi tụng đến câu: “A Di Đà Phật thành Phật dữ lai ư kim thập kiếp”, Tịnh Thiền bỗng chợt hé mắt hiện tướng mím cười rồi nhắm mắt

đi thẳng. Chư Tăng vẫn tiếp tục tụng kinh niệm Phật rất lâu mới chấm dứt. Kiểm soát lại, thấy nơi đánh sư còn nóng, đầu vẫn ngay thẳng, không nghiêng ngừa cũng chẳng cúi xuống. Đinh khám ba ngày, sắc mặt của sư còn tươi như sống.

Lúc ấy, người xung quanh nghe tin đồn tới quan chiêm rất đông đảo. Ai nấy đều khen đạo hạnh của sư. Cho đến các tín đồ Gia Tô, ngày thường hăng hái bai phá hoại Phật giáo, cũng tới dò xét và bảo: “Cái chết của ông Hòa thượng này, thật cũng rất ly kỳ và tốt đẹp!” Hơn bảy hôm sau, đại chúng mới đem thi thể của sư ra làm lễ thiêu hóa. Công việc xong, chư Tăng kiểm soát lại trong liêu phòng của sư, thì chỉ còn một chiếc áo tràng rách mà thôi.



## KHUYÊN TU

### I

*Chẳng kết duyên lành làm đạo diệu thâm  
Lửa danh lợi đốt, khô thăng trầm.  
Đâu hay nhà ruộng cùng tiền của  
Tạm mượn người coi ú chục năm!*

*Tẩn, Bạt Đà La Tôn giả.*

II

*Ái dục trói lôi chảng lúc xong  
Hàng ngày phiền não quẩn quanh vòng.  
Ngục tù quan pháp còn khi mẫn  
Cái ngục gia đình mãi đóng gông!*

Tán, Ca Rì Ca Tôn giả.

III

*Bốn đại hợp hòa có huyền thân  
Chết rồi bốn đại thảy qui chân.  
Oan cùu ân ái vui buồn mộng  
Trước mắt mình theo với nghiệp nhân!*

Tán, Bán Thác Ca Tôn giả.

IV

*Ăn ngon ý sanh tham  
Ăn đờ tâm sanh giận!  
Thịt cá thích say no  
Chúng sanh đầy khổ hận!  
Đời người trong bữa ăn  
Tham giận mê luân quẩn.  
Bát trí dứt trần duyên  
Vui đạo hằng tinh tấn.*

Tử Thọ Thâm thiền sư.

V

*Kẻ ngu thói ác tập thành quen  
Đen trắng nào hay chuyện dữ hiên.  
Đến lúc hơi tàn bày khổ nghiệp  
Mới kinh minh vướng mối oan khiên!  
Nếu không xưng Phật trông cẩn thiện  
Đâu được trời Tây nở bảo liên?  
Muốn nước cảnh dương trần câu lặng  
Bờ mê sớm thoát bước lên thuyền.*

Xung Mắc đại sư.

VI

*Chuông chiểu trông sớm giục ngày qua  
Lần lữa hoa dung thấy kém già!  
Tóc bạc răng long đứng ngờ ngắn  
Diêm vương tin gửi biết chặng mà?*

Bắc Sơn đại sư.



## NHƯ TRÍ

 hích Nữ Như Trí, người thời Trung Hoa Dân Quốc, họ Vương, hiệu là Lễ Tuyền. Cô sanh quán ở thôn Uyên Bình tại Kinh Triệu. Thuở bé Như Trí đã trưởng trai, thích nghe tiếng tụng kinh niệm Phật. Lớn lên tánh tình càng đoan trinh nghiêm tĩnh.

Thấy người chị họ xuất gia ở am tranh trên núi, giữ tiết thanh khổ tu hành, cô hằng muốn đi theo. Nhưng vì cha mẹ quá mến yêu, nên cô chẳng dám nói ra, chỉ thường theo chị lên núi ở, bè cùi gánh nước, lấy sự ăn mặc thô sơ thanh đạm làm vui. Năm mươi tám tuổi, Như Trí bị bệnh nguy kịch, thuốc thang vô hiệu, chỉ còn hơi thở thoi thóp ra vào. Trong cơn hôn mê, cô chỉ kêu xin xuống tóc thọ giới, không nói điều chi khác. Cha mẹ quá thương con gái, liền đến trước bàn Phật quì khấn nguyện, nếu được lành mạnh sẽ cho xuất gia. Sau khi đó bệnh cô lần lần thuyên giảm.

Đến hai mươi một tuổi, Như Trí và người chị cùng tôn lão Hòa thượng Đồng Bảo làm thầy thế đệ, xuống tóc nương ở chùa. Mùa đông năm ấy, trước khi thọ giới, cô lạy sám hối, học tập luật hạnh, ngày đêm tinh tấn không xen hờ. Nhưng vì quá lao khổ, đến khi vào giới đàn, bệnh cũ tái phát, cô chỉ gắng gượng thọ được mười giới Sa di ni. Các giới sư thương xót, khuyên cô trả về chùa điều dưỡng, để kỳ khác sẽ thọ giới Cụ túc. Nhưng vừa về tới chùa, bệnh cô

trở nặng, thầy thuốc đều bảo không thể chữa trị. Tuy nhiên, Như Trí vẫn bình tĩnh giữ chánh niệm, lâm râm xung Phật hiệu không ngớt.

Trải qua vài tuần như thế, một hôm cô bỗng mở mắt, chấp tay nhìn lên hư không cao tiếng xung Nam mô Quán Thế Âm Bồ Tát ba lần, lại xá ba lượt trạng như lẽ bái, rồi lặng lẽ mà vãng sanh. Lúc ấy nhằm ngày mười bảy tháng mười một, năm Dân Quốc thứ tám (Tây lịch 1919).



## NHƯ GIÁC

 ỳ kheo ni Như Giác, họ Hứa, người ở Thai Châu. Cô có ba anh một chị, anh hai và anh ba đều xuất gia. Như Giác cùng chị cũng mến hạnh thoát ly, nên vào ngày rằm tháng giêng năm Quang Chữ thứ 11 đời Thanh, cả hai đồng lầm lế xuống tóc. Bấy giờ người chị niên kỷ đã hai mươi hai, cô vừa đúng hai mươi tuổi.

Sau khi thọ giới Cụ túc, hai chị em cùng đóng cửa chuyên tu ba năm. Đến khi ra thắt lại đồng đi dâng hương nơi các danh sơn, hơn một năm mới trở về. Kế đó cùng tiếp tục nhập thất thêm chín năm nữa. Ngày hoàn mãn ra thất,

hai chị em dung sắc trơi sáng, sự tu trì càng thêm tinh tấn. Riêng phần Nhu Giác, mỗi ngày lễ Phật một ngàn lạy, niệm Phật nhiều không tính kỉ. Khi gặp người, cô đều khuyên niệm Phật cầu vãng sanh, thường nói bài kệ giản dị như sau:

*Bớt nói một câu chuyện*

*Bớt sanh một lỗi ác.*

*Thêm niệm một câu Phật*

*Thêm nhiều duyên giải thoát!*

Hàng Phật tử được sự cảm hóa của cô, phát tâm tinh tấn niệm Phật rất đông. Ngày mùng ba tháng sáu năm Nhâm Tuất thời Dân Quốc, sau khóa tụng sáng, Sư cô cảm thấy trường muộn uất hơi. Các đệ tử vội đem thuốc thang đến cho uống, hôm sau đã hơi khỏe, vẫn tiếp tục khóa niệm như thường. Nhưng xế qua, Sư cô bỗng phát lạnh, vội trùm chăn nằm, song chẳng thấy ra mồ hôi. Đến ngày mùng sáu, bệnh tăng thêm nặng, nhưng Sư cô thần trí vẫn thanh tĩnh, gọi đồ chúng đến bên giường trợ niệm. Tới chiều mắt lẩn nhǎm, tay chân giá lạnh, ni chúng lộ vẻ bi thương khóc lóc. Như Trí bỗng mở mắt mim cười, bảo chúng rằng: “Kiếp người vẫn như huyền, sống có chi đáng mừng, chết có chi đáng thương? Tại sao các con lại tỏ vẻ thường tình khóc lóc như thế? Sau khi thầy đi rồi, các con càng nên cư xử với nhau thêm hòa hảo, càng gắng tu trì chớ biếng trễ. Sống chết luân hồi là việc lớn, ngày giờ có hạn, muôn lần các con

đừng để làm lẩn luồng qua! Đã mang thân người nữ, lại có duyên lành được hiện tướng ni-tăng, đó là một nhân phước rất lớn. Vậy các con phải nghiêm cản giữ gìn phẩm cách Tỳ kheo ni, việc làm đúng như lời nói, để trở thành một ni-tăng có danh có thật!” Dặn dò xong lặng lẽ mà thoát hóa, trạng thái cực an lành.

Qua giờ ngọ hôm sau, đánh đầu của Sư cô càng thêm nóng, hướng tuổi đời được năm mươi bảy, giới lạp ba mươi tám.



## LIÊN TRINH

 ư cô Liên Trinh, nguyên là con gái của nhà họ Triệu ở Đan Đồ. Mùa thu năm Quang Chữ thứ hai mươi lăm, nửa đêm cô trốn đến am của Tỳ kheo ni Viên Tín cầu xin xuất gia. Thấy người tuổi trẻ mà có tâm lành, quyết chí thoát trần, Viên sư thương xót chấp nhận và làm lễ thế độ. Lúc ấy cô mới vừa mươi bảy tuổi.

Khi đã hiện tướng ni-tăng, Liên Trinh tu hành rất siêng năng thành kính. Mỗi ngày cô tụng kinh A Di Đà bốn mươi

chín biển, niệm Phật vài muôn câu, dù đau yếu cũng không trễ bò. Sau khi thọ đại giới, Sư cô mới trở về hương lý thăm viếng song thân. Gặp nhau, cha mẹ đều mừng rỡ, nhưng dùng đủ lý lẽ khuyên ép phải để tóc hoàn tục. Liên Trinh thề chịu chết, không dám vâng lời. Ở nhà một tháng an ủi cha mẹ, Sư cô lại trở về am. Từ đó sự tu trì lại càng thêm tinh tấn.

Chiều ngày hai mươi chín tháng bảy, năm Dân Quốc thứ 11, sau khi dâng hương đức Địa Tạng, Sư cô bỗng cảm thấy nhức đầu, liền lại giường nằm. Sáng hôm sau, Ni cô Duyệt Thiền đem cháo đến, Liên Trinh không ăn mà nhὸn nước cho mình tắm gội. Sau khi cạo tóc tắm rửa xong. Sư cô thay áo mới sạch, đắp ca sa vào, ngồi nghiêm chỉnh niệm Phật. Cả am nghe thấy lạ, đồng tự hội tới thăm. Liên Trinh chấp tay hướng về Viên sư thưa: "Đức A Di Đà Thế Tôn và Địa Tạng Vương Bồ Tát báo cho con biết, nhân hạnh đã thuần, ngày giờ vãng sanh đã đến. Xin thầy gắng bảo trọng, con đi đây!" Rồi hướng về đại chúng cúi đầu cáo biệt. Giã từ xong, Sư cô liền nhắm mắt mà qua đời.

Lúc ấy vào khoảng ba giờ chiều ngày mùng một tháng tám năm Nhâm Tuất.



## QUẢ NHƠN

T hích Nữ Quả Nhơn, con gái họ Đào ở Bành Trạch, trước kia cha mẹ gả về nhà họ Tôn. Đến năm Bính Ngọ niên hiệu Quang Chữ đời Thanh, cô xuất gia nơi am Tịnh Độ ở bản ấp, lẽ ngài Thánh Tôn làm thầy. Tới đầu kỷ nguyên Trung Hoa Dân Quốc (Tây lịch 1912), cô mới được cho xuống tóc.

Ban sơ, cô tu tập theo thuật Đạo dẫn của bàng môn. Khi phong trào chấn hưng Phật giáo bộc phát, nhóm cư sĩ ông Lưu Khê Tịnh đến am lập thành hội Phật học, cô mới được hiểu qua về nội điển. Nghe giảng thuyết: niệm Phật cầu sanh Tịnh độ là pháp môn dễ chóng nhiệm màu, cô liền phát lòng tin, bỏ hết lỗi tu tập sai lầm trước kia, hướng về Cực Lạc. Mỗi ngày cô đều tụng kinh Kim Cang, Di Đà, trì chú Đại Bi và niệm Phật, chia làm hai thời khóa khuya và tối. Mùa đông năm Giáp Tý, cô hơi vướng bệnh đàm, đệ tử là Thường Tham vào đêm mùng tám tháng chạp, mộng thấy bốn vị đồng tử cầm tràng phan dẫn đầu, phía sau lại có bốn người khiêng một chiếc kiệu đi theo, mách cho biết: "Chúng tôi đến rước Sư cô ở am này về Tây phương!"

Đêm hai mươi tám tháng tư năm Ất Sửu (1925), Quả Nhơn tự nằm mộng thấy một vị Tăng, tay trái ôm chiếc bát hoa sen, tay mặt duỗi xuống quá đầu gối, bảo: "Ngày mùng năm tháng sáu tới đây, người sẽ được ngồi trên tòa sen cõi

Phật!" Sáng ra, cô đem điền ấy thuật lại với Thường Tham, rồi trao cho chìa khóa, sắp đặt mọi việc, dặn rằng: "Thầy được sanh về Tây phương, gần gũi Phật Bồ Tát, nghe lời giáo huấn tu hành là điều rất hân hạnh. Con nên khéo hầu hạ Sư ông, giữ gìn cấm giới, duy trì mối đạo và cố gắng niệm Phật tụng kinh. Mọi việc phải giữ như lúc thầy còn hiện tiền, chớ làm điều chi lầm lỗi!" Bảy hôm trước khi từ trần, cô bảo đệ tử xuống núi chuyên lời giã biệt các hàng Phật tử. Cư sĩ Khê Tịnh thấy cô chưa thọ đại giới, liền tới chùa Thành Hoàng thỉnh Tỳ kheo Ngộ Đạo và chư Tăng Ni đến tại bàn am lập đàn truyền cho giới Cụ túc. Cư sĩ lại sắm ba y, bình bát và tọa cụ để cúng dường.

Đêm mùng ba tháng sáu, Thường Tham lại mộng thấy vị Tăng cao hơn một trượng, khoác áo ca sa đỗ, nơ vai quàng chéo qua ngực một chiếc băng, trên có đề chữ: "Nam mô Tây phương tiếp dẫn, A Di Đà Phật". Vị Tăng ấy đầu đội mao cánh sen, chóp mao nổi hiện một đóa bạch liên, trên có đúc Phật ngồi kiết già. Tăng sĩ bảo: "Ta đến đây thỉnh Ni cô Quả Nhơn đồng về Tây phương Cực Lạc thế giới!" Hai hôm sau, Sư cô bảo cho biết đã tới kỳ Tây quy và từ giã đại chúng. Tỳ kheo Ngộ Đạo, cư sĩ Khê Tịnh cùng nhiều vị khác hay tin trước, đều đến trợ niệm. Sau thời ngọ trai, Quả Nhơn thưa với đại chúng rằng: "Tiết trời quá nóng nực, xin các vị tạm trở về nhà nghỉ ngơi tắm gội, vì vào giờ Tuất tôi mới đi. Tắm xong các vị tới đây cũng chưa muộn". Đại chúng nói đều tan về.

Trước giờ, mọi người y hẹn đều tụ hội đến. Quả nhiên, đúng giờ Tuất, Sư cô ngồi ngay thẳng niệm Phật giây lát rồi viên tịch. Hôm sau làm lễ nhập khâm, sắc diện còn tươi như sống. Sư cô dặn đồ chúng thiêu hóa thi hài đem tro rái nơi đường để kết duyên với chúng sanh.



## THÁNH ĐẠO

**T**hích Nữ Thánh Đạo, con gái họ Tôn ở Bành Trạch, thuở niên thiếu cha mẹ gả về nhà họ Đào. Niên hiệu Quang Chữ thứ 32, cô xuất gia noi am Tịnh Độ ở bàn áp. Năm Dân Quốc thứ chín, cư sĩ Lưu Khê Tịnh lập Phật Học Hội tại am, Ni sư nhân nghe pháp, mới quyết lòng niêm Phật cầu sanh Cực Lạc.

Vào tháng tám năm Dân Quốc thứ mười lăm (1926), Thánh Đạo mộng thấy có người đến am trao cho một phong thơ rồi chấp tay thưa: "Ni sư sắp được tiếp dẫn sanh về Tây phương, thơ tín này đừng nên để lạc mất!" Khoảng tháng mười, Đạo lại mộng thấy mình đi triều lễ đức Quán Thế Âm ở Nam Hải, thuyền ra khơi độ vài ngày, ghé vào bờ rồi lên núi. Trên đường lên non, Ni sư thấy một bà lão ngồi

trên gop đá, nơi lòng hai bàn tay hiện ra đôi mắt chớp chớp như điện. Thánh đạo hỏi: "Đây là nơi nào?" Bà lão đáp: "Linh Sơn!" Ni sư nghe nói liền lột mũ, cúi xuống lạy. Bà lão khen: "Ngươi niệm Phật rất thành kính, ta sẽ rước đến Tây phương. Nhưng hiện thời hãy tạm trở về!" Rồi nấm tay dắt đúng dây. Thánh Đạo giật mình thức giấc, thì chiếc mũ đã rớt nằm trên gối. Rạng ngày Ni sư liền đem điềm mộng ấy thuật lại với đồ tôn là Thường Tham và bảo: "Vào ngày mười ba tháng giêng sang năm, ta sẽ được vãng sanh!" Kế tiếp, dặn dò hậu sự rất rành rẽ.

Cuối tháng chạp, vào đêm trù tịch, Thường Tham mộng thấy Thánh Đạo lên chánh điện lễ Phật. Lễ xong thốt lời giã biệt ra đi, lại nghe ngoài am có tiếng người huyên náo bảo rằng đến tiếp rước lão Hòa thượng. Ngày mười ba tháng giêng năm Đinh Mão, khóa tụng buổi sáng xong, Ni sư bảo Thường Tham rằng: "Hôm nay có Phật sự, con nên nấu cơm sớm". Rồi liền vào phòng tự in giấy tiền Vãng sanh. Sau thời cúng ngọ, dùng cơm gần xong, Thánh Đạo cảm thấy hơi phát lạnh, vội bảo: "Ta sắp đi!" Lúc ấy chén cơm nọi tay bỗng bay lên quay tròn như bình hoa sen, cao khỏi đầu người. Ni sư cười bảo: "Đẹp lạ thay!" Ước chừng một khắc, chiếc chén mới từ từ hạ xuống đứng ngay thẳng, không rơi đồ hạt cơm nào. Việc này thật không thể nghĩ bàn!

Đến giờ Mùi, quả nhiên Ni sư an lành niệm Phật mà thoát hóa.

## ĐẠI NGỘ

**T**ỳ kheo ni Đại Ngộ tự Pháp Lâm, họ Viên, người ở huyện Nam Thông tỉnh Giang Tô. Lúc tuổi trẻ, cha mẹ hứa gả về nhà họ Thiệu, nhưng chưa làm lễ vu quy mà chồng đã chết. Cô liền thè không tái giá, rồi vào am Đại Bi ở phía tây bắc huyện mà xuất gia làm ni. Bên nhà chồng chấp theo lễ tục ở đời, dùng trăm cách để cản. Song cô lập chí kiên quyết, nên rốt cuộc sở nguyện cũng được thành.

Sau khi xuất gia, cô gắng sức làm công quả, gánh nước, giã gạo, bồ cùi, nấu cơm. Những thời tịnh khóa sớm hôm cũng không trễ bò, mỗi ngày càng thêm tinh tấn. Sư cô quyết chí niệm Phật cầu sanh Cực Lạc, thường nói: "Sự rộng lớn của Phật pháp, duy có môn Tịnh độ là hợp thời cơ. Ngoài ra, việc tụng kinh lễ sám là để giúp tiêu nghiệp chướng, tăng phước huệ, khiến cho tịnh nghiệp dễ thành mà thôi".

Thấy cảnh am hoang phế, Sư cô ra công quyên góp sửa sang lại, xây dựng Phật đường, liều phòng, lập vườn trồng rau, để giúp cho chúng được yên ổn thanh tu. Gặp kẻ đau khổ, Đại Ngộ đều tùy duyên nói pháp, khiến cho nhiều người cảm mến nương về rất đông.

Lúc lớn tuổi, Sư bà thấy sắc lực lần suy mòn, vội đi triều lễ các non: Phổ Đà, Cửu Hoa ... cảm được nhiều thoại

tướng. Tháng hai năm Dân Quốc thứ mươi sáu, Sư bà vương chúng cảm mạo nhẹ, trong bệnh viết lời kệ rằng:

*Việc thế muôn viên rũ sạch không  
Duy câu Phật hiệu vẫn gìn lòng.  
Luân hồi một niêm siêu miên khổ  
Kiết sứ mười dây thoát mối vòng.  
Sáng suốt dài tâm hơi bụi lắng  
Nhiệm màu tánh tịnh ánh trăng trong.  
Ngày nay mãn nguyện về Tây cảnh  
Thuyền độ rồi soi đuốc tuệ hồng!*

Đến ngày mươi tám, Đại Ngộ thấy đức A Di Đà phóng quang tiếp dẫn. Sư bà thuật lại cho chúng biết, ngò lời giã biệt, rồi an nhiên niệm Phật mà vãng sanh, hưởng thọ được 73 tuổi. Ngày hai mươi tám làm lễ trà tỳ, được năm viên xá lợi tròn sáng.



## HOÀNG NGUYÊN

Sư cô Hoàng Nguyên tự Tánh Lượng, người thời Dân Quốc, thế đệ nơi am Huệ Nguyệt Cú ở Nam Kinh. Cô phát tâm rất sớm, bình sanh ua niệm Phật siêng lỗ sám, tôn kính thầy, hòa đồng chúng,

mỗi mỗi đều trang nghiêm thành khẩn. Tánh lại đoan trang ít cười nói, giữ mình nghiêm, đãi người hậu, sự ăn mặc ở rất đơn giản đạm bạc. Mỗi khi sư cô lãnh chúng lên chánh điện niệm Phật, thường lo đi trước sợ trễ sau, sớm tối vẫn một mực, dù tiết lạnh nóng cũng không gián đoạn. Sự tu tập cứ đều đều như thế, trải vài mươi năm như một ngày.

Mùa thu năm Canh Ngọ thời Dân Quốc (1930), Hoằng Nguyên bỗng vương bệnh. Đại chúng vẫn kính mến hạnh kiểm của Sư cô, hết sức lo thuốc thang đổi thay điều trị, song chẳng thấy hiệu nghiệm. Hoằng Nguyên nằm nơi giường bệnh hơn hai tháng, gương mặt khô gầy, thân mình phù thũng, sự ăn uống lần giảm. Biết con đau là do túc nghiệp, khi có người đến thăm, Sư cô ít nói năng, chỉ lâm râm gắng công niệm Phật. Về sau nhiều ngày không ăn được, song sự trì niệm vẫn không thôi bỏ. Vài hôm trước khi lâm chung, Sư cô mấy phen thấy đức A Di Đà, đại chúng cũng nghe mùi hương lạ đầy thất. Riêng Hoằng Nguyên lại thấy một đóa hoa sen to lớn tươi đẹp hiện ở trước giường.

Khi sắp mãn phần, tuy hơi thở còn yếu thóp, song Sư cô vẫn động môi lưỡi tùy theo tiếng khánh của đại chúng mà niệm Phật. Kế đó giữ chánh niệm phân minh, an lành thoát hóa trong tiếng xưng danh trợ niệm. Lúc ấy nhằm tháng mạnh đông, ngày hai mươi tám.

## KHUYÊN TƯ

I

*Dường Tây cần chỉ giữ lòng bền  
Gắng sức siêng tu thẳng bước lên.  
Chánh hạnh ví thêm công trợ hạnh  
Di Đà từ thệ vẫn đâu quên!*

II

*Tây phương báu lạ cảnh hằng xinh  
Tử phụ xót thương độ hữu tình!  
Tâm vạn bồn ngàn môn giải thoát  
Di Đà sáu chữ tuyệt cao minh!*

*Minh, Nhứt Nguyên đại sư.*

III

*Ao sen hoa đẹp nở hàng ngày  
Sắc lụa quang minh chiếu bảo đài.  
Bi nguyện tay vàng xa tiếp dẫn.  
Chúng sanh sao mãi vẫn còn say?*

IV

*Bao quát muôn phương môn Niệm Phật  
Cao hoi đậm cửa khuyên tu hành.*

*Duyên sao vội gấp kêu dường áy?  
Vì sợ người mê rót hỏa khanh!*

*Nguyễn, Trung Phong đại sư.*

V

*Mai trắng vừa tàn, hạnh nở xinh  
Gió xuân há phải có riêng tình?  
Lòng thanh sáu chữ hàm muôn tượng  
Công đức Di Đà thăm vạn linh.*

*Minh, Diệu Ý đại sư.*

VI

*Lá biếc điểm xen bốn sắc hoa  
Mỗi hoa vị niệm Di Đà.  
Chớ nghe Tình độ đường xa cách  
Mưa phơi người về tơ nước sa!*

*Tống, Bắc Sơn đại sư.*

VII

*Dường Tây thẳng tắt biết hay chưa?  
Sáu chữ hồng danh Tối thượng thừa!  
Muốn dắt tay lôi nhưng chẳng được  
Do người tự nguyện Phật duyên đưa.*

### VIII

Tây phương quê cũ sớm quay về  
Hơi thở mang người chở trê mê!  
Kiếp tạm có chừng nên quý tiếc  
Đừng cho lỡ bước lạc son khê!

### IX

Liên bang rảo bước sớm tu trì  
Sóng chết vô thường chẳng hẹn kỳ.  
Khảy ngón ánh dương ngoài cửa tắt  
Thương cầu: "Thất thập cô lai hy!"

Minh, Nhứt Nguyên đại sư.

### X

Trần sa sông chết kiếp trần sa  
Lại hết trần sa chẳng thoát ra!  
Một niệm chí nhân tình chưa dứt  
Vô biên số kiếp đắm mê hà!

Nguyên, Trung Phong đại sư.



## PHẠM NGƯƠN LỄ



u sĩ Phạm Nguon Lễ tự Dụng Hòa, người đời  
Thanh, quê ở Tiền Đường. Thuở niên thiếu ông  
học Nho, tâm hạnh thành thật, thờ song thân rất có  
hiếu. Một độ, người cha đau, ông cắt thịt bắp về  
sắc hòa với thuốc đem dâng, bệnh được lành. Mẹ là Du thị  
đông nặng, ông lại làm như thế một lần nữa, bệnh cũng  
thuyên giảm.

Không bao lâu, song thân đều quá vãng, vợ cũng kế  
tiếp mãn phần. Bấy giờ đang lúc tráng niên, Nguon Lễ cảm  
khái cuộc thế vô thường, dẹp bỏ duyên trần, theo nhà  
dưỡng chân tu học đạo Tiên. Trải hơn mười năm như thế,  
công phu đã có đôi phần hiệu nghiệm. Sau nhân đọc sách  
của ngài Liên Trì, ông chợt tinh ngộ, đến chùa Vân Thủ xin  
thọ tam quy ngũ giới. Nguon Lễ giữ giới hạnh rất bền chắc,  
những thứ phục dụng bằng tơ tằm lông thú đều không dùng,  
bỏ hết lối tu cũ, chuyên về Tịnh độ. Đối với pháp quán  
tường, cư sĩ lại càng tinh mệt. Trước kia khi thân mẫu sắp  
lâm chung tinh thần mờ loạn, cư sĩ khuyên chuyên lòng  
quán tường đức Quán Thế Âm, bà mẹ y lời làm theo. Vài  
hôm sau, bỗng nói: "Mẹ đã được Bồ Tát tiếp dẫn đến cảnh  
giới lạ màu sáng đẹp!" Nói xong vui vẻ mà qua đời. Bởi  
duyên do đó, Nguon Lễ rất tin sự hiệu nghiệm của môn  
quán tường.

Cư sĩ tánh hiền lành, ưa phóng sanh bố thí, giúp đỡ kẻ nghèo khổ hoạn nạn. Khi làm những việc từ thiện, ông rất siêng cẩn chu đáo, không nài mồi nhọc. Gặp chư Tăng Ni, đều phát tâm tùy sức cúng dường không bỏ sót. Vì thế đương thời nghe tới tên Nguơn Lễ, hàng tăng tục đều biết và mến trọng.

Mùa hạ năm Đạo Quang thứ tám, cư sĩ đóng cửa nhập thất nơi Đại Động Các ở Thành Nam, định kỳ hạn trăm ngày niệm Phật. Một hôm đang khi ngồi tịnh, huyền công tu Tiên thuở trước bỗng phát hiện. Lúc ấy ông cảm thấy thanh khí của trời đất từ giữa hư không kết thành nhiều lần, liên tiếp đi vào đành, mũi, miệng, rồi thẳng xuống đơn điền, cùng với nguồn khí của mình hòa hợp. Bấy giờ thân tâm rất an ổn nhẹ nhàng và diệu lạc không thể thí dụ. Giây phút có một đứa anh nhi cao chừng vài tấc, từ đành môn xuất hiện. Đứa bé ấy bay liệng xung quanh đùa giỡn tráí một thời gian, rồi do đành dâu trở vào. Từ đó về sau, mỗi khi tu đến mức cực tĩnh quên trần niệm, liền có anh nhi ra vào như trước. Ban sơ Nguơn Lễ tâm ý rất mừng, sau đó chợt nghĩ: "Đây có phải là một trong năm mươi thứ ám ma của kinh Lăng Nghiêm nói chăng? Nếu ta cho là kỳ đặc tất sẽ lạc vào bầy tà. Và lại người niệm Phật chí ở Tây phương, thánh cảnh không hiện, lại chuộng thứ này để làm gì?" Do đó thường thường giác chiếu giữ chánh niệm, anh nhi mới không còn xuất hiện. Nhờ duyên này, cư sĩ mới khép ngộ sâu lý duy tâm, sức tín nguyện hạnh càng thêm thuần chắc. Về

sau ông thường bảo người rằng: "Cánh giới ấy là cửa ải nguy hiểm nhứt thuở sanh bình. Nếu tôi không sớm giác tinh, tất sẽ lạc vào bàng môn. Thέ nên biết sự tu hành cần phải tinh tường dè dặt!"

Mùa hạ năm Đạo Quang thứ mười một, Nguơn Lễ tĩnh dưỡng nơi chùa Tịch Chiếu ngoài cửa Thanh Thái. Ở địa phương này có bà họ Trầm lùa cả đôi mắt. Bà có chí niệm Phật, song bị con dâu thường gàn trỏ. Cư sĩ nghe biết liền bảo: "Việc này có thể dàn xếp ổn thỏa. Hành động của cô dâu kia là do vì gia cảnh nghèo thiểu, nếu giúp cho sự sống tất mọi việc đều yên". Nói đoạn ông vào thành quyên mộ, nhờ người giúp cho Trầm bà mỗi tháng vài đấu gạo. Bà dùng có dư chuyền giao cho người dâu, nên cô này hoan hỷ không còn ngán trỏ nữa. Nguơn Lễ lại diễn nói sự lợi ích về niệm Phật cho nghe, và dạy bảo cách sám hối phát nguyện. Mấy tháng sau, một người hàng xóm của Trầm thị tới nói với cư sĩ: "Bà lão niệm Phật hôm trước, nay đã vãng sanh rồi!" Nguơn Lễ hỏi nguyên do, người ấy thuật lại từng việc: "- Sau khi được sự giúp đỡ, bà lão siêng năng niệm Phật thế nào? - Sám hối phát nguyện ra sao? - Đến tháng vừa rồi, Trầm thị biết trước ngày về Tây phương, bảo cho cô dâu hay. Tới kỳ hạn, bà tắm gội thay y phục, ngồi chắp tay niệm Phật mà vãng sanh. Trầm bà di chúc cho cô dâu nhờ chuyền lời tạ ơn Phạm công. Hiện thời bà vừa mãn phần chưa có quan quách và đồ tần liệm. Cô dâu định bán đứa con gái để lo sám về việc ấy. Bấy giờ phải làm thế nào?"

Ngươn Lễ nghe nói, liền bàn với các thiện hữu, góp chung được một số tiền, giao cho người hàng xóm đem đến giúp cô dâu: Hơn tuần sau, ông lại tới nhà hỏi thăm. Đến nơi thì người dâu tay đang cầm tràng chuỗi, miệng lâm râm niệm Phật. Thấy cư sĩ đến, cô vui mừng đón rước kính lời tạ ơn. Vừa ngồi xong, những người hàng xóm hay tin tề tựu, tranh nhau muốn biết mặt Phạm công. Rồi hết kẻ nọ tới người kia chuyền nhau thuật lại việc của bà họ Trầm, đại khái y như ông hàng xóm đã nói hôm trước. Họ lại chỉ một cô bé nói: "Khi mua quan quách tần liệm xong, hàng xóm đều bàn luận: Phạm công vốn người ở trong thành, mà còn chịu từ xa làm việc thiện. Chúng ta là tình lân lý, đâu nên làm khách bàng quan! Do đó tất cả mới chung góp tiền mua đất, đem quan tài của mẹ cháu và luôn linh cữu của chồng cháu đã quàn để từ lâu, đồng một ngày đem đi an táng!" Cư sĩ nghe nói vui vẻ ra về.

Mùa đông năm ấy, Ngươn Lễ đem những công việc từ thiện của mình làm còn dở dang lo tính toán kết thúc và chuyển giao trách vụ cho một liên hữu khác. Tháng giêng năm sau, cư sĩ đến riêng từng nhà các đồng bạn, ân cần khuyến khích tu hành, dường như kè sáp đi xa. Người con trai của cư sĩ có việc đến miền Tòng Giang, ông bảo: "Con đi ra ngoài, mọi việc nên khéo xử sự. Cha nay tuổi già, thảng có điều chi biến cố, cũng chờ nên kinh lo. Phải giữ bồn phận mình đối với trách vụ của người giao phó!" Nghe nói, cậu trai tuy hiểu biết, song chỉ cho đó là lời quá lo xa

của người lớn tuổi mà thôi.

Đến ngày hai mươi bốn tháng giêng, Ngươn Lễ thức dậy sớm bảo gia nhon rằng: "Hôm nay ta thấy trong người hơi mõi nhoc!" Nói đoạn vẫn dùng cháo sáng như thường. Ăn xong, cư sĩ đi tản bộ đến trước nhà gần bên đứng bàng hoàng một khắc, rồi trở về ngồi ngay thẳng noi giường niệm Phật. Con cháu trong nhà thấy hơi lạ hỏi thăm, ông khoác tay ra dấu bảo im lặng. Đến giờ Ngọ, tiếng niệm nhỏ lần rồi an ổn mà qua đời. Giờ Dậu ngày hôm sau nhập liệm, đánh đầu hãy còn nóng. Bấy giờ nhăm năm Đạo Quang thứ mười hai, cư sĩ hưởng thọ sáu mươi ba tuổi.

### LỜI BÌNH:

Xem cách thức Dụng Hòa lo kết liễu mọi việc, từ biệt bạn, dặn dò con, chẳng thể gọi là không dự biết trước giờ lâm chung. Nhưng tại sao ông lại không nói ra minh bạch? Theo thiên ý, sự biết trước ngày giờ quý ở chỗ tự biết để cho tâm được yên vững, không chủ đích để phô trương với mọi người. Huống chi nếu đến giờ mà bạn lành đều tụ họp, hoặc ra có sự lợi ích trợ đạo. Thắng như quyền thuộc không nén được thế tình, vây quanh ngậm ngùi thương khóc, há chẳng phải muôn thành mà trở lại bại ư? Việc cư sĩ Dụng Hòa không nói ra, tất cũng bởi lý do đó.



## TÔN PHỤC NGUYÊN

 **C**ử sĩ Tôn Phục Nguyên tự Mân Tư, người đời  
Thanh, vốn hàng chư sanh ở Nhơn Hòa. Tánh ông  
rất từ thiện, lúc thiếu thời thích đọc các sách: Cảm  
Ứng Thiên, Âm Chất Văn, lập chí tuân hành theo.  
Chỗ Phục Nguyên ở, đối diện với nhà hàng thịt. Một hôm  
thức dậy sớm, ông thấy họ giết heo liền phát nguyện giữ  
giới sát, mua heo đem phỏng sanh ở chùa Vân Thê. Tuy  
chưa thể dứt hẳn cá thịt, Phục Nguyên thường ăn chay.  
Những loài kiêng muối rận rệp, cũng dè dặt không dám để  
tồn thương.

Đến tuổi tráng niên, mỗi ngày cư sĩ đều tụng Đại Bi  
Sâm, kinh Kim Cang, niệm Phật, lại thêm ghi Công Quá  
Cách. Vừa được hai năm, ban đêm đi không cần đèn đuốc,  
trước mắt tự có ánh sáng. Thấy thế ông càng cố gắng tu các  
công đức, lấy chuyện phỏng sanh giúp kẻ nghèo đói làm  
diều cắp thiết. Phàm các việc thiện, không luận lớn nhỏ,  
đều hết sức mà làm. Sau nhân quán lý về vụ muối, lo tính  
phân vân, ban đêm đi ánh sáng lần lần mất. Phục Nguyên  
chợt tỉnh ngộ tự bảo: "Ta làm lạc rồi!" Liền chuyển giao  
công vụ, trở về lo tu niệm làm lành như trước. Từ đó ánh  
sáng lại hiện ra, khiến ông lại càng tin thêm lý cảm ứng.

Cư sĩ niệm Phật quán tưởng, một lòng cầu vãng sanh,  
máy chục năm như thế không hề gián đoạn. Tuổi hơn bảy

mươi, ông càng gia công tinh tấn, nên thường cảm hiện  
nhiều diêm lành. Lắm khi Phục Nguyên mộng thấy ngôi sao  
to như cái chén, chiếu ánh sáng đến mình. Hoặc nằm mơ tự  
thấy quì trên đài hoa sen trắng, đối Phật trì tụng. Một đêm,  
ông vừa nằm xuống gối, bỗng nghe có tiếng nói: "Đức do  
mình chúa, phuỚc tự trời dành!" Vội mở mắt ra thì không  
thấy chi cả, song âm vang còn rành rạch bên tai. Ngày hai  
mươi mốt tháng trọng xuân, năm Đạo Quang thứ mươi hai,  
đang khi lê bái, cư sĩ chợt phường phát thấy một vị khoác  
áo ca sa đứng trước chỗ bồ đoàn. Lúc cúi xuống lạy, đầu  
đụng vật áo, nhưng khi ngược lên thì vị ấy đã ngồi trên tòa  
cao. Trải ba hôm sau, ông cảm thấy yếu kém mỏi nhọc,  
song vẫn nằm nghiêng bên hữu niệm Phật. Vừa lúc đó, đức  
A Di Đà hiện thân ngoài song cửa, tướng trang nghiêm màu  
đẹp vô cùng!

Đến ngày mùng hai tháng ba, Phục Nguyên thức dậy  
sớm, thần trí vui tươi, tùy ý đi ngồi không lộ vẻ chi đau  
ý. Tới chiều tối, cư sĩ bảo gia nhơn rằng: "Sáng mai đi  
mua cho ta hai gánh ốc, một trăm cân lươn, rồi đem thả nơi  
sông hồ". Lại bảo: "Sau khi ta mãn phần, các con cháu phải  
gắng sức niệm Phật, phỏng sanh, làm các việc lành, chớ  
quên lời căn dặn!" Bấy giờ đang ngồi bên án, ông liền vặn  
đèn, cầm bút viết văn sớ phỏng sanh, nét chữ ngay ngắn  
không chút sai lầm. Viết xong lại giường nằm lâm râm  
niệm Phật, một lúc rồi yên ổn qua đời, thọ bảy mươi lăm  
tuổi.

## LỜI BÌNH:

Công niệm Phật quán tưởng sâu, nên hằng có điểm lành ứng hiện, đó là sự lý rất thường, không đủ lấy làm lạ. Người tu tịnh nghiệp phải gắng hết công thành kính, một lòng nhớ niệm. Ngoài ra chẳng nên vọng cầu điều chi, mới có thể tâm cùng Phật hợp, không đến nỗi khởi sanh việc ma.



## LÝ CẦN

 **L**y Cần tự Hương Đài, người đời Thanh, nhà ở Nhơn Hòa. Tánh ông thuần hậu không hay chống trái với người, lại đĩnh ngộ ham học, những kinh sách của đạo Nho cùng Bách gia thư từ thảy đều thông thuộc. Tuy hoài bão tài năng, Hương Đài lại lạnh nhạt với lợi danh, không có niêm tiến thủ. Ý chí ông thanh khiết hăng nghĩ cách thoát trần, nên theo tu Tiên với các nhà huyền học.

Qua tuổi trung niên, Lý Cần chuyển sang tin hướng Phật thừa, thọ tam quy ngũ giới, được pháp danh là Diệu Tịnh. Từ đó ông hăng dụng công tiến tu, đối với Thiền tông

có phần lãnh ngộ sâu sắc, nhưng lại lấy Tịnh độ làm chỗ nương về. Cư sĩ thường bảo: "Một đôi chút hiểu biết về tông và giáo, cũng không giúp ích được chi. Tôi thà giữ pháp vững chắc là thiết thật niệm Phật, ngoài ra không dám nói cao xa lõn lõi, để tự đổi mình!" Ông gia tư vốn chẳng dư giả lăm, song gấp chuyện càn bộ thí tất không tiếc, lại thường điềm đạm ẩn danh. Đối với việc Tam Bảo, cư sĩ hết lòng tôn trọng, từng chạm tượng Phật bằng gỗ chiên đàn và tháp để kinh Kim Cang. Lại cho khắc hai tấm bia tuyên dương Phật pháp, dựng nơi chùa Hải Triều. Ké tiếp, ông mướn thợ chạm một bảng Cực Lạc Thế Giới Toàn Đồ, để tiêu biểu chí tín nguyện. Một hôm nhân thiết lễ trai tăng, cư sĩ nghỉ lại nơi chùa, ở nhà bọn trộm thừa cơ vượt tường lén vào, mở toang cả cửa lớn nhỏ, sáng ra mới biết. Gia nhọn kinh kinh hãi kiềm soát kỹ lại, song chẳng thấy mất vật chi. Người xung quanh đều bảo do ông thành tín tu hành, nên có chư thần ứng hộ.

Thời đó, Giám Đường hòa thượng là bậc kiệt xuất trong tòng lâm, khi viên tịch có để lại một tập di cảo. Lý Cần nghe nói thâu nhập đem ra in truyền bá, song vẫn chưa từng quen biết với Giám công. Mùa hạ năm Đạo Quang thứ mươi hai, đứa cháu gái là Hạnh Cô đau nặng sắp mãn phần, cư sĩ hôm sớm ở gần bên khuyên tấn và xung hồng danh để giúp phần chánh niệm. Kết cuộc Hạnh Cô gắng niệm Phật đến hơi thở cuối cùng và an lành mà thoát hóa. Không bao lâu, Lý Cần cũng vương bịnh, thầy thuốc đến chẩn trị rồi

dặn: "Đây là do bởi sự tồn nhọc dồn chứa nên sanh ra chứng thương khí, cần phải yên lặng tĩnh dưỡng. Nếu chẳng thế, thì bệnh càng thêm nặng!" Sau khi y sĩ ra về, ông ôn tồn bảo: "Lời đó tuy đúng, nhưng là trách vụ của một lương y, cũng là quan niệm theo tình đời. Riêng mình, ta xét thân này như huyền, nên không muốn vì giữ việc nhỏ mà làm tổn thất điều lớn". Rồi lại càng tinh tấn gia công niệm Phật, và lo kết thúc tất cả việc công đức làm còn dở dang.

Đến tháng mười, bệnh tăng thêm nặng. Giữa đêm ngày mươi một, cư sĩ ngồi kiết già niệm Phật rồi yên ổn mà vãng sanh. Trước đó ba ngày, Lý Cần đồi một chiếc tăng mạo, thân quyến vội sắm đem trao cho. Ông tiếp lấy đội lên đầu rồi mừng rỡ bảo: "Mạn y ta đã có, chỉ còn thiêu thú này thôi. Nay được đội để ra mắt đức A Di Đà, thì lòng mong ước đã đủ. Nên dùng hai món này thành liệm, để toại chút ý nguyện thuở sanh bình!"

Ngày mươi hai, lúc sắp nhập quan, các liên hữu thử dỗ mõ để dò thăm, thì thấy hơi nóng từ đành xông lên như dỡ nắp chiếc nồi đang sôi. Cư sĩ hưởng dương được bốn mươi bảy tuổi.



## TÀO HÀI HÒA



Ư sỹ Tào Hải Hòa, pháp danh Quảng Trí tự Thanh Ngũ, quê ở huyện Thượng Nguon tỉnh Giang Nam. Gia đình ông làm nghề nhuộm tơ lụa do đó lại dời về Tô Châu lập cơ nghiệp.

Mùa thu năm Đạo Quang thứ bảy, nhân vợ đau yếu, Hải Hòa rước y sĩ Hạ Văn Vinh đến xem bệnh và điều trị. Văn Vinh là một Phật tử, nên giảng giải về pháp môn Tịnh độ, khuyến tấn tu hành. Ban sơ Hải Hòa tin vâng theo, sau lại sanh nghi hỏi Văn Vinh rằng: "Có kẻ bảo anh đem hình thức niệm Phật để dối gạt người, việc ấy như thế nào?" Văn Vinh đáp: "Dẫn dụ người tạo nghiệp làm quấy, để cho họ bị sa đọa vào ba đường ác chịu quả khổ, lưu lạc luân hồi, có thể bảo đó là dối gạt. Khuyên người tu giới định huệ, ăn chay niệm Phật, cầu sanh cõi Cực Lạc ở Tây phương, để cho họ trở về quê cũ thành quả Bồ đề, độ mình và tất cả chúng sanh, sao lại gọi là dối gạt?" Hải Hòa nghe nói chợt lãnh ngộ, dứt hết mối nghi, lại hỏi: "Làm thế nào để chắc chắn đến quê hương Phật quốc?" Văn Vinh đáp: "Giữ giới làm nền tảng, tu phước làm trợ duyên, chấp trì câu hồng danh làm chánh hạnh, niệm cho đến khi được nhứt tâm. Đó là đường lối trở lại quê xưa Cực Lạc!" Nghe xong, Hải Hòa vui mừng khắp khởi, liền đến quy y với ngài Bodi Đô Hải. Mùa xuân năm sau, lại thọ ngũ giới nơi ngài Nghĩa công ở

chùa Linh Thủu. Từ đó cư sĩ mới thiết thật tinh tấn tu hành.

Một đêm, Hài Hòa nằm mơ thấy tòa Hắc sơn cao chón chở đón trước mặt. Trong ý muốn vượt qua, nhưng lại bị khe suối ngăn cách. Sau núi, vàng hồng từ từ chìm lặn về phương Tây trong cảnh ánh chiều ráng đỏ. Tỉnh giấc, cư sĩ nghiêm biết là duyên trần của mình sắp mãn. Nhận đó lại càng gia công tinh tấn, đem gia tư gồm ba ngàn lượng vàng trong vài năm lần lượt tu phước bố thí hết. Tháng tư năm Đạo Quang thứ mười bốn, thôi làm nghề nhuộm, thu gọn dư sản trở lại quê hương. Trước đó Hài Hòa khuyên thân mẫu tu Tịnh độ, bà mẹ thấy ông không có con trai, bảo cưới vợ lẽ. Ông thưa: "Con nguyện cùng mẹ đồng sanh về Cực Lạc. Ở cõi ngũ trước dễ bị mê làm gây nhiều tội ác, không nên tạo thêm duyên nghiệp làm chi!"

Về quê chưa bao lâu, bà mẹ niệm Phật mà qua đời. Đầu tháng sáu năm đó, cư sĩ cũng nhiễm bệnh. Đến ngày mùng sáu, ngồi kiết già niệm Phật mà thoát hóa. Đầu con gái của cư sĩ thấy thế, phát lòng tin sâu thiết, niệm Phật liên tục trong bốn mươi chín ngày đêm, cũng ngồi vãng sanh với nét mặt an lành tươi tinh.

### LỜI BÌNH:

Trong vòng một trăm ngày mà mất luôn ba người, kể chưa hiểu đạo, theo quan niệm đời tất bàn luận phân vân cho là vô phước. Nhưng cả quyền thuộc đồng gởi chất nơi

thai sen, được thân kim cương đẹp tươi rực rỡ, ở cõi thất bảo trang nghiêm, và sẽ cùng chúng đắc thần thông giải thoát là điều cực hân hạnh, đối với bậc trí còn có chi hơn?



### TỔNG LAI

 Cư sĩ Tổng Lai tự Vọng Sơn, người đời Thanh, quê ở Tô Châu. Đến tuổi hơn sáu mươi, ông mới được nghe biết pháp môn Tịnh độ. Từ đó phát tâm mỗi ngày niệm Phật vài muôn câu. Ông thường nói với bạn rằng: "Việc đã qua dường như mộng, tôi chỉ còn nương hồng danh sáu chữ để giải quyết một kiếp tàn sanh!"

Sau cư sĩ đến ở tại vùng Kiều Giang để dạy học. Chủ nhà lấy việc ông ăn chay niệm Phật làm rộn phiền, ngăn cấm mãi chẳng được, nên không cho ở. Cư sĩ liền dời đi nơi khác mở trường dạy học, thầy trò rất là tương đắc. Có lúc ông gọi môn đồ bảo: "Quang cảnh ở học đường rất tốt. Già sử thầy mãn phần tại nơi đây, các con thấy có nên chăng?"

Một hôm học sinh tè tựu đến, thấy Tổng Lai còn đang chấp tay niệm Phật, nên lui ra. Giây lâu trở vào vẫn thấy

còn ngồi im lặng, liền lại gần dò xem thì thấy đã qua đời. Tìm xung quanh, dưới nghiên gần đó có dồn một mảnh giấy. Tất cả họp lại xem, thì đó là lời dự báo ngày giờ vãng sanh, đã viết sẵn từ ba hôm trước. Trong trường có mùi hương lạ cách đêm sau vẫn chưa tan. Lúc ấy nhầm năm Đạo Quang thứ mười lăm.



## TRẦN CƯ SĨ

**T**rần cù sỹ quên sót tên, người ở Thường Thực, nguyên là chú của tú tài Trần Thế Anh. Mỗi sáng sớm, cù sỹ đều đốt hương ngồi hướng về phương Tây yên lặng rất lâu, người nhà không am hiểu đó là hành động gì? Sau khi cù sỹ mẫn phẫn, mới biết là ông mật tu hạnh Trì danh niệm Phật. Dù cơn gió mưa, tiết lạnh nóng, cù sỹ cứ giữ như thế không hề bò sót, trải qua mấy mươi năm.

Tháng bảy niên hiệu Đạo Quang thứ mười lăm, cù sỹ bảo: "Ngày hai mươi ba tháng chín tới đây, ta sẽ về Tây phương!" Người nhà thấy ông vẫn khỏe mạnh, nên không tin. Trước khi mẫn phẫn ba hôm, cù sỹ hơi cảm bệnh nhẹ,

song sự ăn ở cũng như thường ngày. Đến đúng kỳ hạn, ông ngồi yên tắt hơi, quyến thuộc vây quanh kêu gọi, liền mở mắt dặn bảo vài lời rồi nói: "Thôi ta đi đây!" Kế lại nhắm mắt thoát hóa. Lúc ấy mùi hương lạ từ khắp lỗ chân lông của cù sỹ bay ra sực nức. Thành liệm xong, ba hôm sau trong nhà vẫn còn hơi thơm chưa tan.

## LỜI BÌNH:

Tu mật hạnh, sự huân tập rất sâu. Thân thể bay mùi thơm, đó là sự đồn chứa công đức từ lâu phát tiết ra vậy.



## NGÔ TÔN NGUY

**C**ù sỹ Ngô Tôn Ngụy tự Thu Đình, người ở Nguyên Hòa. Cha ông là Ngô Liêm tu Tịnh độ được vãng sanh, mẹ Châu thị vẫn có chứng đau gan. Tôn Ngụy thờ thân mẫu chí hiếu, khi mẹ đau nặng, ông cắt thịt bắp về hòa với thuốc sắc đem dâng, bình chứng lần thuyên giảm. Không bao lâu thân mẫu lila trần, trong vòng bốn mươi chín ngày, ông chích máu tà kinh Địa Tạng để cầu cho mẹ được siêu thoát.

Từ đó Tôn Ngụy quy tâm về Phật thừa, lần lần suốt

thông cả tông lão giáo, được nhiều bậc lão túc ở các nơi khen ngợi. Ông trưởng trai thọ ngũ giới, chuyên tu Tịnh độ, tự hiệu là Nhứt Như cư sĩ. Tôn Ngụy từng thành lập liên xã ở am Kỳ Diệp, khuyên người niệm Phật. Đối với các việc lành như: phóng sanh, bố thí, đều gắng hết sức mà làm. Về sau ông vương bịnh, tự biết mình khó qua khỏi, viết thơ nhờ người chuyển giao cho các liên hữu, xin đến giúp phần trợ niệm. Trong thơ có đoạn nói: "Với sức thông hiểu sâu về tông lão giáo, với sự hành trì có thể gọi là không dám biếng trễ, hiện thời tôi thấy mình vẫn chưa tự chủ được. Công phu lúc bình nhựt của tôi, khi đau bịnh chỉ còn được phân nửa, có thối lui không tiến triển, thật khó gắng sức. Xin các bạn đồng tu đừng nêu nói: Bây giờ ta hãy tạm lo việc đời, đợi đến lúc bịnh sẽ dụng công, tất sẽ tự lâm lạc rất to, ăn năn không kịp!" Trước khi cư sĩ lâm chung một ngày, có liên hữu Tiên Văn Xán đến thăm viếng, hỏi: "Anh vẫn còn nhớ niệm Phật chẳng?" Lúc ấy Tôn Ngụy nói năng đã khó khăn, ra dấu đem giấy bút lại, đáp rằng: "Con đau đớn lúc mẫn phần đã khổ như thế, nên sức niệm Phật nguyện cầu vãng sanh càng thêm bền chắc!" Qua hôm sau, trong tiếng trợ niệm của đồng bạn, ông an lành tưới tinh mà qua đời.

Cư sĩ di chúc người nhà không nên đốt áo, giấy tiền cùng vẽ chân dung lưu lại. Trong đám không được sát sanh để cúng tế, tiếp đãi. Bấy giờ nhằm ngày hai mươi sáu tháng bảy, năm Đạo Quang thứ mười tám.

## TRƯƠNG XI DIÊN



Trương Xi Diên, người đời Thanh, nguyên là Quốc học sinh ở Thường Thục. Ông tánh hào sang, tuệ lượng cao, thường cho mình là phi phàm, nghe ai nói đến kinh Phật, liền tác sắc to tiếng.

Một hôm, Xi Diên nhân được xem quyển Nhân Quả Luân Hồi, bỗng giác ngộ sự sống chết là việc lớn, liền giới sát, dứt uống rượu, mỗi ngày đều tụng kinh Kim Cang, chú Đại Bi và niệm Phật. Sau mỗi thời khóa, quì hồi hướng phát nguyện cầu sanh về Tây phương. Kế đó, ông quy y Tam Bảo, ăn chay trường, chí thành sám hối nghiệp trước. Lúc ấy cư sĩ đang bị chứng thiên phong, nửa mình bên mặt khô gầy. Có kẻ khuyên nên dùng thịt cá để điều dưỡng, ông chỉ mỉm cười từ tạ mà thôi.

Mùa xuân năm Đạo Quang thứ mười chín, cư sĩ tà phẩm Phổ Môn rồi muôn người khắc bản để án tống. Có kẻ hỏi lý do, ông nói: "Đức Quán Thế Âm Bồ Tát bi tâm sâu rộng, ứng thân khắp pháp giới, là thuyền từ nơi biển khổ, cơ duyên trước mắt, chờ để làm qua!" Mùa thu năm ấy, Xi Diên mộng thấy mình nuốt hoa sen, nên từ đó càng thêm tinh tấn. Cư sĩ bảo em là Nhi Đán rằng: "Anh phải tụng phẩm Phổ Môn một muôn hai ngàn quyển, mới vừa ý nguyện!" Nhi Đán hỏi duyên cớ, ông than thở đáp: "Bốn nỗi khổ sanh, già, bịnh, chết trong đời anh đã trải qua ba

thứ, chỉ còn cái chết là chưa biết lúc nào đến mà thôi. Nhưng chắc nó cũng đã tới gần rồi. Như thế đâu nên lơ là chẳng lo dự bị từ lương trước ư?"

Đêm mười một tháng giêng năm Đạo Quang thứ hai mươi, Nhị Đản nằm không yên giấc, trong con mơ màng nghe Xi Diên tụng phầm Phổ Môn tiếng rang rảng. Lúc ấy chợt thức tỉnh, liền quay mình sang định hỏi, thì thấy ông đang nằm nhắm mắt ngủ. Thì ra cư sĩ đã tụng kinh trong giấc mộng. Rạng ngày Xi Diên thức dậy sớm, khóa tụng theo thường lệ xong, rồi có việc đến nhà người thông gia. Vừa tới nơi, ông bị chứng đàm lén ngăn cổ họng, được tạm cứu chữa trở về nhà, liền nằm bất tỉnh nơi giường. Chiều ngày mười ba, bạn đồng tu là Tạ Phụng Ngô khi đến thăm bệnh, bảo người nhà đốt hương nén bày nơi bàn trước giường Xi Diên, rồi lấy tràng chuỗi lục bình nhụt của ông trao vào tay. Cư sĩ liền nắm lấy để trước ngực lần từng hạt, ánh mắt nhìn thẳng lên, cả thân mình đều rung động, giây phút tắt hơi mãn phần. Các liên hữu đều quyết đoán đó là cái chết lành, tất được sanh về Tây phương. Riêng có người vợ của ông không tin, đối trước quan tài khấn rằng: "Nếu quả như thế, xin về báo mộng cho biết!"

Trải qua năm ngày, đêm lại người vợ nằm mơ thấy có vị gọi bảo: "Chớ nên thương khóc! Ông bạn đời của người đã đi xa cách đây mười muôn ức cõi Phật rồi!" Thức giấc bà lấy làm lạ, nhưng vì bình sanh chưa từng tụng kinh A Di Đà, nên không biết năm chữ: "Mười muôn ức cõi Phật" có

ý nghĩa gì? Sáng ra, bà đem điểm ấy hỏi mấy nhà tu Phật, mới biết chồng mình đã vãng sanh, có chứng nghiệm chắc chắn.



## TƯ HY

**T**ử Hy tự Mộng Bạch, người đời Thanh, nguyên là một nho sĩ. Thuở thiếu thời ông từng du ngoạn đất Sầm Điền, thấy cảnh sông núi thăng tươi, lòng dạ thanh thoát; gặp việc trung hiếu tiết nghĩa, liền khắc tuyên dương. Tuổi trung niên, mở trường dạy học ở tỉnh ngoài. Đến hơn bốn mươi, được người quen là Châu Lân Thơ tặng cho tập Long Thơ Tịnh Độ Văn, xem xong liền tin thờ Phật, lấy hiệu là Mộng Liên.

Ké tiếp ông đến am Tôn Thắng quy y với Lượng Khoan hòa thượng, được pháp danh là Như Siêu. Từ đó cư sĩ giữ thập trai, lập nhụt khóa trì niệm, quyết cầu sanh về Tây phương. Hòn sáu mươi tuổi, Tử Hy lại nương ngài Linh Thủu Nghĩa thọ giới Bồ Tát, sự tu tập càng thêm tinh tấn. Bấy giờ chư Tăng ở am Sô Sư quyên tiền xây dựng ngôi Đại Thông Các, ông hết sức giúp đỡ cho đến khi落成.

Năm Đạo Quang thứ hai mươi mốt, vào mùa hạ, cư sĩ bỗng thanh lý việc nhà, bảo gia nhon rằng: "Người đời sống được bảy mươi, đã mừng xưa nay ít có. Ta nay may mắn thọ được bảy mươi hai tuổi, mùa thu này mạng chung cũng đã vừa thời!" Ké đó ông viết một thiền nhan đề là Phản Bồn Tòa Ngôn nhắc nhớ các việc khi mình sắp mãn phần. Trong ấy có đoạn nói:

"Kiếp người như gởi tạm, đã sanh tất có tử. Cái chết vẫn là việc thường của nhơn thế, nhưng vì ân tình giữa vợ chồng con cái từ đây vĩnh biệt, nên chẳng khóc có sự kêu gọi khóc thương. Tuy nhiên phải biết sống gởi thác về, được yên ổn mãn phần là phước. Huống chi chúng ta đã tu tịnh nghiệp, chính muôn vượt qua biển khổ, về đến cõi sen. Như thế, lúc lâm chung cần phải giữ một lòng không loạn, mới mong được ý nguyện vãng sanh. Nếu để nghe tiếng kêu khóc, tất kẻ sắp chết dễ bị tình ái kéo lôi, tâm tư rối loạn khóc than. Sau khi ta tắt hơi, ít nhứt phải hơn bốn giờ, mới được thay y phục cùng di động, càng chậm càng tốt. Thuở xưa cha của Thiệu Khang Tiết tiên sinh, cũng là trượng nhơn của ngài Y Xuyên, lúc sắp chết bảo người nhà rằng: "Phải đợi khi thành liệm xong mới được cùi ai, chó vội kêu khóc làm cho ta lạc lối!" Lời này có ghi trong quyển Khang Tiết Ngoại Truyện.

Cư sĩ có viết mấy lời chọn lọc về Thiền và Tịnh như sau:

*Tham thiền chẳng niệm Phật*

*Phải như thùng lợt đáy.*

*Thảng còn một điểm nghi*

*Kết cuộc uổng công lực!*

*Niệm Phật lại tham thiền*

*Hai việc chính là một*

*Tham niệm dính liền nhau*

*Chẳng thể dễ phóng dật.*

*Không tham cũng chẳng niệm*

*Đắc đạo mới bỏ pháp.<sup>(14)</sup>*

*Nếu chưa đến bờ kia*

*Biển khổ không thuyền với.*

Mùa thu năm ấy, quả như lời đã nói, cư sĩ vương bịnh. Mỗi ngày ông cho người mời chư Tăng hoặc các liên hữu luân phiên đến nhà trợ niệm. Lại dặn trước giường thiết bàn Phật, hương đèn tiếp nối luôn. Từ đầu hạ tuần tháng bảy đến đầu hạ tuần tháng tám, suốt ba mươi ngày. Từ Hy

<sup>14</sup> Nguyên văn "Bất tham diệc bất niệm. Đắc pháp khả xả pháp". Ý nói: Tham thiền và niệm Phật đều là phương tiện để chứng đạo pháp, cho nên không tham thiền tất phải niệm Phật. Nếu không tham cũng chẳng niệm, chỉ trừ bậc đã chứng đạo pháp mà thôi. Bậc đắc đạo mới bỏ pháp phương tiện, như người đã qua bờ kia mới bỏ chiếc bè. Trái lại, tất phải chìm trong biển khổ, không làm sao cứu vớt được.

không ăn cơm cháo được, chỉ uống nước gạo rang tiếp sức mà thôi. Người nhà rước y sĩ đến, ông tự biết không thể qua khỏi, kiên quyết chẳng chịu uống thuốc. Khi bình ngặt sắp mãn phần, cùi sỹ mạnh mẽ đem hết tàn lực chắp tay niệm Phật to tiếng mà vãng sanh.

⊗ Vợ của Từ Hy là Nghiêm thị, thuở bình cư cũng trì chú niệm Phật. Đến bảy mươi ba tuổi, vì vương chứng kiết ly, nằm liệt trên giường, song vẫn liên tiếp thầm trì niệm. Một hôm bà cảm thấy sự đau khổ nơi thân bỗng tiêu tan, chứng điếc tai từ lâu cũng dứt hẳn, nghe được tiếng lớn nhỏ gần xa. Người con là Lập Phương đem việc vãng sanh để sách tấn. Nghiêm thị bảo: “Mẹ vẫn thường niệm Phật, chưa từng tạm quên”. Vào khoảng canh hai đêm ấy, bà bảo người nhà rằng: “Rạng ngày ta sẽ đi!” Rồi ngồi dậy cầm chuỗi, lén tiếng niệm hết một tràng, tới đó mới súc môi chịu nằm xuống. Đến sáng hôm sau, bà nhìn quanh thót lời giã biệt rằng: “Đã tới thời khắc ta vãng sanh!” Nói đoạn guọng ngồi lên, chắp tay nghiêm chỉnh. Lập Phương khuyên: “Mẹ nên đi thẳng một đường, đừng nghĩ ngợi chi cả!” Nghiêm thị quả quyết ứng tiếng đáp: “Được!” Rồi niệm Phật độ mười hơi mà thoát hóa.

⊗ Bạn đồng sự của Từ Hy là Kim Đình Đồng tự Hữu Lan, người ở Tô Châu cũng chuyên tu tịnh nghiệp. Mùa đông năm Đạo Quang thứ hai mươi, ông mang bệnh. Biết mình sắp mãn phần, ông cho thỉnh thầy quy y là Lượng Khoan hòa thượng cùng vài thiện hữu đến thưa rằng: “Hữu Lan đã

đến bờ vực sống chết, xin thầy và các đồng bạn giúp cho thành tựu duyên sen!” Hòa thượng và đại chúng đồng thanh xung danh hiệu Phật trợ niệm. Giây lát, ông nói: “Hiện thời tôi thấy trước mắt đất đai đều là bảy báu hợp thành, chân đạp bước lên mềm mại êm như bông. Những tiếng nghe bên tai đều nhiệm màu khó diễn tả. Lại thấy xa xa về phương Tây có tám chữ sắc vàng rất phân minh”. Một liên hưu cài chính nói: “Anh làm rồi! Nay đại chúng chí niệm tụng có sáu chữ thôi”. Kim Đình Đồng đưa tay chỉ bảo: “Cực Lạc Thế Giới A Di Đà Phật, chẳng phải tám chữ là gì?” Độ một lúc lâu, cùi sỹ lại chắp tay thưa với thầy rằng: “Đệ tử xin đi!” Rồi nhắm mắt mà hóa.



## TIỀN VẠN DẬT

 ư sĩ Tiền Vạn Dật tự Đức Sơn, người đời Thanh, quê ở trấn Mai Lý xứ Thường Thục. Buổi thiếu thời, Vạn Dật theo gia nghiệp, chuyên bán rượu.

Sau ông đổi nghề, giới sát làm lành tu tịnh nghiệp, hết sức sửa lỗi lầm trước. Vạn Dật chỉ có một trai, chẳng may bị bệnh lao, niệm Phật mà qua đời. Người láng giềng chê cười, bảo tại lo tu hành nên con mới chết. Ông nghe nói chỉ mỉm cười, vẫn an nhiên thờ Phật như cũ.

Một đêm lửa bén cháy nhà, Vạn Đật chắp tay ngừa lén hư không khẩn rẳng: "Nghịệp con nặng, đáng bị thiêu hủy gia sản, nguyện xin đừng tàn thương đến những nhà gần bên!" Sau khi lửa tắt, chỉ có nhà ông tiêu ra tro, các gia cư gần đó đều không sao cả. Cố gắng lo chỗ ở tạm xong, Vạn Đật lại khuyên mẹ là Ngô thị trường trai niệm Phật, bà mẹ ý theo lời. Kế tiếp ông cũng tự ăn chay trường, nhưng vì tập quán cũ hãy còn, nên thường hay uống rượu. Song nhờ có người thân thích là cù sĩ Tạ Phụng Ngô khuyên can, ông cố gắng lần dứt trừ được.

Mùa xuân năm Đạo Quang thứ hai mươi hai, vợ đau chết, Vạn Đật vẫn sống trong cảnh lê loi. Nhiều người khuyên nên tục huyền, ông cự tuyệt và bảo: "Đã có con mà bị chết sớm, tái thú nữa để làm gì? Và lại chí tôi ở nơi xuất tục, có phải khăng khăng trong sự nỗi dõi đâu!" Mùa hạ năm ấy, ông đau bệnh lạc huyết, chí thoát trần càng tha thiết, vẫn cố gắng gia công niệm Phật. Đến đầu tháng bảy, bệnh ông thêm nặng, ăn vào liền mửa ra. Phụng Ngô sang viếng thăm, nhân an ủi bảo cho biết: Cố đúc đã có một vị nhịn ăn để cầu thấy Phật. Vạn Đật nghe nói, mừng rỡ bảo: "Nếu có việc rất tiện lợi như thế, tôi sẽ gắng sức làm theo". Liền hôm sau, ông tắm gội sạch sẽ, đến trước bàn Phật niệm hương phát nguyện giữ thanh trai trong bảy ngày, xuất tiền mua vật mạng phóng sanh để cầu về Tịnh độ. Kế đó ngày đêm ông niệm Phật không dứt, lúc khát chỉ ăn trái dưa mà thôi. Có người hỏi: "Suốt đêm không ngủ như thế, có

mệt mỏi chẳng?" Vạn Đật đáp: "Nhờ không ngủ mới niệm Phật được nhiều. Khi tôi không bình thì chẳng được an nhàn. Nay nhân lúc bình được rảnh rang, phải gắng sức, có mệt nhọc chi đâu!"

Bảy ngày vừa mãn, bởi tuyệt cốc nên kiệt sức, thần thức ông hôn loạn. Người nhà cho ăn chút cháo loãng, liền buồn dạ no hơi, hôn loạn càng thêm. Vạn Đật cả sờ, chắp tay đê trên gối, bảo đốt ngón tay cúng đường Phật. Phụng Ngô nói: "Lúc này mà anh phát được tâm nguyện ấy, thì cũng đồng như đã đốt ngón tay rồi. Thôi chi bằng rũ sạch muôn duyên, nhứt tâm cầu về Cực Lạc là hơn!" Ông nghe nói liền nhắm mắt niệm Phật, ban sơ như còn gắng gượng, kế đó nhờ dùng sức dỗng mãnh, nên thần chí lần lần an định. Duyên may nhờ mười mấy liên hữu hay tin đến trợ niệm, nên ngày đêm trong nhà ông tiếng niệm Phật nối nhau không dứt.

Chiều bữa mùng mười tháng bảy, Vạn Đật tự nói thấy một vị đi đến trước đầu giường, bảo cả dưa và trái cây đều cho chó ăn, hỏi thì xung là sứ giả ở thượng giới. Qua ngày hôm sau, ông bỗng thấy Tây phương Tam Thánh hiện thân sáng đẹp trang nghiêm đứng giữa hư không. Đức Đại Thế Chí Bồ Tát tay bung kim đài mỉm cười nhìn xuống. Ông muốn vượt lên ngồi vào kim đài, chợt nghe tiếng bảo: "Thân ngươi còn chưa sạch!" Kế đó các tướng đều ẩn mất. Vạn Đật liền bão nầu nước thơm để mình tắm gội. Sau khi tắm rửa thay y phục mới xong, Tam Thánh lại hiện ra như

trước. Ông gọi người nhà lại nói: “Tôi đã dạo chơi Tịnh độ, thấy vô số hoa sen, mình ngồi trên một đài hoa, vui không thể tả!” Lại tự chi thân mình nói: “Đây không phải là thân tôi”.

Sáng sớm ngày mười hai, Vạn Dật tạm biệt mẹ và thưa rằng: “Phật cùng chư thánh chúng đã đến đây nhà. Con đi đây!” Nói xong, liền chắp tay niệm Phật mà vãng sanh. Lúc bấy giờ, ông được ba mươi bảy tuổi.



## CHÂU LÂN THƠ

 **C**ử sĩ Châu Lân Thơ tự Văn Tuyền, người đời Thanh, nguyên là hàng chư sanh ở Tân Dương. Lúc gần năm mươi tuổi, ông bị bệnh nặng suýt chết, sau khi được lành mạnh, sanh niêm sợ hãi mới đê tâm nghiên cứu về kinh Phật. Ông duyệt xem nội điển rất nhiều, thường đem các sách khuyển thiện tặng cho người.

Bấy giờ Lượng Khoan hòa thượng từ chùa Sư Lâm thôi viện, về trú ở am Tôn Thắng, nổi tiếng là bậc hạnh giải kiêm toàn. Lân Thơ nghe danh đến thọ Tam quy ngũ giới, được pháp danh là Như Nhân. Cử sĩ gọi các bạn đồng tu

dến kiết Liên xã ở am Tôn Thắng, mỗi tháng họp một lần, lễ Đại Bi sám pháp và niệm Phật. Mỗi kỳ hội đều có giảng diễn về pháp môn Tịnh độ, và cùng trình bày chỗ kinh nghiệm để sách tấn lẫn nhau. Về sau cư sĩ đôi mắt lão kém không xem kinh sách được, nhưng khóa tụng càng siêng cẩn. Khi đi đứng nằm ngồi, đều thầm niệm Phật hiệu không dứt. Đến bảy mươi tuổi, Văn Thơ vương bình dây dưa vài tháng. Trước khi mãn phần mấy ngày, cư sĩ mộng thấy hào quang sắc trắng chiếu sáng rực rõ. Thức giấc, ông viết mấy bài kệ như sau:

### I

*Lạc bước trần lao danh lợi mê  
Đua toan nào kể tội muôn bể!  
Vợ nhà hờn trách khi cùng quẫn  
Kiếp tạm ngày qua luồng ủ ê!*

### II

*Lần hồi vui đạo biết an phận  
Dưỡng tính gìn lòng lại néo chân.  
Ứng phó tùy cho xong nợ trước  
Cánh duyên hoa mộng mặc xoay vần!*

### III

*Trôi dạt tha hương bảy chục thu  
Nỗi chìm vinh nhục há không do?*

*Quay đầu bến giác đi về thẳng  
Tùy cảnh chi sờn bước tịnh du.*

## IV

*Nghệp báo ngày nay trả dứt xong  
Rất may tánh Phật chẳng mê lòng.  
Vô sanh đặt bước đường bằng ôn  
Liên quốc miền vui trước mắt trông!*

Khi bình ngặt sắp mãn phần, cư sĩ gắng sức ngồi lên niệm Phật mà hóa. Tuy tắt hơi đã lâu, song hai tay vẫn chắp lại chẳng buông ra. Các liên hưu dò thăm, định đầu rất nóng. Bấy giờ nhầm mùa đông năm Đạo Quang thứ hai mươi lăm.

**CÙ TẤN HÒE**

**C**ù Tấn Hòe, người ở Thường Thực, bình thời không tin Phật, cho việc cầu sanh Tây phương là đại ngu. Tháng ba năm Đạo Quang thứ mươi bảy, ông bị chứng lạc huyết lần lần chuyển nặng, thuốc thang vô hiệu. Một đêm, Tấn Hòe nằm thấy thần báo mộng

rằng: “Binh của ngươi duy có họ Tôn mới chữa trị được thôi!”

Tịnh giác, ông nhớ trong hàng thích hữu có y sĩ Tôn Chiên Lâm, liền cho người mời đến điều chẩn. Chiên Lâm xem mạch xong, bảo: “Binh đã thâm nhập khó bề cứu vãn, dù hốt thuốc chẳng qua là gắng gượng làm cho tân nhon sự mà thôi. Nếu anh chịu phát tâm niệm Phật hồi hướng, đó mới chính là diệu phương. Bằng chẳng thế thì tôi không thể nào làm chi hơn được!” Tấn Hòe nghe nói liền nguyện xin niệm Phật, rồi gọi người nhà dặn: “Từ nay tôi giữ giới sát, xin vì tôi mua vật mạng phóng sanh”. Lại bảo: “Nay tôi đã tinh ngộ, hãy đến chùa mời Hòa thượng đến nhà để truyền tho quy giới, và xin sám hối túc nghiệp!” Đó là ông đột nhiên tự phát tâm, từ trước đến nay chưa có ai nói cho biết chuyện ấy.

Trước khi mãn phần vài ngày, Tấn Hòe đem việc nhà giao phó dặn dò với mẹ, như người sắp đi xa. Đến ngày mười bốn tháng tư, ông gượng ngồi dậy tựa vào ghế, bỗng ngước mắt nhìn lên như thấy cảnh giới chi. Ké đó chắp tay lớn tiếng liên tiếp niệm A Di Đà Phật hơn mươi câu, rồi tắt hơi đi thẳng.

**LỜI BÌNH:**

Có kẻ nghĩ rằng Tấn Hòe cơ duyên đã thuận thực, tại sao vị thần không dạy bảo ngay, lại chuyền lời nhở đến họ

Tôn? Ôi! Há chẳng nghe thưở Phật còn tại thế, dân chúng trong một thành nọ không ai hóa độ được, mà chỉ có duyên với ngài Mục Kiền Liên đó ư?



## **TÔN TÙNG ĐÌNH**

**T**ôn Tùng Đình, người ở Tiên Đường, bình thời vốn thờ bà Đầu Mẫu. Mùa thu năm Đạo Quang thứ mươi bảy, đang lúc nằm bình, thấy có nhiều vị đem cờ lọng xe ngựa đến chờ đón rước. Ông liền gọi thân quyến thuật lại việc đó, và nói: "Thôi xin trân trọng già biệt tất cả, tôi sắp đi đây!" Người em út là Tôn Hựu Thôn ngăn lại bảo: "Hãy khoan! Đó là cõi qui thần, không phải chỗ tốt, xin anh đừng đi theo!"

Giây lát, Tùng Đình nói: "Vì tôi không chịu đi, nên các vị ấy đều ẩn mất, bây giờ biết về nơi nào?" Hựu Thôn đem pháp môn Tịnh độ ra giảng khuyễn. Tùng Đình nghe nói vui vẻ phấn chấn, muốn xưng hồng danh Phật, song lúc đó lưỡi cứng nói đớ không thể niệm thành sáu chữ. Hựu Thôn liền giúp lớn tiếng trợ niệm, Tùng Đình mới nương theo tụng ra tiếng được rõ ràng. Niệm đến hơn một ngàn câu, ông liền im lặng mà về Phật.

## **ĐÌNH ĐỒNG TỬ**



inh đồng tử, người ở trấn Mai Lý xứ Thường Thục. Lúc lên bảy, cậu bé nghe cha mẹ niệm Phật, nên mỗi buổi sáng cũng ra trước bàn Phật trì niệm theo.

Không bao lâu em vương bình nhẹ, sớm mai đang nằm bỗng chợt ngồi dậy nói: "Hôm nay chưa niệm Phật là tự làm lỗi to rồi!" Liền vội gắt gi súc miệng rửa mặt, ra trước lề Phật trì niệm xong, mới nằm trở lại. Đến xế chiều cậu bé thưa với mẹ rằng: "Con thấy đằng xa trước mắt có ao báu lớn, hoa sen đua nhau tươi nở, giữa hư không Phật và chư thánh đang chờ đón rước. Con xin theo Phật về Tây phương, mong cha mẹ đừng lấy làm kinh lạ!" Đoạn liên tiếp niệm Phật một lúc lâu rồi ngất đi. Trong cơn bất ngờ, người mẹ còn mong cho con tỉnh lại, song chỉ nghe tiếng nắc nác trong cổ họng, như muốn nói mà không ra lời. Bỗng đồng tử niêm to bồn chũ: "Đại từ đại bi..." rồi tắt hơi.

Qua hôm sau nhập liệm, cả mình đều lạnh, chỉ có đỉnh đầu còn nóng.



## KHUYÊN TU

I

*Biển trần tham dục biết sao cùng!  
Khóa lợi vảm danh có dứt xong.  
Tình niệm nếu xoay thành Phật niệm  
Tây phương Cực Lạc một đường thông.*

II

*Nghĩ sâu địa ngục phát bồ đề  
Trở gót quê sen chờ lại mê!  
Nóng nẩ lối xưa nên sớm bước  
Kéo khi trời tối lạc đường về.*

III

*Niệm Phật đâu từng ngại việc làm  
Người theo công việc tự mê tâm.  
Bóng câu thần huyền không tồn tại  
Chờ phụ trời Tây đăng Nguyên vương!*

IV

*Mái tranh mưa tạnh ánh dương hồng  
Thoáng chốc mù che lại chẳng đồng.  
Huống nữa mạng người trong nhịp thở  
Chuông mai còn chắc được nghe không?*

V

*Sóng chết mênh mang khắp biển trần  
Di Đà thuyền nguyện độ mê tan.  
Kiếp xưa có phận đời nay gặp  
Mau bước lên thuyền lại cõi chân.*

VI

*Một niệm mê sanh vạn mối mang  
Trần lao nghiệp thức kết thành đoàn!  
Nếu không phai bậc tâm hùng liệt  
Đâu dẽ vươn mình đến Lạc Bang?*



## DƯƠNG THỊ

  
**D**ương thị người thời Càn Long nhà Thanh, nguyên là bà nội của cựu sĩ Viên Tử Tài. Vì con trai mất sớm, bà nương theo con gái là Hồng phu nhân mà tu hành.

Dương thị tĩnh cư riêng ở một gian lầu, ba mươi năm chân không bước xuống đất. Bà thờ Quán Âm đại sĩ rất thành kính, tụng kinh niệm Phật không ngớt. Tánh lại hiền từ, nếu nghe dưới lầu có tiếng đánh đập nô tỳ, thì bàng hoàng ăn không được. Có đứa tớ gái nào lên lầu, bà liền chia thức ngon của mình cho ăn. Đến chín mươi bảy tuổi, trước khi mẫn phần, Dương thị bảo lấy bồn để rửa chân. Cô tớ gái xách cái bồn bằng gỗ thường dùng đem đến. Bà nói: "Không được! Lần đi này ta sẽ bước lên hoa sen, hãy lấy cái bồn bằng đồng đem lại đây!"

Rửa chân vừa xong, bỗng nghe mùi hương thanh lâ như chiên đàn bay ngào ngạt khắp gian phòng. Dương thị liền ngồi kiết già niệm Phật mà hóa. Trải hơn ba ngày đêm mùi hương ấy mới tan.



## NHAN THỊ

  
han thị, hiệu Huệ Phương, người ở Triều Dương tỉnh Quảng Đông, nguyên là vợ của Lâm Chi Kỳ và mẹ của cựu sĩ Lâm Tiết. Chi Kỳ nhà nghèo, khổ công học tập song thi mãi không đỗ, nên uất thành bệnh mà mẫn phần. Lúc ấy Nhan thị đang có thai, hon tháng sau mới sanh ra Lâm Tiết.

Tánh bà hiền thục, tuy chồng vừa chết, nhưng nhờ bên cha mẹ ruột giàu có được chia phần ăn, nên sự sống cũng tạm yên. Nhan thị hiếu đế với cha mẹ chồng, hòa thuận cùng làng xóm, giữ tiết nuôi con cho đến khi khôn lớn. Gia thế vốn thờ phụng đức Quán Âm, đến phiên bà lại càng thêm lễ niêm thành kính. Một hôm bàn tay bà bị gai đâm sưng lên đau đớn khó chịu, dùng nhiều thứ thuốc xoa uống vẫn không hiệu nghiệm. Đêm nọ, Nhan thị mộng thấy Bồ Tát đến xoa nắn chỗ đau, trao cho một hạt đậu, ăn vào thấy ngọt. Lúc tỉnh dậy, bệnh liền dứt hẳn. Từ đó bà phát tâm ăn chay trường và tụng kinh niệm Phật, mỗi ngày đều có định khóa.

Trải mười lăm năm, Nhan thị tu hành một mục như thế không thối chuyển! Trước khi mẫn phần một tháng, bà gọi con và dâu lại khuyên bảo trai giới tu niệm, lại dặn sắm y phục mới cho mình cách thức như nhà tu. Trước giờ lâm chung, Nhan thị ngồi niệm Phật một lúc rồi yên lặng vãng

sanh, thọ sáu mươi lăm tuổi. Sau khi bà mất, Lâm Tiết mộng thấy mình theo thanh y đồng tử, ngồi thuyền vượt biển đến một chỗ lâu các nguy nga ánh sáng rực rỡ. Có một vị lai gần bên bảo: "Mẹ người là Uu bà di Nhan thị, đã vãng sanh về cõi Cực Lạc!"

Bấy giờ vào khoảng cuối năm Gia Khánh đời Thanh.



## TIỀN LAN TRINH

Tiền Lan Trinh, người đời Thanh, quê ở Tô Châu. Thuở bé, tánh cô rất đoan trang nghiêm tĩnh. Lớn lên, được cha mẹ gả cho họ Cố. Về sau đang lúc mang thai, cô bị bệnh nguy ngặt, nửa thân hình đều lạnh, tâm thần mê loạn. Có hàng chí thícn nhân đến thăm, khuyên người chồng nên lập thệ giữ sát, và niêm thánh hiệu Quán Thế Âm. Họ Cố chí tâm tin theo lời. Ba hôm sau, Tiền thị cả mình đều xuất hàn, con bình dường như mất hẳn.

Sau khi lành bệnh, Lan Trinh phát tâm niệm Phật và thánh hiệu Quán Thế Âm. Cô giữ thời khóa rất chắc, dù lúc tiết trời giá lạnh hoặc nóng bức, vẫn không thay đổi. Mùa

đông năm Đạo Quang thứ hai mươi tám, Lan Trinh nhiễm chứng lạc huyết, bệnh lần thêm nặng. Dày dưa đến ngày mùng tám tháng mười năm sau, cô bỗng nói: "Biển khô mênh mang, ba hôm nữa tôi đã có thể ra khôi!"

Đến sáng ngày mùng mười, Lan Trinh bao lập bàn hương án phía bên hữu giường nằm, rồi bảo: "Hôm nay quyết định về Phật!" Nói đoạn, niệm danh hiệu đại sĩ, giây lát bỗng xung A Di Đà Phật. Tới giờ Thân tiếng niệm Phật lần thấp nhở, hướng về Tây an lành mà mãn phần. Qua hôm sau, đánh đầu còn nóng. Cô hưởng dương được hai mươi chín tuổi.



## TRẦM TRINH NỮ

Trầm trinh nữ, quên sót tên, nguyên là con gái của cư sĩ Trầm Tuyết Phong. Thuở bé, cô nghe cha mẹ giảng nói về lý nhân quả, lập chí giới sát phóng sanh. Lớn lên, nghe nói đến việc nghị hôn, liền khóc lóc không ăn. Cha mẹ dò hỏi ý, cô đáp: "Con muốn chờ học cho kinh nghĩa thông thuộc, rồi sẽ xuất gia làm ni". Trầm cư sĩ nghe nói, liền khen ngợi chấp thuận.

Bấy giờ cô mới vừa thông văn tự, chỉ đọc Di Đà, Kim Cang, Tâm kinh, chú Đại Bi, Song chưa hiểu nghĩa, duy một lòng niệm Phật mà thôi.

Không bao lâu mẹ mất, Trinh nữ liền phát tâm trường trai. Lúc cô hai mươi mốt tuổi, vào đầu tháng năm, bỗng vương chứng thời khí, bình dây dưa hơn vài mươi ngày. Trầm cư sĩ thăm bệnh, thường thường dặn con niệm Phật quán Phật, một lòng hướng về Tây phương. Sáng sớm ngày ba mươi, cô hôn mê, cư sĩ gọi tên để cảnh tỉnh, chỉ bày sự vui vẻ khi sanh về Tây phương, và bảo con an lòng niệm Phật. Sang giờ Mùi, cô bỗng báo đứa tớ gái đỡ dậy, ngồi hướng về Tây chắp tay niệm Phật. Lúc đó, nhân bà mẹ của quan Tri huyện bị bệnh, Trầm cư sĩ được rước đến chẩn mạch, nên đi vắng. Trinh nữ niệm Phật giây lát, bỗng mở mắt nhìn quanh, hỏi cha ở đâu? Gia nhon đáp: "Ông đi lên huyện". Cô nói: "Không việc chi, chẳng cần gọi cha tôi về, chỉ xin nhờ chuyển lời nói người nên an lòng. Vừa rồi tôi được hai vị Bồ Tát dẫn đi đến thế giới Cực Lạc, báo Phật đã thọ ký cho vào hàng Hạ phẩm hạ sanh. Nhân vì tôi có hiếu tâm cắt thịt bắp về hai phen sắc hòa với thuốc để trị bệnh song thân, nên được đổi lại thành Hạ phẩm trung sanh!"

Lúc đó bà quản gia họ Tôn, cũng trường trai niệm Phật, nghe cô thuật lại tình hình ấy, liền thưa: "Tiểu thư là bậc đồng nữ tu chân, nên mới được sự lợi ích như thế. Còn chúng tôi tu hành nửa vời, chắc bước theo không kịp!"

Trinh nữ bảo: "Các vị bình thời niệm Phật chưa chân thiết,

e không đặc lực. Nếu có thể chân tâm niệm Phật, đến lúc lâm chung như thế này mới biết được sự thọ dụng. Các vị nên cố gắng. Thôi tôi xin đi!" Nói xong, liền nhắm mắt mà qua đời.

Đến giờ Dậu, Trầm cư sĩ trở về, mới nghe thuật lại mọi việc. Ông lại dò thăm, thấy đành đầu cô hãy còn nóng.



## BẠCH THỊ

**B**ách thị, người vào thời Quang Chữ nhà Thanh, nguyên là bà ngoại của cư sĩ Châu Thuần Phu. Đến tuổi trung niên chồng bị bạo bệnh mất, kế tiếp con trai và dâu đều nỗi nhau qua đời. Nỗi thương chồng khóc con quá nhiều, khiến cho bà đôi mắt mù lòa, không còn chút chi là sanh thú.

Từ đó, Bách thị lạnh lùng với trăm việc, chuyên tu Tịnh độ, đi đứng nằm ngồi niệm Phật không ngớt. Đến năm sáu mươi sáu tuổi, vào tháng tám bà bỗng cảm bệnh nhẹ, cho người gọi con gái về gấp. Lúc đó cư sĩ Châu Thuần Phu cũng theo mẹ sang nhà bà ngoại. Tới noi, thấy bà ngồi ngay thẳng trên giường, tạ hồ như không có bệnh chi. Bà bảo con

gái: "Mẹ định vào giờ Dần ngày hai mươi sáu tối đây sẽ về Tây phương nên mới bảo con sang gấp!" Thân mẫu của Châu cư sĩ thăm hỏi, giọng nói đầy vẻ bi thương. Bạch thị khuyên: "Từ lâu đối với việc đời, lòng mẹ đã nguội lạnh như tro tàn, không còn chi tham luyến. Mẹ xem sự sống chết đều là tướng huyền, con hãy cố gắng niệm Phật để cầu giải thoát, chờ nên lo buồn!" Đến nửa đêm ngày hai mươi lăm, bà bảo con gái vì mình nấu nước tắm gội và thay đổi y phục mới sạch. Mọi việc xong, bà ngồi kiết già nơi giường, xây mặt về Tây niệm Phật.

Lúc đó hàng thân tộc tụ họp hơn hai mươi người. Tới canh năm, Bạch thị bảo mỗi người cầm một cây hương đốt lên chắp vào tay, đồng thanh to tiếng niệm: Nam mô A Di Đà Phật. Bà cũng cao tiếng niệm theo. Đến lúc trời hửng sáng, một cơn gió thơm nhẹ thoิ tới, tất cả đều nghe có tiếng âm nhạc văng vẳng giữa hư không. Tiếng niệm của Bạch thị cũng thấp nhò lèn rồi dứt hẳn. Một người thân lại gần xem thì bà đã về Phật.



## MỘT TRINH NỮ

**T**ột trinh nữ ở làng Đông tại Hoàng Pha, tỉnh Hồ Bắc, ký giả quên sót tên họ. Cô bẩm sanh đã có phúc huệ, rất nhiệt tâm hướng về đạo. Lúc hơn mười tuổi cha mẹ chọn nhiều nơi định hôn phối, Trinh nữ đều khóc lóc từ chối thê quyết không chịu lập gia đình. Chẳng bao lâu, cô xin cha đến chùa cầu thọ giới Bồ Tát, kế tiếp chuyên tu Tịnh độ. Cô giữ thời khóa tụng rất chắc, chân không bước khỏi khuê môn.

Một hôm, người chị dâu đang bồng con, bảo cô lấy giùm tám tấc. Trinh nữ đáp: "Tâm em là tâm Phật, tay em tức là tay Phật, thiết tưởng không nên dụng chạm đến những thứ đó!" Người chị dâu cười lạt bảo: "Em không phải kẻ xuất gia, cứ ở nhà mãi như thế này, ngày kia cũng chưa khắc khói có đôi bạn. Rồi chừng ấy làm sao tránh được việc nuôi con?" Trinh nữ nghe nói đứng ngậm ngùi bàng hoàng một lúc, bất đắc dĩ nhón hai ngón tay cầm tám tấc đem lại. Đến tuổi cập kê, cha mẹ nhận lời người đến hỏi và bắt buộc cô phải lấy chồng. Trinh nữ chỉ biết buồn thương và chí thiết niêm Phật cầu nguyện. Gần tới ngày cưới cô cảm bệnh nhẹ, thưa với cha mẹ rằng mình sắp về Phật, xin lo trước hậu sự. Song thân cô không tin, nên chẳng nghe lời. Trước lễ cưới một ngày, Trinh nữ từ giã cha mẹ rằng: "Con đã được hân hạnh sanh về Tây phương Cực

Lạc thế giới, xin song thân cố gắng tu hành, đừng nên hoài niệm!" Nói xong, cô chắp tay niệm Phật một lúc rồi thoát hóa.

Sau khi cô mân phân, người nhà y lời trói dặn trước, liệm thi hài trong một chiếc vại to bằng sành. Ba năm sau đem ra định thiêu hóa, thấy thân thể cô không tan rã, chẳng có chút mùi hôi, dung mạo tươi như sống. Duy nguyên hai ngón tay cầm tã thì lộ sắc nám đen.



## CHÂU PHU NHƠN

**C**hâu phu nhơn, người đời Thanh, nguyên là vợ của Vương Sở Thần ở huyện Sơn Âm tỉnh Triết Giang, và mẹ của Vương Tâm Tam, một cự sĩ hữu danh thuở ấy. Năm hai mươi sáu tuổi, bà về với họ Vương. Bên chồng nhà giàu, lại rất tin Phật pháp. Phu nhơn cũng sùng tín ngôi Tam Bảo, từng xuất của lập chùa thờ đức Quán Âm đại sĩ và cất miếu thờ thần Thiên Y. Ngoài ra, lại còn bố thí giúp đỡ kẻ nghèo bịnh, phóng sanh, tiếc giấy chữ, tóm lại tất cả việc lành đều hết sức đề xướng và thật hành. Những thiện cử trên tuy do Vương quân nắm phần cuồng lanh, song kỳ thật nhờ phu nhơn âm thầm

khuyên khích và giúp đỡ rất nhiều.

Từ khi về nhà chồng, phu nhơn liền ăn chay trường, mặc áo vải, ban ngày thì thêu dệt may vá, ban đêm lại lễ Phật tụng kinh. Công việc cứ giữ điều hòa như thế, suốt cả năm không bước chân ra ngoài cửa ngõ. Phu nhơn tánh trầm lặng ít nói, khi hàng thân thích đến thăm, sau ít lời hàn huyên, liền dẫn giải việc tội phước nhân quả. Lúc Vương quân qua đời, hai trẻ hay còn nhỏ dại, phu nhơn phụng sự mẹ chồng, giáo huấn con thơ, trải dù nỗi gian nan, hiếu từ đều trọn vẹn. Bà có hỏi con gái họ Lũ cho Tâm Tam, song chưa kịp cưới thì cô ấy bị đau, mù cả đôi mắt. Hàng thân tộc đều khuyên bảo nên thôi hôn, nhưng phu nhơn cự tuyệt không nghe theo, cưới đem về, lại dặn Tâm Tam rằng: "Đang khi con sang làm lễ hỏi, thì vợ con đôi mắt hãy còn sáng và tươi đẹp. Nhưng trước khi cưới, nó lại bị mù lòa, đây cũng là phần số của con. Nếu mẹ và con chê bỏ, tất sẽ làm hư hỏng và tủi nhục đời một người con gái. Vậy con phải săn sóc và thương yêu vợ con, giữ trọn bốn phận làm chồng cho đến lúc nó mân phân!" Chỉ riêng một điều này, dù thấy phu nhơn là một người đầy lòng từ bi và nhân hậu.

Trước kia cứ sáng sớm phu nhơn đều tụng Tâm kinh, mỗi ngày có định số. Từ khi sương cư, bà chuyên tâm niệm Phật, quyết định cầu sành về Tây phương. Vào tháng ba đầu niên hiệu Tuyên Thống, mẹ chồng mất, phu nhơn lo việc tang lễ chôn cất rất chu đáo, nỗi thương cảm nhọc nhằn khiến thành đau bịnh. Bà nằm liệt nơi giường hơn bốn mươi

ngày mới mãn phần. Ba hôm trước khi lâm chung, phu nhon dặn hai con lo các việc hậu sự và bảo: "Ba ngày sau vào giờ Ngọ, mẹ sẽ về Phật. Hai con nên tiến tu đức nghiệp, gắng làm người hoàn thiện, và theo gương mẹ chuyên niệm Phật cầu sanh Tây phương!" Đến thời khắc đã định, bà gương ngòi dậy nhắm mắt thầm niệm Phật, trạng thái rất an lành. Tâm Tam hồi có thấy chi không, phu nhon đáp: "Hãy đốt ngọn đèn lồng treo trước cửa và đừng hỏi han làm loạn chánh niệm của ta!" Nói xong bà ngồi yên một lúc rồi lặng lẽ thoát hóa. Mấy giờ sau, Tâm Tam dò xem thấy hai tay phu nhon đều mềm dịu, đành đầu rất nóng.



## XÓA SẠCH DUYÊN TRẦN

(Phỏng dịch “Thát Bút Câu” của ngài Liên Trì)

### I. XÓA SỰ HIẾU DƯƠNG THEO ĐỜI

Công sanh dương

Biển thẳm non cao

Gầm vóc trần tu đáp được nào?

Cha mẹ hia trần cầu

Đạo con mới thành tựu!

Ôi chà chà!

Giải thoát xuất trần nhân lớn lao

Phàm tình đâu đã hiểu!

Cháu hiền cùng con thảo

Chân không, lẽ diệu mầu tham cieu!

Bởi thế nên đem

Năm sắc kim chương xóa sạch làu!



### II. XÓA TÌNH VỢ CHỒNG ÂN ÁI

Vợ chồng duyên đẹp

Loan phượng mến yêu

Mỗi giây ân ái thuở nào tiêu?

Mộng tình theo lão dẽo

Duyên hết lia đồi néo!

Ôi chà chà!

Vấn vương vui hết lại buồn đau

Tam đồ thêm khô não!

Xét rõ phá oan gia

Tìm cửa đạo mầu mau thoát tháo.

Bởi thế nên đem

Cá nước duyên kia xóa sạch làu!



### III. XÓA LÒNG QUYỀN LUYỀN CON CHÁU

Cháu con đeo đẳng

Như thịt búa thùa.

Vì con cháu chju kiếp trâu lừa!

Họ Đậu non Yên xưa

Ngày nay đâu còn nữa?

Ôi chà chà!

Nghĩ lo trăm kế lại ngàn mưu

Cùng về nơi Ô hưu!

Trở lại tánh Bản lai

Dẫu rằng vạn kiếp trường xuân hảo!

Bởi thế nên đem

Con cháu kim lan xóa sạch làu!



#### IV. XÓA BỎ NIỆM CÔNG DANH

Công danh khoa bảng  
 Riêng chiếm ngao đầu  
 Vui mừng đặc ý buổi thanh thu!  
 Ăn vàng ngồi tinh dầu  
 Danh đẹp thơm trường cửu  
 Ôi chà chà!  
 Bao nhiêu thanh thiếu những mong cầu  
 Tóc xanh thành bạch thủ!  
 Khi tinh giác hoàng lương  
 Một tiếng cười khan đỏi mộng ảo!  
 Bởi thế nên đem  
 Quý hiển công danh xóa sạch lầu!



#### V. XÓA BỎ SỰ THAM SANG GIÀU

Của tiền giàu có  
 Xe ngựa nhà lầu.  
 Lấy lừng thanh thẻ sánh vương hầu.  
 Khi cầu nhiều kiếp khổ  
 Lúc được lo nghiêng đổ!  
 Ôi chà chà!  
 Đạm thanh biết đủ thăng trầm tu!  
 Áo gai đường cảm tú!  
 Khoảng trời đất tiêu dao  
 Nhà rộng của nhiều đâu đủ báu?  
 Bởi thế nên đem  
 Tài sản điền viên xóa sạch lầu!



#### VI. XÓA TÂM MÊ ĐÁM SẮC TÀI

Cầm kỳ văn họa  
 Tài sắc phong lưu  
 Gieo vàng tõ ngọc vẻ tươi mầu!  
 Cờ thi hòa rượu đầu  
 Cầm ca đều đặt tấu!  
 Ôi chà chà!  
 Gấm hoa xán lạn suốt canh thâu  
 Nhã nhạc lừng ngưu đầu!  
 Già chét chợt đến nơi  
 Cắp cureau trăm luân ai đảm bảo?  
 Bởi thế nên đem  
 Tài sắc văn chương xóa sạch lầu!



#### VII. XÓA TÁNH ƯA THÍCH DU NGOẠN

Dạo chơi thắng cảnh  
 Thu đẹp xuân kiều!  
 Túi thi đàn rượu khắp ngao du!  
 Non nước vài thân hữu  
 Mưa khói mờ hoa liễu!  
 Ôi chà chà!  
 Ráng hồng suối bạc sánh phong lưu  
 Đầu nghỉ ngày mai hậu?  
 Sáng tối thoáng qua mau  
 Thẳng thót quay đầu suy, bịnh, lão!  
 Bởi thế nên đem  
 Phong nguyệt tình vui xóa sạch lầu!



## VIỆT QUỐC PHU NHƠN

 Việt Quốc phu nhơn Vương thị, nguyên là vợ của Kinh Vương. Kinh Vương lại là chú của Triết Tôn hoàng đế đời Tống. Phu nhơn chuyên niệm Phật ngày đêm không gián đoạn, lại hướng dẫn các hàng tỳ thiếp đều tu Tịnh độ cầu sanh Cực Lạc. Trong hàng tỳ thiếp ấy, có một cô thường hay biếng trễ. Phu nhơn gọi lên bảo: "Không thể vì một mình người, mà phá hoại quy củ của ta!" Rồi liền đuổi ra khỏi đoàn thể.

Người thiếp sợ hãi ăn năn, phát tâm tinh tấn niêm Phật không nài mỏi nhọc. Một hôm, cô bảo bạn đồng sự rằng: "Em sắp đi xa!" Đêm lại mùi hương lạ bay đầy phòng, cô không bình chí mà qua đời. Cách vài hôm sau, cô bạn đồng sự thưa với phu nhơn rằng: "Đêm vừa rồi, con mơ thấy người thiếp mãn phần nhờ chuyển lời kính xin cảm tạ ân đức vô lượng của phu nhơn. Bởi nhờ phu nhơn răn trách, mà cô đã được sanh về Cực Lạc!" Phu nhơn bảo: "Nếu nó có thể ứng mộng cho ta biết thì ta mới tin". Đêm ấy, phu nhơn nằm mộng thấy người thiếp quá cố đến tạ ân như lời đã nói, liền hỏi: "Cõi Tây phương có thể đến được chăng?" Cô đáp rằng được, rồi dẫn phu nhơn bay đi. Độ giây phút, đến một bảo trì to rộng mênh mang, ánh sáng giao hòa chói suýt. Trong ao báu, hoa sen lớn nhỏ xen lẫn gồm nhiều màu sắc và quang minh, có đóa hoặc tươi hoặc héo. Phu nhơn hỏi duyên cớ, người thiếp thưa: "Chúng sanh ở Ta Bà vừa phát tâm niêm Phật cầu về Cực Lạc, thì nơi đây liền hóa sanh một hoa sen. Nếu đương nhơn mỗi ngày tinh tấn tu niệm, thì hoa càng thêm lớn và tươi đẹp. Trái lại nữa chừng lần lần biếng trễ, tất hoa sẽ héo. Như không tiếp tục tu

hành, hoa liền tàn rồi ẩn mất. Còn phát tâm tinh tấn niêm Phật trở lại, thì một hoa sen khác mọc lên. Nếu công tu lâu ngày vẫn không thôi chuyển, tất tịnh quả sẽ thành thực. Khi đương nhơn bỏ báo thân ở Ta Bà, thân thức sẽ nương gởi vào thai sen ấy, đợi đến khi hoa nở thấy Phật". Nhìn ra xa, trên một đài hoa có vị đội mao ngọc, cổ đeo chuỗi anh lạc, phục súc và thân tướng trang nghiêm, phu nhơn hỏi: "Ai đây thế?" Người thiếp thưa: "Đó là Vô Vi cư sĩ Dương Kiệt. Vì ấy vừa mới vãng sanh về đây". Phu nhơn thấy một người khác mặc triều phục, ngồi trên đóa sen hơi kém hơn, lại hỏi thăm. Cô đáp: "Đó là cư sĩ Mã Vu, chờ khi công thành quả mãn, cũng lại sắp vãng sanh về đây". Phu nhơn hỏi: "Còn ta sẽ sanh về chỗ nào?" Người thiếp liền dẫn bà bay đi độ vài dặm. Nơi ấy có một hoa tòa to lớn, cánh bích ngọc, đài hoàng kim, phóng ánh sáng rực rỡ. Người thiếp chỉ đóa hoa nói: "Đây là chỗ sanh của phu nhơn, thuộc về kim đài thượng phẩm!"

Khi thức dậy, phu nhơn ghi nhớ rõ điềm mộng, nỗi vui mừng bi cảm lẫn lộn, càng tinh tấn tu hành. Đến hơn tám mươi tuổi, nhằm ngày sanh nhứt, sáng sớm bà thức dậy, hai tay bung lò tràm hương nhỏ, khói thơm bay tỏa, nghiêm kính đứng hướng về phía Quán Âm Các. Tất cả tỳ thiếp y phục chỉnh tề, sắp thành hàng bước đến định làm lễ chúc thọ. Nhưng khi nhìn xem lại, thì phu nhơn đã thoát hóa.

### LỜI BÌNH:

Án Quang Pháp sư nói: "Tác dụng của thần thức và nghiệp lành dữ đều không thể nghĩ bàn! Có kẻ tạo ác, tuy còn sống ở trên dương thế, mà một phần hình thân đã thọ khổ nơi địa ngục. Lại có hành giả tu Tịnh độ, tuy hiện đang

ở cõi trước, mà một phần thân thức đã sanh về Liên bang". Trường hợp của Mã Vu trên đây cũng như thế.

Người nữ sanh về Cực Lạc, đều chuyển thành thân nam đủ ba mươi hai tướng tốt trang nghiêm. Nhưng cô thiếp lại hiện ra thân nữ cho đồng bạn và Kinh Vương phu nhơn trông thấy cũng chỉ là phương tiện hóa hiện, để người quen dễ được nhận thức đó thôi. Điều này độc giả nên thông hiểu và đừng lấy làm nghi hoặc.



## TÂN THỊ

**T**ân Thị có chồng là họ Vu, làm nghề đánh cá ở sông Tiên Đường. Con của bà chơi bời theo du dăng, phạm hình luật bị bắt đến quan, khiến cho sản nghiệp đều tiêu tán. Tân thị sầu khổ, đên mé sông muốn tự trầm.

Vừa may đâu, bà gặp một vị tăng ở chùa Tịnh Trụ hỏi thăm biết duyên cớ, khuyên bảo rằng: "Người đời khi bị những cảnh khổ bức bách, đó đều là nghiệp duyên kiếp trước. Vậy nên cố gắng an lòng nhẫn chịu. Nếu quán trí mà tự từ, tất gốc tội nghiệp càng sâu. Muốn giải trừ nghiệp khổ, chỉ có con đường duy nhất là làm lành niệm Phật!" Tân thị nghe nói tinh ngộ, liền đốt một ngón tay trước bàn Phật để cúng dường, và phát nguyện ăn chay trường tu Tịnh độ. Bà hành trì như thế hơn mươi năm không biếng trễ. Khi gặp mọi người, đều chắp tay xung là Phật tử.

Một hôm Tân thị thỉnh tăng đến nhà tụng kinh Quán Vô Lượng Thọ, còn mình thì lẩn chuỗi niệm Phật. Khi tụng đến chương Quán Tượng, bà yên lặng mà thoát hóa.



## PHÙNG THỊ

**P**hùng Thị, tên Pháp Tín, người đời Tống, quê ở quận Quảng Bình. Bà nguyên là vợ của quan Thừa tuyên sứ Trần Tư Cung. Thuở nhỏ phu nhơn vốn hay đau yếu, khi về nhà họ Trần, bệnh càng nhiều.

Bấy giờ Từ Thọ Thâm thiên sư đang hoằng pháp ở Vương Thành. Bà đến nơi đánh lễ, cầu xin chỉ dạy phương pháp trừ bệnh tật. Thiên sư bảo phải trì trai và niệm Phật. Phu nhơn tin nhận, về nhà chưa đầy một tháng, liền bỏ đồ trang sức, ăn chay trường, mặc áo vải, mỗi ngày hằng tụng kinh niệm Phật. Khi làm các công đức, bà đều hồi hướng cầu sanh Tây phương. Không bao lâu, bệnh hoàn toàn lành mạnh. Tuy vẫn lo liệu việc nhà như cũ, nhưng phu nhơn không bỏ thời khóa tu trì.

Hành đạo như thế hơn mươi năm, bà không lộ dáng biếng trễ, chẳng tỏ vẻ kiêu căng, thê mạnh tâm an, thần khí càng thêm hung vượng. Một hôm phu nhơn cầm bút viết kệ rằng:

*Duyên nghiệp cuốn lôi xót nhũng ngày!  
Tử lâu uổng chịu kiếp trâu cày  
Buộc vàm sỏ mũi nay đã thoát  
Rũ sạch thân tâm lại cõi Tây.*

Hàng tùy thuộc thấy lời kệ, đều lấy làm lạ. Phu nhon bảo: "Ta từ thanh tịnh giới, vì sai một niệm nên lạc đến chốn này. Nay duyên Chi ta sắp mãn, qua Liên quốc hầu kè, rất thích hợp với nguyện ta, có điều gì mà kỳ lạ?" Tháng chín năm ấy, phu nhon nhiễm bệnh. Vào ngày đầu tháng mười một, bà gọi thị nữ bảo: "Thần thức ta dạo chơi Tịnh độ, lễ cản đức A Di Đà Thế Tôn. Bồ Tát Quán Âm, Thế Chí dùng con mắt từ bi hoan hỷ, ngắm nhìn. Trăm ngàn muôn ức Phật từ thanh tịnh đều cúi đầu chào mừng ta được sanh về cõi ấy. Đến như rùng quỳnh ao báu, cung ngọc lưỡi châu, ánh sáng vẻ đẹp, đều đúng y như kinh Thập Lục Quán đã nói. Cảnh trí kỳ diệu không cùng, đến đó mới biết, không thể diễn tả cho hết được!" Thị nữ mời Trần Tư Cung tới thuật lại, rồi đồng cùng nhau chắp tay niệm Phật.

Đến sáng hôm sau, phu nhon nằm nghiêng mình bên mặt mà mân phân. Ba ngày kể mới nhập liệm, người trong nhà vẫn còn nghe mùi hương lạ. Khi sấp trà tỳ, gia nhon còn quyền luyến giờ ra nhìn, thấy gương mặt còn tươi như lúc sống. Phu nhon hưởng dương ba mươi sáu tuổi.



## NGÔ THỊ

Ông Thị, người đời Tống, nguyên là vợ quan Đô viên ngoại lang Lữ Hoằng. Viên ngoại lang vốn là bậc thông suốt Phật lý, cùng vợ trí hướng thanh tu.

Phu nhon có hai vị thị nữ, cũng thường trai tu niệm như bà. Một cô ưa Thiền tông, sau mang bệnh nhưng vẫn thản nhiên cười nói, và ngồi thoát hóa xem rất tự tại. Cô kia giữ giới khắc khổ, nhiều khi trọn ngày không ăn, chỉ uống một chén nước gia trì chú Đại bi của phu nhon mà thôi. Ngày nọ, cô thấy ba vị đứng trên ba đài sen báu hiện ra trước mắt, nhưng chỉ lộ những bàn chân. Vài hôm sau đến đầu gối. Đôi ba bữa nữa, thấy tới thân mình. Rồi lần lần đầu mặt, viên quang, các tướng tốt đều hiện ra đầy đủ. Trước mắt, nghiêm nhiên là diệu tướng của Tây phương tam thánh, đức A Di Đà đứng giữa, hai bên là Bồ Tát Quán Âm, Thế Chí. Không bao lâu, đất vàng, ao báu, lầu đài, rừng cây, chim lợ, các nam tử thanh tịnh ngồi thiền hoặc đi kinh hành, đều lần lượt hiện ra đầy đủ rõ ràng, như nhìn chi trong lòng bàn tay. Cô thấy như thế suốt ba năm, chớp mắt cũng không ngăn cách, hằng đem cảnh giới ấy thuật lại cho mọi người biết. Đôi ba kè hỏi: "Cô có nghe được Phật thuyết pháp chăng?" Đáp: "Tôi chỉ được thiên nhãn, chưa đắc thiên nhĩ, nên không nghe được lời thuyết pháp của Phật và chư Bồ Tát". Ít lâu sau, cô tự biết trước ngày vãng sanh, từ biệt người quen thân, rồi niệm Phật mà hóa.

Riêng phần phu nhon, thờ đức Quán Thế Âm rất thành kính. Trên bàn Phật, bà để vài mươi chiếc bình đựng đầy nước sạch. Mỗi khi phu nhon trì chú Đại bi, thường thấy đức Quán Thế Âm phóng ánh sáng vào bình. Ai đau ốm, bà đem nước ấy cho uống đều được an lành. Có điều lạ, qua tiết đông nước trong bình không hóa thành băng, và dù để lâu sắc vị cũng chẳng biến đổi. Do những sự việc trên, người trong vùng đều gọi phu nhon là Quán Âm huyền quân. Sau bà trì chú niệm Phật rồi an lành mà vãng sanh.

## DIỆU BÀ

  
**D**iêu Bà, chưa được rõ tên và nguyên quán. Bà chuyên tu Tịnh độ, quán tướng và niệm Phật không xen hở. Một buổi chiều, đang ngồi hướng về Tây trì niệm, bà bỗng thấy nơi vắng nhạt, đức Phật A Di Đà hiện thân, tướng tốt trang nghiêm đầy đủ. Bà đem việc đó thuật rõ với Tư Tịnh đại sư, xin họa cảnh tượng ấy. Có vị tăng là Pháp Di, làm bài kệ tán như sau, để dưới bức tượng:

*Thế giới Cực Lạc có phuơng sở.  
 Ở chổ mặt trời lặn mỗi ngày.  
 Vì thế Phật dạy Vi Đề Hy.  
 Quán vắng nhạt lặn như huyền cỗ.  
 Lành thay Diệu thímột lão bà!  
 Dùng được tâm này cầu Tịnh độ  
 Sáng tướng tối tướng qua nhiều năm  
 Di niệm ngồi niệm quên lao khổ.  
 Di Đà lặn từ tâm tịnh sanh.  
 Hốt nhiên trước mặt kim dung lộ.  
 Bấy giờ hư không chẳng chút mây.  
 Ngọn dâu bóng xé ngự ngàn cây.  
 Rực rỡ Phật huy nhở ánh nhứt.  
 Ngọc hảo, mắt biếc tướng màu đầy.  
 Mừng vui kinh lạ lặn thương bi!  
 Bà liền đến chùa bạch đại sư.  
 Thuật rành chổ thấy diêm hy hữu.  
 Xin vẽ kim dung cảnh tượng này.  
 Tôi khen việc lạ, khi nghe rõ.  
 Khai thị người mê dùng kệ tôi.*

*Đức Phật, Tây phuơng vốn chẳng xa.  
 Xiển đè đâu hiểu sự lý đó.<sup>(15)</sup>*

*Mười muôn ức cõi tuy cách nhau.  
 Một niệm vượt qua nguyên chặng khó.  
 Nếu muôn tim đường hỏi lỗi Tây.  
 Tây phuơng thẳng lỗi từ tâm nọ.*



## VƯƠNG THỊ

  
 Vương Thị, người đời Tống, quê ở Minh Châu, mỗi ngày thường trì tụng kinh Kim Cang. Cô mang thai đã hai mươi tám tháng mà chưa sanh, thân hình càng lúc càng gầy. Ngày nọ, ngẫu nhiên đứng tựa cửa, một bậc di tăng đi ngang qua chăm chú nhìn, rồi bảo: "Người có căn lành, sao chẳng ăn thi kinh Kim Cang một ngàn quyển?" Vương thị ý theo lời, lại trai tăng ngàn vị và tụng ngàn quyển kinh Kim Cang. Việc hoàn tất, canh ba đêm hôm ấy, cô mộng thấy vị thần cầm Kim cang bảo xúi chi vào bụng. Khi thức dậy đã sanh hai đứa con trai no i giường.

Từ đó Vương thị trì trai tụng kinh không thôi nghỉ. Đến năm sáu mươi mốt tuổi, cô bị bệnh chợt tắt hơi, thấy hai sứ giả dẫn xuống ra mắt Minh Vương. Sau khi trình bày mình đã tụng kinh Kim Cang từ lúc tuổi trẻ, cô được Minh Vương cho ngồi nơi giường bằng vàng bên mé điện, và bảo

<sup>(15)</sup> *Xiển đè: Người không có lòng tin.*

thử tung qua một biến kinh. Vương thị vâng lời tung xong, vua hỏi: "Sao chẳng niệm chú bồ khuyết?" Cô đáp: "Trên dương thế không thấy bản chân ngôn ấy?" Minh Vương sai phán lại soạn trong đại tang, lấy bản chú ra trao cho Vương thị và bảo: "Khi trở lại dương gian, nên lưu thông bản chú này đừng sơ sót. Về sau người mẫn phàn, sẽ được sanh thăng sang thế giới Cực Lạc, không còn trở lại đây nữa!"

Sau khi hoàn sanh, Vương thị làm y theo lời chỉ dạy. Đến năm chín mươi mốt tuổi, không bệnh mà tọa hóa. Chân ngôn bồ khuyết ấy như sau: "Um! Hô rô hô rô xá duệ mục khé sóa ha".



## VỢ TƯỞNG THẬP BÁT

 Vợ Tưởng Thập Bát, người đời Tống, quê ở Hải Diêm. Đến tuổi trung niên, cô khuyên chồng cùng mình dứt trừ ái dục, hợp chí tu hành. Mỗi ngày vợ chồng đều tung kinh đại thừa và niệm Phật. Hai người hành trì như thể trải hơn bốn mươi năm.

Một hôm, cả hai tắm gội thay y phục, rồi đốt hương lễ sám niệm Phật. Kế đó, đều lưu lại một bài tụng mà vãng sanh. Tưởng Thập Bát viết bài tụng rằng:

*Chất thân hư huyền này.  
Bốn đại hợp thành đây!  
Sẽ tan về gốc cũ  
Rồi tiếp tục vẫn xây.  
Các huyền khi đã diệt*

*Tro bay, khói cũng tuyệt  
Như khoảng không cơn gió  
Tơ trời xanh bóng nguyệt.  
Đã chẳng chi ngăn cách  
Lại một màu sáng sạch  
Tất cả đều dứt trừ  
Không nghĩ bàn biện bạch!  
Năm qua hơn bốn chục  
Xa lìa các thị dục  
Chỉ xiển dương đại thừa  
Sớm chiều niệm tụng đọc  
Ngày nay buông xả trở về Tây  
Tự có duyên lành quả cù túc!*

Bài tụng của vợ Tưởng Thập Bát như sau:

*Tụng quá Liên kinh muôn bốn thiên  
Bình sanh hương hỏa có nhân duyên  
Tây phương là chỗ ta về đến  
Trăng gió đồng nương Bát nhã thuyền!*



## CHÚC THỊ

 Chúc Thị, người đời Minh, quê ở Công An, nguyên là vợ của Cửng Trọng Thuần. Cô có mấy người cháu là anh em Viên Hoàng Đạo thường luận bàn về Phật lý, nên được nghe hiểu, tin nhận và hành trì theo pháp môn Tịnh độ. Ngoài việc niệm Phật, cô còn kiêm tụng kinh Kim Cang.

Một hôm, Chúc thị bảo các con rằng: "Phật dạy ba ngày nữa sẽ đến rước mẹ!" Đến kỳ hạn, cô tắm gội, mặc lê phục ngồi trước bàn Phật. Người trong thân quyến đều đứng sấp hàng hai bên. Giây phút, cô tự nói: "Đức Phật đã đến, phóng ánh sáng noi bạch hào xa vài trượng". Lại nói: "Tôi thấy một vị tăng tướng tốt trang nghiêm, tự xưng là Tu Bồ Đề. Trong khoảnh khắc ngài phân thân ra hơn một trăm vị khác". Một thân quyến ở gần bên bảo: "Kinh Kim Cang điệp lại một trăm ba mươi tám lần Tu Bồ Đề, có phải là sự cơ cảm đấy chăng?" Đoạn các quyến thuộc đều đốt hương cầm nơi tay, xưng danh hiệu Phật. Chúc thị mím cười mà qua đời.

Lúc ấy trong nhà có một tỳ tử mới chín tuổi, đang nằm nòi đất bỗng tự kêu to lên rồi đứng dậy. Gạn hỏi, nó thưa: "Con thấy mấy vị thần mặc giáp vàng rất cao lớn, cầm tràng phan đưa bà đi. Cán phướn đụng trúng mặt, con đau quá nên bắt giác kêu lên thất thanh". Người nhà kiểm lại, thấy dấu bầm còn hiện rõ nơi mặt. Đến lúc tản liệm xong, khách tới thăm viếng đều nghe từ quan tài mùi hương lạ tỏa ra bát ngát.



## LƯ THỊ

**L**ư Thị, tên Phước Trí, vợ của Trình Quý Thanh, trước tiên ở Huy Châu, sau cả nhà thiêng cư về Hồ Châu.

Quý Thanh thờ Phật rất kính thành, gắng sức tu

phước nghiệp. Lư thị cũng đem hết tài sản phụ giúp vào việc ấy. Cô ăn chay trường, mỗi ngày niệm Phật ba muôn câu, kiêm ước phần mình, rộng giúp kẻ dưới, chưa từng mắng người. Niên hiệu Sùng Trinh thứ năm đời Minh, cô đau nặng, thịnh bậc Pháp sư cao đức đến thọ năm giới. Sau khi được nghe lời pháp yếu về Tịnh độ, cô bèn quyết ý vãng sanh. Quý Thanh vì vợ tụng kinh Hoa Nghiêm, đến đoạn Thiện Tài tham phỏng năm mươi ba bậc thiện tri thức, mỗi mỗi đều giải thích rành rẽ. Lư thị lãnh ngộ được tất cả. Quý Thanh lại sách tấn về việc vãng sanh, bảo rằng: "Trăm kiếp ngàn đời, quan trọng ở giờ phút lâm chung này. Cô phải gắng sức thẳng về Tây phương, chờ nên do dự!" Lư thị nghe xong, phát tâm mạnh mẽ như quên cả đau bệnh, cao tiếng niệm Phật liên tiếp cả đêm ngày, như thế suốt cả nửa tháng. Bà mẹ và con gái đến thăm hỏi, cô đều từ tạ bão đi nơi khác, xin đừng làm rối loạn tâm mình.

Ngày mùng tám tháng mười một năm ấy, Lư thị bỗng thấy hoa sen hiện ở trước mặt, Hóa Phật duỗi tay xuống tiếp dẫn. Nỗi vui mừng tràn ngập cả thân tâm, cô bảo người nhà mau nấu nước thơm đem đến cho mình tắm gội và thay y phục mới sạch. Xong mọi việc, cô nằm nghiêng bên mặt, chấp tay hướng về Tây, liên tiếp xưng danh hiệu Phật mà qua đời. Lúc ấy vừa đúng giờ ngọ. Đến chiều, người nhà thử rờ nơi đanh, còn cảm thấy nóng ran cà bàn tay. Cô hướng dương được ba mươi chín tuổi. Ngẫu Ích đại sư vì cô viết truyện ký, có phụ thêm lời khen ngợi rằng:

*Thương chúng sanh ba cõi  
Ái dục sâu thành căn!  
Gốc ái nếu chẳng nhỏ  
Làm sao được vãng sanh?*

*Cõi hoa sen sáng sạch  
Lìa hẳn các trần tình.  
Duyên ái này dứt được  
Chất ngọc kia mới thành  
Mạnh mẽ thay Phước Trí  
Bậc nữ lưu hùng anh!  
Suốt ngày đêm nửa tháng  
Công tịnh niệm ân cần  
Mẹ con, niềm ái luyến  
Như khô mộc, hàn băng  
Hoa hiện, Phật tiếp dẫn  
Mắt nhìn thấy rõ ràng  
An lành nằm xã báo  
Vĩnh viễn từ khổ luân.  
Nay ta xin tùy hỉ  
Nguyện cùng các đồng nhơn  
Dứt trừ lười ân ái  
Chứng nhập Diệu huyền môn!*



## PHÍ THỊ

**P**hí Thị, vợ của Trần Xuân Giao, nhà ở trấn Song Lâm tại Hồ Châu. Bà góa chồng sớm, làm nghề dệt vải để sanh sống. Cảm xúc về thân thế mình, bà phát tâm ăn chay trường tu niệm, nhà có thờ tượng về Tam Thế Phật và tượng cốt Quán Âm bằng gỗ chiến đàm. Mỗi ngày bà tụng một quyển kinh Kim Cang,

niêm Phật ngàn câu, cứ giữ mục thường như thế không hề thiêu sót.

Niên hiệu Sùng Trinh thứ mười một, binh dịch hoành hành khắp vùng ấy. Chàng rể là Trương Thế Mậu, ruột bà tân cư về ở nhà mình. Phí thị đem theo cốt tượng Quán Âm, thờ riêng ở một gian lầu nhỏ để chiêm bái trì tụng. Mỗi ngày trong thời khóa lễ, bà đều khấn nguyện cho khói hương bay đến chỗ thờ tượng Tam Thế Phật ở ngôi nhà cũ. Như thế trải qua ba năm, một hôm giữa hư không bỗng có khói hương nhiễu quanh gian lầu nhỏ vài ngày. Kế tiếp nơi bức tường quét vôi trên chỗ thờ tượng Quán Âm, nổi hiện lên tượng Tam Thế Phật rất trang nghiêm tinh diệu, hình nét màu sắc đều rõ ràng. Kè gần xa nghe chuyện ấy, đến chiêm lê mỗi ngày một đông. Có người thử dùng khăn sạch lau mạnh chà xát, màu nét càng hiện lên sáng rõ.

Đến năm thứ tư, một hôm Phí thị bảo chàng rể rằng: "Mẹ muôn trở về thăm ngôi nhà cũ, để viếng tượng Tam Thế Phật". Vừa về đến nơi xưa, bà liền quét dọn rửa lau sạch sẽ, rồi đốt hương lễ Phật tụng kinh. Đến sáng sớm ngày thứ ba, Phí thị tắm gội thay y phục, ngồi ngay thẳng niệm Phật. Đến giờ ngọ, bà bỗng to tiếng bảo: "Đức Phật A Di Đà đã quang lâm tiếp dẫn. Mọi người ở lại cố gắng tu hành. Tôi đi đây!" Nói xong, liền nhắm mắt mà vãng sanh, hưởng thọ bảy mươi ba tuổi.



## TÙ THÁI NGHI NHƠN

**T**ù Thái nghi nhơn là mẹ của Từ Hạo Hiên ở Tiền Đường. Bình sanh bà chuyên tu Tịnh độ, thờ cúng rất nghiêm cẩn. Ở chùa có cho thỉnh bức họa đồ Tây phương công cứ, chính giữa in hình tượng Phật, xung quanh gồm vài ngàn vòng tròn, niêm đủ ngàn câu ghi một điểm son vào giữa vòng ấy. Thái nghi nhơn niệm Phật theo bức Tây phương công cứ đó, mỗi khi ghi số đầy đủ xong một họa đồ, liền đem cất vào túi vải vàng. Bà niệm hết bức này sang bức khác như thế được mấy năm.

Niên hiệu Khang Hy thứ 34 đời Thanh, Thái nghi nhơn mãn phần. Khi tẫn liệm xong, người nhà đem túi vải vàng đốt ở trong bồn. Bỗng một tiếng nổ nhẹ nồi lên, nơi bồn chiếu ra ánh sáng năm sắc. Mọi người lại gần xem, thấy túi vải biến thành màu nâu, trên đó hiện lên nét lâu các câu lọn khắp xung quanh. Chính giữa nồi lộ rõ vài mươi đóa hoa sen, mỗi đóa hoa có một đức Phật chấp tay ngồi kiết già. Trên hoa lại hiện hình các thiên nữ đang cung kính vi nhiễu. Mỗi nét của bức họa rất tinh vi, màu trắng như sắc phấn. Ai trông thấy cũng đều kinh ngạc khen ngợi. Rạng ngày khẽ vách tro ra, thấy hình tượng hiện nở lung túi vải cũng giống như bè mặt không khác. Duy phía sau mỗi đức Phật lại có một lão bà cầm phát Trần đứng hầu.

Cư sĩ Từ Hạo Hiên viết truyện ký về thân mẫu, có ghi rõ việc này.



## TÔN THỊ

**T**ôn Thị có chồng họ Dư, sương cù sớm, quê ở Từ Châu, và nguyên là mẹ của Chiêu Minh Hòa thượng. Khi Hòa thượng chủ trì chùa Cao Môn ở Dương Châu, nước thân mẫu về phụng dưỡng nơi một gian tĩnh thất bên chùa.

Tôn thị lúc mới đến ở, rất đỗi nhớ nhà. Mỗi khi cùng Hòa thượng tiếp chuyện, bà thường đề cập đến chuyện quê hương gia sự. Hòa thượng vì mẹ nói về các pháp: Khô, Không, Vô thường, Vô ngã, khuyên bà nên xả bỏ tất cả, nhứt tâm niệm Phật để cầu sanh về Cực Lạc. Nhưng nói mãi Tôn thị vẫn chẳng tỉnh ngộ. Hòa thượng liền ản bóng, chuyển lời bảo: "Nếu muốn được gặp mặt, phải ráng niệm Phật!" Bà mới gọi mãi cũng chẳng đến. Cuối cùng không biết làm sao, bà phải gắng gượng trì danh hiệu Phật, nhưng bước đầu còn khó khăn, chưa thể liên tục. Được ba năm, công tịnh niệm càng thuần, bà phát lòng tin sâu, xin thọ giới Bồ Tát, rồi sớm hôm lễ niêm rất tinh cẩn. Lúc ấy Hòa thượng mới đến thăm và hỏi: "Mẹ còn nhớ nhà chăng?" Bà đáp: "Niệm Phật rất tốt, tôi không còn nhớ nhà nữa!"

Một hôm Tôn thi ngồi trước sân, đối diện với tháp chùa mà niệm Phật. Bỗng nhiên tâm nhän mở sáng, bà thấy thế giới Kim Sắc hiện ra, quang cảnh trang nghiêm chói rực rỡ không ngần me. Lúc ấy tường vách núi rùng rutherford như tan rã tiêu trầm. Bà cả mừng, đứng lên sân bước muôn đi tới, đột nhiên tất cả đều ản mắt. Từ đó sáu căn của bà lặng lẽ, khi động tịnh ăn ở câu Phật hiệu thường hiện khởi, không sanh ra vọng niệm khác. Trải qua khoảng thời gian lâu như thế, đêm nọ Tôn thi mộng thấy đi đến một nhà, có người

đàn bà đang nằm chổ sấp sanh. Bà kinh hãi tự nghĩ: "Mình chí nguyện cầu về Tây phương, tại sao lại đến chổ này? Vả lại sự luân hồi, hết ra bào thai này, lại vào bào thai khác, thật rất đáng sợ!" Nghĩ xong, vội chạy trở ra, bỗng giựt mình thức giấc. Sáng ngày, bà đem việc ấy thuật lại với Chiêu Minh Hòa thượng và nói: "Duyên đời của tôi đã mãn. Xin tập họp chu tảng trợ niệm để đưa tôi về Tây phương!" Hòa thượng y như lời. Bà ngồi day mặt về Tây, chấp tay niệm Phật theo chu tảng mà vãng sanh.

Lúc bấy giờ nhầm niên hiệu Càn Long thứ hai mươi bảy.



## ĐƯƠNG THỊ

**D**ương Thị, người đời Thanh, nhà ở trên gò Đá Vôi phía cửa bắc thành Hàng Châu. Hon năm mươi tuổi bà đau bệnh phong, nằm rên la suốt đêm ngày.

Một hôm có vị tăng là Lữ Đình từ kinh sư trở về núi Thiên Mục, đi ngang qua nhà. Con trai của bà mời vào nấu đồ chay cúng dường, nhân tiện thỉnh bước sang phòng bên thăm mẹ mình. Dương thị chau mày kêu rên rồi hỏi: "Tôi đau nhiều lắm, sư có phương thuốc nào làm cho lành mạnh chẳng?" Lữ Đình đáp: "Có, nhưng sợ e bà không chịu uống!" Bà nói: "Nếu quả thật có phương thuốc hay, tại sao tôi lại không chịu uống?" Sư bảo: "Bịnh từ nơi thân mà sanh, thân này lại do bồn đại giả hợp, nhân nơi nghiệp mà

có. Nếu bà có thể xả bỏ thân, bình sẽ tự dứt trừ". Bà hỏi: "Trừ ra khi chết, chớ làm sao mà bỏ thân được?" Sư dạy: "Cách bỏ thân là bà phải xả tất cả, đừng nghĩ đến thân đau hay mạnh, chỉ một lòng hướng về Tây phương chuyên niệm A Di Đà Phật. Đức A Di Đà là bậc đại y vương, có thể trừ tất cả bệnh của chúng sanh. Bà nên đem hết lòng thành khẩn mà niệm Phật, đức Phật A Di Đà sẽ đến cứu độ!" Dương thị hỏi: "Đức Phật quả thật sẽ đến đây chẳng?" Sư nói: "Chắc chắn sẽ đến, chỉ e bà niệm không tha thiết mà thôi!"

Sau đó, sư từ giã ra đi. Dương thị chí thành hướng về phương Tây chuyên trì danh hiệu Phật, mỗi ngày càng thêm khẩn thiết. Độ năm tháng qua, bà gọi con bảo: "Đức Phật A Di Đà đã đến. Bốn hôm sau, mẹ sẽ về Tây phương Cực Lạc Thế giới. Con hãy đi thỉnh sư Lữ Đình, để mẹ từ biệt và cảm ân giáo hóa!" Bấy giờ sư đang ở núi Thiên Mục không đến được. Tới kỳ hạn, người con thỉnh mười vị tăng khác đến nhà tụng kinh niệm Phật hộ trợ. Dương thị tắm gội thay y phục, ngồi chấp tay hướng về Tây mà vãng sanh.



## DƯ THỊ

**D**ư thị, pháp danh Chân Tu, là vợ của cư sĩ Châu Vĩnh Phù ở đất Ngô. Năm ba mươi hai tuổi cô góa chồng, đến năm ba mươi sáu tuổi phát tâm trường trai thờ Phật.

Lúc hơi lớn tuổi, Dư thị đem hết việc nhà giao phó cho con trai và dâu, rồi chuyên tu Tịnh độ. Đến tuổi bảy mươi,

vào lúc cuối hạ sang thu, đêm nọ bà nằm mơ thấy mình đi dạo tới một bờ hồ to rộng mênh mang. Trong hồ có chiếc thuyền chở mười mấy người gồm chư ni và các nữ Phật tử. Trong số ấy có một vị đưa tay vòi thỉnh nói: "Mau đi theo về Tây phương!" Dư thị tự nghĩ: "Lúc bây giờ chưa thuận tiện, đợi đến cuối năm sẽ đi". Vị đó liền nói: "Thôi, hãy đợi chuyến sau!" Đến ngày mùng sáu tháng chín, bà lại mộng thấy Phật A Di Đà hiện thân tiếp dẫn. Thức giấc, Dư thị tự biết đã tới thời kỳ vãng sanh, sáng ra cho người thỉnh thầy quy y là Pháp sư Văn Kỷ đến để từ biệt. Bà có xin một cành sen nơi chùa, nhưng lúc ấy hoa đã tàn, nên Pháp sư chỉ đem cọng lá sen đến trao cho. Dư thị vui mừng tiếp lấy, niệm Phật càng chí thiết. Khi đó mọi người đều nghe mùi hương lạ bay, thơm cả trong ngoài. Tới sáng sớm ngày mười một, bà bảo người nhà nấu nước cho mình tắm gội, thay y phục mới sạch. Xong đâu đây, bà ngồi ngay thẳng niệm Phật độ một lúc, rồi nằm nghiêng bên mặt mà qua đời.

Việc này ở vào niên hiệu Càn Long thứ ba mươi sáu.

### LỜI BÌNH:

- Cõi Tịnh Độ ở mười phương, chỉ thuần là hóa sanh, không có người nữ. Khi xưa, Vi Đề Hy phu nhơn vì con ác nghịch, phát tâm chán lìa cõi Ta Bà, được Phật thuyết pháp và thọ ký cho vãng sanh về miềng Cực Lạc. Trong kinh Pháp Hoa, đức Phật cũng huyền ký cho người thọ trì kinh này sẽ được sự lợi ích vãng sanh. Thế nên biết hàng phụ nữ ở Ta Bà có nhân duyên lớn với cõi Tây phương Cực Lạc. Từ khi Liên tông thanh hành, những bậc hiền lưu trong khuê các phần đông đều phát lòng tin, chuyên chí niệm Phật, và được

sự lợi ích giải thoát trong một đời. Những vị mang hình dáng trượng phu, xem gương ấy há không hổ thẹn ư?



### CHIM ANH VŨ

**D**ời Đường, nhà họ Bùi ở Hà Đông có nuôi một con Anh vũ. Vì trong kinh A Di Đà có nói đến loại chim này, nên Bùi thị thường dạy nó niệm Phật và phép tu Lục trai. Đến ngày trai kỷ, nếu quá ngọ có ai đem thức ăn đến, suốt buổi chim không ngó tới. Có kẻ bảo nó khi niệm Phật, phải từ nơi "có niệm" đến chỗ "không niệm", thì chim ngược đầu dương cánh dường như nhận thức.

Đến sau thấy nó thường im lặng, có kẻ nói đùa: Anh vũ không còn niệm Phật nữa, chim liền phát thanh xuống: Nam mô A Di Đà Phật. Khi mùa hè gió mát, lúc đêm vắng trăng trong, Anh vũ thường cất giọng cao thấp hòa nhã, thanh thao như cung đàn tiếng sáo, niệm Phật liên tục không dứt. Mọi người nghe thấy đều khen ngợi và phát tâm cảm ngộ.

Tháng bảy, niên hiệu Trinh Nguon, thứ mười chín, chim có vẻ tiêu tụy ủ rũ. Bùi thị đã nuôi dưỡng quen, biết nó sắp chết, liền cầm khánh ra và bảo rằng: "phải chăng con sắp muôn về Tây phương? Vậy con hãy giữ chánh niệm, nương theo tiếng khánh mà niệm Phật!" Nói xong, liền đánh khánh niệm Nam mô A Di Đà Phật, Anh vũ cũng niệm theo. Được một lát, chim xếp cánh đứng yên, an lành

mà vãng sanh. Sau khi thiêu hóa xác nó, Bùi thị bối tro kiêm lại, được hơn mươi hột Xá lợi. Quan Tiết đại sứ Vi Cao có viết truyện ký về chim Anh võ này.

\* Đời nhà Minh, một thô dân ở Lãnh Nam cũng có nuôi con chim Anh võ trắng, thường dạy nó tụng đọc. Mỗi buổi sáng sớm, chim đều tụng Bạch y thần chú, rồi kể tiếp niệm Thánh hiệu Quán Thế Âm. Nó cũng đọc thuộc bài Quy Khứ Lai Từ, phú Xích Bích, và nhiều thi hay của Lý Bạch. Nếu thời khóa sớm mai chưa xong, dù có ai đem thi văn ra dạy bảo, chim cứ tiếp tục trì niệm không nghe theo. Sau Anh võ cũng niệm Quán Âm rồi thoát hóa.



## CHIM CÙ CÁP

**T**rong niên hiệu Nguyên Hựu đời Tống, một người ở quận Trường Sa có nuôi con chim Cù cáp (*một loại giống như chim Cu, Bồ câu*), và đặt tên nó là Bát Bát Nhi. Một hôm ngẫu nhiên nghe vị tăng niệm Phật, chim liền ứng thanh niệm theo. Nhà chủ liền đem nó tặng cho tăng sĩ ấy. Về chùa, chim niệm Phật từ sáng đến tối không dứt. Lâu ngày, Cù cáp chết, vị tăng đem xác nó chôn sau chùa. Vài hôm, nơi chôn chôn có một cành hoa sen mọc lên. Bởi đất tím, thấy cọng sen phát xuất từ nòi mò chim. Một văn nhon làm bài thi khen ngợi việc ấy rằng:

*Có một linh cầm Bát Bát Nhi  
Biết theo tăng dạy, niệm A Di*

*Chết chôn nòi đất sen lành mọc*

*Nghe chuyện người đời cung nghĩ suy ...!*

\* Một vị tăng nơi chùa chánh Đẳng tại Hoàng Nham ở núi Thiên Thai, cũng có nuôi một con Cù cáp. Mỗi ngày vào thời khóa tụng, chim đều tùy theo chư tăng niệm Phật. Một hôm nó đứng chết trong lòng, vị tăng đem xác ra đào đất mà chôn. Vài ngày sau, từ nòi mò chim mọc lên một cành hoa sen màu tím vượt cao khỏi mặt đất. Đại Trí Luật sư làm bài kệ khen ngợi chuyện đó, trong ấy có hai câu:

*Lòng son đứng hóa âu thường sự  
Sen tím mọc lên mới diệu kỳ!*



## GÀ BIẾT NIỆM PHẬT

**T**rong niên hiệu Sùng Trinh đời nhà Minh, có quan Tu Lý ở Phước Châu là Ngô Tuyết Nhai thờ Phật rất thành kính. Chư tăng nơi chùa Khai Nguron trong vùng ấy, phần nhiều ăn thịt, không giữ giới hạnh. Ông liền tới chùa quở trách và dựng bia đá ngăn cấm.

Một hôm Tuyết Nhai đến chùa du ngoạn, bất ngờ gặp một con gà đang cất tiếng niệm Phật. Ông bảo kẻ tùy tùng ví bắt được, rồi đem vào chùa gạn hỏi chư tăng rằng: “Các sư bảo trong chùa từ lâu không nuôi sanh vật, tại sao lại có con gà này? Nay tôi thấy gà là loại súc sanh mà còn biết niệm Phật, xét lại các sư mang hình thức xuất gia song phá giới, thì còn thua nó rất nhiều!” Chư tăng ở đó nghe qua hổ

thẹn, từ đó lập thệ quyết giữ gìn trai giới. Tuyết Nhai đem con gà về nuôi trong dinh thự, nó thường niệm Phật không dứt.

Sau ông được thuyên chuyền làm quan ở Đơn Dương, thấy am Hải Hội ở gần đó là nơi tiếp chúng đồng đảo, mới đưa con gà đến am, để cho người tối lui nghe phát lòng tín hướng. Sau khi về am một thời gian, ngày nọ gà đứng niệm Phật mà thoát hóa. Hàng thiện tín cảm ngộ, chung nhau xây tháp cúng đường để lưu niệm.

\* Lại một chuyện: Sư Giác Viên ở Trung Châu phát tâm muốn trai tăng nơi chùa Đông Lâm ở Lô Sơn, liền gửi tờ Phồ khuyến mộ các nơi, và nhập thất ba năm để cầu nguyện. Vì tăng hộ thất đi khất thực nơi nhà họ Hoa, thì có con gà ở nhà ấy theo ông mãi. Về nửa đường, vị tăng sợ mang tiếng, bắt con gà đem giao trả nhà họ Hoa, bảo đóng cửa nhốt nó lại. Nhưng gà vẫn vượt lên xà nhà tìm chỗ chui ra, bay theo vị tăng về đến tịnh thất. Sư Giác Viên an thất ba năm, gà cũng quanh quẩn đứng ngoài thất ba năm để nghe niệm Phật. Sau sú ra thất, đem nó đến chùa Đông Lâm để cho quy y tho giới. Khi đại chúng lén chánh điện niệm Phật, gà cũng đi theo. Đến cuối năm, việc trai tăng xong xuôi, gà liền đứng mà thoát hóa. Chư tăng chú nguyện và đem chôn bên chùa.

\* Lại chuyện chép: ở Giang Tây có con rắn biết nghe kinh. Nơi Lô Châu có con mèo ngồi thoát hóa. Tại Hiệp Trung có con khỉ nghe kinh rồi ngồi thoát tục. Ở Sào huyện có chim sẻ đứng hóa. Và quan Đại tham Hoàng Đình Thúy đem con heo vào chùa phóng sanh sau nó cũng ngồi thoát hóa. Các chuyện linh dị như thế không thể thuật hết được.

### LỜI BÌNH:

- Cố đúc nói: "Súc sanh nguyên cũng là người. Xưa nay người, súc luân hồi đổi thay!" (*Súc sanh bản thị nhon lai tố. Nhon súc luân hồi cổ đáo kim*). Tất cả chúng sanh đều có tánh Phật. Các súc thú trong đời trước, khi còn làm người, có nhiều loại đã gieo hột giống Phật. Nhưng vì ác nghiệp quá nặng, chúng mới bị lôi cuốn trong nẻo luân hồi. Thế nên trong ba ác đạo từ Địa ngục, Ngạ qui đến Bàng sanh, nếu có chúng sanh nào nhớ lại tiền căn, hướng về Phật pháp, niệm hồng danh đức A Di Đà, đều được sanh về Cực Lạc. Kinh nói: Thủ chịu khổ Địa ngục, được nghe hồng danh Phật. Chẳng muốn hưởng phước trời, mà không nghe Phật hiệu!" Kinh cũng bảo: "Tu hành dõng mãnh một ngày ở cõi Ta Bà, công đức thắng hơn tu ở Tịnh độ một trăm năm". Các súc sanh như trên, một niệm hướng về Phật còn được giải thoát, huống nữa loài người ư?"



## KHUYÊN TU

(Điệu Giang Nam Vọng)

### I

Tà Bà khố!

Thân thế tơ bèo trôi.

Súng ốc đuối đeo danh rồng hổ.

Lông ruồi giàn giụt lợi suông thôi.

Một niệm sớm tâm hồi.

### II

Nhơn ngã thanh!

Sớm tối kết vô minh.

Địa ngục từng đoàn vào thọ khố

Tây phương không kẻ chịu tu hành.

Luống chét luống hoàn sanh!

### III

Tà Bà khố!

Năm tháng nước xuôi dòng.

Vinh nhục bị hoan bao thuở dứt

Thị phi nhơn ngã lúc nào xong?

Sóng chét néo mơ mộng?

### IV

Trong ba cõi

Mặt nước điểm phù dâu.

Tài sắc dù cho lèng tiếng khắp

Gò hoang vùi dập năm xương sâu.

Sao chẳng sớm quay đầu?



# MỘT TRĂM BÀI KỆ NIỆM PHẬT

(Của TRIỆT NGỘ Thiền Sư)

## Hán 32:

Nhứt cú A Di Đà  
Thẳng bắn thị ma.  
Nại hà bất hội  
Phiên nghi tác xà?

## Việt 32:

Một câu A Di Đà  
Đây gốc vốn là gai.  
Tại sao không thể nhận?  
Nghi là rắn làm thay!

## Lược giải:

Duy Thức Luận có đoạn thí dụ: Người nọ đi trong cảnh trời nhá nhem tối, chợt thấy một sợi dây to nấm uốn lượn, tưởng là con rắn, vội nhảy tránh la hoảng lên. Đến chừng nhìn kỹ lại mới biết mình lầm, vì đó chỉ là đoạn dây. Nếu người ấy thể nhận sâu thêm, sẽ thấy dây kia cũng không thật, vì do những tơ gai nhỏ kết hợp thành.

Làm dây là rắn, Duy thức học thí dụ cho tánh Biến kẽ sò chắp thuộc Phi lượng, tức chắp trước mọi sự và lượng định một cách sai lạc. Nhận ra là dây, thí dụ cho tánh Y tha khởi thuộc về Tỷ lượng. Y tha khởi là tánh chất nương nơi cái khác khởi hiện, như sợi dây nương nơi cái khác khởi hiện, như sợi dây nương nơi tơ gai mà có. Tỷ lượng là sự lượng định tương tự của ý thức so sánh, như thấy dây tương tự như rắn. Thể nhận sâu thêm, thấy dây cũng giả, chỉ do tơ gai kết hợp thành, thí dụ cho tánh Viên thành thật thuộc Hiện lượng. Viên thành thật là tánh bao la sáng suốt tròn đầy xác thật. Hiện lượng là tâm lượng của trực giác không phân biệt. Đây mới là tánh lượng xác thật rốt ráo của chân tâm.

Sự ứng dụng về niệm Phật cũng thế. Nếu cho câu hồng danh là một pháp lành, dùng nó để tu cầu phước báu hu huyền của cõi nhơn thiên, đó thuộc về tánh Biến kẽ sò chắp và Phi lượng. Có người dùng câu niệm Phật như một thoại đầu hay phương tiện để dứt trừ vọng tưởng trở lại chân tâm, cũng còn thuộc về tánh Y tha khởi là Tỷ lượng. Như thế nhận niệm Phật tức là Phật, ngay câu hồng danh là phước, là huệ, là thật tướng, là chân tâm và Bồ đề niết bàn, đó mới là tánh Viên thành thật thuộc Hiện lượng. Ứng dụng niệm Phật như thế mới đúng mức. Dùng với hai cách trước còn là khuyết điểm sai lầm. Bài kệ trên, Triệt Ngộ thiền sư muốn nêu cao sự diệu dụng về niệm Phật, để phá lỗi nhận thức sai lạc của một số người đối với pháp môn này.



## Hán 33:

Nhứt cú A Di Đà

Hán văn hán đỗ.

Ánh hiện cảnh lâm

Hướng tuyên thiên cổ.

## Việt 33:

Một câu A Di Đà

Rất ít nghe ít thấy.

Gương hiện bóng rừng cây

Trống trời tiếng vang dậy.

## Lược giải:

Nơi cõi trời Đao Lợi có chiếc thiền cổ do Bồ Tát hóa hiện. Khi chư Thiên mê say theo ngũ dục, trống ầm ầm nỗi lên tiếng ầm ầm để cảnh giác, và nói ra các pháp: Khô, Không, Vô thường, Vô ngã. Thiên chúng nghe xong như chợt tỉnh, liền bỏ các thú vui, cùng nhau tụ họp lại Thiện pháp đường để giảng luận về đạo đức. Niệm Phật cũng có tác dụng giống như thế. Bởi công đức câu hồng danh, do sự nghiệp tâm xưng niệm, hành giả sẽ được tiêu trừ nghiệp chướng,

lần lần đi đến chỗ giác ngộ.

Lại nhu tâm gương tròn sáng vẫn lặng lẽ không phân biệt, mà hiện rõ bóng hoa cỏ, rìng cây với đầy đủ chi tiết. Hành giả niệm Phật đến mức tịnh tĩnh vô phân biệt, thì tâm gương lòng tức Đại viền cảnh trí sẽ lần lần hiện ra sáng suốt lan rộng. Trong ấy cảnh y báo và chánh báo của mười phương đều ánh hiện, đương nhơn có thể nhận biết rõ từng số điểm hạt mưa trong tam thiền thế giới. Như Di Lặc Bồ Tát đã khai thị cho Hu Văn thiền sư: “Gương đại trí trang nghiêm. Hiện cảnh giới sum la. Trời người và phàm thánh. Thiện ác đều an lạc”.

Công đức câu hồng danh rất ít nghe ít thấy như thế, song tiếc thay cũng rất ít người am hiểu suốt thông!



#### Hán 34:

Nhứt cú A Di Đà  
Vô khả thí dụ!  
Cỗ cảnh đương dài  
Thủy ngân đọa địa.

#### Việt 34:

Một câu A Di Đà  
Không thể thí dụ tắt!  
Gương xưa nơi dài cao  
Thủy ngân rơi xuống đất.

#### Lược giải:

Công năng niêm Phật rất mầu nhiệm, không thể nào dùng thí dụ mà nói ra cho hết được! Về thế, thì niêm Phật sẽ phát hiện Đại viền cảnh trí, ánh hiện mọi cảnh giới: như tâm gương xưa để nơi dài cao chiếu rõ và in bóng cảnh vật một cách không phân biệt. Đã vô phân biệt thì làm sao dùng lời nói mà diễn tả thí dụ? Về dụng, câu niêm Phật viên dung không ngại, như hạt thủy ngân rơi xuống mặt đất liền lăn tròn. Sự trì niêm hồng danh có đủ Thiên, Giáo, Luật, Mật,

một ngàn bảy trăm công án, tám muôn tư pháp tang. Nói rộng ra, lục độ vạn hạnh, tất cả hành mòn đều dung thông hàm chứa trong câu niêm Phật.



#### Hán 35:

Nhứt cú A Di Đà  
Lão bà tâm khổ!  
Vận vạn hộc chu  
Phát thiên quân nổ.

#### Việt 35:

Một câu A Di Đà  
Lòng thương xót khổ tâm!  
Đẩy thuyền nặng muôn hộc  
Kéo cung mạnh ngàn cân.

#### Lược giải:

Vì lòng đại từ đại bi, đức Thích Tôn cùng hàng hà sa số chư Phật ở sáu phương, đều hiện tướng lưỡi rộng dài, khen nói công đức không thể nghĩ bàn của môn Niệm Phật, khuyên chúng sanh nên phát nguyện cầu sanh về Cực Lạc. Từ xưa đến nay, chư Tỷ kheo cũng đã dẫn kinh viết luận rất nhiều, để tán dương môn Tịnh độ. Tâm xót thương sâu rộng, lời khéo thiết khuyen răn của chư Phật, Bồ Tát, Tỷ kheo như thế, thật đã hết lòng hết sức. Ví như người đẩy thuyền chờ nặng muôn hộc, giương cung cứng mạnh ngàn cân, sự dùng tâm vận lực đã đến mức cuối cùng vậy.



#### Hán 36:

Nhứt cú A Di Đà  
Minh minh thị hữu  
Tứ biện Bát âm  
Bà tâm khổ khẩu!

#### Việt 36:

Một câu A Di Đà  
Rõ ràng chính là có.  
Dùng Tứ biện Bát âm  
Khổ lời thương giải tỏa!

### Lược giải:

Trong cảnh giới Nhứt chân, chẳng phải rỗng không, cũng chẳng phải thật có các pháp. Cho nên Tâm kinh nói: “*Này Xá Lợi Tử! Huyền sắc chẳng khác chân không, chân không chẳng khác huyền sắc. Huyền sắc chính là chân không, chân không chính là huyền sắc.*” Tóm lại, chân không chẳng phải cái không trống rỗng, mà chính nó ở ngay nơi hiện tượng huyền hửu. Có một số người tu về Không môn, như Thiền tông chẳng hạn, chưa hiểu chân lý này, lầm nhận chân tâm là một tự thể sáng suốt rỗng không. Chư cao đức bên tông môn cũng bác lỗi tu theo nhận thức sai lạc ấy, cho đó là Hu đà thiền. Bởi hiểu biết sai lạc như thế, nên họ rất ngại niệm Phật, cho tu Tịnh độ còn có cái chướng của tướng có, như cát lẩn vào cơm. Hoặc họ cũng nhận niệm Phật là có công đức, nhưng còn thuộc về pháp hữu vi. Vì vậy các vị ấy có người đã mượn câu nói của cô đức để thí dụ: “*Mặt vàng tuy là quý, nhưng rơi vào mắt thì xốn xang thành bệnh!*” Kỳ thật cô nhơn cũng có lời ấy, song nói với một ý khác về bên Thiền khi hành giả hỏi, chó không phải thuộc bên Tịnh. Các vị ấy cũng không hiểu: Pháp vô vi dung thông bao quát, đâu riêng có ngoài pháp hữu vi?

Thuở xưa Ni cô Đạo Càn đến chùa quốc Thanh ở non Thiên Thai để phỏng đạo, có hỏi Bảo Lâm Trân thiền sư: “*Bạch tôn đức! Thế nào là tướng đại nhơn?*” Trân công đáp: “*Đợi khi nào người trừ hết ngũ chướng, đến đây ta sẽ nói cho!*” Ni cô thưa: “*Thế thì Hòa thượng đã bị che làm rồi đây!*” Ngũ chướng là thân tướng người nữ. Ý Đạo Càn muốn nói chân tánh không có tướng nam nữ, nếu y cứ nơi hình tướng để tìm chân tánh là sai lầm. Ngài Bảo Lâm Trân

nghe nói biết chỗ tu của Ni cô còn lạc vào lối chấp thiên không, nên quát bảo: “*Người học ở đâu được cái hư đầu thiền như thế?*” Đạo Càn bị quở, bất giác xuất hận đâm mình, chợt tò ngộ, liền cúi xuống đánh lě. Trân công gạn hỏi lại: “*Thế nào là tướng đại nhơn?*” Ni cô liền đứng chầm hầm dang đôi chân, giăng hai tay ra. Đây là hành động biểu thị tướng đại trượng phu, cũng ngầm nêu rõ tánh chân không ở ngay trong tướng có. Ngài Bảo Lâm Trân thấy thế biết cô đã lãnh ngộ, liền gật đầu ân khà.

Bài kệ trên của Tổ Triết Ngộ, nhấn rõ lý chân không ở ngay nơi hình thức diệu hửu của một câu A Di Đà, nên mới nói: “*Rõ ràng chính là có*”. Từ biến tài như tập trước đã dẫn giải. Còn Bát âm là tám giọng nói của Phật, gồm có: 1. Âm thanh rất trong tốt. 2. Âm thanh cực dịu dàng. 3. Âm thanh hòa nhã thích ý. 4. Âm thanh tôn trọng sáng suốt. 5. Âm thanh không pha lẩn giọng nữ. 6. Âm thanh giác ngộ không mê lầm. 7. Âm thanh rất sâu xa. 8. Âm thanh sang sảng tuôn trào bất tận. Vì thương xót muôn cho chúng sanh giác ngộ, chư Phật đã dùng bốn thứ vô ngại biện tài, tám điệu âm thanh, khổ thiết tò bày dẫn đủ phương tiện chỉ rõ lý chân không ở ngay trong diệu hửu. Và chư Tổ sư trước nay cũng đã thương xót nói đến đắng miệng cạn lời để giải thích lý này.



### Hán 37:

*Nhứt cú A Di Đà*

*Đích đích thị vô.*

*Dung tha vạn tượng*

*Nhập ngã hồng lô.*

### Việt 37:

*Một câu A Di Đà*

*Đích xác chính là không*

*Nếu tiêu muôn vật tượng*

*Tan vào một lò hồng.*

### Lược giải:

Như trên đã nói sáu chữ hồng danh nguyên là diệu hưu, bài kệ này khai thị một câu A Di Đà chính thật chân không. Với mục đích nêu rõ ý này, xin tạm mượn một việc đã qua để giải thích:

Nhớ lại độ nọ, có vị Sư cô tu thiền đến nói với bút giả: "Gần đây một cư sĩ niêm Phật hơn ba mươi năm, sau khi nghe lý thiền, muốn thể nhập vào cảnh chân không, cảm thấy mình bị trói buộc chướng ngại. Sở dĩ như thế, do vì niệm Phật đã lâu năm, dù muốn xả bỏ tất cả, câu niệm Phật trong tàng thức vẫn cứ hiện ra tiếp tục mãi, không làm sao dứt thoát được!" Biết cô muốn bác rǎng: Niệm Phật còn sự chướng ngại về sắc tướng, bút giả đáp:

Lý tánh chân không vẫn ở ngay nơi các pháp có, nên Bát Nhã tâm kinh đã nói: "Thị chư pháp không tướng". Nếu vị cư sĩ ấy muốn thể nhập vào chân không, mà còn e sợ câu niệm Phật làm chướng ngại, thì cái không đó là ngoan không của ngoại đạo, chớ chẳng phải chân không. Tôi xin dẫn ra đây một ít bằng chứng:

1. Thuở xưa, đức Thế Tôn chỉ dạy nhiều vị Sa Môn thật hành môn Bát tịnh quán để dứt trừ nhiễm dục. Và đã có vô số chư Tỳ kheo tu theo pháp này nên được chứng quả A La Hán. Bát tịnh vốn tướng nhơ ác mà Phật còn bảo quán tướng, huống chi câu hồng danh là tướng của công đức lành? Lại nếu như sắc tướng gây chướng ngại cho việc chứng lý chân không, thì làm sao các vị Sa môn kia đắc quả A la hán?
2. Từ trước đến nay, năm chi phái về Thiền tông như: Lâm Tế, Quy Nguồng, Tào Động, Vân Môn, Pháp

Nhẫn, đều dùng câu thoại đầu làm công phu hạ thủ. Chẳng hạn như các thiền già tham cíu câu: "Muôn pháp về một, một về chỗ nào?" (*Vạn pháp qui nhất, nhất qui hà xú?*) Hoặc có vị chỉ tham đơn độc một chữ Vô hay tham tướng chữ A theo Phạn ngữ. Sự tham cíu như thế đều nương noi tướng có, nào khác chỉ hành trì câu niêm Phật? Nếu tham thoại đầu chẳng thể nhập được vào chân không, thì làm sao các thiền sư xưa nay đắc ngộ cho đến chứng quả? Và nếu niêm Phật chẳng có công hiệu tương tự, thì tại sao nhiều bậc tôn đức như Nhút Nguyên thiền sư, Minh Bản đại sư chỉ trì niêm một câu hồng danh mà được đại ngộ, đi sâu vào tam muội?

3. Nếu cho rằng hình tướng của văn tự ngôn âm gây chướng ngại đến lý tánh chân không, thì tại sao các bậc Tôn đức khi xưa, sau khi đại ngộ rồi, trở lại niêm Phật, trì chú, tụng kinh, cho đến phiên duyệt Tam tạng kinh điển? Trong số ấy, chẳng hạn như ngài Vĩnh Minh và Thủ Sơn Niệm thiền sư trọn đời trì tụng kinh Pháp Hoa. Phổ Am tổ sư trì tụng kinh Hoa Nghiêm, Khuê Phong Định Huệ thiền sư trì tụng kinh Viên Giác, Kim Hoa Câu Chi thiền sư trì tụng chú Chuẩn Đề. Minh Giáo Tung thiền sư, chuyên niêm danh hiệu đức Quán Thế Âm. Cho đến như Phản Châu Vô Nghiệp thiền sư sau khi đại ngộ, ba lần duyệt xem qua Đại tạng kinh điển?

Cho nên vị cư sĩ đó nếu muốn thể nhập vào chân không, hãy bỏ sự nhận thức sai lầm ấy đi, đừng nghĩ rằng niêm Phật là chướng ngại mà tự thành chướng ngại. Vì đó cần chuyên nhứt niêm Phật hơn nữa, lâu ngày sẽ thấy tự thể câu

hồng danh chính là chân không. Niệm như thế, chẳng những câu hồng danh là không, mà cho đến muôn vật tượng ở thế gian cũng do nhờ niệm Phật, được tan biến dung hòa vào lò chân không to rộng bao la khắp mười phương nữa!



### Hán 38:

Nhứt cú Di Đà  
Diệc vô diệc hữu.  
Mộng lý sơn xuyên  
Cảnh trung hoa liêu.

### Việt 38:

Một câu A Di Đà  
Cũng không cũng có tướng  
Non sông nơi giác mộng  
Hoa liêu ở trong gương.

#### Lược giải:

Bài kệ trên nêu rõ ý: Câu niệm Phật nói không cũng được, nói có cũng được. Ví như bóng cảnh hoa cội liễu lô trong gương sáng, cảnh non cao sông rộng hiện giữa giấc mơ. Trường hợp ấy, nói không cũng được vì đó chỉ là hình bóng, là cảnh mơ; nói có cũng được, bởi nó vẫn có ảnh tượng của cảnh vật vậy.



### Hán 39:

Nhứt cú Di Đà  
Phi hữu phi vô.  
Nại trước tiện chuyển  
Thủy thương hồ lô.

### Việt 39:

Một câu A Di Đà  
Chẳng có chẳng hư vô.  
Chạm đến liền lăn chuyển  
Trên nước chiếc hồ lô.

#### Lược giải:

Trong bốn bài kệ liên tiếp, bài đầu nói về lý Có, bài thứ hai nói lý Không, bài thứ ba nói lý Cứng Có Cứng Không, và bài thứ tư sau này nói lý Chẳng Phải Có Chẳng Phải

Không của câu niệm Phật. Thật ra câu hồng danh tuy không rời bồn lý trên, nhưng cũng chẳng thuộc riêng vào một thứ nào trong bồn lý ấy. Ý nghĩa đích thật của câu niệm Phật là “Viên dung tự tại chẳng thể nghĩ bàn!” Nếu hiểu ý này, hành giả có thể tùy duyên ứng phó với mọi hoàn cảnh trong mọi trường hợp: hoặc có, hoặc không, cũng có cũng không, cho đến chẳng phải có chẳng phải không, một cách dung thông tự tại, không bị nó làm dính mắc chướng ngại. Ví như chiếc hồ lô thả nổi trên mặt nước, chạm đến liền tay tiện lăn chuyển, không nằm hẳn một bè nào. Bài kệ tiếp sau đây, sẽ nói rõ thêm về thật nghĩa của câu niệm Phật.



### Hán 40:

Nhứt cú Di Đà  
Đệ nhứt nghĩa đế.  
Thượng siêu Bách phi  
Khởi lạc Tứ cú!

### Việt 40:

Một câu A Di Đà  
Là Đệ nhứt nghĩa đế.  
Còn vượt khỏi Bách phi  
Hướng rơi vào Tứ cú!

#### Lược giải:

Trước tiên xin giải qua về Tứ cú, Bách phi. Tứ cú là bốn câu gồm: Có, không, cũng có cũng không, và chẳng phải có chẳng phải không. Bách phi: Bách là ước số lấy một trăm làm giới hạn. Phi là chẳng phải, tiêu biểu cho nghĩa báu phá. Đây nói chân lý vốn phi hữu, phi vô, phi thường, phi đoạn, phi sanh, phi diệt, phi nhứt, phi dị, phi lai, phi khú, phi hữu biên, phi vô biên v.v... cho đến cả một trăm phi. Tại sao thế? Bởi lý tánh ấy tuyệt ngôn luận, dứt tâm tư, chẳng thể dùng lời nói và sự suy nghĩ mà vịn đến và diễn tả được.

Còn Đề nhứt nghĩa đế là thế nào? Đây là nghĩa chân thật bậc nhứt, bên Tông mệnh danh là: Một bước trên đầu sào trăm trọng, bên Giáo gọi là: Bất nhị pháp môn hay Thánh đế. Xin mượn lời vấn đáp của vua Lương Võ hỏi tổ Đạt Ma để tạm giải thích: Hỏi: "Bạch ngài! Sao gọi là Đề nhứt nghĩa đế hay Thánh đế?" Đáp: "Rỗng rang không thánh!"

Quy kết lại, ý bài kệ trên nói: Một câu A Di Đà, nếu vận dụng đến mức cùng tột, hành giả sẽ lìa Tứ cú, vượt khỏi Bách phi, đi ngay vào Đề nhứt nghĩa môn, tức thê nhập chân tâm vậy.

Qua năm bài kệ liên quan nhau nói trên, từ diễn dịch cho đến quy nạp, ở điểm nào câu niêm Phật cũng dung thông không ngại. Nhưng luận về phần căn bản, các lối chấp của nhà tu học Phật pháp xưa nay chẳng ngoài hai điểm: Có và Không. Bước đầu tiên vào đạo, và cũng thuộc phần đa số, người tu Phật thường hay chấp Có. Khi làm các công đức lành, họ sanh niệm trước tướng, đôi khi dẫn đến sự tự mãn khoe khoang. Lối chấp này gây trở ngại cho bước ngộ đạo, tiến trình đến cảnh giới giải thoát.

Sau khi đi sâu thêm vào biển Phật pháp, xem đến kinh Kim Cang, Pháp Bảo Đàn, hoặc nghiên cứu về thiền lý cao siêu, hầu hết lại rơi vào lối chấp Không. Do đó, có nhiều kẻ đã không xem trọng điểm ăn chay giữ giới, bác bỏ sự niêm Phật tụng kinh, cùng các việc làm lành, cho là thấp kém trước tướng, chẳng hợp với trình độ cao siêu của lý Không. Họ đâu hiểu lý Không của Đại thừa, là làm tất cả công đức hữu vi mà không chấp thấy có tướng làm. Chẳng hạn như kinh Kim Cang bảo Bồ Tát bỏ thí chẳng nên trụ tướng, là

không chấp thấy mình là người thí cho, đây là vật trao giúp, kia là kẻ được ân huệ nhận lãnh. Bồ thí như thế công đức mới vô hạn lượng, rộng lớn như hư không. Trong ấy cũng nói về tụng kinh này sẽ được công đức như thế nào? Vậy thì kinh Kim Cang, một áo điển diễn đạt về lý Không của Đại thừa; đâu từng bác bỏ việc tụng kinh, bồ thí?

Trong hai lối chấp trên, chấp Có hãy còn gốc luân hồi, song chấp với những việc lành, cũng sẽ được phước báu cõi nhơn thiên. Đến như chấp Không, bác phá tất cả sự tướng, thì quả thật là tai hại. Kinh Phật gọi đó là tội phá chánh kiến, bởi vì bài bác nhân quả. Nó gây sự lầm lạc cho mình và người, hủy hoại Phật pháp, khiến cho đương nhơn dễ sa vào địa ngục! Đây là hiện tượng mà các bậc thiện tri thức gọi là nhức đầu đau tim (*thống tâm tật thủ*) vì nó gây tổn thương rất nhiều cho Phật giáo. Chấp Không như thế lại dễ khiến cho loài không ma dựa vào tác hại, làm hành giả đảo điên. Bút già đã gấp một Thượng tọa thuật lại câu chuyện như sau:

Theo ý tôi, vị Thượng tọa ấy nói, việc tham thiền chỉ thích hợp riêng cho một số ít người bậc thượng căn. Thời nay, phần đông hàng tăng tục khi tu, nên lấy niêm Phật làm phần chánh, tụng kinh hoặc trì chú làm phụ. Bởi tham thiền mà chưa thể thường nghiệp tâm vào định, hoặc hiểu sai làm rồi trụ tâm nói cái ngoan không ám muội, tất sẽ bị loài không ma dựa vào. Chính tôi đã mục kích vài ba người trong trường hợp này. Độ nở, có một Sư cô đến gặp tôi đánh lẽ trình thưa rằng: "Huynh đệ con hơn mười người, trước kia đã thọ giáo với một vị tu xung là Khán Không thiền sư. Vị này bảo phải gạt hết tướng có, trụ tâm vào nơi không. Huynh đệ con thật hành theo một thời gian, về sau

tất cả đều bị loài ma ám nhập, nói việc vị lai quá khứ, luận thuyết toàn là lý không. Riêng phần con, nó đã dựa vào hơn mươi năm. Hiện thời khi gặp tượng hay kinh Phật, nó giục bảo phải đập phá xé bò. Gặp hàng Tăng Ni, lại giục bảo phải chửi mắng nói những lời thô tục. Con tự kèm hâm chống trả lại, tìm nhiều bậc Pháp sư cầu cứu, song họ đều nói con ma này uy lực cao không thể trực xuất ra được. Nay con đến đây đánh lỗ cầu xin thầy có phương pháp chi giải thoát dùm con!" Tôi nghe nói, bảo Sư cô ấy tạm nằm nơi ghế dựa, rồi ngồi phía sau để tay kiết ấn nơi đánh mà trì chú Chuẩn Đề. Tụng một lát, cô ấy chuyển lời nói con ma năn nỉ xin tha, vì nó ra ngoài bơ bơ không nơi nương tựa. Tôi không chấp thuận, tiếp tục trì chú mãi. Ban sơ Sư cô nghiêng trở dần vật mình, kế tiếp lần lần thở gấp gần như đứt hơi. Tôi thấy thế liền dừng lại, vì biết nếu cứ trì tụng tiếp, nó có thể liều chết giết người bình trước, phó mặc cho sự thế ra sao thì ra. Đã có vài vị Pháp sư bị cảnh ma giết người bình trong trường hợp này.

Tối hôm ấy, tôi trì chú cầu nguyện xin chư Thần giúp đỡ. Hơn một giờ đêm, trong giấc mơ tôi thấy có hai vị Kim Cang sứ giả. Một vị thân màu đen như sắt, khôi giáp toàn trắng; vị kia thân trắng như bạc, khôi giáp toàn đen. Trước tiên, Thiết sứ giả lấy ra một bình khí lọ dường như xa luân múa lên. Giây phút, từ bình khí ấy phát tiếng kêu vo vo, phỏng ánh sáng lọt mắt. Kế tiếp vị Ngôn sứ giả đưa tay ra ngăn lại bảo: "Hãy từ từ xem nó có chịu cải hồi hay không đã!" Tới đây, cảnh tượng đều ảo mờ. Thức tỉnh, tôi ngẫm nghĩ biết chư vị mách bảo: Nên khuyến hóa hơn là dùng uy lực gây oan trái. Sáng ra tôi thuyết giáo chỉ rõ lỗi chấp sai lầm không lợi ích cho con ma nghe, nó xin sẽ chuyển

hướng tu theo chánh pháp. Riêng phần Sư cô nọ, tôi bảo vì loài ma đã dựa vào quá lâu, nên thể phách của nó có phần dính liền với thể xác. Nếu vội trực xuất, e cho thân của người bình sẽ bị tồn. Tôi truyền ấn và chú Chuẩn Đề bảo cô nên hằng ngày trì tụng. Với uy lực của chú, ma sẽ từ từ xuất ra. Sư cô ấy vâng lời.

Nói xong vị Thượng tọa kết luận: Sự nhận thức cùng tu tập sai lầm, gây nên tổn hại và cứu gỡ khó khăn là như thế.

\* \* \*

#### Hán 41:

*Nhứt cú Di Đà  
Diệu viên Tam đé.  
Tôi thanh lương trì  
Đại mãnh hỏa ту.*

#### Lược giải:

Tam đé là ba lý chắc thật: Không, Giả, Trung. Không để hiển công dụng phá tình chấp. Giả để hiển công dụng lập các pháp. Trung để hiển công năng dứt đối đai. Trung Quán Luận có bài kệ:

*Các pháp nhân duyên sanh  
Ta nói túc là Không.  
Cũng gọi là Giả danh.  
Cũng là nghĩa Trung đạo.*

Các pháp vì hư huyền chẳng có thật thể, nên gọi là Không. Vì sanh diệt vô thường nên gọi là Giả. Vì tự tướng lồ lộ hiện bày, chẳng thể nói riêng là Không, là Giả, dứt ngôn thuyết tâm từ, nên gọi là Trung. Kinh Pháp Hoa nói:

#### Việt 41:

*Một câu A Di Đà  
Mầu tròn Tam đé lý.  
Như ao rất thanh lương  
Tợ lửa to thiêu hủy.*

**"Các pháp từ xưa nay. Tự tướng hằng tịch diệt"** chính là nghĩa này. Trong ba đế, Không bao hàm cả Giả, Trung. Giả và Trung cũng đều lại như thế, nên gọi là mâu tròn, cũng gọi là Tam đế tương túc.

Dùng trí tuệ quán chiếu, các pháp đã như thế, thì câu hòng danh cũng đủ lý Tam đế nhiệm mâu tròn thông như vậy. Hiểu được lý này, tất có thể ứng dụng hạnh niệm Phật siêu vào cảnh giới đại tịch diệt, như đồng lửa lớn cháy hùng đốt tiêu tất cả rác rến trần cầu, nhu ao to mát mẻ dứt trừ tất cả hơi nóng của não phiền. Hành giả sẽ lần lần chứng vào chân cảnh Tịnh Bảo Nguyệt Quang Minh tam muội vậy.

\*\*\*

#### Hán 42:

*Nhứt cú A Di Đà  
Đắc Đại tự tại.*

*Chuyển biến thánh phàm  
Dung thông thế giới.*

#### Việt 42:

*Một câu A Di Đà  
Chứng được Đại tự tại.  
Hay chuyển thánh siêu phàm  
Dung thông mười giới hải.*

#### Lược giải:

Với câu niệm Phật, nếu hành giả ngộ suốt lý Tam đế như trên, sẽ vượt Thánh siêu phàm chúng vào chân tâm tuyệt đối. Cảnh trí này không còn giới hạn giữa tự cùng tha, nhơn với pháp, chúng sanh và Phật, nên gọi là Đại Tự Tại tam muội. Ánh sáng chân tâm sẽ từ đó lan rộng ra, chiếu suốt đến vô biên thế giới ở mười phương. Trong ánh đại quang minh, biến thế giới mười phương đều lung linh như huyền, tròn trịa nhiệm mâu, dung thông vào một chân cảnh.

#### Hán 43:

*Nhứt cú A Di Đà  
Hữu công già thường.  
Vương thiện định tiên  
Kế châu tại chướng.*

#### Lược giải:

Trong kinh Pháp Hoa, đức Phật có thí dụ đại khái: Như vua Chuyển luân đem quân dẹp giặc, thấy những binh tướng có công, đều tùy phần mà ban thưởng, hoặc cho y phục, châu báu, chí đến thành áp tụ lạc. Duy hạt minh châu noi mái tóc chẳng đem cho, vì riêng trên đảnh vua chỉ có một viên bảo châu ấy thôi. Nếu vua thấy vị nào có công lớn, mới đem hạt ma ni vô giá để từ lâu noi mái tóc ra cho. Đức Như Lai cũng như thế, nếu thấy hàng đệ tử y theo các kinh khác dứt trừ ba độc năm ấm, liền ban cho các pháp thiền định, giải thoát, chí đến thành Niết Bàn, bảo rằng đã diệt độ. Nhưng riêng kinh Pháp Hoa lại không nói ra, vì kinh này rất sâu khó tin, quý báu bậc nhất. Nếu hàng đệ tử nào có công lớn phá các vô minh phiền não, vượt ra ba cõi, phát tâm Đại thừa, mới đem kinh Pháp Hoa là tạng bí mật, từ lâu hằng nghiêm cẩn giữ gìn, ngày nay tuyên thuyết.

Môn Niệm Phật cũng như thế, là Bí mật tạng chỉ thường riêng cho những kẻ có công tin nhận diệu pháp thành Phật này. Tin tưởng và thật hành theo môn Niệm Phật túc như người đã có trước mặt yến tiệc đầy đủ sơn hào hải vị của vua ban, đã cầm vào tay viên minh châu noi mái tóc của Chuyển luân vương vậy.

#### Việt 43:

*Một câu A Di Đà  
Thường kẻ có công hay.  
Yến tiệc vua đầy trước  
Châu mái tóc nơi tay.*

\*\*\*

Hán 44:

Nhứt cú Di Đà  
Lý nhân vi mĩ.  
Cư bốc lai quy  
Khô thung phi qui.

Việt 43:

Một câu A Di Đà  
Xóm nhân là tốt qui.  
Lụa chõ ở nương về  
Cây khô không phải qui.

Lược giải:

Thuở thầy Mạnh Tử còn bé, nhà ở xóm có hàng thịt. Khi ông cùng lũ trẻ nô đùa, thường họp nhau nắn đất thành hình súc vật, rồi bày ra trò giết heo dê. Bà mẹ thấy thế con mình về sau thành kẻ đồ tệ, liền dời nhà đi nơi khác. Chỗ ở kế lại không may gặp nhầm xóm có một nhóm người chuyên nghê ma chay chôn cất. Hằng ngày Mạnh Tử lại cùng đám trẻ bắt chước đào huyệt, nắn đất thành hòm, giả trang sức đồ tang, bày trò chơi khóc than tẩn táng. Thấy vậy bà mẹ không ưng, tìm chỗ tản cư. Lần sau này, nhà ở gần trường học. Mạnh Tử lại cùng lũ trẻ bắt chước lời nói khiêm nhường lễ nghĩa, học dáng điệu cung kính chào thưa, cùng ê a đọc sách. Bà mẹ trông thấy mừng thầm, yên lòng không dời đi đâu nữa. Cũng như thế, người gặp pháp giải thoát của môn Niệm Phật, có khác nào kẻ tìm chỗ ở, được may mắn gặp nhầm xóm nhân đức hiền lương. Gia đình kẻ ấy sẽ lần lần tập nهىêm hạnh lành tánh tốt vậy.

Một người đi đêm bất ngờ gặp trụ cây khô, làm tường là qui nên thảng thốt kinh hoàng. Nhưng quan sát kỹ, đó chỉ là cây khô không làm sao có tác dụng của ma qui được, nên lại yên tâm ngẫm nghĩ buồn cười cho mình. “Trụ cây khô” còn tiêu biểu cho pháp chân như bát biển. Cồ đức có câu: “Cây khô xơ xác tựa rừng đông. Máy độ xuân sang chẳng

đồi lòng!” (Tôi tàn khô mọc ý hàn lâm. Kỳ độ phòng xuân bát biển tâm). Pháp Niệm Phật là viên ngọc ma ni, là con thuyền giải thoát, mà kẻ không biết giá trị xem thường như đất sạn, khác nào anh chàng thảng thốt kia nhìn cây khô, tưởng là ma qui đâu!



Hán 45:

Nhứt cú Di Đà  
Phi nan phi dị.  
Cửu phẩm liên hoa  
Nhết sanh tâm lực.

Việt 45:

Một câu A Di Đà  
Chẳng khó, nhưng không dễ.  
Được về chín phẩm sen  
Một đời dùng tâm lực.

Lược giải:

Môn Niệm Phật quả dẽ thật hành, câu hồng danh niệm ra không phải khó. Tuy nhiên, niệm với tâm tín nguyện chắc thật, niệm với hạnh bền bỉ lâu dài, niệm với ý dứt tuyệt trần duyên, lại là điều không phải dễ. Với ba điều kiện vừa kể trên, trong muôn ngàn người khó tìm được một. Cho nên cũng đừng vội xem thường hạnh niệm Phật. Muốn được dự vào chín phẩm sen ở cõi Tây phương, người tu tịnh nghiệp phải đem hết năng lực của thân và tâm, chẳng nài khổ nhọc thật hành suốt một đời, mới mong đạt được kết quả.



Hán 46:

Nhứt cú Di Đà  
Tự lộ hoàn gia.  
Khả tích si nhơn  
Khí kim đàm ma!

Việt 46:

Một câu A Di Đà  
Theo đường trở lại nhà.  
Tiếc cho kẻ khờ dại  
Bỏ vàng gánh vỏ gai!

**Lược giải:**

Trong kinh có đoạn thí dụ về điểm cố chấp của kẻ khờ dai: Hai người nọ vào rừng róc lột vỏ gai để lấy tơ dệt vải bô. Trên lối về với đôi gánh vỏ gai oằn oại nơi vai, cả hai gặp một đồng tơ gai của ai bò sót trên đường. Một người mừng rỡ bảo: “Chúng ta đem vỏ gai về, chăng qua để đập rồi ngâm lấy tơ. Nay đã có sẵn, tơ gai ở đây, nên bỏ thử vỏ nặng nề này, lấy tơ đem về!” Nói xong liền thật hành theo ý định. Kẻ kia chấp nê rằng mình đã ra công gánh vỏ gai trải qua một quãng đường rồi, nên không chịu bỏ. Đi thêm đoạn nữa, cả hai bỗng gặp mây xấp vải bô của một chiếc xe tải làm rơi rớt ngồn ngang. Người gánh tơ lại mừng nói: “Vỏ gai hay tơ gai dù đem về cũng chỉ dùng để dệt vải bô. Nay đã có thử này ở đây, chúng ta phải bỏ hết cái cũ mà chọn lấy vải là quý hơn!” Nói đoạn vội bỏ tơ gai, chất vải bô đầy gánh. Kẻ kia cũng chấp rằng mình gánh vỏ gai quá xa, nên không chịu bỏ. Đi thêm một đoạn đường, cả hai dừng lại ngồi nghỉ, chợt thấy một hốc dưới gốc cây khô nằm la liệt mây hũ vàng, có lẽ của ai đã chôn giấu từ lâu. Người gánh vải quá mừng, vội vét lại thứ cũ, chọn lấy hai hũ vàng đem về, vì vải không làm sao bằng vàng được. Còn kẻ si mê kia vẫn cố chấp mình đã ra công quá nhọc, thà chịu gánh vỏ gai chứ không lấy vàng.

Môn Niệm Phật là pháp viễn đốn, là đường lối thẳng tắt để trở lại nhà. Người đã gặp môn tối thượng mau thành phật này, mà còn tham cầu phước báu nhơn thiên, còn mê chấp lối tu tà ngoại, còn giữ theo những hành mòn quanh co khó bảo đảm cho sự giải thoát. Tô Triệt Ngộ cho đó là một lối si chấp, như kẻ thà cam gánh vỏ gai không chịu chọn lấy vàng vậy.

**Hán 47:**

*Nhứt cú Di Đà  
Hoành xuất Ta Bà.  
Nhữ tín bất cập  
Ngô mạc như hù?*

**Lược giải:**

Có hai lối tu để thoát vòng luân hồi trong Tam giới. Đó là lối thụ xuất, vượt ra theo chiều dọc. Và Hoành xuất, vượt ra theo chiều ngang. Kẻ tu đường lối Thánh đạo, dùng sức giới, định, huệ lần lượt dứt trừ Kiến hoặc cùng Tư hoặc của Dục giới, Sắc giới và Vô Sắc giới, thoát ra ba cõi, gọi là Thụ xuất. Ví như con ong muôn ra khỏi cây tre, dùng sức khó nhọc đục tung mắt tre theo chiều đứng, mà tìm lối thoát. Còn người tu theo đường lối Vãng sanh, tuy chưa dứt trừ hoặc nghiệp, nhưng biết dùng sức tin, nguyện, hạnh của mình và nương theo sức bản thể nghiệp thọ của Phật, cũng được vượt thoát ba cõi Ta Bà, sanh ngang về Lạc quốc. Đã về cõi ấy rồi, tất không còn bị luân hồi, lần lượt chúng lên các Thánh phẩm, cho đến khi thành Phật. Đây gọi là lối tu Hoành xuất. Ví như con ong biết dùng phương tiện đục ngang cây tre mà thoát ra, đã dễ dàng lại ít nhọc công phí sức.

Pháp môn Tịnh độ là lối tu Hoành xuất tam giới, là phương tiện nhiệm màu để mau thoát luân hồi, chứng lên quả Phật. Trong nhiều kinh luận, chư Phật và chư Tô đã tuyên dương khen ngợi rộng về môn này. Song tiếc thay những kẻ kém duyên súc tin chưa thấu đáo, thì lòng từ bi của các Ngài dù trải ra vô lượng vô biên, nhưng kết cuộc cũng không biết làm sao mà cứu vớt được!

**Việt 47:**

*Một câu A Di Đà  
Vượt ngang thoát Ta Bà.  
Người tin không thấu đáo  
Ta biết làm sao mà?*

Hán 48:

Nhứt cú A Di Đà  
Quy nguyên tiếp kính.  
Khẩn yếu tư lương  
Duy Tín, Nguyên, Hạnh.

Một câu A Di Đà  
Là đường tắt về nguồn.  
Những tư lương cần thiết  
Tín, Nguyên, Hạnh gọn suông.

Lược giải:

Câu niệm Phật là con đường thẳng tắt để trở lại nguồn tâm. Như người đi xa cần dự bị cho đủ tư lương là: tiền nong, đồ phục dụng và thức ăn uống. Tư lương cần thiết đi về Tịnh độ cũng thế, chỉ suông gọn trong ba điểm: Tín, Nguyên, Hạnh mà sau đây sẽ nói.



Hán 49:

Nhứt cú A Di Đà  
Yếu tại Tín thân  
Liên hoa ciêu phẩm  
Sưu tại thử tâm.

Việt 49:

Một câu A Di Đà  
Cần ở điểm Tin sâu.  
Mầm hoa sen chín phẩm  
Tử tâm đây nhô đầu.

Lược giải:

Lòng Tin là phần tư lương trước tiên của môn Niệm Phật. Hoa sen chín phẩm ở Tịnh độ cũng từ lòng Tin này mà nảy mầm nhô đầu lộ mọc lên. Nhưng Tin cần phải sâu chắc, có thể tóm gọn trong ba điểm:

Một là tin cõi Cực Lạc trang nghiêm tốt đẹp kia vẫn thật có, không phải chuyện hư huyền hay thí dụ. Vì đức Phật Thích Ca không bao giờ nói dối, Ngài đã diễn tả rành rẽ từng chi tiết của cảnh ấy trong ba kinh Tịnh độ. Vì đã có

rất nhiều người niệm Phật trong đời hiện tại, do tâm thanh tịnh, từng chứng kiến cảnh giới này.

Hai là tin sự vãng sanh về cõi kia cũng hiện thật. Vì đức A Di Đà Thế Tôn không bao giờ nguyên suông, nói mà chẳng thật hành. Vì từ xưa đến nay có rất nhiều người niệm Phật, khi lâm chung hiện ra điềm lành, được Tây phương Tam Thánh hiện thân tiếp dẫn sanh về Cực Lạc.

Ba là tin mình dù còn phiền hoặc, dù nghiệp chướng nặng nề đến đâu, nếu chí tâm niệm Phật cầu nguyện vãng sanh tất sẽ được tiếp dẫn. Vì trong kinh Vô Lượng Thọ đã nói, kẻ tạo nghiệp ngũ nghịch thập ác khi lâm chung dùng mười niệm cũng được vãng sanh. Vì trong truyện ký đã có ghi, những kẻ tạo ác nhiều như Hùng Tuân, Duy Cung, nhờ biết hồi tâm niệm Phật đều được sự tiếp dẫn.



Hán 50:

Nhứt cú A Di Đà  
Yếu tại Nguyên thiết  
Thốn tâm dục phẫn  
Song mục lưu huyết.

Việt 50:

Một câu A Di Đà  
Cần ở nơi Nguyên thiết  
Lòng về tơ lửa nung  
Mắt thương khóc ra huyết.

Lược giải:

Nguyện là phần tư lương thứ hai của môn Niệm Phật. Nhưng Nguyên phải tha thiết, không tham luyến trần cảnh, gia tư, quyền thuộc, không mong cầu hưởng sự vui phước báu nhơn thiên nơi đời sau. Chỉ nguyện mau sanh về Cực Lạc, để thoát khỏi nỗi khổ luân hồi, để sớm thấy Phật và chứng kiến cảnh trang nghiêm của Liên bang, để độ thoát mình, kẻ oan người thân và vô lượng chúng sanh trong

vòng chìm đắm. Chí nguyễn cầu sanh ấy nung nấu như lửa đốt lòng, đôi mắt thương cảm tha thiết trông về hâu như tuôn ra huyết lệ.



### Hán 51:

*Nhứt cú Di Đà  
Yếu tại Hạnh chuyên  
Đơn đề nhứt niệm  
Trảm đoạn vạn duyên.*

### Việt 51:

*Một câu A Di Đà  
Cần ở chỗ Hạnh chuyên.  
Chỉ nêu cao một niệm  
Dứt sạch cả muôn duyên.*

### Lược giải:

Sau rốt, Hạnh là phần tư lương thứ ba của môn Niệm Phật. Song Hạnh cần phải tinh chuyên. Điều này có thể tóm lại trong hai câu: “Rũ sạch muôn duyên. Một lòng niệm Phật”. Muốn rũ sạch muôn duyên, phải thấu đáo cảnh Ta Bà là khổ, mọi sự vật đều vô thường, như huyền mộng, mà không còn niềm tham huyền. Muốn một lòng Niệm Phật, phải hâm mộ cảnh Cực Lạc y báo chánh báo vui đẹp trang nghiêm, mong mỏi cầu về như con thơ nhớ mẹ, như lữ khách tưởng nghĩ trở lại quê xưa.

Ba điểm Tin, Nguyễn, Hạnh trên tuy giải thích riêng từng phần, song thật ra cả ba đều liên quan hỗ trợ lẫn nhau. Như cái đánh có ba chân, nếu thiếu một phải sụp đổ tất cả vậy.



### Hán 52:

*Nhứt cú Di Đà  
Thệ thành phiến đoạn.  
Bản thử nhứt sanh  
Tác cá nhàn hán.*

### Việt 52:

*Một câu A Di Đà  
Thề niệm thành một khôi.  
Liều tu mãn kiếp này  
Được làm người nhàn rõi.*

### Lược giải:

Người tu tịnh nghiệp do ý thức nỗi khổ sống chết luân hồi là việc lớn cần phải giải quyết, nên phát tâm Bồ đề. Từ nơi điểm này dùng lòng tin nguyễn sâu thiết, hành trì câu hồng danh thế niêm thành một khôi, không để phiền não xen vào. Trong đời này phải liều mình hết sức tu hành như thế, để bảo đảm cho sự vãng sanh lúc lâm chung. Khi đã được về Cực Lạc rồi, chừng đó mới thoát vòng sống chết, làm người an nhàn tự tại, không còn lo bị luân hồi sa đọa nữa.



### Hán 53:

*Nhứt cú Di Đà  
Chỉ nhẫn ma niệm.  
Bách bát luân châu  
Tuyết đoạn trùng hoán.*

### Việt 53:

*Một câu A Di Đà  
Nên niệm như thế này.  
Chuỗi lần trăm lẻ tam  
Đây đứt lại đổi dây.*

### Lược giải:

Ké súc yếu lúc lên non, muôn được vững vàng, phải nương cây gậy. Cũng như thế, người tu tịnh nghiệp khi niêm lực chưa thuần, cần nương nơi tràng chuỗi giữ chắc định số mỗi ngày để phòng ngừa sự biếng trễ. Cứ niệm mãi như vậy, chuỗi đứt lại đổi dây khác, khi nào đến cảnh giới

"không niệm tự niệm", chừng đó muôn lần chuỗi hay không cũng được. Đừng nghĩ rằng lần chuỗi sẽ mất sự tự tại. Cố đức đã trình thuật lại kinh nghiệm lần chuỗi vẫn được viên dung vô ngại như sau: "Nám lấy chuỗi tràng trân niệm dứt. Nghiêm nhiên thành Phật đã từ lâu!" (*Niết khởi số chầu thẳng sách đoạn. Thể hương phan thực dĩ đa thời*).

Còn phương pháp niệm Phật như thế nào, dưới đây sẽ lần lượt chỉ rõ.

\* \* \*

#### HÁN 54:

*Nhứt cú Di Đà  
Bất gấp bất huỗn.  
Tâm khẩu nhứt như  
Lịch lịch nhì chuyển.*

#### Lược giải:

Cách niệm Phật không nên gấp hoặc huỗn lầm. Niệm gấp tắt khó rành rõ, có hại cho sự huân tập câu hồng danh, ngày kia cảnh giới "*không niệm tự niệm*" phát hiện, câu Phật hiệu cũng không được rành rõ. Niệm huỗn thì vọng tưởng dễ xen lẩn vào. Lại quá dùng sức niệm mau gấp, hú hỏa sẽ bốc lên, thần kinh căng thẳng, tát sanh bệnh nám mặt đau đầu. Niệm huỗn đai lơ là thì tâm ý buông lơi, sẽ sanh lỗi hôn trầm biêng trễ.

Khi niệm phải tiếng nương nơi tâm, tâm duyên theo tiếng, lòng và miệng ứng hợp nhau, cứ niệm đều ngoài ra không tưởng nghĩ chi khác.

\* \* \*

#### VIỆT 54

*Một câu A Di Đà  
Chẳng gấp cũng chẳng huỗn.  
Lòng miệng ứng hợp nhau  
Ràng rõ mà chuyển niệm.*

#### HÁN 55:

*Nhứt cú Di Đà  
Dữ đa dữ hảo.  
Như nhơn học xạ  
Cứu tập tắc xảo.*

#### Lược giải:

Người học bắn, càng tập lâu tất nghề càng tinh xảo. Câu hồng danh là sự kết tụ vô biên phước huệ của Phật, niệm càng nhiều thì cẩn lành càng thuần, công đức càng to rộng, phẩm sen lại càng cao. Ngẫu út đại sư đã nói: "Được vãng sanh cũng không, là do noi Tín, Nguyễn. Phẩm sen cao hoặc thấp, toàn bởi sự Hành trì!"

\* \* \*

#### Hán 56:

*Nhứt cú Di Đà  
Nhiếp tâm mật trì.  
Như nhơn ảm thủy  
Lãnh noãn tự tri.*

#### Việt 56:

*Một câu A Di Đà  
Mật niệm hằng nhiếp tâm.  
Ví như người uống nước  
Nóng lạnh tự biết thâm.*

#### VIỆT 55:

*Một câu A Di Đà  
Niệm càng nhiều càng hay  
Ví như người học bắn  
Tập lâu thì khéo tay.*

### Lược giải:

Kinh nói: “*Chí tâm niệm một câu A Di Đà, tiêu được tội nặng trong tấm mướt úc kiếp sống chết*”. Một kiếp sống chết là một quãng đời trong nèo luân hồi. Liên Trì đại sư cũng bảo: “Câu niệm Phật là đại phước, đại đức, đại trí, đại huệ, đại thánh, đại hiền!” Về phước thì câu hồng danh cảm hiện nhạc trời, hương lạ, ao báu, đất vàng, cho đến vô lượng cảnh tượng tốt đẹp trang nghiêm. Về huệ thì câu Phật hiệu sẽ khiến cho hành giả tiêu trừ tội chướng, lần lần đi sâu vào cảnh giới giác ngộ, chứng lên Thánh quả. Tiền trình chứng ngộ phước và huệ thấp hoặc cao ấy, duy đương nhơn tự biết; như người uống nước lạnh, nóng chỉ mình hay, không thể diễn tả ra được!



### Hán 57:

*Nhứt cú Di Đà  
Thí du quật tinh.  
Tựu hạ cận nê  
Giá liêm công tinh.*

### Lược giải:

Kinh Pháp Hoa có thí dụ: “Như người đào giếng, trước tiên duy thấy đất cát khô ráo, biết mực nước hấy còn xa. Lần lần thấy đất ướt và bùn, biết đã gần tới mực nước. Người tu Phật cũng thế, khi chưa nghe hiểu kinh Pháp Hoa, kẻ ấy hấy còn xa đạo Vô thượng bồ đề. Lúc đã nghe hiểu kinh này, tất biết người ấy đối với đạo Vô thượng bồ đề không còn xa nữa ...”

### Việt 57:

*Một câu A Di Đà  
Như đào giếng lấy nước.  
Lần sâu thấy gần bùn  
Giá hời công kiêm ước.*

Với môn Tịnh độ cũng lại như thế, người nào đã biết và tu pháp Niệm Phật, tất kè đó đã gần đạo Vô thượng bồ đề. Chẳng những ngàn áy mà thôi, với pháp môn này chỉ cần dụng công trong một đời, khi được vãng sanh, tức đã bước lên ngôi Bất thối chuyển, không còn bị lui sụt nơi Phật quả nữa. Sự dùng công phu ít nhưng thành đạo quá cao như thế, há chẳng giống kẻ đào giếng với giá hời, hoặc may mắn ra công sức chưa bao lâu mà đã thấy lộ bùn gần mực nước đó ư!



**HẾT TẬP HAI**

MỤC LỤC	
- Diệu Hiệp	5
- Minh Chứng	9
- Không Cốc	12
- Đức Thanh	13
- Vô Danh Tăng	17
- Đại Kinh	19
- Kiến Nguyệt	20
- Minh Hoảng	22
- Văn Ngôn	23
- Đạo Triết	24
- Thành Chú	26
- Pháp Chân	27
- Hăng Nhứt	28
- Phật An	30
- Tánh Tu	31
- Hành Tu	32
- Thật Vịnh	34
- Thường Trí	35
- Bản Án	37
- Toại Khâm	38
- Phật Kỳ	39
- Lãng Nhiên	40
- Diệu Thành	41
- Đạo Càn	42
- Ni Cô Am Lan Nhã	44
- Đạo Ngộ	45
- Trương Sư Thành	47
- Ngô Nhu Âm	50
- Du Hữu Quang	52
- Tô Khởi Phụng	53
- Vương Trinh Sanh	54
- Thái Bằng Cửu	55
- Lục Sĩ Thuyên	57
- Mã Vinh Tỏ	61
- Lân Đài	66
- Bành Thiệu Thắng	71
- Lữ Huất Nhược	80
- Tào Thánh Hữu	81
- Trịnh Thiệu Vinh	82
- Ngô Liêm	83
- Trần Đình Du	85
- Trương Hiếu Lâm	86
- Phan Vạn Tôn	87
- Trầm Thơ Hoa	89
- Hứa Nhân Thực	90
- Châu Quang	93
- Lộ Khôn	95
- Ngô Doãn Thắng	96
- Từ Thị	100
- Tào Thị	101

- Đào Quỳnh Lâu	104
- Bá Bát Quǎn	112
- Uông Thị	114
- Vương, Trương, Trần	116
- Châu Thị	118
- Thiệu Thị	119
- Du Thị	120
- Tiễn Nhụ Nhơn	121
- Lục An Nhơn	123
- Một Trăm Bài Kệ Niệm Phật	126
- Luật Tịnh	136
- Huệ Minh	138
- Khởi Tín	139
- Đông Qua Hòa Thượng	141
- Ngộ Linh	145
- Viên Dung	147
- Diệu Trạm	149
- Thọ Tâm	152
- Tư Ngạn	155
- Ngọc Phong	157
- Chí Thiện	160
- Khắc Cần	162
- Tịnh Hải	165
- Mặc Ám	167
- Lương Tu	169
- Tịnh Thiền	171

- Khuyên Tu	173
- Như Trí	176
- Như Giác	177
- Liên Trinh	179
- Quả Nhơn	181
- Thánh Đạo	183
- Đại Ngộ	185
- Hoằng Nguyên	186
- Khuyên Tu	188
- Phạm Ngươn Lễ	191
- Tôn Phục Nguyên	196
- Lý Càn	198
- Tào Hài Hòa	201
- Tống Lai	203
- Trần Cư Sĩ	204
- Ngô Tôn Ngụy	205
- Trương Xí Diên	207
- Từ Hy	209
- Tiễn Vạn Dật	213
- Châu Lân Thor	216
- Cù Tán Hòe	218
- Tôn Tùng Đình	220
- Đinh Đồng Tử	221
- Khuyên Tu	222
- Dương Thị	224
- Nhan Thị	225

- Tiên Lan Trinh	226
- Trầm Trinh Nữ	227
- Bạch Thị	229
- Một Trinh Nữ	231
- Châu Phu Nhơn	232
- Xóa Sạch Duyên Trần	235
- Việt Quốc Phu Nhơn	239
- Tân Thị	241
- Phùng Thị	242
- Ngô Thị	243
- Diêu Bà	245
- Vương Thị	246
- Vợ Tướng Thập Bát	247
- Chúc Thị	248
- Lư Thị	249
- Phí Thị	251
- Từ Thái Nghi Nhơn	253
- Tôn Thị	254
- Dương Thị	254
- Dư Thị	255
- Chim Anh Võ	256
- Chim Cù Cáp	259
- Gà Biết Niệm Phật	260
- Khuyên Tu	263
- Một Trăm Bài Kệ Niệm Phật	265